



NGUYỄN THỊ BÍCH – NGUYỄN HOÀNG LY – ĐẶNG TÚ
TRẦN THỊ QUỲNH NGA – LƯU THỊ HOÀI THU – THÁI THỊ QUỲNH TRANG

Kế hoạch bài dạy

môn

TIẾNG VIỆT

LỚP

5

(Hỗ trợ giáo viên thiết kế kế hoạch bài dạy
theo sách giáo khoa TIẾNG VIỆT 5
Bộ sách CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)

Tập hai



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ BÍCH – NGUYỄN HOÀNG LY – ĐẶNG TÚ
TRẦN THỊ QUỲNH NGÀ – LƯU THỊ HOÀI THU – THÁI THỊ QUỲNH TRANG

Kế hoạch bài dạy môn

TIẾNG VIỆT

Tập hai

LỚP

5

(Hỗ trợ giáo viên thiết kế kế hoạch bài dạy
theo sách giáo khoa TIẾNG VIỆT 5 –
Bộ sách CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

MỤC LỤC

CHỦ ĐIỂM 5: GIỮ MÃI MÀU XANH	5
Bài 1: Điều kì diệu dưới những gốc anh đào	5
Bài 2: Giờ Trái Đất	14
Bài 3: Mùa xuân em đi trồng cây.....	21
Bài 4: Rừng xuân	29
Bài 5: Bầy chim mùa xuân.....	36
Bài 6: Thiên đường của các loài động vật hoang dã	44
Bài 7: Lộc vùng mùa xuân.....	51
Bài 8: Dưới những tán xanh.....	58
CHỦ ĐIỂM 6: ĐẤT NƯỚC NGÀN NĂM	65
Bài 1: Sự tích con Rồng cháu Tiên	65
Bài 2: Những con mắt của biển	73
Bài 3: Ngàn lời sử xanh	80
Bài 4: Vịnh Hạ Long.....	88
Bài 5: Ông Trạng Nồi	95
Bài 6: Một bản hùng ca.....	102
Bài 7: Việt Nam	109
Bài 8: Tranh làng Hồ	117
ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II	123
Tiết 1	123
Tiết 2	125
Tiết 3	128
Tiết 4	129
Tiết 5	130
CHỦ ĐIỂM 7: KHÚC CA HOÀ BÌNH	132
Bài 1: Vì đại dương trong xanh	132
Bài 2: Thành phố Vì hoà bình.....	140
Bài 3: Bài ca Trái Đất	146
Bài 4: Miền đất xanh.....	154
Bài 5: Những con hạc giấy	160
Bài 6: Lễ hội đèn lồng nổi	167
Bài 7: Theo chân Bác.....	173
Bài 8: Sự sụp đổ của chế độ a-pác-thai.....	181

CHỦ ĐIỂM 8: CHÂN TRỜI RỘNG MỞ	187
Bài 1: Lời hứa	187
Bài 2: Chiến chiến bay lên.....	193
Bài 3: Thơ viết cho ngày mai.....	199
Bài 4: Bài ca về mặt trời	207
Bài 5: Bên ngoài Trái Đất.....	213
Bài 6: Vào hạ	220
ÔN TẬP CUỐI NĂM HỌC	226
Tiết 1	226
Tiết 2.....	228
Tiết 3	230
Tiết 4.....	232
Tiết 5.....	234

CHỦ ĐIỂM 5: GIỮ MÃI MÀU XANH

Chủ điểm “Giữ mãi màu xanh” hướng đến việc hình thành ở học sinh (HS) các phẩm chất *nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm*: cảm nhận vẻ đẹp của thiên nhiên, nhận thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường sống xanh – sạch – đẹp. Từ đó, các em ý thức hơn trong học tập và rèn luyện: *biết dành sự quan tâm, tình yêu cho thiên nhiên, vạn vật; có ý thức bảo vệ môi trường sống; nhận thức được trách nhiệm của bản thân trong việc lan toả thông điệp “Giữ mãi màu xanh cho Trái Đất”*;...

BÀI 1: ĐIỀU KÌ DIỆU DƯỚI NHỮNG GỐC ANH ĐÀO

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Khởi động

Bày tỏ được suy nghĩ, cảm xúc của em sau khi nghe hoặc đọc đoạn lời bài hát “Bài hát trồng cây” (Nhạc: Hoàng Long, thơ: Bế Kiến Quốc).

2. Khám phá và luyện tập

2.1. Đọc

– Nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời nhân vật và lời người dẫn chuyện; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Câu chuyện kể về món quà bất ngờ mà Uyên và người bạn mới quen đã dành tặng cho mọi người vào ngày xuân. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: Từ những ý tưởng nhỏ bé nhưng đã góp phần lan toả tình yêu thiên nhiên đến cộng đồng, kêu gọi mọi người có ý thức chung tay bảo vệ thiên nhiên.*

2.2. Luyện từ và câu

Nhận diện và biết cách sử dụng câu đơn, câu ghép.

2.3. Viết

Nhận diện được cấu tạo của bài văn tả người.

3. Vận dụng

Tưởng tượng, nói được về sự thay đổi của vùng đất Tây Nguyên trong bài đọc “Điều kì diệu dưới những gốc anh đào” khi những cây anh đào đã lớn.

Từ đó, góp phần hình thành các phẩm chất và năng lực chung.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh trong sách giáo khoa (SGK) phóng to.
- Audio, video clip bài hát “Bài hát trồng cây” (nhạc: Hoàng Long, thơ: Bế Kiến Quốc) (nếu có).

- Tranh, ảnh hoặc video clip về những việc làm gây ảnh hưởng xấu đến môi trường và Trái Đất (nếu có).
- Tranh, ảnh hoặc video clip về Trái Đất xanh, môi trường xanh – sạch – đẹp (nếu có).
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Gần trưa” đến “chào Uyên”.
- Phiếu học tập, thẻ từ cho HS thực hiện các bài tập (BT) luyện từ và câu.

2. Học sinh

Hình ảnh hoặc video clip về một người thân của em (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

Đọc: Điều kì diệu dưới những gốc anh đào

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (10 phút)		
* Giới thiệu chủ điểm – HS quan sát một số tranh, ảnh hoặc video clip về những việc làm gây ảnh hưởng xấu đến môi trường và Trái Đất (Gợi ý: <i>Con người xả rác thải bừa bãi ra sông, suối, ao, hồ, biển, ...; Nhà máy xả khí thải công nghiệp ra môi trường; Con người đốt rừng làm nương rẫy, khai thác rừng bừa bãi tạo nên đất trống, đồi trọc; ...</i>). – HS trao đổi với bạn trong nhóm đôi, bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc khi xem các nội dung trên. – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS tiếp tục quan sát tranh, ảnh hoặc video clip về Trái Đất xanh và môi trường xanh – sạch – đẹp. – HS nêu thông điệp về hình ảnh Trái Đất xanh và lí do vì sao chọn thông điệp đó. – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS chia sẻ cách hiểu hoặc suy nghĩ về tên chủ điểm “Giữ mãi màu xanh” (Gợi ý: <i>Cần có ý thức bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ môi trường sống xung quanh ta; nhận thức được trách nhiệm của bản thân trong việc lan toả thông điệp “Giữ mãi màu xanh cho Trái Đất” đến với mọi người; ...</i>). → Giới thiệu chủ điểm: “Giữ mãi màu xanh”. * Giới thiệu bài – HS nghe hoặc đọc đoạn lời bài hát “Bài hát trồng cây” (Nhạc: Hoàng Long, thơ: Bé Kiến Quốc), trao đổi trong nhóm nhỏ và chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc về đoạn lời bài hát (có thể kết hợp sử dụng audio hoặc video clip đã chuẩn bị).	– Phối hợp với giáo viên (GV) và bạn để thực hiện hoạt động. – Nói thành câu, diễn đạt trọn vẹn ý, nội dung theo yêu cầu của GV. – Có kĩ năng phán đoán nội dung bài đọc dựa vào tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.	

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS đọc tên bài kết hợp quan sát tranh minh hoạ, liên hệ với nội dung khởi động → phán đoán nội dung bài đọc. → Nghe GV giới thiệu bài học: “Điều kì diệu dưới những gốc anh đào”.		
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Đọc (60 phút)		
1.1. Luyện đọc (12 phút) – HS nghe GV đọc mẫu. – HS đọc nối tiếp từng đoạn hoặc toàn bài đọc, kết hợp nghe GV hướng dẫn trong nhóm hoặc trước lớp: + Cách đọc một số từ ngữ khó: <i>vun gốc, nảy, khóm hoa sao,...</i> + Cách ngắt nghỉ một số câu dài: • <i>Mùa xuân này,/ Uyên được cùng các bạn của mẹ/ trông hàng cây anh đào/ bên bờ một con suối/ trên quê hương Tây Nguyên.//;</i> • <i>Cả đoàn ngõ ngang/ khi thấy dưới những vòm lá anh đào xanh mướt,/ từng vạt hoa tím tím/ bung nở như những thảm sao.//;</i> • <i>Mọi người không ngớt lời khen ngợi vẻ đẹp quyến rũ của loài hoa/ như đến từ giấc mơ nào đó.//;...</i> + Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, ví dụ (VD): <i>tỉ mỉ</i> (tỉ mỉ, kiên nhẫn, chú ý từng chi tiết nhỏ trong một công việc bằng tay);... + Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý: • Đoạn 1: Từ đầu đến “vun gốc”. • Đoạn 2: Tiếp theo đến “chào Uyên”. • Đoạn 3: Còn lại. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV nhận xét chung về hoạt động luyện đọc.	– Hình thành kĩ năng đọc thầm kết hợp với nghe, xác định chỗ ngắt, nghỉ, nhấn giọng,... – Đọc to, rõ ràng, đúng các từ khó và ngắt nghỉ hơi đúng ở các câu dài. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	
1.2. Tìm hiểu bài (20 phút) – HS đọc thầm bài đọc, thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả tìm hiểu bài trước lớp: 1. Kể lại cuộc trò chuyện của Uyên với bạn nhỏ mới quen? (Gợi ý: HS dựa vào nội dung bài đọc để kể lại cuộc trò chuyện giữa Uyên và người bạn mới. VD: <i>Gần trưa, một bạn gái xinh xắn đến gần bắt chuyện với Uyên. Bạn hỏi Uyên: “Minh có thể trồng thêm hoa dưới những gốc cây</i>	– Hợp tác với GV và bạn để trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài. – Thông qua tìm hiểu bài, hiểu thêm nghĩa một số từ khó và hiểu nội dung bài.	

non này được không?”. Uyên cười đáp: “Được chứ. Bạn có giống hoa gì thế?”. Cô bạn xòe ra nắm hạt giống và giới thiệu: “Đây là hạt hoa sao, chúng rất dễ trồng. Chỉ cần xới đất, bỏ hạt xuống và lấp lại, cây sẽ tự mọc mầm, nảy nhánh. Mùa xuân năm sau, nếu bạn trở lại, hẳn sẽ rất bất ngờ... Kìa, nó kìa!”. Vừa nói, cô bạn vừa chỉ cho Uyên xem vài khóm hoa sao màu tím hồng, nhỏ li ti xôn xao trong nắng.) → Rút ra ý đoạn 1: Uyên cùng các bạn của mẹ tham gia trồng cây vào mùa xuân. 2. Vì sao bạn nhỏ thuyết phục Uyên trồng thêm hoa dưới những gốc cây non? (Gợi ý: Vì hạt hoa sao rất dễ trồng, chỉ cần xới đất, bỏ hạt xuống và lấp lại, cây sẽ tự mọc mầm, nảy nhánh. Bạn nhỏ hi vọng mùa xuân năm sau, khi Uyên quay lại sẽ bất ngờ khi thấy những khóm hoa sao li ti nở đầy dưới các gốc cây.) 3. Tìm những chi tiết thể hiện cảm xúc của hai bạn khi gieo hạt. (Gợi ý: Uyên đã thấm mệt nhưng sự hào hứng của bạn khiến em phấn chấn hơn; Hai đứa tỉ mẩn gieo những nhúm hạt xuống từng gốc cây.) → Giải nghĩa từ: <i>phấn chấn</i> (ở trạng thái hăng hái, hứng khởi do tác động của một sự việc hoặc ý nghĩ tích cực, hợp nguyện vọng);... → Rút ra ý đoạn 2: Uyên gặp gỡ và cùng người bạn mới trò chuyện, gieo hạt giống hoa sao. 4. Mọi người có suy nghĩ, hành động gì khi nhìn thấy từng vạt hoa tím bung nở dưới những gốc cây? (Gợi ý: + Mẹ và các cô chú: ngỡ ngàng khi thấy dưới những vòm lá anh đào, từng vạt hoa tím tím bung nở như những thảm sao; không ngớt lời khen ngợi vẻ đẹp quyến rũ của loài hoa ấy. + Uyên: Thầm cảm ơn cô bạn nhỏ em mới gặp một lần. Ý tưởng của bạn đã đem đến cho Uyên và mọi người một điều bất ngờ trong những ngày xuân mới.) → Rút ra ý đoạn 3: Mọi người bất ngờ về vẻ đẹp của những vạt hoa sao. 5. Em học được những điều gì từ câu chuyện trên? (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. VD: Học được cách ứng xử giữa Uyên và người bạn mới quen; cảm nhận được tình yêu thiên nhiên, cách góp phần lan toả tình yêu thiên nhiên, làm đẹp môi trường đến cộng đồng.)	– Biết liên hệ bản thân: Nêu được những điều em học được từ câu chuyện.	
--	--	--

→ Rút ra nội dung, ý nghĩa của bài đọc. – HS nghe bạn và GV nhận xét, bổ sung. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động tìm hiểu bài.		
1.3. Luyện đọc lại (15 phút) – HS trả lời một vài câu hỏi để nhớ lại nội dung chính của bài và xác định giọng đọc: + Bài đọc nói về điều gì? → <i>Toàn bài đọc với giọng thông thả, vui tươi.</i> + Cần nhấn giọng ở những từ ngữ nào? (Gợi ý: <i>Nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ hoạt động, trạng thái của các nhân vật, từ ngữ miêu tả đặc điểm của hoa sao; giọng cô bạn mới trong sáng, từ tốn pha chút dè dặt.</i>) – HS nghe GV hoặc một bạn đọc lại đoạn 2: <i>Gần trưa,/ một bạn nhỏ đến gần,/ bắt chuy^{ên} với Uyên://</i> <i>– Mình có thể tr^ởng thêm hoa dưới những gốc cây non này được không?//</i> <i>Bạn nhỏ xo^è ra nắm hạt giống nhỏ li ti://</i> <i>– Đây là hạt hoa sao!// – Cô bạn giải thích/ – Chúng rất dễ tr^ởng.// Chỉ cần x^{ới} đất,/ b^ỏ hạt xu^{ống} và l^{ấp} lại,/ cây sẽ t^ự m^{ọc} m^{ầm},/ n^{ảy} nh^{ánh}.// Mùa xuân năm sau,/ nếu bạn trở lại,/ h^{ẳn} sẽ rất b^{ất} ng^ờ.// Kì^a,/ nó kì^a!//</i> <i>Uyên nhìn theo hướng tay cô bạn chỉ.// Một vài khóm hoa sao m^{àu} tím h^{ồng}/ nhỏ li ti/ x^{ôn} x^{ao} trong nắng.//</i> <i>Uyên đã th^{ấm} m^êt/ nhưng sự h^{ào} h^{ứng} của bạn khiến em ph^{ản} ch^{ấn} hơn.// Hai đ^{ứa} t^ỉ m^{ẩn}/ g^{ieo} những nh^{úm} hạt/ xu^{ống} từng gốc cây.// Xong vi^{ệc},/ cô bạn v^{ẩy} đôi bàn tay g^{ây} g^ò,/ c^{ười} t^{ươi} như nắng to^ả chào Uyên.//</i> – HS luyện đọc lại đoạn 2 trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ. – 2 – 3 HS thi đọc đoạn 2 trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động luyện đọc lại.	– Xác định được giọng đọc trên cơ sở hiểu nội dung bài. – Biết nhấn giọng ở một số từ ngữ quan trọng, thể hiện giọng đọc phù hợp với từng nhân vật. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	
1.4. Cùng sáng tạo (13 phút) – HS xác định yêu cầu của hoạt động: <i>Tưởng tượng, đóng vai Uyên và người bạn mới để cùng trò chuyện khi gặp lại nhau dưới những gốc anh đào.</i> – HS thảo luận nhóm đôi, trả lời một số câu hỏi gợi ý của GV để thực hiện hoạt động: + Theo em, Uyên và người bạn đó sẽ trò chuyện về điều gì? + Hai bạn sẽ làm gì khi gặp lại nhau?	– Hợp tác với bạn để đóng vai Uyên, cùng trò chuyện với người bạn mới khi gặp lại nhau dưới những gốc anh đào, nội dung cuộc trò chuyện kết nối với nội dung bài.	

+ Cảm xúc của mỗi bạn như thế nào? + ... – HS phân vai, tưởng tượng để trò chuyện trong nhóm đôi. – 1 – 2 nhóm HS đóng vai, nói trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá và tổng kết hoạt động đọc.	– Thể hiện giọng và cảm xúc phù hợp với từng nhân vật. – Nhận xét được nội dung đóng vai của nhóm mình và nhóm bạn.	
--	--	--

TIẾT 3

Luyện từ và câu: Câu đơn và câu ghép

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
2. Luyện từ và câu (35 phút)		
2.1. Hình thành khái niệm câu đơn và câu ghép (15 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1. – HS đọc đoạn văn và thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để thực hiện các yêu cầu của BT. (Đáp án: a. Đoạn văn có 7 câu. b. Xác định chủ ngữ (CN), vị ngữ (VN) của từng câu: ① <u>Mùa đông/ đến.</u> CN VN ② <u>Gió bắc/ hun hút, trời/ rét căm căm.</u> CN1 VN1 CN2 VN2 ③ <u>Rặng xoan/ trút xuống những chiếc lá cuối cùng,</u> CN1 VN1 <u>những chùm quả/ ngả sang màu vàng sẫm và khô tóp lại.</u> CN2 VN2 ④ <u>Lúa/ đang kì chín rộ nên thôn xóm/ nhộn nhịp hẳn lên.</u> CN1 VN1 CN2 VN2 ⑤ <u>Lũ sẻ non/ theo bố mẹ ra đồng, chúng/ riu rít giành</u> CN1 VN1 CN2 VN2 <u>thóc rơi với đàn chim ri đá.</u> ⑥ <u>Đàn chim gáy/ cũng bay về.</u> CN VN ⑦ <u>Chúng/ tha thẩn nhặt thóc.</u> CN VN	– Hợp tác với bạn để thực hiện các yêu cầu của BT. – Xác định được CN, VN và câu đơn, câu ghép có trong đoạn văn. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn. – Rút ra được khái niệm câu đơn và câu ghép.	

c. Nhóm câu đơn: ①, ⑥, ⑦. Nhóm câu ghép: ②, ③, ④, ⑤.) – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS thảo luận nhóm đôi, trả lời câu hỏi trước lớp (Đáp án: <i>Không thể tách các cụm chủ ngữ – vị ngữ trong các câu ghép thành câu đơn, vì mỗi cụm chủ ngữ – vị ngữ có mối quan hệ chặt chẽ với (những) cụm chủ ngữ – vị ngữ khác trong từng câu.</i>). – HS nghe bạn và GV nhận xét, rút ra những điều em cần ghi nhớ về câu đơn và câu ghép. – 1 – 2 HS nhắc lại ghi nhớ.		
2.2. Luyện tập xác định chủ ngữ, vị ngữ trong câu ghép (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 3. – HS đọc đoạn văn, thảo luận trong nhóm nhỏ để thực hiện yêu cầu, làm bài vào VBT. (Gợi ý: a. Xác định CN, VN của từng câu: ① <u>Mặt trời/ lên, cá cánh đồng/ lấp loá nắng.</u> CN1 VN1 CN2 VN2 ② <u>Trời/ càng nắng, lúa/ càng sẫm lại, trâu bông.</u> CN1 VN1 CN2 VN2 ③ <u>Lúc này, cánh đồng/ đẹp như một tấm thảm.</u> (TN) CN VN ④ <u>Mỗi khi có gió, những bông lúa/ ngả đầu vào nhau,</u> (TN) CN1 VN1 <u>sóng lúa/ nhấp nhô.</u> CN2 VN2 Lưu ý: GV nên khuyến khích HS xác định nếu trong câu có thành phần trạng ngữ (TN) để việc xác định CN, VN đầy đủ và chính xác hơn. b. Có ba câu ghép là câu ①, ② và ④.) – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Hợp tác với bạn để thực hiện các yêu cầu của BT. – Xác định được CN, VN và câu ghép có trong đoạn văn. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.3. Đặt câu ghép theo yêu cầu (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 4. – HS quan sát tranh, làm bài vào VBT. – HS trao đổi kết quả trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét, góp ý để chỉnh sửa và hoàn thiện bài làm.	– Hợp tác với bạn để thực hiện các yêu cầu của BT.	

– 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Đặt được câu ghép phù hợp với nội dung tranh, xác định được chủ ngữ, vị ngữ của mỗi câu vừa đặt. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
--	---	--

TIẾT 4

Viết: Bài văn tả người

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
3. Viết (30 phút)		
3.1. Nhận diện bài văn tả người (15 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc bài văn. – HS đọc bài văn, thảo luận nhóm nhỏ để thực hiện các yêu cầu (có thể tổ chức thực hiện dưới dạng sơ đồ tư duy hoặc sử dụng <i>Phiếu học tập</i> để hỗ trợ HS học nhóm). (Gợi ý: <i>a. Bài văn tả bà nội.</i> <i>b. Bài văn có 5 đoạn:</i> + Đoạn 1: Từ đầu đến “<i>hơn cả</i>” → Giới thiệu bà nội; + Đoạn 2: Tiếp theo đến “<i>yêu thương</i>” → Tả đặc điểm nổi bật về vóc dáng của bà; + Đoạn 3: Tiếp theo đến “<i>cong cong</i>” → Tả hoạt động nấu ăn của bà; + Đoạn 4: Tiếp theo đến “<i>thật hấp dẫn</i>” → Tả sự gắn bó của bà với các cháu; + Đoạn 5: Còn lại → Bày tỏ suy nghĩ, tình cảm của các cháu với bà. <i>c. Mỗi đoạn thuộc các phần của bài văn:</i> + Mở bài: Đoạn 1; + Thân bài: Đoạn 2, đoạn 3 và đoạn 4; + Kết bài: Đoạn 5. <i>d. Ở phần thân bài, tác giả chọn tả:</i>	– Hợp tác với bạn để thực hiện các yêu cầu của BT. – Xác định được cấu tạo của bài văn tả người. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

+ Về vóc dáng: dáng người, làn da, mái tóc, đôi mắt → chọn tả những đặc điểm hình dáng tiêu biểu, giúp người đọc hình dung rõ nét về bà. + Về hoạt động: nấu ăn, kể chuyện cho các cháu → chọn tả những hoạt động quen thuộc, thể hiện mối quan hệ gắn bó giữa bà và những người trong gia đình.) – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, rút ra những điều em cần ghi nhớ về bài văn tả người. – 1 – 2 HS nhắc lại ghi nhớ.		
3.2. Nhận xét về cách lựa chọn, sử dụng từ ngữ trong bài văn tả người (07 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS đọc bài văn, trao đổi trong nhóm nhỏ để thực hiện yêu cầu, có thể kết hợp hoàn thành sơ đồ tư duy vào VBT. (Gợi ý: + Từ ngữ tả hình dáng: • Dáng người: dong dỏng; • Làn da: trắng; • Tóc: đen, rất dày, búi gọn sau gáy; • Mắt: đã có nếp nhăn, ánh nhìn dịu dàng, chan chứa yêu thương. + Từ ngữ tả hoạt động: • Nấu ăn: thoăn thoắt, vừa nấu vừa chỉ; • Giọng kể chuyện: ấm áp.) – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Hợp tác với bạn để thực hiện các yêu cầu của BT. – Xác định được các từ ngữ tả hình dáng, hoạt động của người. – Nhận xét được cách lựa chọn, sử dụng từ ngữ trong bài văn tả người. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
3.3. Viết câu tả đặc điểm nổi bật về hình dáng, tính tình hoặc hoạt động của người thân (08 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 3. – HS viết vào nháp một số từ ngữ chỉ hình dáng, tính tình hoặc hoạt động của một người thân (có thể kết hợp quan sát hình ảnh hoặc video clip đã chuẩn bị). – HS làm bài vào VBT. – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Viết được câu tả đặc điểm nổi bật về hình dáng, tính tình hoặc hoạt động của người thân. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

C. VẬN DỤNG (05 phút)		
– HS xác định yêu cầu của hoạt động: <i>Tưởng tượng, nói 2 – 3 câu về vùng đất Tây Nguyên trong bài đọc “Điều kì diệu dưới những gốc anh đào” khi những cây anh đào đã lớn.</i> – HS đặt câu và chia sẻ kết quả trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nghe bạn nhận xét để chỉnh sửa và hoàn thiện câu. – HS chơi <i>Chuyền hoa</i> để chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.	– Nói được câu về vùng đất Tây Nguyên trong bài đọc “Điều kì diệu dưới những gốc anh đào” khi những cây anh đào đã lớn. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

BÀI 2: GIỜ TRÁI ĐẤT

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Khởi động

Trao đổi được với bạn về lí do cần phải tiết kiệm điện và những việc có thể làm để tiết kiệm điện.

2. Khám phá và luyện tập

2.1. Đọc

– Nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Ý nghĩa và thông điệp mà chiến dịch Giờ Trái Đất mang lại. Cần có ý thức bảo vệ Trái Đất – Hành tinh của chúng ta ngay từ hôm nay.*

2.2. Nói và nghe

Thảo luận được theo chủ đề *Vì môi trường xanh*.

2.3. Viết

Biết quan sát, tìm được ý cho bài văn tả người.

3. Vận dụng

Viết được thông điệp hoặc sáng tác được thơ, vè,... kêu gọi mọi người bảo vệ môi trường. Từ đó, góp phần hình thành các phẩm chất và năng lực chung.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SGK phóng to.
- Tranh, ảnh hoặc video clip về những việc có thể làm để tiết kiệm điện (nếu có).

- Tranh, ảnh hoặc video clip giới thiệu về chiến dịch “Giờ Trái Đất” (nếu có).
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Năm 2022” đến hết.

2. Học sinh

- Hình ảnh hoặc video clip về một người thân trong gia đình em.
- Một sản phẩm thân thiện với môi trường hoặc một sản phẩm làm từ nhựa (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

Độc: Giờ Trái Đất

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (05 phút)		
– GV tiến hành tắt hết thiết bị điện có trong lớp học: đèn, quạt,... và yêu cầu HS nêu suy nghĩ, cảm nhận (Gợi ý: <i>Không đủ ánh sáng để học, cảm giác nóng, khó chịu,...</i>). – HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, trao đổi với bạn về lí do cần phải tiết kiệm điện và những việc có thể làm để tiết kiệm điện (có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh hoặc video clip đã chuẩn bị) dựa vào gợi ý: + Vì sao cần phải tiết kiệm điện? (Gợi ý: <i>Nguồn điện có khả năng bị cạn kiệt; tiết kiệm điện giúp bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường; tiết kiệm điện giúp tiết kiệm nhiên liệu và chi phí; ...</i>) + Có thể làm những gì để tiết kiệm điện? (Gợi ý: <i>Tắt các thiết bị điện khi không sử dụng; mở các cửa sổ trong nhà để tận dụng nguồn ánh sáng và nguồn gió tự nhiên; sử dụng những loại thiết bị tiết kiệm điện; ...</i>) – 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp. – HS đọc tên bài kết hợp quan sát tranh minh họa, liên hệ với nội dung khởi động → phán đoán nội dung bài đọc. → Nghe GV giới thiệu bài học: “Giờ Trái Đất”.	– Phối hợp với GV và bạn để thực hiện hoạt động. – Nói thành câu, diễn đạt trọn vẹn ý, nội dung theo yêu cầu của GV. – Có kĩ năng phán đoán nội dung bài đọc dựa vào tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.	
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Đọc (30 phút)		
1.1. Luyện đọc (08 phút) – HS nghe GV đọc mẫu. – HS đọc nối tiếp từng đoạn hoặc toàn bài đọc, kết hợp nghe GV hướng dẫn trong nhóm hoặc trước lớp: + Cách đọc một số từ ngữ khó: <i>giám phát thải; Xit-ni; vùng lãnh thổ; ...</i> + Cách ngắt nghỉ một số câu dài:	– Hình thành kĩ năng đọc thầm kết hợp với nghe, xác định chỗ ngắt, nghỉ, nhấn giọng,... – Đọc to, rõ ràng, đúng các từ khó và ngắt nghỉ hơi đúng ở các câu dài.	

• <i>Giờ Trái Đất/ là sáng kiến của Quỹ Quốc tế về Bảo tồn Thiên nhiên/ nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng/ về biến đổi khí hậu/ và tiết kiệm năng lượng trên toàn thế giới.//;</i> • <i>Vào ngày thứ Bảy cuối cùng của tháng Ba hằng năm,/ các cá nhân và tổ chức tham gia sự kiện/ cùng tắt đèn điện/ và các thiết bị điện không ảnh hưởng lớn đến sinh hoạt/ trong vòng 60 phút/ (từ 20 giờ 30 phút/ đến 21 giờ 30 phút giờ địa phương).//;...</i> + Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: <i>khí thải nhà kính</i> (khí nhà kính, loại khí trong khí quyển gây hiệu ứng nhà kính, ảnh hưởng mạnh mẽ đến mức nhiệt độ của Trái Đất); <i>giảm phát thải khí nhà kính</i> (giảm phát thải khí nhà kính là giảm lượng khí nhà kính được thải ra môi trường); <i>Quỹ Quốc tế về Bảo tồn Thiên nhiên</i> (một trong những tổ chức phi chính phủ lớn nhất thế giới về bảo vệ thiên nhiên, tên cũ là Quỹ Động vật hoang dã thế giới hoặc Quỹ Bảo vệ đời sống thiên nhiên thế giới);... + Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý: • Đoạn 1: Từ đầu đến “giờ địa phương”. • Đoạn 2: Tiếp theo đến “vùng lãnh thổ”. • Đoạn 3: Còn lại. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV nhận xét chung về hoạt động luyện đọc.	– Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	
1.2. Tìm hiểu bài (14 phút) – HS đọc thầm toàn bài, thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả tìm hiểu bài trước lớp: 1. Sáng kiến “Giờ Trái Đất” của Quỹ Quốc tế về Bảo tồn Thiên nhiên nhằm mục đích gì? (Gợi ý: <i>Nhằm mục đích nâng cao nhận thức cộng đồng về biến đổi khí hậu và tiết kiệm năng lượng trên toàn thế giới.</i>) 2. Mọi người cùng làm gì khi tham gia sự kiện “Giờ Trái Đất”? (Gợi ý: <i>Vào ngày thứ Bảy cuối cùng của tháng Ba hằng năm, các cá nhân và tổ chức tham gia sự kiện cùng tắt đèn điện và các thiết bị điện không ảnh hưởng lớn đến sinh hoạt trong vòng 60 phút.</i>) → Rút ra ý đoạn 1: <i>Giới thiệu về chiến dịch “Giờ Trái Đất”.</i> 3. Tìm những thông tin cho thấy toàn thế giới tích cực hưởng ứng “Giờ Trái Đất”. (Gợi ý: <i>Bắt đầu từ năm 2007 ở Xit-ni với hai triệu người tham gia. Năm 2010 có tới</i>	– Hợp tác với GV và bạn để trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài. – Thông qua tìm hiểu bài, hiểu thêm nghĩa một số từ khó và hiểu nội dung bài. – Biết liên hệ bản thân: Bày tỏ được suy nghĩ của em về một trong các thông điệp của “Giờ Trái Đất” và kể được những việc mà em và bạn bè có thể làm để hưởng ứng “Giờ Trái Đất”.	

126 quốc gia tham gia. Năm 2020, Giờ Trái Đất đã nhận được sự ủng hộ của hơn 180 quốc gia và vùng lãnh thổ.) → Giải nghĩa từ: <i>vùng lãnh thổ</i> (là một quốc gia mà bị thiếu đi ít nhất một trong bốn yếu tố theo tư pháp quốc tế để cấu thành quốc gia chính thức (dân số thường trực; lãnh thổ xác định; chính phủ; quyền và khả năng tham gia vào quan hệ quốc tế với những quốc gia, tổ chức quốc tế khác), tùy thuộc vào yếu tố bị thiếu cũng như đặc điểm của các yếu tố mà vùng lãnh thổ sẽ có hình thức tồn tại khác nhau, về phương diện tự nhiên, lãnh thổ không có ranh giới phân chia vùng, miền.) → Rút ra ý đoạn 2: <i>Toàn thế giới tích cực hưởng ứng “Giờ Trái Đất”.</i> 4. Bày tỏ suy nghĩ của em về một trong các thông điệp của “Giờ Trái Đất”. (Gợi ý: HS chọn một trong các thông điệp của “Giờ Trái Đất” để bày tỏ suy nghĩ. VD: <i>Tắt bớt một bóng đèn là thêm một cơ hội làm mát Trái Đất: Những thay đổi lớn đôi khi chỉ bắt đầu từ một hành động nhỏ như tắt bớt một bóng đèn.</i>) → Giải nghĩa từ: <i>thông điệp</i> (nghĩa trong bài: thông điệp là một suy nghĩ hoặc ý tưởng được truyền tải thông qua các phương tiện truyền thông.) → Rút ra ý đoạn 3: <i>Chủ đề và thông điệp của “Giờ Trái Đất” năm 2022.</i> → Rút ra nội dung của bài đọc. 5. Kể 2 – 3 việc mà em và bạn bè có thể làm để hưởng ứng “Giờ Trái Đất”. (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. VD: <i>Tắt ti vi khi không xem; tắt đèn, tắt quạt,... khi ra khỏi phòng; đề nghị bố mẹ chuyển sang sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện năng;...</i>) – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động tìm hiểu bài.		
1.3. Luyện đọc lại (08 phút) – HS trả lời một vài câu hỏi để nhớ lại nội dung chính của bài và xác định giọng đọc: + Bài đọc nói về điều gì? → <i>Toàn bài đọc với giọng thông thả, rõ ràng, rành mạch.</i> + Cần nhấn giọng ở những từ ngữ nào? (Gợi ý: <i>Nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ nội dung, ý nghĩa, thông điệp của chương trình.</i>)	– Xác định được giọng đọc trên cơ sở hiểu nội dung bài. – Biết nhấn giọng ở một số từ ngữ quan trọng.	

– HS nghe GV hoặc một bạn đọc lại đoạn 3: <i>Năm 2022,/ chủ đề của Giờ Trái Đất là/ “<u>Kiến tạo tương lai – Bây giờ hoặc không bao giờ</u>”/ với các thông điệp://</i> – <i>Trái Đất là duy nhất,/ cần được <u>bảo vệ</u> cho thế hệ hôm nay/ và mãi về sau.//</i> – <i>Giảm phát thải khí nhà kính/ là <u>góp phần</u> chống biến đổi khí hậu.//</i> – <i>Chống biến đổi khí hậu/ là <u>trách nhiệm</u> của tất cả chúng ta.//</i> – <i>Tắt bớt một bóng đèn/ là <u>thêm một</u> cơ hội làm mát Trái Đất.//</i> – <i>Hãy để màu xanh lá cây/ là <u>màu mới</u> của hành tinh.//</i> – <i>Hãy bước thêm một bước/ để <u>cứu lấy</u> Trái Đất.//</i> – <i>Hướng đến tương lai,/ <u>hành động</u> ngay.//</i> – HS luyện đọc lại đoạn 3 trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ. – HS thi đọc đoạn 3 trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động luyện đọc lại.	– Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	
--	---	--

TIẾT 2

Nói và nghe: Thảo luận theo chủ đề *Vì môi trường xanh*

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
2. Nói và nghe (35 phút)		
2.1. Nêu ý kiến về tình huống (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1. – HS quan sát tranh, trao đổi trong nhóm nhỏ và trả lời các câu hỏi. (Gợi ý: a. <i>Các nhân vật đang chọn ống hút ở cửa hàng.</i> b. <i>Bạn nữ chọn ống hút nhựa vì có nhiều màu sắc đẹp. Bạn nam chọn ống hút tre để hạn chế rác thải nhựa.</i> c. <i>HS trả lời theo ý kiến cá nhân, VD: Đồng ý với lựa chọn của bạn nam vì em cũng lựa chọn sử dụng ống hút tre để hạn chế thải ra môi trường rác thải nhựa, bảo vệ môi trường.</i>) – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Phát triển kỹ năng học tập hợp tác; kỹ năng nói đơn thoại, nói thành bài kết hợp sử dụng phương tiện hỗ trợ. – Chủ động, mạnh dạn, tự tin khi nói trong nhóm, trước lớp. – Phát triển kỹ năng kiểm soát tốc độ, âm lượng nói và sử dụng hiệu quả các yếu tố phi ngôn ngữ. – Nhận xét được nội dung trình bày của bạn.	

2.2. Thảo luận vấn đề và bày tỏ ý kiến (25 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS có thể mang đến lớp một sản phẩm thân thiện môi trường hoặc một sản phẩm làm từ nhựa đã chuẩn bị. – HS trao đổi trong nhóm nhỏ, bày tỏ ý kiến đối với sản phẩm mình mang theo dựa vào các gợi ý: + Sản phẩm em mang theo được làm bằng chất liệu gì? + Ưu điểm của sản phẩm là gì? + Hạn chế của sản phẩm là gì? + Vì sao em chọn sử dụng sản phẩm đó? – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Phát triển kỹ năng học tập hợp tác; kỹ năng nhận xét, đánh giá. – Chủ động, mạnh dạn, tự tin khi nói trong nhóm, trước lớp. – Phát triển kỹ năng kiểm soát tốc độ, âm lượng nói và sử dụng hiệu quả các yếu tố phi ngôn ngữ. – Nhận xét được nội dung trình bày của bạn.	
---	---	--

TIẾT 3

Viết: Quan sát, tìm ý cho bài văn tả người

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
3. Viết (30 phút)		
3.1. Nhận xét về cách quan sát trong bài văn tả người (15 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc bài văn. – HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi a, hoàn thành sơ đồ gợi ý ở câu b vào VBT. (Gợi ý: a. Bài văn tả bác thợ rèn. b. Tác giả chọn tả: + Hình dáng: • Vai: cuộn khúc; • Tầm vóc: cao lớn, cao lớn nhất vùng; • Cánh tay: ám đen khói lửa và bụi búa sắt; • Đôi mắt: trẻ, to, xanh, trong ngời (như thép); • Khuôn mặt: vuông vức; • Tóc: rậm, dày; • Quai hàm: bạnh; • Tiếng thở: rền vang (như ngáy); • Bộ ngực: lực lưỡng (như bằng sắt). + Hoạt động: rèn một lưỡi cày:	– Phát triển kỹ năng nhận xét để học tập tác giả cách quan sát, chuẩn bị cho việc quan sát, tìm ý, lập dàn ý và viết bài văn tả người. – Phát triển kỹ năng học tập hợp tác; kỹ năng nhận xét, đánh giá.	

• <i>Hơi thở hắt lên những chiếc xương sườn của cái lồng ngực như bằng sắt;</i> • <i>Ngửa ra sau lấy đà, rồi giáng búa xuống;</i> • <i>Thân mình lắc lư uyển chuyển;</i> • <i>Quay những vòng tròn đều đặn, mang theo vô số ánh lửa và để lại ánh chớp trên đe.)</i> – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – HS đọc lại bài văn, kết hợp quan sát tranh, trả lời câu hỏi c (Gợi ý: <i>Tác giả lựa chọn những đặc điểm ngoại hình tiêu biểu, nổi bật thể hiện vẻ đẹp ngoại hình, sức vóc cũng như hoạt động quen thuộc, gắn với nghề nghiệp, thể hiện tinh thần, thái độ đối với công việc → giúp người đọc hình dung rõ nét về hình dáng và hoạt động, cảm nhận về sức vóc khoẻ khoắn, sự dẻo dai của bác thợ rèn.</i>). – HS chia sẻ kết quả trong nhóm nhỏ. – 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.		
3.2. Thực hành quan sát một người thân trong gia đình (15 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2 và đọc các gợi ý. – HS nghe GV hướng dẫn thêm: + Người thân em chọn tả là ai? + Em chọn những đặc điểm nổi bật nào về ngoại hình để quan sát? + Những việc làm quen thuộc nào của người thân thể hiện tính cách hoặc sự gắn bó với em? + Em chọn từ ngữ gợi tả, hình ảnh so sánh gì để ghi lại những điều quan sát được? + ... – GV khuyến khích HS chọn các đặc điểm nổi bật để quan sát, chú trọng sử dụng từ ngữ gợi tả,... (có thể kết hợp sử dụng hình ảnh hoặc video clip đã chuẩn bị). – HS chia sẻ kết quả trong nhóm nhỏ, nghe bạn nhận xét, góp ý để chỉnh sửa từ ngữ, mở rộng, phát triển ý, hoàn thiện phần ghi chép. – 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Sử dụng phối hợp các kỹ năng quan sát kết hợp với hình ảnh, video clip,... để tìm ý cho bài văn người thân trong gia đình em. – Phát triển kỹ năng học tập hợp tác; kỹ năng nhận xét, đánh giá.	

C. VẬN DỤNG (05 phút)		
– HS xác định yêu cầu của hoạt động: <i>Viết thông điệp hoặc sáng tác 4 – 6 dòng thơ, vè,... kêu gọi mọi người bảo vệ môi trường.</i> – HS sáng tác và trang trí bài làm (GV có thể hướng dẫn HS thực hiện hoạt động ở nhà). – HS trưng bày bài làm ở <i>Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt.</i> – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.	– Viết được thông điệp hoặc sáng tác được thơ, vè,... kêu gọi mọi người bảo vệ môi trường. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

BÀI 3: MÙA XUÂN EM ĐI TRỒNG CÂY

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Khởi động

Bày tỏ được suy nghĩ của em về câu thơ của Bác Hồ.

2. Khám phá và luyện tập

2.1. Đọc

– Nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng nhịp thơ, đúng logic ngữ nghĩa, đúng mạch cảm xúc của bài thơ; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Niềm vui của các bạn nhỏ khi tham gia trồng cây.* Từ đó, rút ra ý nghĩa: *Kêu gọi mọi người chung tay trồng cây gây rừng, phủ xanh đồi trọc và có ý thức bảo vệ môi trường sống của chúng ta.* Học thuộc lòng được bài thơ.

– Tìm đọc được một truyện hoặc đoạn kịch nói về việc bảo vệ môi trường hoặc về ước mơ chinh phục thiên nhiên; viết được *Nhật kí đọc sách*; thi “*Tuyên truyền viên nhí*”: Kể và nêu bài học rút ra từ câu chuyện hoặc đoạn kịch, ghi chép tóm tắt về một truyện hoặc đoạn kịch được nghe kể.

2.2. Luyện từ và câu

Nhận diện và biết cách nối các vế trong câu ghép.

2.3. Viết

Lập được dàn ý cho bài văn tả người.

3. Vận dụng

Đóng được vai phóng viên để phỏng vấn các bạn nhỏ tham gia trồng cây dựa vào bài đọc “Mùa xuân em đi trồng cây”.

Từ đó, góp phần hình thành các phẩm chất và năng lực chung.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SGK phóng to.
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi bài thơ.
- Danh sách gợi ý truyện đọc thuộc chủ điểm “Giữ mãi màu xanh”, hướng dẫn tìm kiếm truyện trên internet.
- Thẻ từ, thẻ câu cho HS thực hiện các BT luyện từ và câu.

2. Học sinh

Truyện phù hợp với chủ điểm “Giữ mãi màu xanh” đã đọc và *Nhật kí đọc sách*.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

Đọc: Mùa xuân em đi trồng cây

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (05 phút)		
– HS trao đổi trong nhóm nhỏ, bày tỏ suy nghĩ khi đọc câu thơ dựa trên gợi ý: + Theo em, vì sao lại gọi “Mùa xuân là Tết trồng cây? (Gợi ý: <i>Vì vào mùa xuân không khí ấm áp, nhiệt độ thích hợp đi kèm theo những cơn mưa nhỏ, mưa phùn như nguồn dinh dưỡng tự nhiên giúp cây cối đâm chồi, nảy lộc, cây cối sẽ phát triển nhanh và thuận lợi,...</i>) + Việc trồng cây mang lại lợi ích gì? (Gợi ý: <i>Góp phần quan trọng trong việc chủ động phòng, chống thiên tai, điều hoà khí hậu, cải thiện môi trường sinh thái, làm đẹp thêm cảnh quan thiên nhiên, phát triển kinh tế – xã hội của đất nước, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.</i>) +... → Câu thơ là lời dạy của Bác Hồ về lợi ích và tầm quan trọng của việc trồng cây. – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS đọc tên bài kết hợp quan sát tranh minh hoạ, liên hệ với nội dung khởi động → phán đoán nội dung bài đọc. → Nghe GV giới thiệu bài học: “Mùa xuân em đi trồng cây”.	– Phối hợp với GV và bạn để thực hiện hoạt động. – Nói thành câu, diễn đạt trọn vẹn ý, nội dung theo yêu cầu của GV. – Có kĩ năng phán đoán nội dung bài đọc dựa vào tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.	

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Đọc (65 phút)		
1.1. Đọc bài thơ (40 phút)		
1.1.1. Luyện đọc (10 phút) – HS nghe GV đọc mẫu. – HS đọc nối tiếp từng khổ thơ hoặc toàn bài thơ, kết hợp nghe GV hướng dẫn trong nhóm hoặc trước lớp: + Cách đọc một số từ ngữ khó: <i>loang lổ; nhấp nhô; vun gốc;...</i> + Cách ngắt nghỉ một số dòng thơ thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật: <i>Từ bàn tay nhỏ/ đẩy thôi!//</i> <i>Góp mầm xanh/ với đất trời yêu thương//</i> <i>Rồi đây/ trên khắp quê hương/</i> <i>Màu xuân xanh biếc/ nẻo đường tương lai.//</i> + Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (nếu có). + Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý: • Đoạn 1: Khổ thơ đầu. • Đoạn 2: Khổ thơ thứ hai, thứ ba. • Đoạn 3: Còn lại. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV nhận xét chung về hoạt động luyện đọc.	– Hình thành kĩ năng đọc thầm kết hợp với nghe, xác định chỗ ngắt, nghỉ, nhấn giọng,... – Đọc to, rõ ràng, đúng các từ khó và ngắt nghỉ đúng nhịp thơ. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	
1.1.2. Tìm hiểu bài (18 phút) – HS đọc thầm bài thơ, thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi, có thể ghi lại câu trả lời bằng sơ đồ đơn giản. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả tìm hiểu bài trước lớp: 1. Ở khổ thơ đầu, bạn nhỏ thể hiện mong ước gì khi trồng cây? (Gợi ý: <i>Bạn nhỏ thể hiện mong ước đồi hoang sẽ hoá thành rừng thông và những ngọn núi loang lổ do cháy rừng/ đốt rừng sẽ được phủ xanh.</i>) → Giải nghĩa từ: <i>loang lổ</i> (nghĩa trong bài: nói về cảnh ngọn núi không còn phủ xanh mà bị chặt phá, đốt rừng/ cháy rừng);... → Rút ra ý đoạn 1: <i>Mong ước của các bạn nhỏ khi tham gia trồng cây.</i> 2. Những từ ngữ, hình ảnh nào cho thấy hoạt động trồng cây rất vui? (Gợi ý: <i>Những từ ngữ, hình ảnh cho thấy hoạt động trồng cây rất vui: này em, này chị, này anh; người vun gốc, kẻ nâng cành non tơ; mũ nón nhấp nhô, nụ cười hồn nhiên; niềm vui háo hức trải trên khắp núi đồi.</i>)	– Hợp tác với GV và bạn để trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài. – Thông qua tìm hiểu bài, hiểu thêm nghĩa một số từ khó và hiểu nội dung, ý nghĩa của bài thơ.	

→ Giải nghĩa từ: <i>háo hức</i> (nghĩa trong bài: thái độ tích cực, vui vẻ, nóng lòng chờ đợi cây xanh sẽ phủ khắp đất nước);... 3. Mỗi sự vật sau được tả bằng những từ ngữ, hình ảnh nào? Cách tả đó có gì thú vị? (Gợi ý: <i>Đàn chim – vui, hót líu lo quanh đồi; gió – ngoan, chạm giọt mồ hôi; nắng xuân – lấp lánh mọi miền</i> → <i>cách tả đó khiến khung cảnh nơi các bạn trồng cây thật vui vẻ, thân thiện, thiên nhiên như hoà cùng niềm vui của các bạn nhỏ.</i>) → Rút ra ý đoạn 2: <i>Khung cảnh trồng cây tràn đầy niềm vui.</i> 4. Theo em, tác giả muốn gửi gắm thông điệp gì qua bài thơ? (HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. VD: <i>Tác giả muốn gửi gắm thông điệp: Hãy cùng chung tay trồng cây gây rừng, phủ xanh đồi trọc, cùng nhau nhuộm xanh quê hương bằng những mầm cây, góp phần bảo vệ môi trường sống của tất cả mọi người ở hiện tại và tương lai.</i>) → Rút ra ý đoạn 3: <i>Ước mơ của tác giả về một tương lai ngập tràn sắc xanh.</i> → Rút ra nội dung, ý nghĩa của bài đọc. – HS nghe bạn và GV nhận xét, bổ sung. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động tìm hiểu bài.		
1.1.3. Luyện đọc lại (12 phút) – HS trả lời một vài câu hỏi để nhớ lại nội dung chính của bài và xác định giọng đọc: + Bài đọc nói về điều gì? → <i>Toàn bài đọc với giọng trong trẻo, tươi vui.</i> + Cần nhấn giọng ở những từ ngữ nào? (Gợi ý: <i>Nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện tình cảm, cảm xúc và hoạt động của nhân vật, ...</i>) – HS nghe GV hoặc một bạn đọc lại đoạn 2: <i>Này em,/ này chị,/ này anh/ Người <u>yun</u> gốc,/ kẻ <u>nâng</u> <u>cành</u> non tơ// Đốc <u>ngiên</u>g,/ mũ nón <u>nhấp</u> <u>nhô</u>/ Đàn chim <u>vui</u>,/ <u>hót</u> <u>líu</u> lo quanh đồi.//</i> <i>Gió <u>ngoan</u>/ <u>chạm</u> giọt mồ hôi/ Đẻ gương mặt/ nở nụ cười hồn nhiên// Nắng xuân/ <u>lấp</u> <u>lánh</u> mọi miền/ Niềm vui/ <u>háo</u> <u>hức</u> trải trên núi đồi.//</i> – HS tự nhắm thuộc → đọc trong nhóm, trước lớp đoạn 2 và toàn bài thơ (có thể thực hiện sau giờ học). – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động luyện đọc lại.	– Xác định được giọng đọc trên cơ sở hiểu nội dung bài. – Biết nhấn giọng ở một số từ ngữ quan trọng, dựa vào cách hiểu để ngắt nghỉ đúng nhịp thơ. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có). – Biết cách tự nhắm thuộc từng đoạn và toàn bài thơ.	

Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách
Chủ điểm “Giữ mãi màu xanh”

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
1.2. Đọc mở rộng (25 phút)		
1.2.1. Tìm đọc truyện – HS đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một truyện phù hợp với chủ điểm “Giữ mãi màu xanh” theo hướng dẫn của GV trước buổi học khoảng một tuần. HS có thể đọc sách, báo giấy hoặc tìm kiếm trên internet truyện phù hợp dựa vào gợi ý về chủ đề, tên truyện, tên tác giả hoặc nguồn truyện: + Về việc bảo vệ môi trường (Gợi ý: <i>Người gác rừng tí hon</i> – Nguyễn Thị Cẩm Châu; <i>Người đi săn và con nai</i> – Tô Hoài;...). + Về ước mơ chinh phục thiên nhiên (Gợi ý: <i>Sơn Tinh, Thủy Tinh</i> – <i>Truyện dân gian Việt Nam</i>; <i>Người mẹ – An-đéc-xen</i>;...). + ... – HS chuẩn bị truyện hoặc đoạn kịch để mang tới lớp chia sẻ.	Hình thành thói quen đọc sách, kỹ năng chọn lọc và chia sẻ thông tin đọc được.	
1.2.2. Viết Nhật kí đọc sách – HS viết vào <i>Nhật kí đọc sách</i> những điều em ghi nhớ sau khi đọc truyện: tên truyện hoặc đoạn kịch; tên tác giả; tên nhân vật; các sự việc chính; ý nghĩa;... – HS có thể trang trí <i>Nhật kí đọc sách</i> đơn giản theo nội dung chủ điểm hoặc nội dung truyện, đoạn kịch.	Hình thành kỹ năng chọn lọc thông tin đọc được, thói quen và kỹ năng ghi chép <i>Nhật kí đọc sách</i> .	
1.2.3. Chia sẻ về truyện đã đọc (20 phút) – HS đọc truyện, đoạn kịch hoặc trao đổi truyện, đoạn kịch cho bạn trong nhóm để cùng đọc. – HS chia sẻ về <i>Nhật kí đọc sách</i> của mình. – HS nghe góp ý của bạn, chỉnh sửa, hoàn thiện <i>Nhật kí đọc sách</i>. – HS chia sẻ trong nhóm nhỏ về chi tiết mà em thích nhất khi đọc truyện, đoạn kịch, lí do tâm đắc; ngoài ra, HS cũng có thể chia sẻ thêm về nhân vật, tình tiết, chi tiết em thích,... – HS bình chọn một số <i>Nhật kí đọc sách</i> sáng tạo và dán vào <i>Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt</i>.	– Phát triển kỹ năng hợp tác nhóm, kỹ năng chia sẻ thông tin; năng lực cảm thụ văn học thông qua việc chia sẻ về chi tiết yêu thích và giải thích lí do. – Hợp tác với bạn để thực hiện hoạt động.	

1.2.4. Thi “Tuyên truyền viên nhí” (05 phút) – HS thực hiện theo nhóm nhỏ, kể và nêu bài học rút ra từ câu chuyện hoặc đoạn kịch. – Mỗi nhóm HS bình chọn một “Tuyên truyền viên nhí” xuất sắc nhất để chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	Phát triển kỹ năng nói thành câu, diễn đạt trọn vẹn ý, nội dung theo yêu cầu của GV.	
1.2.5. Ghi chép tóm tắt về một truyện hoặc đoạn kịch được nghe kể. – HS có thể ghi chép tóm tắt một vài thông tin chính về một truyện hoặc đoạn kịch được nghe bạn kể bằng 4 – 5 câu (Gợi ý: <i>tên nhân vật, các sự việc chính, ý nghĩa,...</i>). – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động. (Lưu ý: Việc ghi chép có thể thực hiện song song hoặc sau khi nghe bạn chia sẻ.)	Phát triển kỹ năng nghe – ghi, kỹ năng tóm tắt thông tin bằng sơ đồ đơn giản.	

TIẾT 3

Luyện từ và câu: Cách nối các vế câu trong câu ghép

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
2. Luyện từ và câu (35 phút)		
2.1. Nhận diện cách nối các vế trong câu ghép (05 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1. – HS hoạt động nhóm 4 theo kỹ thuật <i>Khăn trải bàn</i>. (Gợi ý: <i>a. Các vế nối với nhau bằng dấu phẩy.</i> <i>b. Các vế nối với nhau bằng kết từ “và”.</i> <i>c. Các vế nối với nhau bằng cặp kết từ “Vì ... nên ...”.</i> <i>d. Các vế nối với nhau bằng dấu chấm phẩy.</i> <i>e. Các vế nối với nhau bằng cặp từ hô ứng “... bao nhiêu, ... bấy nhiêu”.)</i> – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, rút ra những điều em cần ghi nhớ về cách nối các vế trong câu ghép. – 1 – 2 HS nhắc lại ghi nhớ. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Hợp tác với bạn để thực hiện các yêu cầu của BT. – Xác định được cách nối các vế trong câu ghép. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.2. Xác định cách nối các vế trong câu ghép (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS hoạt động nhóm 3 để thực hiện yêu cầu, làm bài vào VBT.	– Hợp tác với bạn để thực hiện các yêu cầu của BT.	

(Đáp án: <i>a. Trời càng nắng gắt, hoa giấy càng bồng lên rực rỡ. → Nói với nhau bằng dấu phẩy.</i> <i>b. Nắng ấm, sân rộng và sạch. → Nói với nhau bằng dấu phẩy; Mèo con chạy giỡn hết góc này đến góc khác, hai tai dựng đứng lên, cái đuôi ngoe nguẩy. → Nói với nhau bằng dấu phẩy.</i> <i>c. Tuy gió chưa mạnh lắm nhưng cây trong vườn đã xạc xào rụng lá. → Nói với nhau bằng cặp kết từ “Tuy ... nhưng ...”.)</i> – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Tìm được các câu ghép, xác định được cách nối các vế trong câu ghép. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.3. Tìm kết từ phù hợp thay cho mỗi ⊗ (06 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 3 và đọc đoạn văn. – HS làm bài cá nhân vào VBT. – HS chia sẻ, thống nhất kết quả trong nhóm đôi (Gợi ý: <i>nhưng, còn, mà</i>). – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Hợp tác với bạn để thực hiện các yêu cầu của BT. – Tìm được kết từ phù hợp để nối các vế trong câu ghép có trong đoạn văn. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.4. Đặt câu ghép theo yêu cầu (14 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 4. – HS làm bài vào VBT. – HS chia sẻ kết quả trong nhóm 3: chỉ ra câu ghép và cách nối các vế trong câu ghép đó; nghe bạn nhận xét, góp ý để chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết. – 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Hợp tác với bạn để thực hiện các yêu cầu của BT. – Viết được câu ghép theo yêu cầu, chỉ ra được cách nối các vế trong câu ghép đó. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

TIẾT 4

Viết: Lập dàn ý cho bài văn tả người

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
3. Viết (30 phút)		
3.1. Tìm hiểu đề bài và xác định đối tượng miêu tả (03 phút) – HS đọc đề bài, trả lời một số câu hỏi để phân tích đề bài: + Đề bài yêu cầu viết bài văn thuộc kiểu bài nào? (Đáp án: <i>Tả người.</i>) + Đối tượng mà em cần tả là ai? (Đáp án: <i>Một người thân trong gia đình của em.</i>) – 1 – 2 HS nhắc lại yêu cầu đề bài. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Phát triển kỹ năng phân tích yêu cầu của đề bài. – Hiểu và xác định đúng yêu cầu trọng tâm của đề bài.	
3.2. Lập dàn ý cho bài văn (17 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1. – HS đọc lại BT 2 trang 16 (<i>Tiếng Việt 5, tập hai</i>), kết hợp quan sát, đọc sơ đồ gợi ý. – HS trả lời một vài câu hỏi gợi ý của GV trong nhóm hoặc trước lớp để thực hiện hoạt động: + Em chọn tả ai? + Người đó gắn bó với em như thế nào? + Người đó có những đặc điểm nổi bật gì về ngoại hình? + Người đó có những hoạt động quen thuộc nào? Từ những hoạt động đó làm bật lên những điểm gì về tính tình? + Em có tình cảm, cảm xúc gì đối với người đó? + ... – HS làm bài vào VBT, GV lưu ý HS chọn lọc, sắp xếp ý và ghi chép văn tắt bằng các từ ngữ, hình ảnh. (Gợi ý: + <i>Mở bài: Giới thiệu người thân chọn tả:</i> • <i>Người thân em chọn tả là ai? (VD: Ông, bà, cha, mẹ,...)</i> • <i>Người đó gắn bó với em thế nào? (VD: yêu thương, gần gũi, chăm sóc em nhiều nhất,...)</i> • ... + <i>Thân bài: HS có thể chọn tả từng đặc điểm nổi bật của hình dáng, tính tình, hoạt động quen thuộc của người thân hoặc tả đặc điểm nổi bật về ngoại hình/ tính tình thông qua hoạt động.</i>	– Phát triển kỹ năng lập dàn ý. – Lập được dàn ý cho bài văn tả một người thân trong gia đình em. – Nhận xét được sản phẩm của mình và tự điều chỉnh.	

+ <i>Kết bài: Nêu tình cảm, cảm xúc, hoặc hành động thể hiện sự quan tâm, chăm sóc... đối với người được tả.</i>) – HS đọc lại, tự chỉnh sửa dàn ý đã lập.		
3.3. Chia sẻ dàn ý trong nhóm (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS chia sẻ dàn ý trong nhóm 3 theo kỹ thuật <i>Phòng tranh nhỏ</i>, nghe bạn nhận xét để hoàn chỉnh dàn ý theo một số gợi ý: + Trình tự miêu tả, sắp xếp các ý. + Sử dụng từ ngữ, hình ảnh so sánh, nhân hoá. + Phát triển, mở rộng ý. + ... – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	Hợp tác với bạn để nhận xét, đánh giá sản phẩm của mình và của bạn.	
C. VẬN DỤNG (05 phút)		
– HS xác định yêu cầu của hoạt động: <i>Dựa vào bài đọc “Mùa xuân em đi trồng cây”, đóng vai phóng viên để phỏng vấn các bạn nhỏ tham gia trồng cây.</i> – HS thực hành đóng vai phóng viên và các bạn nhỏ để phỏng vấn về hoạt động, cảm xúc, mong ước khi tham gia trồng cây thông qua trò chơi “Phóng viên nhí”. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.	– Nói được về cảm nhận của bản thân nếu được tham gia trồng cây. – Hợp tác với bạn để thực hiện hoạt động.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

BÀI 4: RỪNG XUÂN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Khởi động

Cùng bạn hỏi đáp được về màu sắc của các sự vật trong tự nhiên.

2. Khám phá và luyện tập

2.1. Đọc

– Nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Cảnh khu rừng vào xuân với nhiều sắc màu tuyệt đẹp. Từ đó, rút ra ý nghĩa: Ca ngợi cảnh đẹp của thiên nhiên, đất trời khi vào xuân.*

2.2. Luyện từ và câu

Luyện tập sử dụng cách nối các vế trong câu ghép.

2.3. Viết

Viết được đoạn mở bài cho bài văn tả người.

3. Vận dụng

Ghi lại được từ ngữ dùng để miêu tả lá cây trong bài “Rừng xuân” mà em thích.

Từ đó, góp phần hình thành các phẩm chất và năng lực chung.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SGK phóng to.
- Tranh, ảnh hoặc video clip về bầu trời, biển cả, cánh đồng lúa,... (nếu có).
- Tranh, ảnh hoặc video clip về các loại cây, lá được nhắc đến trong bài (nếu có).
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ đầu đến “cây chùm bao”.
- Thẻ từ, thẻ câu để tổ chức cho HS chơi trò chơi.

2. Học sinh

- Tranh, ảnh về một loài vật em thích (nếu có).
- Sổ tay Tiếng Việt.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

Độc: Rừng xuân

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (05 phút)		
– HS quan sát tranh, ảnh hoặc video clip về bầu trời, biển cả, cánh đồng lúa,... hoạt động nhóm đôi, cùng bạn hỏi đáp về màu sắc của các sự vật trong tự nhiên dựa vào gợi ý: + Sự vật em quan sát có màu sắc gì? + Em dùng từ ngữ nào để miêu tả màu sắc ấy? (Gợi ý: <i>bầu trời – xanh ngắt; biển cả – xanh thẳm; cánh đồng – xanh mướt/ vàng ươm;...</i>) – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS đọc tên bài kết hợp quan sát tranh minh họa, liên hệ với nội dung khởi động → phán đoán nội dung bài đọc. → Nghe GV giới thiệu bài học: “Rừng xuân”.	– Phối hợp với GV và bạn để thực hiện hoạt động. – Nói thành câu, diễn đạt trọn vẹn ý, nội dung theo yêu cầu của GV. – Có kĩ năng phán đoán nội dung bài đọc dựa vào tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.	
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Đọc (30 phút)		
1.1. Luyện đọc (08 phút) – HS nghe GV đọc mẫu. – HS đọc nối tiếp từng đoạn hoặc toàn bài đọc, kết hợp nghe GV hướng dẫn trong nhóm hoặc trước lớp:	– Hình thành kĩ năng đọc thầm kết hợp với	

+ Cách đọc một số từ ngữ khó: <i>bụ bẫm; lá ngoãn non; huyền ảo; toé;...</i> + Cách ngắt nghỉ một số câu dài: • <i>Những lá sưa mỏng tang/ và xanh rờn như một thứ lụa xanh màu ngọc thạch/ với những chùm hoa li ti/ và trắng như những hạt mưa bay.//;</i> • <i>Nắng đậm dần lên/ chiếu qua các tầng lá đủ màu sắc/ rơi xuống/ tạo ra một vùng ánh sáng mờ tỏ chỗ lam,/ chỗ hồng,/ có chỗ nắng chiếu vào những hạt sương/ toé lên những tia ngũ sắc/ ngời ngời như ta nhìn qua những ống kính vạn hoa.//;...</i> + Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó: <i>sưa</i> (loại cây gỗ nhỏ, tán thưa, hoa trắng và thơm, có thể được trồng làm cây cảnh quan đường phố, được xếp vào nhóm cây cần bảo vệ nghiêm ngặt); <i>ngoãn</i> (loại cây thân gỗ, lá cây to, hình trái tim gần như tròn, quả ăn được); <i>quéo</i> (loại cây gần giống như cây xoài, mọc hoang, thân cây to, quả dẹt và cong như có mỏ, ăn được và có vị chua);... (có thể kết hợp với quan sát tranh, ảnh hoặc video clip đã chuẩn bị) + Bài đọc có thể chia thành hai đoạn để luyện đọc và tìm ý: • Đoạn 1: Từ đầu đến “cây chùm bao”. • Đoạn 2: Còn lại. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV nhận xét chung về hoạt động luyện đọc.	nghe, xác định chỗ ngắt, nghỉ, nhấn giọng. – Đọc to, rõ ràng, đúng các từ khó và ngắt nghỉ hơi đúng ở các câu dài. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	
1.2. Tìm hiểu bài (12 phút) – HS đọc thầm toàn bài, thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả tìm hiểu bài trước lớp: 1. Mỗi loại lá cây đóng góp gì cho “ngày hội của màu xanh”? (Gợi ý: <i>Lá còi non – thoáng một chút xanh; lá sưa – mỏng tang và xanh rờn, như một thứ lụa xanh màu ngọc thạch; lá ngoãn – còn non, to như cái quạt lọc ánh sáng xanh mờ; lá cây quéo, cây vối, cây dâu da, cây đa, cây chùm bao – xanh sẫm đậm đặc.</i>) 2. Ngoài màu xanh, rừng xuân còn được miêu tả với những màu sắc nào? (Gợi ý: <i>Ngoài màu xanh, rừng xuân còn được miêu tả với những màu sắc khác, như: màu nâu hồng của những mầm cây bụi bẫm chưa có đủ chất diệp lục; những lá còi non mới thoáng một chút xanh vừa ra khỏi màu nâu vàng; những chùm hoa sưa li ti và trắng như những hạt mưa</i>	– Hợp tác với GV và bạn để trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài. – Thông qua tìm hiểu bài, hiểu thêm nghĩa một số từ khó và hiểu nội dung bài. – Biết liên hệ bản thân: Nêu được cảm nghĩ về rừng xuân được tả trong bài.	

bay; những đốm lá già còn sót lại đỏ như những viên hồng ngọc; những chiếc lá già đốm vàng, đốm đỏ, đốm tím; những chùm hoa lại vàng lên chói chang như những ngọn lửa; ...) → Rút ra ý đoạn 1: Khu rừng mùa xuân như một ngày hội màu xanh với nhiều sắc độ đậm nhạt. 3. Lá sưa và lá ngôã được so sánh với sự vật nào? Cách so sánh ấy có gì thú vị? (Gợi ý: Lá sưa – lụa xanh, lá ngôã – cái quạt. Cách so sánh giúp sự vật trở nên sống động, gần gũi, dễ hình dung và có nét đặc trưng riêng biệt.) 4. Vì sao nắng chiếu qua các tầng lá lại tạo nên bầu ánh sáng huyền ảo? (Gợi ý: Vì ánh nắng rọi xuống tạo ra vùng ánh sáng mờ tỏ chỗ lam, chỗ hồng, có chỗ nắng chiếu vào những hạt sương toé lên những tia ngũ sắc ngời ngời như ta nhìn qua những ống kính vạn hoa, khiến bầu ánh sáng trở nên huyền ảo, diệu kì.) → Giải nghĩa từ: toé (nghĩa trong bài: ánh sáng chiếu mạnh, toả ra các phía);... → Rút ra ý đoạn 2: Bầu ánh sáng huyền ảo của khu rừng. 5. Nêu cảm nghĩ của em về rừng xuân được tả trong bài. (HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. VD: Rừng xuân được tả trong bài thật đẹp, tràn ngập màu xanh với các sắc độ đậm nhạt khác nhau, nhờ cách miêu tả khéo léo, sinh động của tác giả mà khi đọc ta cứ ngỡ cả khu rừng như đang hiện ra trước mắt.) → Rút ra nội dung, ý nghĩa của bài đọc. – HS nghe bạn và GV nhận xét, bổ sung. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động tìm hiểu bài.		
1.3. Luyện đọc lại (10 phút) – HS trả lời một vài câu hỏi để nhớ lại nội dung chính của bài và xác định giọng đọc: + Bài đọc nói về điều gì? → Toàn bài đọc với giọng trong sáng, vui tươi, nhẹ nhàng. + Cần nhấn giọng ở những từ ngữ nào? (Gợi ý: Nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ vẻ đẹp của khu rừng, của thiên nhiên.) – HS nghe GV hoặc một bạn đọc lại đoạn 1: Rừng hôm nay/ như một <u>ngày hội của màu xanh</u>,/ màu xanh với nhiều sắc độ <u>đậm nhạt</u>,/ <u>dày mỏng</u> khác nhau.// Những <u>mầm cây bu bám</u>/ còn đang ở màu <u>nâu hồng</u> chưa có đủ chất <u>diệp lục</u>/ để chuyển sang màu xanh.// Những lá còi non/ mới thoáng <u>một chút xanh</u> vừa ra khỏi màu <u>nâu</u>	– Xác định được giọng đọc trên cơ sở hiểu nội dung bài. – Biết nhấn giọng ở một số từ ngữ chỉ vẻ đẹp của khu rừng, của thiên nhiên. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	

<u>vàng.</u>// Những lá <u>sua mỏng tang</u>/ và <u>xanh rờn</u> như một thứ <u>lụa xanh màu ngọc thạch</u>/ với những chùm hoa <u>li ti</u>/ và <u>trắng</u> như những hạt mưa bay.// Những chiếc lá <u>ngoài non</u>/ <u>to</u> như cái quạt lọc ánh sáng xanh mờ mờ.// Tất cả những sắc <u>xanh non tơ ả</u>/ in trên nền <u>xanh sẫm đậm đặc</u>/ của những tán lá già,/ của những cây quế,/ cây vối,/ cây dâu da,/ cây đa,/ cây chùm bao,...// – HS luyện đọc lại đoạn 1 trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ. – HS thi đọc đoạn 1 trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động luyện đọc lại.		
---	--	--

TIẾT 2

Luyện từ và câu: Luyện tập về cách nối các vế trong câu ghép

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH												
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)														
2. Luyện từ và câu (35 phút)														
2.1. Luyện tập nối các vế trong câu ghép (08 phút)														
– HS xác định yêu cầu của BT 1. – HS thảo luận trong nhóm 4 theo kỹ thuật <i>Mảnh ghép và Khăn trải bàn</i>: + 1/2 số nhóm trong lớp sử dụng dấu câu để nối các vế. + 1/2 số nhóm trong lớp sử dụng kết từ để nối các vế. Gợi ý:														
<table border="1"> <thead> <tr> <th></th><th>Dùng dấu câu để nối các vế</th><th>Dùng kết từ để nối các vế</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>a.</td><td>Chị Mai nấu cơm, kho cá; tôi nhặt rau và quét nhà.</td><td>Chị Mai nấu cơm, kho cá còn tôi nhặt rau và quét nhà.</td></tr> <tr> <td>b.</td><td></td><td>Sáng nay, em đến trường và em sẽ đến thư viện để đọc sách.</td></tr> <tr> <td>c.</td><td>Mùa xuân đang về, các loài hoa đua nhau khoe sắc trong vườn trường.</td><td>Mùa xuân đang về nên các loài hoa đua nhau khoe sắc trong vườn trường.</td></tr> </tbody> </table>		Dùng dấu câu để nối các vế	Dùng kết từ để nối các vế	a.	Chị Mai nấu cơm, kho cá; tôi nhặt rau và quét nhà.	Chị Mai nấu cơm, kho cá còn tôi nhặt rau và quét nhà.	b.		Sáng nay, em đến trường và em sẽ đến thư viện để đọc sách.	c.	Mùa xuân đang về, các loài hoa đua nhau khoe sắc trong vườn trường.	Mùa xuân đang về nên các loài hoa đua nhau khoe sắc trong vườn trường.	– Hợp tác với bạn để thực hiện các yêu cầu của bài tập. – Sử dụng dấu câu và chọn được kết từ phù hợp để nối các vế trong câu ghép. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
	Dùng dấu câu để nối các vế	Dùng kết từ để nối các vế												
a.	Chị Mai nấu cơm, kho cá; tôi nhặt rau và quét nhà.	Chị Mai nấu cơm, kho cá còn tôi nhặt rau và quét nhà.												
b.		Sáng nay, em đến trường và em sẽ đến thư viện để đọc sách.												
c.	Mùa xuân đang về, các loài hoa đua nhau khoe sắc trong vườn trường.	Mùa xuân đang về nên các loài hoa đua nhau khoe sắc trong vườn trường.												

d.	<i>Luống này là hồng nhung đỏ thắm, luống kia là thực được rục rờ.</i>	<i>Luống này là hồng nhung đỏ thắm còn luống kia là thực được rục rờ.</i>		
– HS làm bài vào VBT. – 1 – 2 nhóm HS chữa bài trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.				
2.2. Tìm kết từ và vế câu phù hợp thay cho ☼ để tạo thành câu ghép (12 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2 và đọc các câu văn. – HS thảo luận nhóm nhỏ, làm bài vào VBT. (Gợi ý: <i>a. Đường vào bản rất xa nên du khách đến tham quan phải đi từ sáng sớm./ nhưng các thầy, cô giáo dưới xuôi vẫn kiên trì lên dạy chữ cho trẻ ở bản.</i> <i>b. Những cây xoan đã lấm tấm nụ còn cây bàng đã xoè những chiếc lá non xanh đầy cành./ nên chỉ qua một đêm, từ những kẽ vỏ thô ráp, xù xì, hoa bung nở bông bành.</i> <i>c. Hội đua thuyền tổ chức vào thứ Bảy nhưng từ chiều thứ Sáu, các đội đua đã nô nức tụ tập bên bến sông./ nên các gian hàng ẩm thực trên sông đã kết thúc vào tối thứ Sáu.</i> <i>d. Tôi thích những món đồ chơi kết từ lá dừa nên mỗi khi có dịp gặp ai bán chúng, ba đều mua về cho tôi./ còn em trai tôi lại đam mê những món đồ chơi công nghệ.)</i> – 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.			– Hợp tác với bạn để thực hiện các yêu cầu của bài tập. – Tìm được kết từ và vế câu phù hợp với nội dung. Từ đó, phát triển kĩ năng viết câu. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.3. Đặt câu về một loài vật em thích và chỉ ra cách nối các vế trong câu (15 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 3 và quan sát các tranh minh họa. – HS làm bài vào VBT (có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh đã chuẩn bị). (Lưu ý: HS viết theo suy nghĩ và cảm nhận cá nhân, GV có thể khuyến khích HS viết 2 – 3 câu ghép và nối các vế câu bằng nhiều cách.) – HS chia sẻ trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét, chỉnh sửa để hoàn thiện câu. – 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.			– Viết được câu về một loài vật em thích, trong có có sử dụng câu ghép. Xác định được cách nối các vế câu ghép đó. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

TIẾT 3

Viết: Viết đoạn mở bài cho bài văn tả phong cảnh

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
3. Viết (30 phút)		
3.1. Nhận diện đoạn mở bài trực tiếp và đoạn mở bài gián tiếp trong bài văn tả người (15 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1 và BT 2. – HS hoạt động nhóm 4, đọc từng đề bài và hai đoạn mở bài tương ứng với từng đề bài rồi xếp vào nhóm thích hợp. (Đáp án: + <i>Mở bài trực tiếp: Đoạn văn 1a, đoạn văn 2b;</i> + <i>Mở bài gián tiếp: Đoạn văn 1b, đoạn văn 2a.)</i> – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS trả lời một số câu hỏi của GV: + Vì sao em xếp được đoạn văn vào nhóm? (Gợi ý: Dựa vào nội dung đoạn văn để xếp vào đúng nhóm: nhóm 1 giới thiệu chung về người chọn tả; nhóm 2 nêu các sự vật, hiện tượng có liên quan để dẫn vào giới thiệu người chọn tả.) + Theo em, có những cách nào để viết đoạn mở bài trong bài văn tả phong cảnh? + ... – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, rút ra hai cách mở bài.	– Hợp tác với bạn để thực hiện các yêu cầu của bài tập. – Nhận diện được đoạn mở bài trực tiếp và đoạn mở bài gián tiếp.	
3.2. Thực hành viết đoạn mở bài (15 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 3. – HS dựa vào gợi ý, viết đoạn mở cho bài văn tả một người thân trong gia đình em theo một trong hai cách vào VBT. – HS chia sẻ bài làm trong nhóm đôi, chỉnh sửa bài làm dựa vào nhận xét của bạn. – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Viết được đoạn mở bài cho bài văn tả một người thân trong gia đình em. – Tự chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
C. VẬN DỤNG (05 phút)		
– HS xác định yêu cầu của hoạt động: <i>Ghi lại 3 – 5 từ ngữ dùng để miêu tả lá cây trong bài đọc “Rừng xuân” mà em thích.</i> – HS đọc thầm lại bài đọc “Rừng xuân”.	– Tìm được từ ngữ dùng để miêu tả lá cây trong bài đọc “Rừng xuân”.	

– HS hoạt động nhóm nhỏ, ghi lại từ miêu tả lá cây mà em thích (Gợi ý: <i>mỏng tang, xanh rờn, xanh sẫm, đậm đặc,...</i>). (Lưu ý: HS có thể nêu lí do vì sao thích các từ ngữ đó hoặc đặt câu với các từ đó. Nếu cần, có thể giải nghĩa một số từ để việc nhận xét được chính xác hơn.) – GV có thể hướng dẫn HS thực hiện hoạt động ở nhà, viết từ ngữ vào sổ tay Tiếng Việt. – HS chia sẻ kết quả bằng kĩ thuật <i>Phòng tranh</i> hoặc trình bày ở <i>Góc Tiếng Việt/ Góc Sáng tạo/ Góc sản phẩm</i>. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.	– Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
--	--	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

BÀI 5: BẦY CHIM MÙA XUÂN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Khởi động

Chia sẻ được với bạn về một việc làm thể hiện sự gắn bó của con người với thiên nhiên mà em biết.

2. Khám phá và luyện tập

2.1. Đọc

– Nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời nhân vật và lời người dẫn chuyện; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Kể về hoạt động của các thành viên gia đình nhân vật tôi trong vườn nhà vào những ngày đầu xuân. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: Tình yêu và sự gắn bó của gia đình nhân vật tôi với khu vườn và bầy chim mùa xuân, đó cũng là tình yêu và ý thức bảo vệ thiên nhiên, môi trường.*

2.2. Luyện từ và câu

Luyện tập sử dụng cách nối các vế trong câu ghép.

2.3. Viết

Viết được đoạn văn cho bài văn tả người.

3. Vận dụng

Tìm được một thành ngữ phù hợp với nội dung bài đọc “Bầy chim mùa xuân”; nêu được cách hiểu của em về thành ngữ vừa tìm.

Từ đó, góp phần hình thành các phẩm chất và năng lực chung.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SGK phóng to.
- Hình ảnh hoặc video clip về hoạt động trồng cây; cho chim, sóc ngoài tự nhiên ăn; cứu hộ động vật;... (nếu có).
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Anh tôi chợt dừng hát” đến hết.
- Thẻ từ cho HS thực hiện các BT luyện từ và câu.

2. Học sinh

- Tranh, ảnh hoặc video clip về một loài chim (nếu có).
- Sổ tay Tiếng Việt.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

Độc: Bầy chim mùa xuân

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (10 phút)		
– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, chia sẻ với bạn về một việc làm thể hiện sự gắn bó của con người với thiên nhiên mà em biết (Gợi ý: <i>Trồng cây; cho chim ngoài tự nhiên ăn; cứu hộ động vật hoang dã;...</i>). – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS đọc tên bài kết hợp quan sát tranh minh họa, liên hệ với nội dung khởi động → phán đoán nội dung bài đọc. → Nghe GV giới thiệu bài học: “Bầy chim mùa xuân”.	– Phối hợp với GV và bạn để thực hiện hoạt động. – Nói thành câu, diễn đạt trọn vẹn ý, nội dung theo yêu cầu của GV. – Có kĩ năng phán đoán nội dung bài đọc dựa vào tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.	
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Đọc (60 phút)		
1.1. Luyện đọc (12 phút) – HS nghe GV đọc mẫu. – HS đọc nối tiếp từng đoạn hoặc toàn bài đọc, kết hợp nghe GV hướng dẫn trong nhóm hoặc trước lớp: + Cách đọc một số từ ngữ khó: <i>run rẩy; phắt; ngời thup xuống;...</i> + Cách ngắt nghỉ một số câu dài, thể hiện suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật:	– Hình thành kĩ năng đọc thầm kết hợp với nghe, xác định chỗ ngắt, nghỉ, nhấn giọng,... – Đọc to, rõ ràng, đúng các từ khó và ngắt nghỉ hơi đúng ở các câu dài. – Nhận xét được cách đọc của mình và của	

• Nhưng tôi xin mẹ cho đi chân đất/ bởi tôi thích cái cảm giác đất vườn ẩm ướt,/ mềm mại/ ôm lấy hai bàn chân thật dịu dàng.//; • Tôi đã luôn nghĩ rằng/ mọi cây cối trong vườn,/ mọi chiếc lá hay mỗi bông hoa,/ chúng đều biết vui buồn.//; • Bởi vì chúng chỉ trở về vào mùa xuân,/ làm tổ khắp vườn/ và rồi sẽ bay đi khi những tia nắng đầu tiên của mùa hè chiếu xuống.//;... + Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: <i>ngồi thụp xuống</i> (ngồi thấp xuống một cách đột ngột); <i>phất</i> (một cách nhanh, gọn, ngay lập tức, với thái độ dứt khoát);... + Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý: • Đoạn 1: Từ đầu đến “trời lên”. • Đoạn 2: Tiếp theo đến “vui buồn”. • Đoạn 3: Còn lại. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV nhận xét chung về hoạt động luyện đọc.	bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	
1.2. Tìm hiểu bài (20 phút) – HS đọc thầm bài đọc, thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả tìm hiểu bài trước lớp: 1. Tháng Giêng gọi cho nhân vật tôi nhớ về điều gì? (Gợi ý: <i>Tháng Giêng gọi cho nhân vật tôi nhớ về những hạt cây vừa nảy mầm trên mặt đất. Chúng xanh tươi, non nớt, tuy run rẩy yếu đuối nhưng cũng đầy kiêu hãnh. Chúng xuyên qua những vụn đất để trời lên.</i>) → Rút ra ý đoạn 1: <i>Vẻ đẹp của những mầm cây trong khu vườn.</i> 2. Tìm những chi tiết cho thấy sự gắn bó của mọi người trong gia đình nhân vật tôi với khu vườn. (Gợi ý: <i>Vào ngày đầu xuân, cả nhà ra vườn. Bạn nhỏ đi chân đất vì thích cái cảm giác đất vườn ẩm ướt, mềm mại ôm lấy hai bàn chân thật dịu dàng. Bố bạn nhỏ là người bố xuống nhất cuộc đầu tiên còn anh trai của bạn nhỏ thì hát. Bạn nhỏ ngồi thụp xuống dưới gốc cây hồng xiêm rất to và ngấm mấy cái hạt mầm. Cảm nhận cơn gió thổi qua tai, qua má và cho rằng mọi vật trong khu vườn đều có linh tính.</i>) → Rút ra ý đoạn 2: <i>Sự gắn bó của mọi người trong gia đình với khu vườn.</i>	– Hợp tác với GV và bạn để trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài. – Thông qua tìm hiểu bài, hiểu thêm nghĩa một số từ khó và hiểu nội dung bài.	

3. Bầy chim mùa xuân được tả bằng những từ ngữ, hình ảnh nào? (Gợi ý: <i>Bầy chim mùa xuân được tả bằng những từ ngữ, hình ảnh: trở về vào mùa xuân, làm tổ khắp vườn, bay đi khi những tia nắng đầu tiên của mùa hè chiếu xuống, màu đỏ, đậu trên những vòm cây như quả chín.</i>) 4. Qua hai đoạn văn cuối bài, em cảm nhận được tình cảm của gia đình nhân vật tôi dành cho bầy chim như thế nào? Vì sao? (Gợi ý: <i>Khi thấy bầy chim, gia đình nhân vật tôi đã rón rén trở về nhà, nhường cả khu vườn đang đậm chồi mướt mát cho bầy chim ấy. Việc làm đó thể hiện lòng quý mến đối với bầy chim và tình yêu thiên nhiên của gia đình bạn nhỏ.</i>) → Giải nghĩa từ: <i>rón rén</i> (gợi tả dáng điệu của động tác (thường là đi đứng) cố làm cho thật nhẹ nhàng, thông thả vì sợ gây tiếng động);... → Rút ra ý đoạn 3: <i>Vẻ đẹp của khu vườn khi bầy chim mùa xuân trở về.</i> 5. Nói 2 – 3 câu về vẻ đẹp của khu vườn khi bầy chim mùa xuân trở về. (HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. VD: <i>Bầy chim màu đỏ trở về làm khu vườn xanh mướt thêm rực rỡ, thêm tươi vui và đầy sức sống. Chúng đậu trên những vòm cây xanh rì, từ xa trông chúng như những chùm quả chín mọng đỏ ối;...</i>). → Rút ra nội dung, ý nghĩa của bài đọc. – HS nghe bạn và GV nhận xét, bổ sung. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động tìm hiểu bài.		
1.3. Luyện đọc lại (15 phút) – HS trả lời một vài câu hỏi để nhớ lại nội dung chính của bài và xác định giọng đọc: + Bài đọc nói về điều gì? → <i>Toàn bài đọc với giọng vui tươi, giọng người dẫn chuyện thông thả.</i> + Cần nhấn giọng ở những từ ngữ nào? (Gợi ý: <i>Nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ hoạt động, trạng thái của các nhân vật, từ ngữ miêu tả cảnh vật,...</i>) – HS nghe GV hoặc một bạn đọc lại đoạn 3: <i>Anh tôi chọt <u>dùng hát</u>,/ <u>ngồi xuống</u> bên cạnh tôi và <u>thì thào</u>::/</i> <i>– Này,/ anh vừa <u>nhìn thấy</u> đàn chim “Mùa Xuân” <u>đấy</u>::/</i> <i>Tôi <u>quay phắt</u> sang::/</i>	– Xác định được giọng đọc trên cơ sở hiểu nội dung bài. – Biết nhấn giọng ở một số từ ngữ quan trọng, thể hiện giọng đọc phù hợp với từng nhân vật. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	

– <i>Thật ư?//</i> <i>Một tay anh <u>đưa</u> lên miệng,/ tay kia anh <u>chỉ</u> cho tôi <u>thấy</u>.//</i> <i>Ôi chao,/ đúng là một đàn đến hàng trăm con,/ loài chim mà chúng tôi <u>đặt tên</u> là “<u>Mùa Xuân</u>”.// Bởi vì chúng chỉ <u>trở về</u> vào mùa xuân,/ <u>làm tổ</u> khắp vườn/ và rồi sẽ <u>bay đi</u> khi những tia nắng đầu tiên của mùa hè <u>chiếu xuống</u>.// Chúng có màu đỏ.// Tất cả chúng đều có màu đỏ.// Chúng <u>đậu</u> trên những vòm cây như quả <u>chín</u>.//</i> <i>Tôi nhìn thấy bố <u>vẫy tay</u>/ và chúng tôi <u>rón rén</u> trở về nhà,/ <u>nhường</u> cả khu vườn đang <u>đâm chồi mướt mát</u> cho bầy chim ấy.//</i> – HS luyện đọc diễn cảm trong nhóm, trước lớp đoạn 3. – 2 – 3 HS thi đọc đoạn 3 trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động luyện đọc lại.		
1.4. Cùng sáng tạo (13 phút) – HS xác định yêu cầu của hoạt động: <i>Tưởng tượng, viết 3 – 4 câu kể về hoạt động của bầy chim “Mùa xuân” khi trở về khu vườn.</i> – HS trả lời một số câu hỏi gợi ý của GV để thực hiện hoạt động: + Theo em, khi bầy chim “Mùa xuân” trở về, khung cảnh khu vườn trông như thế nào? + Bầy chim làm gì sau khi trở về khu vườn? + Em cảm nhận được những âm thanh nào có trong khu vườn khi bầy chim trở về? + ... – HS viết câu vào sổ tay Tiếng Việt. – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá và tổng kết hoạt động đọc.	– Viết được câu kể về hoạt động của bầy chim “Mùa xuân” khi trở về khu vườn. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

TIẾT 3

Luyện từ và câu: Luyện tập về cách nối các vế trong câu ghép

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
2. Luyện từ và câu (35 phút)		
2.1. Tìm câu ghép và xác định cách nối các vế trong câu ghép (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1, đọc đoạn văn. – HS thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để thực hiện các yêu cầu của BT. (Đáp án: a. Các câu ghép có trong đoạn văn: + <i>Vì cậu tôi mới trồng được vài năm nên những cây phi lao chỉ cao hơn đầu người một chút.</i> + <i>Tuy ngọn cây chưa cao lắm nhưng lá kim đã ra xùm xoà.</i> b. Chủ ngữ, vị ngữ trong mỗi câu ghép: (<i>Vì</i>) <u>cậu tôi/ mới trồng được vài năm</u> <i>nên những cây phi lao/ chỉ cao hơn đầu người một chút.</i> CN1 VN1 CN2 <i>Tuy</i> <u>ngọn cây/ chưa cao lắm nhưng lá kim/ đã ra xùm xoà.</u> CN1 VN1 CN2 VN2 c. Các vế trong từng câu ghép được nối với nhau bằng cặp kết từ: “<i>Vì ... nên ...</i>”; “<i>Tuy ... nhưng ...</i>”. d. Không tách mỗi vế câu trong từng câu ghép tìm được thành câu đơn. Vì mối quan hệ giữa các vế câu chặt chẽ, nếu tách thì câu sẽ không trọn ý.) – 2 – 3 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Hợp tác với bạn để thực hiện các yêu cầu của BT. – Tìm được các câu ghép có trong đoạn văn, xác định được chủ ngữ, vị ngữ trong từng câu và cách nối các vế trong câu ghép. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.2. Tìm vế câu phù hợp thay cho ☼ (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2, đọc các câu văn. – HS thảo luận theo nhóm đôi, tìm vế câu phù hợp thay cho ☼ để hoàn chỉnh các câu, làm bài vào VBT. (Gợi ý: a. <i>Mặc dù mưa rất lớn nhưng đoàn thuyền vẫn cập bến an toàn.</i> b. <i>Nhờ rừng nguyên sinh được bảo vệ nên vùng này không bị lũ quét.</i>	– Hợp tác với bạn để thực hiện các yêu cầu của BT. – Tìm được vế câu phù hợp để tạo thành câu ghép trong mỗi câu văn. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

c. <i>Tuy cây bàng này mới trồng năm ngoái nhưng cành lá đã sum sê, xanh biếc.</i> d. <i>Vì đất vùng này rất màu mỡ nên hàng cây bạch đàn lớn nhanh trông thấy.)</i> – HS chơi <i>Tiếp sức</i> để chữa bài trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.		
2.3. Viết đoạn văn giới thiệu về một loài chim (15 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 3. – HS quan sát tranh, ảnh hoặc video clip về một loài chim (tự chuẩn bị hoặc GV giới thiệu). – HS thảo luận trong nhóm nhỏ, giới thiệu cho nhau về loài chim mà em thích. – HS làm bài vào VBT. – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Viết được đoạn văn giới thiệu một loài chim, trong đó có câu ghép, các vế câu ghép được nối với nhau bằng cặp kết từ. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

TIẾT 4

Viết: Viết đoạn văn cho bài văn tả người

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
3. Viết (30 phút)		
3.1. Tìm hiểu cách viết đoạn văn tả ngoại hình hoặc tính tình, hoạt động của con người (15 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1. – HS đọc các đoạn văn, thảo luận trong nhóm nhỏ theo kỹ thuật <i>Mảnh ghép</i>: + 1/2 số nhóm trong lớp tìm hiểu về đoạn văn a. + 1/2 số nhóm trong lớp tìm hiểu về đoạn văn b. – HS trao đổi trong nhóm 4 (có thể ghi lại kết quả bằng sơ đồ vào <i>Phiếu học tập</i>). (Gợi ý: <i>Đoạn văn a:</i> + <i>Tác giả tả một số đặc điểm nổi bật của bé Bông:</i> • <i>Khuôn mặt: bầu bĩnh;</i> • <i>Má: phúng phính, căng mịn;</i> • <i>Đôi mắt: tròn xoe, long lanh;</i> • <i>Miệng: đỏ hồng, chúm chím (như nụ hoa đào);</i> • <i>Mái tóc: mềm, đen nhánh, tết thành hai bím nhỏ, lắc lư theo nhịp bước;</i>	– Hợp tác với bạn để thực hiện các yêu cầu của BT. – Tìm hiểu được cách viết đoạn văn tả ngoại hình hoặc tính tình, hoạt động của con người. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

• <i>Làn da: trắng hồng.</i> + <i>Câu mở đầu và câu cuối của đoạn văn nêu nhận định và ấn tượng chung của tác giả về bé Bông.</i> <i>Đoạn văn b:</i> + <i>Khi bà chải tóc và khi bà cười, tác giả quan sát được một số đặc điểm ngoại hình nổi bật:</i> • <i>Tóc: đen, dày kì lạ, phủ kín cả hai vai, xoã xuống ngực, xuống đầu gối;</i> • <i>Hai con ngươi: đen sẫm, nở ra, long lanh, dịu hiền;</i> • <i>Đôi mắt: ánh lên những tia sáng ấm áp, tươi vui;</i> • <i>Đôi má: ngăm ngăm, nhiều nếp nhăn;</i> • <i>Khuôn mặt: tươi trẻ.</i> + <i>Giọng nói: trầm bổng, ngân nga như tiếng chuông.</i> + <i>Tình cảm, cảm xúc của tác giả dành cho bà của mình thể hiện qua lời tả dịu dàng, tha thiết, dùng nhiều từ ngữ thể hiện cảm xúc như: khắc sâu vào trí nhớ tôi dễ dàng, long lanh, dịu hiền khó tả,...</i> + <i>Học được cách chọn tả những đặc điểm về ngoại hình, hoạt động của một người và cách lựa chọn, sử dụng từ ngữ để miêu tả, thể hiện tình cảm, cảm xúc của em với người được chọn tả.)</i> – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.		
3.2. Viết đoạn văn tả đặc điểm ngoại hình hoặc tính tình, hoạt động của một người thân trong gia đình (15 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS trả lời một vài câu hỏi gợi ý của GV trong nhóm hoặc trước lớp để thực hiện hoạt động: + <i>Người thân em chọn tả là ai?</i> + <i>Em chọn tả ngoại hình hay tính tình, hoạt động của người đó?</i> + <i>Em chọn tả những đặc điểm hoặc hoạt động nào? Vì sao?</i> + <i>Em chọn sử dụng những từ ngữ nào để thể hiện tình cảm, cảm xúc giữa em và người đó?</i> + ... – HS làm bài vào VBT. – HS xác định yêu cầu của BT 3. – HS đọc lại bài làm của mình, chỉnh sửa để hoàn thiện (nếu cần). – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– <i>Viết được đoạn văn tả đặc điểm ngoại hình hoặc tính tình, hoạt động của một người thân trong gia đình.</i> – <i>Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.</i>	

C. VẬN DỤNG (05 phút)		
– HS xác định yêu cầu của hoạt động 1: <i>Tìm một thành ngữ phù hợp với nội dung bài đọc “Bầy chim mùa xuân”.</i> – HS nhớ lại nội dung bài đọc “Bầy chim mùa xuân” và nghe GV hướng dẫn tìm một thành ngữ phù hợp (Gợi ý: <i>Đất lành chim đậu,...</i>). – HS xác định yêu cầu của hoạt động 2: <i>Nêu cách hiểu của em về thành ngữ vừa tìm được.</i> – HS trao đổi trong nhóm đôi, nêu cách hiểu về thành ngữ vừa tìm được và nghe bạn nhận xét. – HS ghi vào vở, sổ tay hoặc phiếu ghi chép theo yêu cầu. – HS chia sẻ kết quả ghi chép trong nhóm nhỏ. (Lưu ý: GV có thể hướng dẫn để HS thực hiện việc ghi chép ở nhà.) – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.	– Tìm được thành ngữ phù hợp với nội dung bài đọc “Bầy chim mùa xuân”, hiểu được nghĩa của thành ngữ đó. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

BÀI 6: THIÊN ĐƯỜNG CỦA CÁC LOÀI ĐỘNG VẬT HOANG DÃ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Khởi động

Trao đổi được với bạn về lí do cần phải cần bảo tồn động vật, thực vật.

2. Khám phá và luyện tập

2.1. Đọc

– Nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Hi-o-lo-vin là khu bảo tồn, chăm sóc những loài động vật bản địa của nước Úc. Mọi người cần có ý thức trong việc bảo vệ các loài động vật để đảm bảo sự đa dạng sinh học.*

2.2. Nói và nghe

Trao đổi được ý kiến với người thân về việc *Trồng và chăm sóc cây cối, vật nuôi.*

2.3. Viết

Viết được đoạn kết bài cho bài văn tả người.

3. Vận dụng

Viết được ba điều nên làm và ba điều không nên làm khi đến những khu bảo tồn động vật, thực vật.

Từ đó, góp phần hình thành các phẩm chất và năng lực chung.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SGK phóng to.
- Tranh, ảnh hoặc video clip giới thiệu về Khu Bảo tồn Hi-ơ-lơ-vin (Úc) (nếu có).
- Tranh, ảnh hoặc video về đa dạng sinh học, sự tác động của sinh vật đến đời sống và sự biến đổi của môi trường (nếu có).
- Bảng phụ ghi đoạn từ “Mỗi năm” đến hết.

2. Học sinh

Tranh, ảnh hoặc video clip về một khu bảo tồn động vật, thực vật (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

Độc: Thiên đường của các loài động vật hoang dã

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (05 phút)		
– HS thi kể tên một số loài động vật có nguy cơ bị tuyệt chủng trên thế giới và ở Việt Nam (Gợi ý: <i>Thế giới: Cá voi xanh, gấu trúc khổng lồ, tê giác đen,...</i> <i>Việt Nam: bò tót, sao la, hươu,...</i>). – HS hoạt động nhóm nhỏ, trao đổi với bạn về lí do cần phải cần bảo tồn động vật, thực vật (có thể kết hợp trình chiếu tranh ảnh, video clip về đa dạng sinh học đã chuẩn bị). (Gợi ý: <i>Đảm bảo sự đa dạng về giống loài; đảm bảo cân bằng sinh thái; cung cấp những lợi ích quan trọng về y học, nông nghiệp,...</i>) – HS đọc tên bài kết hợp quan sát tranh minh hoạ, liên hệ với nội dung khởi động → phán đoán nội dung bài đọc. → Nghe GV giới thiệu bài học: “Thiên đường của các loài động vật hoang dã”.	– Phối hợp với GV và bạn để thực hiện hoạt động. – Nói thành câu, diễn đạt trọn vẹn ý, nội dung theo yêu cầu của GV. – Có kĩ năng phán đoán nội dung bài đọc dựa vào tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.	
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Đọc (30 phút)		
1.1. Luyện đọc (08 phút) – HS nghe GV đọc mẫu. – HS đọc nối tiếp từng đoạn hoặc toàn bài đọc, kết hợp nghe	– Hình thành kĩ năng đọc thầm kết hợp với	

GV hướng dẫn trong nhóm hoặc trước lớp: + Cách đọc một số từ ngữ khó, VD: <i>Hi-ơ-lơ-vin; kăng-gu-ru; đin-gô;...</i> + Cách ngắt nghỉ một số câu dài: • <i>Thiên đường rừng rậm này có hơn 200 loài động vật hoang dã của Úc như/ gấu túi,/ kăng-gu-ru,/ thú mỏ vịt,/ chó đin-gô,/ gấu túi mũi trần,/ đà điểu,...//;</i> • <i>Những người yêu động vật/ có thể ghé thăm một số “bệnh nhân” đang hồi phục,/ xem bác sĩ thú y làm việc/ hoặc tận tình chữa trị cho những con vật bị ốm/ hay bị thương.//;</i> • <i>Cũng ở đây,/ du khách còn được xem các chú vẹt/ phô diễn bộ lông long lanh/ trong chương trình biểu diễn “Linh hồn của bầu trời” nổi tiếng/ hay chơi đùa cùng loài thú mỏ vịt duy nhất trên thế giới.//;...</i> + Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: <i>chiêm ngưỡng</i> (nhìn một cách tập trung, nghĩ rằng nó thu hút và ấn tượng);... + Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý: • Đoạn 1: Từ đầu đến “đà điểu,...”. • Đoạn 2: Tiếp theo đến “bị thương”. • Đoạn 3: Còn lại. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV nhận xét chung về hoạt động luyện đọc.	nghe, xác định chỗ ngắt, nghỉ, nhấn giọng,... – Đọc to, rõ ràng, đúng các từ khó và ngắt nghỉ hơi đúng ở các câu dài. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	
1.2. Tìm hiểu bài (14 phút) – HS đọc thầm toàn bài, thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi, có thể trình bày kết quả bằng sơ đồ đơn giản. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả tìm hiểu bài trước lớp: 1. Tìm những chi tiết cho thấy Khu bảo tồn Hi-ơ-lơ-vin có quy mô lớn. (Gợi ý: <i>Diện tích hơn 30 héc-ta, động vật được sống trong môi trường rộng lớn và tươi xanh không khác tự nhiên; có hơn 200 loài động vật hoang dã của Úc đang sinh sống.</i>) → Rút ra ý đoạn 1: <i>Giới thiệu về Khu Bảo tồn Động vật hoang dã Hi-ơ-lơ-vin.</i> 2. Đến khu bảo tồn, du khách và những người yêu động vật được trải nghiệm những gì? (Gợi ý: <i>Chiêm ngưỡng loài chim săn mồi sải cánh trên bầu trời, ngắm dáng vẻ đáng yêu của loài gấu túi đu ngủ trên cành cây, xem các chú vẹt phô diễn bộ lông long lanh, chơi đùa cùng loài thú mỏ vịt duy nhất trên thế giới.</i>)	– Hợp tác với GV và bạn để trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài. – Thông qua tìm hiểu bài, hiểu thêm nghĩa một số từ khó và hiểu nội dung bài. – Biết liên hệ bản thân: Nói được những việc em sẽ làm khi đến thăm Khu bảo tồn Hi-ơ-lơ-vin hoặc các khu bảo tồn động vật hoang dã khác.	

→ Rút ra ý đoạn 3: <i>Những trải nghiệm thú vị của du khách tại khu bảo tồn.</i> 3. Xác định ý chính của mỗi đoạn trong bài. (Gợi ý: <i>Đoạn 1: giới thiệu về Khu Bảo tồn Động vật hoang dã Hi-ơ-lơ-vin; đoạn 2: những việc làm của đội ngũ chuyên gia, các y, bác sĩ để chăm sóc các loài động vật; đoạn 3: những trải nghiệm thú vị của du khách tại khu bảo tồn.</i>) 4. Bày tỏ suy nghĩ của em về cách con người ứng xử với các loài động vật ở khu bảo tồn. (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. VD: + <i>Đối với động vật nói chung, khu bảo tồn tạo điều kiện cho chúng sống trong môi trường rộng lớn và tươi xanh không khác tự nhiên. Nhờ đó, các loài động vật ở đây được sinh trưởng và phát triển tốt, góp phần bảo vệ chúng khỏi những mối đe dọa bên ngoài và nguy cơ tuyệt chủng.</i> + <i>Đối với những con thú bị bệnh, bị thương hoặc mồ côi, đội ngũ chuyên gia, bác sĩ thú y và y tá của Trung tâm Sức khỏe Động vật hoang dã đã chăm sóc, chữa trị tận tình cho chúng, giúp chúng mau chóng hồi phục để tiếp tục sống và phát triển.</i> → <i>Thông qua những việc làm của Khu Bảo tồn Hi-ơ-lơ-vin cho thấy tình yêu thương, sự quan tâm, chăm sóc của con người đối với các loài động vật hoang dã ở bản địa. Nhờ vào những việc làm ấy, khu bảo tồn đã truyền cho các du khách đến tham quan nguồn cảm hứng trong việc bảo tồn động vật hoang dã.</i> → Rút ra ý đoạn 2: <i>Những việc làm của đội ngũ chuyên gia, các y, bác sĩ trong việc chăm sóc các loài động vật.</i> → Rút ra nội dung của bài đọc. 5. Nếu được đến thăm Khu Bảo tồn Động vật hoang dã Hi-ơ-lơ-vin hoặc các khu bảo tồn động vật hoang dã khác, em sẽ làm gì? (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. VD: <i>Đến ngắm loài gấu túi đu ngủ trên cành cây; xem các chú vẹt phô diễn bộ lông lộng lẫy;...</i>) – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động tìm hiểu bài.		
1.3. Luyện đọc lại (08 phút) – HS trả lời một vài câu hỏi để nhớ lại nội dung chính của bài và xác định giọng đọc: + Bài đọc nói về điều gì? → <i>Toàn bài đọc với giọng thông thả.</i> + Cần nhấn giọng ở những từ ngữ nào? (Gợi ý: <i>Nhấn giọng</i>	– Xác định được giọng đọc trên cơ sở hiểu nội dung bài. – Biết nhấn giọng ở một số từ ngữ quan trọng.	

ở những từ ngữ chỉ thông tin và hoạt động đáng chú ý của khu bảo tồn.) – HS nghe GV hoặc một bạn đọc lại đoạn từ “Mỗi năm” đến hết: <i>Mỗi năm,/ đội ngũ chuyên gia,/ bác sĩ thú y và y tá của bệnh viện động vật/ đã <u>chăm sóc</u> cho hơn <u>1 500 cá thể</u> động vật bản địa.// Những người yêu động vật có thể <u>ghé thăm</u> một số “bệnh nhân” <u>đang hồi phục</u>,/ xem bác sĩ thú y làm việc/ hoặc tận tình <u>chữa trị</u> cho những con vật bị ốm/ hay bị thương.//</i> <i>Đến đây,/ du khách có dịp <u>chiêm ngưỡng</u> loài chim săn mồi sải cánh trên bầu trời,/ <u>ngắm</u> dáng vẻ đáng yêu của loài gấu túi đu ngủ trên cành cây,...// Cũng ở đây,/ du khách còn được <u>xem</u> các chú vẹt/ phô diễn bộ lông lộng lẫy/ trong chương trình biểu diễn “Linh hồn của bầu trời” nổi tiếng/ hay <u>chơi đùa</u> cùng loài thú mỏ vịt duy nhất trên thế giới.//</i> – HS luyện đọc lại đoạn từ “Mỗi năm” đến hết trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ. – HS thi đọc đoạn từ “Mỗi năm” đến hết trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động luyện đọc lại.	– Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	
---	---	--

TIẾT 2

Nói và nghe: Trao đổi ý kiến với người thân Trồng và chăm sóc cây cối, vật nuôi

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
2. Nói và nghe (35 phút)		
2.1. Xác định nội dung và mục đích trao đổi (12 phút) – HS xác định nội dung trao đổi dựa vào gợi ý của GV: + Em có nguyện vọng gì? + Vì sao em cần trao đổi với anh (chị) trước? + Em muốn trao đổi với anh (chị) những nội dung gì? + ... – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – HS xác định yêu cầu của BT 1. – HS trao đổi trong nhóm nhỏ dựa vào các gợi ý: + Đưa ra và nêu rõ mục đích của mình để anh (chị) hiểu.	– Phát triển kĩ năng học tập hợp tác; kĩ năng nói đơn thoại, nói thành bài kết hợp sử dụng phương tiện hỗ trợ. – Chủ động, mạnh dạn, tự tin khi nói trong nhóm, trước lớp. – Phát triển kĩ năng kiểm soát tốc độ, âm	

+ Giải đáp các thắc mắc, khó khăn mà anh (chị) đặt ra. – HS phân vai, trao đổi các nội dung trong nhóm nhỏ. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	lượng nói và sử dụng hiệu quả các yếu tố phi ngôn ngữ. – Nhận xét được nội dung nói của bạn.	
2.2. Dự đoán những khó khăn để có hướng giải đáp (23 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS thảo luận nhóm, dự đoán những khó khăn mà anh (chị) đặt ra và tìm hướng giải đáp của bản thân. HS có thể chọn một trong các gợi ý để tìm hướng giải quyết: + Nhà nhỏ, không phù hợp để có thêm vật nuôi hoặc cây trồng. + Chăm sóc vật nuôi hoặc cây cối sẽ ảnh hưởng đến thời gian học bài, làm việc nhà. + Khi em đi học sẽ không có ai giúp chăm sóc vật nuôi hoặc cây trồng. + ... – HS có thể ghi chép nhanh các thông tin bằng sơ đồ tư duy đơn giản. – HS phân vai, trao đổi các nội dung trong nhóm nhỏ. – 1 – 2 nhóm HS đóng vai, trao đổi trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Hợp tác với bạn để đóng vai, trình bày những hướng giải quyết vấn đề để anh (chị) ủng hộ nguyện vọng được trồng và chăm sóc cây cối, vật nuôi. – Chủ động, mạnh dạn, tự tin khi nói trong nhóm, trước lớp. – Phát triển kỹ năng kiểm soát tốc độ, âm lượng nói và sử dụng hiệu quả các yếu tố phi ngôn ngữ. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

TIẾT 3

Viết: Viết đoạn kết bài cho bài văn tả người

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
3. Viết (30 phút)		
3.1. Nhận diện đoạn kết bài mở rộng và đoạn kết bài không mở rộng trong bài văn tả người (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1. – HS đọc từng đề bài và các đoạn văn tương ứng. – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS thảo luận trong nhóm đôi để thực hiện BT. (Đáp án: + Kết bài không mở rộng: Đoạn văn 1a, đoạn văn 2b; + Kết bài mở rộng: Đoạn văn 2a, đoạn văn 1b.)	– Hợp tác với bạn để thực hiện các yêu cầu BT. – Nhận diện được đoạn kết bài mở rộng và kết bài không mở rộng.	

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS trả lời một số câu hỏi của GV: + Vì sao em xếp được đoạn văn vào nhóm? (Gợi ý: <i>Dựa vào nội dung đoạn văn để xếp vào đúng nhóm: nhóm 1 nêu tình cảm, cảm xúc với người được tả; nhóm 2 liên hệ đến người, vật,... có liên quan.</i>) + Theo em, có những cách nào để viết đoạn kết bài trong bài văn tả người? – HS nghe bạn và GV nhận xét, rút ra hai cách kết bài.		
3.2. Thực hành viết đoạn kết bài cho bài văn tả một người thân (15 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 3. – HS chọn một trong hai cách để viết đoạn kết bài cho bài văn tả một người thân của em vào VBT. – HS xác định yêu cầu của BT 4. – HS chia sẻ bài làm trong nhóm đôi. – HS đọc bài của bạn, nhận xét, chỉnh sửa và hoàn thiện bài làm (nếu cần). – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Viết được đoạn kết bài mở rộng hoặc kết bài không mở rộng cho bài văn tả một người thân trong gia đình em. – Tự chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
C. VẬN DỤNG (05 phút)		
– HS xác định yêu cầu của hoạt động: <i>Viết ba điều nên làm và ba điều không nên làm khi đến những khu bảo tồn động vật, thực vật.</i> – HS thảo luận nhóm 3, thực hiện yêu cầu, mỗi HS viết một điều nên làm và một điều không nên làm. – HS sắm vai hướng dẫn viên, lưu ý mọi người về những điều nên và không nên làm khi đến khu bảo tồn động vật, thực vật (có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh hoặc video clip về một khu bảo tồn động vật, thực vật đã chuẩn bị). – GV khuyến khích HS liên hệ, mở rộng dựa vào hiểu biết của cá nhân. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.	– Viết được việc nên và không nên làm khi đến những khu bảo tồn động vật, thực vật. – Nội dung nói phù hợp với yêu cầu, ngữ điệu nói phù hợp, thái độ mạnh dạn, tự tin.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

BÀI 7: LỘC VÙNG MÙA XUÂN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Khởi động

Tìm từ ngữ miêu tả cây lộc vùng được vẽ trong bức tranh minh họa bài đọc.

2. Khám phá và luyện tập

2.1. Đọc

– Nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa, đúng mạch cảm xúc của bài thơ; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Vẻ đẹp và sự gắn bó của cây lộc vùng Hồ Gươm đi cùng năm tháng. Từ đó, rút ra ý nghĩa: Cần gìn giữ, bảo tồn những giá trị gắn liền với thời gian.* Học thuộc lòng được bài thơ.

– Tìm đọc được một bản tin về thiên tai, về việc làm ảnh hưởng đến môi trường, về một hoạt động bảo vệ môi trường; viết được *Nhật kí đọc sách*; thi “Phát thanh viên nhí”: đọc và bày tỏ suy nghĩ sau khi đọc bản tin; ghi chép những thông tin chính về một bản tin được chia sẻ.

2.2. Luyện từ và câu

Luyện tập sử dụng cách nối các vế trong câu ghép.

2.3. Viết

Viết được bài văn tả người.

3. Vận dụng

Chia sẻ được với người thân một vài thông tin thú vị về cây lộc vùng chín gốc ở Hồ Gươm. Từ đó, góp phần hình thành các phẩm chất và năng lực chung.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SGK phóng to.
- Tranh, ảnh hoặc video clip về cây lộc vùng chín gốc ở Hồ Gươm; sự tích trả gươm cho rùa thần của Lê Lợi (nếu có).
- Danh sách gợi ý bản tin thuộc chủ đề “Giữ mãi màu xanh”, hướng dẫn tìm kiếm bản tin trên internet.
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi bài thơ.
- Thẻ từ, thẻ câu cho HS thực hiện các BT luyện từ và câu.

2. Học sinh

- Bản tin phù hợp với chủ đề “Giữ mãi màu xanh” đã đọc và *Nhật kí đọc sách*.
- Hình ảnh và thông tin về cây lộc vùng chín gốc ở Hồ Gươm (nếu có).
- Sổ tay Tiếng Việt.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

Độc: Lộc vùng mùa xuân

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (05 phút)		
– HS quan sát tranh minh hoạ bài đọc, hoạt động nhóm nhỏ theo kĩ thuật <i>Ổ bi</i>, tìm từ ngữ miêu tả cây lộc vùng được vẽ trong bức tranh minh hoạ bài đọc. (Gợi ý: + <i>Gốc: to, vững chắc,...</i> + <i>Thân: khoẻ, vươn dài,...</i> + <i>Cành lá: xanh tốt, tươi mát,...</i> + <i>Hoa: mọc thành chùm, màu đỏ, nổi bật,...</i>) – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS đọc tên bài kết hợp quan sát tranh minh hoạ, liên hệ với nội dung khởi động → phán đoán nội dung bài đọc. → Nghe GV giới thiệu bài học: “Lộc vùng mùa xuân”.	– Phối hợp với GV và bạn để thực hiện hoạt động. – Nói thành câu, diễn đạt trọn vẹn ý, nội dung theo yêu cầu của GV. – Có kĩ năng phán đoán nội dung bài đọc dựa vào tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.	
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Đọc (65 phút)		
1.1. Đọc bài thơ (40 phút)		
1.1.1. Luyện đọc (10 phút) – HS nghe GV đọc mẫu. – HS đọc nối tiếp từng khổ thơ hoặc toàn bài thơ, kết hợp nghe GV hướng dẫn trong nhóm hoặc trước lớp: + Cách đọc một số từ ngữ khó: <i>nhòa; trầm tích; dào dạt; ...</i> + Cách ngắt nghỉ một số dòng thơ thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật: <i>Trải bao giông gió/ bão bùng/ Cây cùng lịch sử/ soi chung mặt hồ// Tán nhòa/ trong bóng vua xưa/ Dáng nghiêng kính cẩn/ như vầng trăng gương//</i> + Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó: <i>mặt hồ</i> (chỉ Hồ Gươm (hồ Hoàn Kiếm)); <i>ngùi thom</i> (thể hiện sự lắng lọc của thời gian, của chiêm nghiệm bao thăng trầm lịch sử, ở đây ý nói hoa lộc vùng thom lặng lẽ, từng trải chứ không rạo rực, hớn hở như những loài hoa khác); <i>hoài niệm</i> (tưởng nhớ về những gì qua đi đã lâu); <i>trầm tích</i> (chất do các vật thể trong nước sông, hồ, biển lắng đọng lâu ngày kết lại mà	– Hình thành kĩ năng đọc thầm kết hợp với nghe, xác định chỗ ngắt, nghỉ, nhấn giọng,... – Đọc to, rõ ràng, đúng các từ khó và ngắt nghỉ đúng nhịp thơ. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	

thành, nghĩa trong bài: cây lộc vùng đã có từ lâu đời, gốc cây rêu phong theo thời gian, như lắng lọc, kết tinh những nét đẹp truyền thống, văn hoá, lịch sử của dân tộc);... + Bài đọc có thể chia thành hai đoạn để luyện đọc và tìm ý: • Đoạn 1: Hai khổ thơ đầu. • Đoạn 2: Còn lại. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV nhận xét chung về hoạt động luyện đọc.		
1.1.2. Tìm hiểu bài (18 phút) – HS đọc thầm bài thơ, thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả tìm hiểu bài trước lớp: 1. Khổ thơ đầu giới thiệu những gì đặc biệt về cây lộc vùng ở Hồ Gươm? (Gợi ý: <i>Những điểm đặc biệt của cây lộc vùng: Cây lộc vùng đã đứng đó từ rất lâu đời “Ngõ cùng tuổi với sương mù/ Xanh vươn từ thuở hoang vu đất này”.</i>) 2. Câu thơ sau gợi nhắc đến câu chuyện nào? Tán nhòa trong bóng vua xưa Dáng nghiêng kính cẩn như vừa trả gương. (Gợi ý: <i>Câu thơ gợi nhắc đến câu chuyện vua Lê Lợi trả kiếm cho rùa thần.</i>) Lưu ý: GV có thể kết hợp trình chiếu hình ảnh, video clip hoặc một số cụm từ gợi ý liên quan đến sự kiện để gợi nhắc cho HS. → Rút ra ý đoạn 1: <i>Hình ảnh và dáng vẻ cây lộc vùng gắn liền với các dấu mốc của thời gian.</i> 3. Hoa lộc vùng được tả bằng những từ ngữ, hình ảnh nào? (Gợi ý: <i>Hình ảnh của hoa lộc vùng: sắc hoa toả rỡ rạng; dây hoa thả những chuỗi cườm; chùm bông bay bay; gió vừa lướt qua thì Hồ Gươm dào dạt hoa mưa lộc vùng.</i>) 4. Em thích khổ thơ nào trong bài? Vì sao? (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. VD: <i>Em thích khổ thơ 2 vì ở khổ thơ này, cây lộc vùng được giới thiệu như một nhân chứng, cây đứng đó vững chãi theo dõi Thủ đô trải qua những thăng trầm của lịch sử,...</i>) → Rút ra ý đoạn 2: <i>Vẻ đẹp của cây lộc vùng khi ra hoa gợi nhắc về những kỉ niệm tuổi thơ.</i> → Rút ra nội dung, ý nghĩa của bài đọc. – HS nghe bạn và GV nhận xét, bổ sung. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động tìm hiểu bài.	– Hợp tác với GV và bạn để trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài. – Thông qua tìm hiểu bài, hiểu thêm nghĩa một số từ khó và hiểu nội dung, ý nghĩa của bài thơ.	

1.1.3. Luyện đọc lại (12 phút) – HS trả lời một vài câu hỏi để nhớ lại nội dung chính của bài và xác định giọng đọc: + Bài đọc nói về điều gì? → <i>Toàn bài đọc với giọng trong trẻo, tươi vui.</i> + Cần nhấn giọng ở những từ ngữ nào? (Gợi ý: <i>Nhấn giọng ở những từ ngữ tả vẻ đẹp của hoa lộc vừng.</i>) – HS nghe GV hoặc một bạn đọc lại đoạn 2: <i>Dây hoa/ thả <u>những chuỗi cườm/</u></i> <i>Gốc rêu <u>trầm tích/</u> ngùi <u>thơm sẽ sàng//</u></i> <i>Tướng <u>đâu/</u> mưa <u>nắng/ cũ càng/</u></i> <i>Sắc hoa <u>vẫn toả/</u> <u>rỡ ràng sớm nay.</u>//</i> <i>Hứng/ <u>chùm bông phần/</u> <u>bay bay/</u></i> <i>Lắng <u>nghe/</u> <u>hoài niệm/</u> <u>đong đầy tuổi thơ//</u></i> <i>Gió/ <u>vừa nhắc</u> <u>chuyên ngày xưa/</u></i> <i>Hồ <u>Guom/</u> <u>dào dạt</u> <u>hoa mưa lộc vừng.</u>//</i> – HS tự nhắm thuộc → đọc trong nhóm, trước lớp đoạn 2 và toàn bài thơ (có thể thực hiện sau giờ học). – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động luyện đọc lại.	– Xác định được giọng đọc trên cơ sở hiểu nội dung bài. – Biết nhấn giọng ở một số từ ngữ quan trọng, dựa vào cách hiểu để ngắt nghỉ đúng nhịp thơ. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có). – Biết cách tự nhắm thuộc từng đoạn và toàn bài thơ.	
---	---	--

Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách
Chủ đề “Khung trời tuổi thơ”

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
1.2. Đọc mở rộng (25 phút)		
1.2.1. Tìm đọc truyện – HS đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một bản tin phù hợp với chủ đề “Giữ mãi màu xanh” theo hướng dẫn của GV trước buổi học khoảng một tuần. HS có thể đọc ở các báo giấy hoặc tìm kiếm trên internet bản tin: + Về bão, lũ, động đất,... + Về việc làm ảnh hưởng đến môi trường + Về một hoạt động bảo vệ môi trường +... – HS chuẩn bị bản tin để mang tới lớp chia sẻ.	Hình thành thói quen đọc báo, kĩ năng chọn lọc và chia sẻ thông tin đọc được.	
1.2.2. Viết Nhật kí đọc sách – HS viết vào <i>Nhật kí đọc sách</i> những điều em ghi nhớ sau khi đọc bản tin: tên tác giả; thông tin chính; điều ấn tượng;...	Hình thành kĩ năng chọn lọc thông tin đọc được,	

– HS có thể trang trí <i>Nhật kí đọc sách</i> đơn giản theo nội dung chủ điểm hoặc nội dung bản tin.	thói quen và kĩ năng ghi chép <i>Nhật kí đọc sách</i> .	
1.2.3. Chia sẻ về bản tin đã đọc (15 phút) – HS đọc bản tin hoặc trao đổi bản tin cho bạn trong nhóm để cùng đọc. – HS chia sẻ về <i>Nhật kí đọc sách</i> của mình. – HS nghe góp ý của bạn, chỉnh sửa, hoàn thiện <i>Nhật kí đọc sách</i> . – HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về điều em ấn tượng nhất khi đọc bản tin, lí do ấn tượng; ngoài ra, HS cũng có thể chia sẻ thêm về những thông tin mới,... – HS bình chọn một số <i>Nhật kí đọc sách</i> sáng tạo và dán vào <i>Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt</i> .	– Phát triển kĩ năng hợp tác nhóm, kĩ năng chia sẻ thông tin; năng lực cảm thụ văn học thông qua việc chia sẻ về chi tiết yêu thích và giải thích lí do. – Hợp tác với bạn để thực hiện hoạt động.	
1.2.4. Thi “Phát thanh viên nhí” (05 phút) – HS thực hiện theo nhóm, đọc và bày tỏ suy nghĩ sau khi đọc bản tin. – Mỗi nhóm HS bình chọn một “Phát thanh viên nhí” xuất sắc nhất. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	Nói thành câu, diễn đạt trọn vẹn ý, nội dung theo yêu cầu của GV.	
1.2.5. Ghi chép tóm tắt về một bản tin được chia sẻ (05 phút) – HS có thể ghi chép tóm tắt một vài thông tin chính về một bản tin được nghe bạn chia sẻ (có thể ghi chép dưới dạng sơ đồ tư duy đơn giản). – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	Phát triển kĩ năng nghe – ghi, kĩ năng tóm tắt thông tin bằng sơ đồ đơn giản.	

TIẾT 3

Luyện từ và câu: Luyện tập về cách nối các vế trong câu ghép

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
2. Luyện từ và câu (35 phút)		
2.1. Xác định cặp từ hô ứng trong câu ghép (12 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc các câu văn. – HS thảo luận nhóm nhỏ theo kĩ thuật <i>Khăn trải bàn</i> , xác định các vế câu của mỗi câu ghép và chỉ ra cặp từ hô ứng được sử dụng để nối các vế câu trong mỗi câu, làm bài vào VBT.	– Hợp tác với bạn để thực hiện các yêu cầu của BT. – Xác định được các vế của mỗi câu ghép và chỉ	

(Đáp án: a. <u>Trời/ càng rét, thông/ càng xanh.</u> CN1 VN1 CN2 VN2 → Cặp từ hô ứng “... càng ... càng ...”. b. <u>Thuyền/ chưa cập bến, dân làng/ đã ùa ra đón.</u> CN1 VN1 CN2 VN2 → Cặp từ hô ứng “... chưa ... đã ...”. c. <u>Mặt trời/ vừa lên, nắng/ đã lấp lánh trên những con sóng.</u> CN1 VN1 CN2 VN2 → Cặp từ hô ứng “... vừa ... đã ...”. d. <u>Tàu/ chạy đến đâu, đàn cá heo/ bơi theo đến đó.</u> CN1 VN1 CN2 VN2 → Cặp từ hô ứng “... đâu ... đó”.) – HS chơi <i>Tiếp sức</i> để chữa bài trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	ra được cặp từ hô ứng trong các câu ghép đó. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.2. Chọn cặp từ hô ứng phù hợp thay cho ☼ (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS thảo luận nhóm 4 để thực hiện yêu cầu, làm bài vào VBT. (Gợi ý: a. ... càng ... càng ... c. ... vừa ... đã ... b. ... bao nhiêu ... bấy nhiêu d. ... đâu ... đó) – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Hợp tác với bạn để thực hiện các yêu cầu của BT. – Chọn được cặp từ hô ứng phù hợp với nội dung từng câu. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.3. Đặt câu có cặp từ hô ứng (13 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 3. – HS làm bài vào VBT. – HS chia sẻ kết quả trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét để chỉnh sửa, hoàn thiện câu. (Gợi ý: a. <i>Mặt trời càng lên cao, đồng lúa chín càng vàng xuộm./ Trời càng về chiều, không khí càng dịu mát</i> b. <i>Mùa xuân vừa đến, những cánh én đã chao liệng đầy trời./ Trời vừa chớm hè, lũ ve sầu đã kêu inh ỏi suốt ngày.)</i> – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Đặt được câu ghép trong đó có sử dụng cặp từ hô ứng phù hợp với nội dung. – Hợp tác với bạn để chia sẻ, thống nhất kết quả. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

TIẾT 4

Viết: Viết bài văn tả người (Bài viết số 1)

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
3. Viết (30 phút)		
3.1. Viết bài văn tả một người thân trong gia đình dựa vào dàn ý đã lập (25 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1. – HS đọc đề bài, trả lời một số câu hỏi để phân tích đề bài: + Đề bài yêu cầu viết bài văn thuộc thể loại nào? (Đáp án: <i>Miêu tả.</i>) + Đối tượng mà đề bài yêu cầu tả là ai? (Đáp án: <i>Một người thân trong gia đình em.</i>) – HS đọc các gợi ý, có thể nghe GV lưu ý thêm: + Dựa vào dàn ý đã lập, đoạn mở bài và đoạn kết bài đã viết ở các tiết trước để viết bài văn hoàn chỉnh. + Khuyến khích viết đoạn mở bài gián tiếp và đoạn kết bài mở rộng. + Khi viết bài văn tả người thân, có thể chọn một trong hai trình tự theo gợi ý. + Phần thân bài có thể gồm một hoặc nhiều đoạn văn. + Sử dụng từ ngữ gợi tả, biện pháp so sánh để bài viết thêm sinh động. + ... – HS thực hành viết bài văn vào VBT – HS nghe GV nhận xét quá trình viết.	– Hiểu và xác định đúng yêu cầu trọng tâm của đề bài. – Viết được bài văn tả một người thân trong gia đình dựa vào các gợi ý và dàn ý đã làm.	
3.2. Đọc lại, chỉnh sửa và hoàn thiện bài đã viết (05 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS trao đổi bài trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét, góp ý. – HS tự đọc lại bài viết, rà soát, chỉnh sửa các lỗi dùng từ, viết câu, chính tả,... (nếu có). – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Hợp tác với bạn để nhận xét, đánh giá sản phẩm của mình và của bạn. – Tự chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết.	
C. VẬN DỤNG (05 phút)		
– HS xác định yêu cầu của hoạt động: <i>Chia sẻ với người thân một vài thông tin thú vị về cây lộc vùng chín gốc ở Hồ Gươm.</i> – HS nghe GV hướng dẫn thực hiện hoạt động ở nhà: HS sưu tầm hình ảnh và thông tin về cây lộc vùng chín gốc ở Hồ Gươm; chia sẻ với người thân một vài thông tin thú vị.	– Chia sẻ được hình ảnh và thông tin thú vị về cây lộc vùng chín gốc ở Hồ Gươm với người thân.	

– HS dán ảnh và ghi chép một số thông tin thú vị mà em sưu tầm được vào sổ tay Tiếng Việt. – HS chia sẻ trước lớp bằng kỹ thuật <i>Phòng tranh</i> hoặc trình bày ở <i>Góc Tiếng Việt/ Góc Sáng tạo/ Góc sản phẩm</i>. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.	– Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
--	---	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

BÀI 8: DƯỚI NHỮNG TÁN XANH

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Khởi động

Chia sẻ được với bạn về việc trồng và chăm sóc cây ở trường hoặc ở nhà em.

2. Khám phá và luyện tập

2.1. Đọc

– Nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Thông tin về mục tiêu, tiêu chí công nhận Cây di sản Việt Nam và giới thiệu về Giàn Gừa – cây di sản đầu tiên ở Đồng bằng sông Cửu Long. Từ đó, rút ra ý nghĩa: Nâng cao ý thức tôn trọng tự nhiên; có trách nhiệm trong việc giữ gìn, bảo tồn cây di sản và các loài thực vật Việt Nam.*

2.2. Luyện từ và câu

Mở rộng được vốn từ theo chủ đề *Môi trường*.

2.3. Viết

Luyện tập quan sát, tìm ý cho bài văn tả người.

3. Vận dụng

Sưu tầm được tranh, ảnh và tìm hiểu thông tin về một vài Cây di sản Việt Nam; ghi lại được những thông tin chính về một cây di sản đã tìm hiểu.

Từ đó, góp phần hình thành các phẩm chất và năng lực chung.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SGK phóng to.
- Tranh, ảnh hoặc video clip về Giàn Gừa và một số cây di sản ở các tỉnh, thành (nếu có).
- Tranh, ảnh hoặc video clip về những việc làm góp phần bảo vệ môi trường hoặc gây ảnh hưởng xấu đến môi trường (nếu có).

- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Năm 2013” đến “4 000 mét vuông”.
- Thẻ từ, thẻ câu để tổ chức cho HS chơi trò chơi.

2. Học sinh

- Tranh, ảnh về việc trồng và chăm sóc cây ở trường hoặc ở nhà (nếu có).
- Tranh, ảnh và thông tin về 1 – 2 Cây di sản Việt Nam.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

Độc: Dưới những tán xanh

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (05 phút)		
– HS xem lại một số tranh, ảnh về việc trồng và chăm sóc cây ở trường hoặc ở nhà. – HS thảo luận nhóm nhỏ, chia sẻ về việc trồng và chăm sóc cây dựa vào các gợi ý: + Em trồng và chăm sóc những cây gì? + Em làm việc đó vào thời điểm (thời gian) nào? + Em có mong muốn gì với những cây mà mình trồng và chăm sóc? + ... – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS đọc tên bài kết hợp quan sát tranh minh hoạ, liên hệ với nội dung khởi động → phán đoán nội dung bài đọc. → Nghe GV giới thiệu bài học: “Dưới những tán xanh”.	– Phối hợp với GV và bạn để thực hiện hoạt động. – Nói thành câu, diễn đạt trọn vẹn ý, nội dung theo yêu cầu của GV. – Có kĩ năng phán đoán nội dung bài đọc dựa vào tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.	
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Đọc (30 phút)		
1.1. Luyện đọc (08 phút) – HS nghe GV đọc mẫu. – HS đọc nối tiếp từng đoạn hoặc toàn bài đọc, kết hợp nghe GV hướng dẫn trong nhóm hoặc trước lớp: + Cách đọc một số từ ngữ khó: <i>chằng chịt</i>,... + Cách ngắt nghỉ một số câu dài: • <i>Năm 2010,/ Hội Bảo vệ Thiên nhiên và Môi trường Việt Nam/ đã khởi xướng việc tuyển chọn,/ công nhận Cây di sản Việt Nam.// ;</i> • <i>Các cây gỗ lớn/ (trên 100 năm tuổi đối với cây trồng/ và trên 200 năm tuổi đối với cây tự nhiên)/ hoặc có giá trị về cảnh quan,/ môi trường,/ khoa học,/ văn hoá,/ lịch sử, .../ được công nhận là cây di sản.//;</i>	– Hình thành kĩ năng đọc thầm kết hợp với nghe, xác định chỗ ngắt, nghỉ, nhấn giọng,... – Đọc to, rõ ràng, đúng các từ khó và ngắt nghỉ hơi đúng ở các câu dài. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	

• Năm 2013,/ Giàn Gừa nguyên sinh hơn 150 năm tuổi/ ở ấp Nhơn Khánh,/ xã Nhơn Nghĩa,/ huyện Phong Điền,/ thành phố Cần Thơ/ được ghi nhận là cây di sản đầu tiên/ ở Đồng bằng sông Cửu Long.//; • Theo thời gian,/ những cành gừa in hằn vết tích chiến tranh/ vẫn đâm chồi,/ vươn mình toả rợp bóng mát,/ những tán xanh vẫn rì rào khúc hát mến thương.//;... + Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó: xoắn xuyết (bám lấy, quấn chặt lấy như không chịu rời);... + Bài đọc có thể chia thành hai đoạn để luyện đọc và tìm ý: • Đoạn 1: Từ đầu đến “mọi miền”. • Đoạn 2: Còn lại. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV nhận xét chung về hoạt động luyện đọc.		
1.2. Tìm hiểu bài (12 phút) – HS đọc thầm toàn bài, thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả tìm hiểu bài trước lớp: 1. Cây di sản Việt Nam được tuyển chọn, công nhận theo tiêu chí nào? (Gợi ý: <i>Tuyển chọn các cây gỗ lớn (trên 100 năm tuổi đối với cây trồng và trên 200 năm tuổi đối với cây tự nhiên) hoặc có giá trị về cảnh quan, môi trường, khoa học, văn hoá, lịch sử,...</i>) → Rút ra ý đoạn 1: Thông tin về mục tiêu và tiêu chí công nhận Cây di sản Việt Nam. 2. Tìm những chi tiết cho thấy Giàn Gừa rất lớn và rất đẹp. (Gợi ý: + Những chi tiết cho thấy Giàn Gừa rất lớn: Giàn Gừa nguyên sinh hơn 150 năm tuổi cao khoảng 15 mét; đến nay, do được bảo tồn, diện tích Giàn Gừa đã lên tới 4 000 mét vuông. + Những chi tiết cho thấy Giàn Gừa rất đẹp: tán lá vươn rộng ra một vùng mênh mông xanh mát, đan quện xoắn xuyết; bộ rễ chằng chịt, giăng đầy trên mặt đất; hình dáng của giàn cây tạo nên một bức tranh độc đáo, hoang sơ và huyền bí;...) 3. Việc bảo tồn Giàn Gừa đã đem lại hiệu quả như thế nào? (Gợi ý: Nhờ được bảo tồn mà diện tích Giàn Gừa đã được phục hồi lại sau những năm tháng bị chiến tranh tàn phá, từ 2 740 mét vuông diện tích Giàn Gừa đã phát triển lên tới	– Hợp tác với GV và bạn để trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài. – Thông qua tìm hiểu bài, hiểu thêm nghĩa một số từ khó và hiểu nội dung bài. – Biết liên hệ bản thân: Nói được về những việc thiếu nhi Việt Nam có thể đóng góp trong hành trình bảo vệ cây di sản.	

4 000 mét vuông, những cành gừa in hằn vết tích chiến tranh vẫn đâm chồi, vươn mình toả rợp bóng mát.) → Rút ra ý đoạn 2: Giới thiệu rõ nét các thông tin về Giàn Gừa. 4. Hình ảnh “những cành gừa in hằn vết tích chiến tranh vẫn đâm chồi, vươn mình toả rợp bóng mát, những tán xanh vẫn rì rào khúc hát mến thương.” gửi gắm thông điệp gì? (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng (có thể kết hợp trình chiếu hình ảnh, video clip về Giàn Gừa). VD: <i>Gửi gắm thông điệp: Sức sống của Giàn Gừa vô cùng mãnh liệt. Trải qua những năm tháng bom đạn, khói lửa chiến tranh, Giàn Gừa vẫn tồn tại, vững vàng chứng kiến bao thời khắc lịch sử, ... Để rồi hôm nay, cây vươn lên phát triển mạnh mẽ, toả bóng mát, hát lên bài hát thân thương về vùng đất anh hùng;...</i>) → Rút ra nội dung, ý nghĩa của bài đọc. 5. Theo em, thiếu nhi Việt Nam có thể đóng góp những gì trong hành trình bảo vệ cây di sản? (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. VD: <i>Tìm hiểu thông tin về cây di sản; chăm sóc cây cối ở địa phương; quay video clip để quảng bá, lan toả thông điệp bảo vệ cây di sản; ...</i>) – HS nghe bạn và GV nhận xét, bổ sung. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động tìm hiểu bài.		
1.3. Luyện đọc lại (10 phút) – HS trả lời một vài câu hỏi để nhớ lại nội dung chính của bài và xác định giọng đọc: + Bài đọc nói về điều gì? → <i>Toàn bài đọc với giọng trong sáng, vui tươi, nhẹ nhàng.</i> + Cần nhấn giọng ở những từ ngữ nào? (Gợi ý: <i>Nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ thông tin và tả đặc điểm của Giàn Gừa, ...</i>) – HS nghe GV hoặc một bạn đọc lại đoạn từ “Năm 2013” đến “4 000 mét vuông”: <i>Năm 2013,/ Giàn Gừa nguyên sinh hơn 150 năm tuổi/ ở ấp Nhơn Khánh,/ xã Nhơn Nghĩa,/ huyện Phong Điền,/ thành phố Cần Thơ/ được ghi nhận là <u>cây di sản đầu tiên</u>/ ở Đồng bằng sông Cửu Long.// Giàn Gừa cao khoảng 15 mét,/ tán lá <u>vuôn rộng ra</u> một vùng mênh mông xanh mát,/ <u>đạn quỳên xoắn xuýt</u> như một tấm lưới khổng lồ.// Bộ rễ <u>chằng chịt</u>,/ <u>giăng đầy</u> trên mặt đất,/ trông như những con rắn.// Hình dáng của giàn cây tạo nên một bức tranh vô cùng <u>độc đáo</u>,/ <u>hoang sơ</u> và <u>huyền bí</u>.// Những năm chiến tranh tàn phá,/</i>	– Xác định được giọng đọc trên cơ sở hiểu nội dung bài. – Biết nhấn giọng ở một số từ ngữ quan trọng. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	

<i>Giàn Gừa chỉ còn lại 2 740 mét vuông.// Đến nay,/ do được bảo tồn,/ diện tích Giàn Gừa đã lên tới 4 000 mét vuông.//</i> – HS luyện đọc lại đoạn từ “Năm 2013” đến “4 000 mét vuông” trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ. – HS thi đọc đoạn từ “Năm 2013” đến “4 000 mét vuông” trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động luyện đọc lại.		
---	--	--

TIẾT 2

Luyện từ và câu: Mở rộng vốn từ *Môi trường*

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
2. Luyện từ và câu (35 phút)		
2.1. Chọn lời giải nghĩa ở cột B phù hợp với mỗi từ ở cột A (07 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1. – HS quan sát nội dung ở các cột A, B, thảo luận nhóm 4 theo kĩ thuật <i>Khăn trải bàn</i>, thực hiện yêu cầu. – HS chia sẻ, thống nhất kết quả trong nhóm (Đáp án: A1 – B3, A2 – B1, A3 – B4, A4 – B2). – 1 – 2 nhóm HS chữa bài trước lớp, các nhóm khác nhận xét, bổ sung. (Lưu ý: Nếu cần, có thể đặt câu với một số ở cột A để hiểu rõ thêm nghĩa.) – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Hợp tác với bạn để thực hiện các yêu cầu của BT. – Tìm được lời giải nghĩa cho các từ ở cột A. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.2. Giải ô chữ (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS quan sát ô chữ, đọc các gợi ý và thực hiện yêu cầu trong nhóm đôi. (Đáp án: Hàng ngang: 1. MÁT MẺ; 2. KHÔNG KHÍ; 3. THÂN THIỆN; 4. BẢO TỒN; 5. RÁC THẢI; 6. NƯỚC; 7. GIÒ TRÁI ĐẤT; 8. BIỂN; 9. SÔNG – Từ khoá hàng dọc: MÔI TRƯỜNG). – HS chơi <i>Chung sức</i> để chữa bài trước lớp. – HS đặt câu với từ khoá hàng dọc. – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Hợp tác với bạn để thực hiện các yêu cầu của BT. – Giải được ô chữ và đặt được câu với từ khoá hàng dọc. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

2.3. Kể tên việc làm thuộc mỗi nhóm (06 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 3. – HS thảo luận trong nhóm nhỏ, làm bài vào VBT (có thể kết hợp quan sát tranh ảnh, video clip về các hoạt động góp phần bảo vệ môi trường và gây ảnh hưởng xấu đến môi trường đã chuẩn bị). (Gợi ý: <i>a. Việc làm góp phần bảo vệ môi trường: trồng cây; tiết kiệm điện; phân loại và tái chế vật dụng đã qua sử dụng;...</i> <i>b. Việc làm gây ảnh hưởng xấu đến môi trường: vứt rác, đốt rác bừa bãi; chặt phá rừng; đánh bắt thủy hải sản quá mức;...)</i> – HS chia sẻ kết quả trước lớp theo kỹ thuật <i>Chúng em biết 3</i>. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Hợp tác với bạn để thực hiện các yêu cầu của BT. – Kể được các việc làm góp phần bảo vệ môi trường và gây ảnh hưởng xấu đến môi trường. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.4. Viết đoạn văn kể về một việc làm góp phần bảo vệ cây xanh (12 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 4. – HS làm bài vào VBT. – HS chia sẻ kết quả trong nhóm, nghe bạn góp ý và chỉnh sửa bài viết (nếu cần). – 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Viết được đoạn văn kể về một việc làm góp phần bảo vệ cây xanh. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

TIẾT 3

Viết: Luyện tập quan sát, tìm ý cho bài văn tả người

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
3. Viết (30 phút)		
3.1. Tìm hiểu đoạn văn tả ngoại hình, hoạt động của con người (15 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc bài văn. – HS thảo luận nhóm 4 và trả lời câu hỏi: (Gợi ý: <i>a. Những từ ngữ, hình ảnh tả ngoại hình của Hạng A Cháng trong đoạn đầu: ngực nở vòng cung; da đỏ như lim; bắp tay bắp chân rắn như trắc, như gụ; vóc dáng cao; vai rộng; người đứng thẳng như cái cột đá trời trồng.</i>	– Hợp tác với bạn để thực hiện các yêu cầu của BT. – Nhận diện được cách miêu tả ngoại hình, hoạt động của con người.	

<i>b. Đặc điểm ngoại hình của A Cháng khi cày ruộng: thân mình nhoài thành một đường cong mềm mại, khi qua trái, lúc tạt phải theo đường cày uốn vòng theo hình ruộng bậc thang như một mảnh trăng lưỡi liềm. Lại có lúc được sà cày thẳng, người anh như rạp hẳn xuống, đôi chân xoải dài hoặc bầm những bước ngắn, gập gấp,...</i> <i>c. Giúp người đọc hình dung rõ nét về vóc dáng khỏe mạnh và vẻ đẹp, sự thành thực của Hạng A Cháng khi cày ruộng.)</i> – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.		
3.2. Quan sát và ghi chép những điều quan sát được về một người lao động vào lúc người đó đang làm việc (15 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS đọc các gợi ý và trả lời một vài câu hỏi của GV trong nhóm hoặc trước lớp để thực hiện hoạt động: + Người lao động em chọn quan sát là ai? + Người lao động em chọn tả có những điểm gì nổi bật về ngoại hình? + Người đó có những đặc điểm gì về tính tình hoặc hoạt động, thói quen khiến em kính trọng hoặc khâm phục? + Em chọn những từ ngữ nào để thể hiện tình cảm, cảm xúc giữa em và người đó? + ... – HS làm bài vào VBT hoặc vở nháp. (Lưu ý: HS có thể ghi chép vắn tắt bằng các từ ngữ dưới dạng sơ đồ tư duy đơn giản.) – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Hợp tác với bạn để thực hiện các yêu cầu của BT. – Phát triển kỹ năng quan sát, tìm ý. Từ đó, phát triển kỹ năng chọn lọc các đặc điểm nổi bật để miêu tả một người lao động. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
C. VẬN DỤNG (05 phút)		
– HS xác định yêu cầu của hoạt động 1: <i>Sưu tầm tranh, ảnh và tìm hiểu thông tin về 1 – 2 Cây di sản Việt Nam.</i> – HS nghe GV hướng dẫn thực hiện hoạt động ở nhà: HS sưu tầm tranh, ảnh và thông tin về một vài Cây di sản Việt Nam. – HS xác định yêu cầu của hoạt động 2: <i>Ghi lại những thông tin chính về một cây di sản mà em đã tìm hiểu.</i> – HS dán tranh, ảnh, ghi chép một số thông tin chính về cây di sản vào bảng nhóm.	– Sưu tầm được tranh, ảnh và ghi lại được thông tin chính về một số Cây di sản Việt Nam. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

– HS trang trí bảng nhóm và chia sẻ bằng kỹ thuật <i>Phòng tranh</i> hoặc trưng bày ở <i>Góc Tiếng Việt/ Góc Sáng tạo/ Góc sản phẩm</i> . – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động, tổng kết bài học và chủ điểm.		
--	--	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

CHỦ ĐIỂM 6: ĐẤT NƯỚC NGÀN NĂM

Chủ điểm “Đất nước ngàn năm” hình thành ở HS các phẩm chất *yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm*: kính trọng, biết ơn những người có công với Tổ quốc; tự hào về truyền thống và vẻ đẹp của quê hương, đất nước. Từ đó, các em ý thức hơn trong học tập và rèn luyện: *biết trân trọng, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ông cha; có những việc làm phù hợp để góp phần bảo vệ các di sản văn hoá, làm cho đất nước ngày càng phát triển, văn minh hơn*.

BÀI 1: SỰ TÍCH CON RỒNG CHÁU TIÊN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Khởi động

Cùng bạn trao đổi được về thông tin, mục đích của lễ hội được nhắc đến trong câu ca dao.

2. Khám phá và luyện tập

2.1. Đọc

– Nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời nhân vật và lời người dẫn chuyện; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Giải thích nguồn gốc của người Việt Nam*. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Ca ngợi, tự hào về cội nguồn cao quý của người Việt Nam*.

2.2. Luyện từ và câu

Luyện tập về câu ghép.

2.3. Viết

Luyện tập lập dàn ý cho bài văn tả người.

3. Vận dụng

Kể được về một việc làm thể hiện tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái mà em biết.
Từ đó, góp phần hình thành các phẩm chất và năng lực chung.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SGK phóng to.
- Tranh, ảnh hoặc video clip về Lạc Long Quân, Âu Cơ và các con; hình ảnh hoặc video clip về lễ hội Đền Hùng (nếu có).
- Tranh, ảnh hoặc video clip về những việc làm thể hiện tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái (nếu có).
- Tranh, ảnh hoặc video clip về một người lao động đang làm việc (nếu có).
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Sống với nhau” đến hết.

2. Học sinh

Tranh, ảnh hoặc video clip về một di tích lịch sử mà em biết (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

Độc: Sự tích con Rồng cháu Tiên

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (10 phút)		
* Giới thiệu chủ điểm – HS nghe GV giới thiệu tên chủ điểm. – HS trao đổi với bạn cách hiểu hoặc suy nghĩ về tên chủ điểm “Đất nước ngàn năm” (Gợi ý: <i>Ca ngợi truyền thống lịch sử – văn hoá kết tinh qua hàng ngàn năm và cảnh đẹp của đất nước ta.</i>). → Giới thiệu chủ điểm: “Đất nước ngàn năm”. * Giới thiệu bài – HS trao đổi với bạn trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, chia sẻ những điều em biết về lễ hội được nhắc đến trong câu ca dao (có thể kết hợp xem hình ảnh hoặc video clip về lễ hội Đền Hùng). (Gợi ý: <i>Câu ca dao nhắc đến hội Đền Hùng (lễ Giỗ Tổ hay còn được gọi là Quốc Giỗ) được tổ chức vào ngày mùng 10 tháng 3 âm lịch hằng năm, ở nơi thờ tự chính thức của các Vua Hùng tại Khu di tích lịch sử Đền Hùng thuộc tỉnh Phú Thọ. Giỗ Tổ Hùng Vương là một hoạt động mang tính truyền thống, có ý nghĩa giáo dục tinh thần yêu nước, hướng về tổ tiên, hướng về cội nguồn đối với toàn thể nhân dân Việt Nam.</i>) – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp.	– Phối hợp với GV và bạn để thực hiện hoạt động. – Nói thành câu, diễn đạt trọn vẹn ý, nội dung theo yêu cầu của GV. – Có kỹ năng phán đoán nội dung bài đọc dựa vào tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.	

– HS trả lời thêm câu hỏi của GV: Ngoài câu ca dao trên, em còn biết câu ca dao nào nói về lễ hội này? (Gợi ý: <i>Ai về Phú Thọ cùng ta</i> <i>Vui ngày giỗ Tổ tháng Ba mừng mười</i> * <i>Dù ai đi ngược về xuôi</i> <i>Nhớ ngày giỗ Tổ mừng mười tháng Ba.)</i> – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS đọc tên bài kết hợp quan sát tranh minh hoạ, liên hệ với nội dung khởi động → phán đoán nội dung bài đọc. → Nghe GV giới thiệu bài học: “Sự tích con Rồng cháu Tiên”.		
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Đọc (60 phút)		
1.1. Luyện đọc (12 phút) – HS nghe GV đọc mẫu. – HS đọc nối tiếp từng đoạn hoặc toàn bài đọc, kết hợp nghe GV hướng dẫn trong nhóm hoặc trước lớp: + Cách đọc một số từ ngữ khó: <i>tuyệt trần; tập quán;...</i> + Cách ngắt nghỉ một số câu dài: • <i>Thần mình rồng,/ thường ở dưới nước,/ thỉnh thoảng lên sống trên cạn,/ sức khoẻ vô địch,/ có nhiều phép lạ.//;</i> • <i>Nay/ ta đem năm mươi con xuống biển,/ nàng đưa năm mươi con lên núi,/ chia nhau cai quản các phương,/ khi có việc thì giúp đỡ lẫn nhau,/ đừng quên lời hẹn.//;</i> • <i>Con trai vua gọi là Lang,/ con gái vua gọi là Mị Nương;/ khi cha mất thì ngôi được truyền cho con trưởng,/ mười mấy đời truyền nối ngôi vua đều lấy hiệu là Hùng Vương,/ không hề thay đổi.//;...</i> + Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: <i>khôi ngô</i> (sáng sủa, thông minh); <i>con trưởng</i> (con cả, người con được sinh ra đầu tiên); <i>hiệu</i> (tên gọi của trí thức thời xưa thường tự đặt thêm cho mình bên cạnh tên vốn có, thường có ý nghĩa đẹp, thể hiện hoài bão của bản thân,...); <i>đồng bào</i> (từ dùng để gọi những người cùng một giống nòi, một dân tộc, một tổ quốc với mình nói chung, với hàm ý có quan hệ thân thiết như ruột thịt);... + Bài đọc có thể chia thành hai đoạn để luyện đọc và tìm ý: • Đoạn 1: Từ đầu đến “khoẻ mạnh như thần”.	– Hình thành kĩ năng đọc thầm kết hợp với nghe, xác định chỗ ngắt, nghỉ, nhấn giọng,... – Đọc to, rõ ràng, đúng các từ khó và ngắt nghỉ hơi đúng ở các câu dài. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	

• Đoạn 2: Còn lại. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV nhận xét chung về hoạt động luyện đọc.		
1.2. Tìm hiểu bài (20 phút) – HS đọc thầm bài đọc, thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả tìm hiểu bài trước lớp: 1. Tìm trong đoạn đầu những chi tiết nói về vẻ đẹp và tài năng của Lạc Long Quân và Âu Cơ? (Gợi ý: <i>Lạc Long Quân: vị thần mình rồng, sống ở dưới nước nhưng thỉnh thoảng lên cạn, sức khoẻ vô địch, có nhiều phép lạ,...; Âu Cơ: xinh đẹp tuyệt trần, sống ở vùng núi cao.</i>) → Rút ra ý đoạn 1: Giới thiệu về Lạc Long Quân, Âu Cơ và cuộc gặp gỡ giữa cả hai, rồi họ kết thành vợ chồng và sinh được một trăm người con. 2. Mỗi chi tiết sau nhằm giải thích điều gì? + Âu Cơ sinh ra một bọc trăm trứng. (Gợi ý: <i>Giải thích nguồn gốc của người Việt, những người dân trên đất nước Việt Nam đều chung một bào thai và đều là anh em một nhà. Từ đó, giúp HS hiểu thêm cách gọi “đồng bào”, hiểu lí do người Việt Nam ta thường tự hào xưng là con Rồng cháu Tiên.</i>) + Lạc Long Quân và Âu Cơ dẫn các con chia nhau cai quản các phương. (Gợi ý: <i>Thể hiện khát vọng chinh phục thiên nhiên, làm chủ các vùng đất mới và giải thích về xuất thân của các Vua Hùng, về nguồn gốc của nhà nước Văn Lang.</i>) 3. Kể tóm tắt câu chuyện. (Gợi ý: HS kể tóm tắt câu chuyện bằng lời của mình, tập trung vào những sự việc chính. VD: <i>Lạc Long Quân là vị thần mình rồng, sống ở dưới nước, có sức khoẻ vô địch và nhiều phép lạ. Âu Cơ là nàng tiên ở chốn non cao, xinh đẹp tuyệt trần. Hai người gặp nhau, đem lòng yêu thương, rồi trở thành vợ chồng. Ít lâu sau, Âu Cơ sinh ra một cái bọc trăm trứng, trăm trứng lại nở ra trăm người con hồng hào, khoẻ mạnh. Khi các con đã lớn, vì tập quán khác nhau, Lạc Long Quân và Âu Cơ chia nhau mỗi người đem theo năm mươi con đi cai quản các phương. Người con trưởng của họ sau này lên làm vua, lấy hiệu là Hùng Vương.</i>) → Giải nghĩa từ: <i>tập quán</i> (tập quán là một thói quen được hình thành lâu đời được mọi người tuân theo);...	– Hợp tác với GV và bạn để trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài. – Thông qua tìm hiểu bài, hiểu thêm nghĩa một số từ khó và hiểu nội dung bài.	

→ Rút ra ý đoạn 2: <i>Cuộc chia tay giữa Lạc Long Quân và Âu Cơ cùng với sự ra đời của nhà nước Văn Lang – nhà nước đầu tiên trong lịch sử nước ta.</i> 4. Theo em, người xưa muốn nhắn nhủ điều gì qua câu chuyện? (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. VD: <i>Nhấn nhủ chúng ta phải nhớ về nguồn gốc cao quý của dân tộc; con Rồng cháu Tiên; gọi niềm tự hào và tự tôn dân tộc; nhắc nhở chúng ta phải biết yêu thương, đùm bọc lẫn nhau; phải biết giữ gìn truyền thống đoàn kết của dân tộc.</i>) → Rút ra nội dung, ý nghĩa của bài đọc. – HS nghe bạn và GV nhận xét, bổ sung. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động tìm hiểu bài.		
1.3. Luyện đọc lại (15 phút) – HS trả lời một vài câu hỏi để nhớ lại nội dung chính của bài và xác định giọng đọc: + Bài đọc nói về điều gì? → <i>Toàn bài đọc với giọng thông thả, thể hiện được niềm tự hào.</i> + Cần nhấn giọng ở những từ ngữ nào? (Gợi ý: <i>Nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ thông tin quan trọng.</i>) + Lời của người kể chuyện và Lạc Long Quân đọc giọng thế nào? (Gợi ý: <i>Giọng người kể chuyện: thông thả, rành mạch; giọng Lạc Long Quân: trầm ấm, nghiêm trang và tha thiết.</i>) – HS nghe GV hoặc một bạn đọc lại đoạn 2: <i>Sống với nhau được ít lâu,/ Lạc Long Quân bàn với vợ://</i> <i>– Ta/ vốn <u>nòi rồng</u> ở miền <u>nước thẳm</u>,/ nàng/ là <u>dòng tiên</u> ở chốn <u>non cao</u>.//</i> <i>Kẻ trên cạn,/ người dưới nước,/ tập quán khác nhau,/ khó mà ở cùng nhau <u>lâu dài</u> được.//</i> <i>Nay/ ta đem <u>năm mươi con xuống biển</u>,/ nàng đưa <u>năm mươi con lên núi</u>,/ chia nhau <u>cai quản</u> các phương,/ khi có việc thì <u>giúp đỡ</u> lẫn nhau,/ <u>đừng quên</u> lời hẹn.//</i> <i>Một trăm người con của Lạc Long Quân và Âu Cơ/ sau này trở thành <u>tổ tiên</u> của người Việt.//</i> <i>Người con trưởng theo Âu Cơ/ được tôn lên làm vua,/ lấy hiệu là <u>Hùng Vương</u>,/ đóng đô ở đất <u>Phong Châu</u>,/ đặt tên nước là <u>Văn Lang</u>.//</i> <i>Con trai vua gọi là <u>Lang</u>,/ con gái vua gọi là <u>Mị Nương</u>,/ khi <u>cha mất</u>/ thì ngôi được truyền cho <u>con trưởng</u>,/ mười mấy đời truyền nối ngôi vua/ đều <u>lấy hiệu</u> là <u>Hùng Vương</u>,/ không hề thay đổi.//</i> <i>Cũng bởi sự tích này mà về sau,/ người Việt ta thường <u>tự hào</u> xưng là <u>con Rồng cháu Tiên</u>/ và thân mật gọi nhau là <u>đồng bào</u>.//</i>	– Xác định được giọng đọc trên cơ sở hiểu nội dung bài. – Biết nhấn giọng ở một số từ ngữ quan trọng, thể hiện giọng đọc phù hợp với từng nhân vật. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	

– HS luyện đọc lại đoạn 2 trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ. – 2 – 3 HS thi đọc đoạn 2 trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động luyện đọc lại.		
1.4. Cùng sáng tạo (13 phút) – HS xác định yêu cầu của hoạt động: <i>Thi tìm những câu tục ngữ, ca dao nói về tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái của dân tộc ta.</i> – HS hoạt động nhóm 4, tìm những câu tục ngữ, ca dao là lời khuyên về tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái (GV có thể hướng dẫn HS tìm ở nhà trước buổi học khoảng một tuần). (Gợi ý: <i>Bầu ơi thương lấy bí cùng/ Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn; Một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ; Lá lành đùm lá rách;...</i>) – HS chơi <i>Tiếp sức</i> để chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Hợp tác với bạn để thực hiện yêu cầu của hoạt động – Tìm được những câu ca dao, tục ngữ nói về tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái. – Nhận xét được sản phẩm của nhóm mình và nhóm bạn.	

TIẾT 3

Luyện từ và câu: Luyện tập về câu ghép

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC				YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)					
2. Luyện từ và câu (35 phút)					
2.1. Ghép hai câu đơn thành một câu ghép (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1. – HS thảo luận nhóm 3, thực hiện các yêu cầu của BT theo kỹ thuật <i>Mảnh ghép</i> và <i>Khăn trải bàn</i> , mỗi HS thực hiện một câu. Gợi ý:				– Hợp tác với bạn để thực hiện các yêu cầu của BT. – Sử dụng được dấu câu, kết từ hoặc cặp kết từ phù hợp để nối các câu đơn thành câu ghép. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
	<i>Nối bằng dấu câu</i>	<i>Nối bằng kết từ</i>	<i>Nối bằng cặp kết từ</i>		
a.	<i>Mùa xuân đến, hoa mơ nở trắng rừng.</i>	<i>Mùa xuân đến nên hoa mơ nở trắng rừng.</i>	<i>Vì mùa xuân đến nên hoa mơ nở trắng rừng./ Nếu mùa xuân đến thì hoa mơ nở trắng rừng.</i>		

b.	<i>Biển động, tàu thuyền nhanh chóng tìm nơi trú đậu.</i>	<i>Biển động nên tàu thuyền nhanh chóng tìm nơi trú đậu.</i>	<i>Vì biển động nên tàu thuyền nhanh chóng tìm nơi trú đậu.</i>		
c.	<i>Hạt cải được gieo xuống, đất phù sa và mưa xuân giúp chúng nảy mầm.</i>	<i>Hạt cải được gieo xuống thì đất phù sa và mưa xuân giúp chúng nảy mầm.</i>	<i>Nếu hạt cải được gieo xuống thì đất phù sa và mưa xuân giúp chúng nảy mầm.</i>		
– 1 – 2 nhóm HS chữa bài trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.					
2.2. Đặt câu ghép dựa vào nội dung bài đọc “Sự tích con Rồng cháu Tiên” (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS thảo luận trong nhóm nhỏ, làm bài vào VBT. (Gợi ý: a. Lạc Long Quân sức khỏe vô địch còn Âu Cơ thì xinh đẹp tuyệt trần. b. Vì sự tích trăm trứng nở trăm con nên người Việt ta thường tự hào xưng là con Rồng cháu Tiên.) – HS chơi <i>Chuyền hoa</i> để chữa bài trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.				– Đặt được câu ghép có nội dung phù hợp theo yêu cầu. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.3. Viết đoạn văn giới thiệu về một di tích lịch sử (15 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 3. – HS nói về di tích lịch sử trong nhóm nhỏ, nghe bạn nhận xét, góp ý (có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh hoặc video clip về một di tích lịch sử đã chuẩn bị). – HS làm bài vào VBT. – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.				– Viết được đoạn văn giới thiệu về một di tích lịch sử, trong đó có câu ghép. – Chủ động, mạnh dạn, tự tin khi nói trong nhóm, trước lớp. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

TIẾT 4

Viết: Luyện tập lập dàn ý cho bài văn tả người

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
3. Viết (30 phút)		
3.1. Thực hành lập dàn ý cho bài văn tả người (22 phút) – HS đọc đề bài và xác định yêu cầu của BT 1. – HS đọc lại những ghi chép ở tiết trước, kết hợp quan sát, đọc sơ đồ gợi ý. – HS trả lời một vài câu hỏi của GV trong nhóm hoặc trước lớp để thực hiện hoạt động: + Em chọn giới thiệu những điều gì về người lao động định tả? + Em chọn cách nào để tả người đó? + Người đó có những đặc điểm nổi bật nào về ngoại hình hoặc hoạt động tiêu biểu nào? + Khi thực hiện hoạt động chọn tả, ngoại hình của người đó có gì đáng chú ý? + Người đó có thái độ ra sao với công việc và với mọi người? + Em lựa chọn những từ ngữ nào để thể hiện tình cảm, cảm xúc với người đó? + Em học được những điều gì từ người đó? + ... – HS làm bài vào VBT hoặc vở nháp. (Lưu ý: HS có thể kết hợp quan sát hình ảnh, video clip về một người lao động đang làm việc và ghi chép vắn tắt bằng các từ ngữ dưới dạng sơ đồ tư duy đơn giản, tránh diễn đạt thành câu.)	– Phát triển kĩ năng lập dàn ý. – Lập được dàn ý cho bài văn tả một người lao động đang làm việc.	
3.2. Chia sẻ dàn ý trong nhóm, thêm vào dàn ý đã lập (08 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS chia sẻ bài làm trong nhóm nhỏ, nghe bạn nhận xét để thêm vào dàn ý đã lập: + Từ ngữ tả ngoại hình, tính cách,... + Hình ảnh so sánh. + Từ ngữ thể hiện sự kính trọng, khâm phục. + ...	Hợp tác với bạn để nhận xét, đánh giá sản phẩm của mình và của bạn.	

– HS rà soát, điều chỉnh và hoàn thiện bài viết của mình (nếu có). – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.		
C. VẬN DỤNG (05 phút)		
– HS xác định yêu cầu của hoạt động: <i>Kể về một việc làm thể hiện tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái mà em biết.</i> – HS quan sát tranh minh hoạ (có thể kết hợp quan sát tranh, ảnh hoặc video clip đã chuẩn bị), nhớ lại một số việc mình chứng kiến hoặc tham gia, chia sẻ trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ dựa vào các gợi ý: + Việc làm thể hiện tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái mà em đã chứng kiến hoặc tham gia là việc gì? + Việc đó diễn ra ở đâu? Vào lúc nào? + Cảm xúc của em khi làm (hoặc chứng kiến) việc đó như thế nào? + ... – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.	– Kể được một việc làm thể hiện tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái mà em biết. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

BÀI 2: NHỮNG CON MẮT CỦA BIỂN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Khởi động

Trao đổi được với bạn về sự thú vị trong cách giới thiệu của các sự vật được nhắc đến trong câu thơ và nêu cách hiểu về “mắt của biển”.

2. Khám phá và luyện tập

2.1. Đọc

– Nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Những ngọn hải đăng không chỉ là người bạn đường đáng tin cậy trên biển cả mênh mông mà còn chứa đựng những giá trị về văn hoá, lịch sử đặc sắc và có sức hấp dẫn rất lớn đối với du khách.*

2.2. Nói và nghe

Giới thiệu được một nét đẹp truyền thống của Việt Nam mà em ấn tượng.

2.3. Viết

Biết rút kinh nghiệm và chỉnh sửa bài văn tả người.

3. Vận dụng

Tìm hiểu, đóng vai và giới thiệu được thông tin về một ngọn hải đăng ở Việt Nam.

Từ đó, góp phần hình thành các phẩm chất và năng lực chung.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SGK phóng to.
- Tranh, ảnh, video clip về các ngọn hải đăng ở Việt Nam; về một số vùng biển, nơi có các ngọn hải đăng (nếu có).
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Hải đăng Đại Lãnh” đến hết.

2. Học sinh

- Tranh, ảnh hoặc video clip về lễ hội, món ăn, trang phục,... truyền thống của Việt Nam (nếu có).
- Sổ tay Tiếng Việt.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

Độc: Những con mắt của biển

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (05 phút)		
– HS xác định yêu cầu hoạt động, đọc câu thơ. – HS hoạt động nhóm nhỏ, trao đổi về cách giới thiệu của các sự vật được nhắc đến trong câu thơ (Gợi ý: <i>Mắt của nhà là cửa sổ, mắt của ô tô là đèn pha; tưởng tượng được mắt của biển: Mắt của biển là những ngọn hải đăng.</i>). – HS chơi <i>Chuyền hoa</i> để chia sẻ kết quả trước lớp. – HS đọc tên bài kết hợp quan sát tranh minh họa, liên hệ với nội dung khởi động → phán đoán nội dung bài đọc. → Nghe GV giới thiệu bài học: “Những con mắt của biển”.	– Phối hợp với GV và bạn để thực hiện hoạt động. – Nói thành câu, diễn đạt trọn vẹn ý, nội dung theo yêu cầu của GV. – Có kỹ năng phán đoán nội dung bài đọc dựa vào tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.	
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Đọc (30 phút)		
1.1. Luyện đọc (08 phút)		
– HS nghe GV đọc mẫu.		

– HS đọc nối tiếp từng đoạn hoặc toàn bài đọc, kết hợp nghe GV hướng dẫn trong nhóm hoặc trước lớp: + Cách đọc một số từ ngữ khó: <i>sừng sững; mệnh danh;...</i> + Cách ngắt nghỉ một số câu dài: • <i>Những ngọn hải đăng có chức năng chính/ là đánh dấu các đường bờ biển/ hay bãi cạn nguy hiểm,/ dẫn lối/ đưa tàu thuyền vào bến đỗ an toàn.//;</i> • <i>Với du khách,/ vẻ đẹp/ hay những câu chuyện lịch sử,/ văn hoá/ của những ngọn hải đăng sừng sững giữa biển trời/ luôn là điều hấp dẫn,/ khơi gợi sự khám phá.//;...</i> + Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: <i>mệnh danh</i> (gọi là); <i>Đông Nam Á</i> (khu vực phía đông nam của châu Á);... + Bài đọc có thể chia thành hai đoạn để luyện đọc và tìm ý: • Đoạn 1: Từ đầu đến “khơi gợi sự khám phá”. • Đoạn 2: Còn lại. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV nhận xét chung về hoạt động luyện đọc.	– Hình thành kĩ năng đọc thầm kết hợp với nghe, xác định chỗ ngắt, nghỉ, nhấn giọng,... – Đọc to, rõ ràng, đúng các từ khó và ngắt nghỉ hơi đúng ở các câu dài. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).							
1.2. Tìm hiểu bài (14 phút) – HS đọc thầm toàn bài, thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi, có thể trình bày kết quả bằng sơ đồ đơn giản. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả tìm hiểu bài trước lớp: 1. Những ngọn hải đăng giúp ích gì cho người đi biển? (Gợi ý: <i>Những ngọn hải đăng có chức năng chính là đánh dấu các đường bờ biển hay bãi cạn nguy hiểm, dẫn lối đưa tàu thuyền vào bến đỗ an toàn.</i>) 2. Vì sao những ngọn hải đăng có sức hấp dẫn, khơi gợi sự khám phá của du khách? (Gợi ý: <i>Những ngọn hải đăng có sức hấp dẫn, khơi gợi sự khám phá của du khách vì vẻ đẹp và những câu chuyện lịch sử, văn hoá gắn với nó.</i>) → Rút ra ý đoạn 1: <i>Giới thiệu chung về chức năng và giá trị của các ngọn hải đăng đặc biệt là ở Việt Nam.</i> 3. Bài đọc giới thiệu những thông tin gì về mỗi ngọn hải đăng? Gợi ý: <table border="1" data-bbox="108 1568 868 1824"> <thead> <tr> <th>Tên</th><th>Vị trí</th><th>Đặc điểm</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Hải đăng Đại Lân (còn gọi là hải đăng Mũi Điện)</td><td>huyện Đông Hoà, tỉnh Phú Yên</td><td>là một trong hai điểm đón bình minh đầu tiên trên đất liền ở Việt Nam</td></tr> </tbody> </table>	Tên	Vị trí	Đặc điểm	Hải đăng Đại Lân (còn gọi là hải đăng Mũi Điện)	huyện Đông Hoà, tỉnh Phú Yên	là một trong hai điểm đón bình minh đầu tiên trên đất liền ở Việt Nam	– Hợp tác với GV và bạn để trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài. – Thông qua tìm hiểu bài, hiểu thêm nghĩa một số từ khó và hiểu nội dung bài. – Biết liên hệ bản thân: Nói được về ngọn hải đăng mà em ấn tượng nhất.	
Tên	Vị trí	Đặc điểm						
Hải đăng Đại Lân (còn gọi là hải đăng Mũi Điện)	huyện Đông Hoà, tỉnh Phú Yên	là một trong hai điểm đón bình minh đầu tiên trên đất liền ở Việt Nam						

Hải đăng Kê Gà	mũi Kê Gà, xã Tân Thành, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận	khánh thành năm 1899, được mệnh danh là hải đăng cao nhất Việt Nam		
Hải đăng Vũng Tàu	trên đỉnh núi Tao Phùng, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	được xây dựng từ năm 1862, là ngọn hải đăng cổ kính nhất Việt Nam và Đông Nam Á		
4. Em ấn tượng nhất với ngọn hải đăng nào? Vì sao? (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. VD: <i>Ấn tượng với ngọn hải đăng Vũng Tàu vì nét cổ kính, lâu đời của nó,...</i>) → Rút ra ý đoạn 2: <i>Giới thiệu những nét đặc sắc của ba ngọn hải đăng: Đại Lãnh, Kê Gà, Vũng Tàu.</i> → Rút ra nội dung của bài đọc. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động tìm hiểu bài.				
1.3. Luyện đọc lại (08 phút) – HS trả lời một vài câu hỏi để nhớ lại nội dung chính của bài và xác định giọng đọc: + Bài đọc nói về điều gì? → <i>Toàn bài đọc với giọng thông thả, rõ ràng, rành mạch.</i> + Cần nhấn giọng ở những từ ngữ nào? (Gợi ý: <i>Nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ những thông tin quan trọng của mỗi ngọn hải đăng,...</i>) – HS nghe GV hoặc một bạn đọc lại đoạn 2: <i>Hải đăng <u>Đại Lãnh</u>/ hay còn gọi là hải đăng <u>Mũi Điện</u>/ nằm ở huyện <u>Đông Hoà</u>/ tỉnh <u>Phú Yên</u>.// Đây là một trong hai điểm <u>đón bình minh đầu tiên</u> trên đất liền/ ở lãnh thổ Việt Nam.//</i> <i>Hải đăng <u>Kê Gà</u> nằm ở mũi <u>Kê Gà</u>/ xã <u>Tân Thành</u>/ huyện <u>Hàm Thuận Nam</u>/ tỉnh <u>Bình Thuận</u>.// Ngọn hải đăng này được <u>khánh thành năm 1899</u>/ được ghi nhận là ngọn hải đăng <u>cao nhất Việt Nam</u>.//</i> <i>Hải đăng <u>Vũng Tàu</u> trên đỉnh núi <u>Tao Phùng</u>/ ở thành phố <u>Vũng Tàu</u>/ tỉnh <u>Bà Rịa – Vũng Tàu</u>/ được ghi nhận là một trong những ngọn hải đăng <u>cổ kính nhất</u> Việt Nam và <u>Đông Nam Á</u>.// Lịch sử ghi lại/ công trình này được <u>xây dựng từ năm 1862</u>.//</i> – HS luyện đọc lại đoạn 2 trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ. – HS thi đọc đoạn 2 trước lớp.			– Xác định được giọng đọc trên cơ sở hiểu nội dung bài. – Biết nhấn giọng ở một số từ ngữ quan trọng. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	

– HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động luyện đọc lại.		
--	--	--

TIẾT 2

Nói và nghe: Giới thiệu về một nét đẹp truyền thống

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
2. Nói và nghe (35 phút)		
2.1. Chia sẻ về một lễ hội, món ăn, trang phục,... truyền thống của Việt Nam mà em ấn tượng (12 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc các gợi ý. – HS giới thiệu trong trong nhóm nhỏ dựa vào gợi ý: + Em ấn tượng với lễ hội, món ăn, trang phục,... truyền thống nào? (Gợi ý: <i>Lễ hội Cầu ngư, món phở, áo dài,...</i>) + Vì sao em ấn tượng với lễ hội, món ăn, trang phục,... truyền thống ấy? (Gợi ý: <i>Lễ hội Cầu ngư được tiến hành với nghi thức trang nghiêm, thành kính,...; Phở là món ăn rất phổ biến trên khắp mọi miền đất nước, hương vị đậm đà,...; Áo dài là trang phục làm nổi bật nét dịu dàng, duyên dáng của người phụ nữ Việt Nam; ...</i>) (Lưu ý: GV khuyến khích HS sử dụng tranh, ảnh, video clip,... để nội dung giới thiệu thêm sinh động, lôi cuốn.) – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Chủ động, mạnh dạn, tự tin khi nói trong nhóm, trước lớp. – Nhận xét được nội dung trình bày của bạn.	
2.2. Đóng vai, giới thiệu về một lễ hội, món ăn, trang phục,... truyền thống với du khách nước ngoài (18 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2 và đọc các lưu ý. – HS hoạt động nhóm 4, kết hợp với nội dung ở BT 1, đóng vai hướng dẫn viên giới thiệu về một lễ hội, món ăn, trang phục,... truyền thống với du khách nước ngoài trong nhóm. – HS có thể sử dụng ảnh, video clip, vật thật,... để nội dung giới thiệu thêm sinh động, lôi cuốn. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Phát triển kỹ năng học tập hợp tác; kỹ năng nhận xét, đánh giá. – Chủ động, mạnh dạn, tự tin khi nói trong nhóm, trước lớp. – Phát triển kỹ năng kiểm soát tốc độ, âm lượng nói và sử dụng hiệu quả các yếu tố phi ngôn ngữ. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

2.3. Ghi lại những điều em ấn tượng về lễ hội, món ăn, trang phục,... truyền thống được nghe giới thiệu (05 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 3. – HS nhớ lại nội dung bạn đã giới thiệu, ghi lại những điều em ấn tượng vào sổ tay Tiếng Việt. – 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Phát triển kĩ năng nghe – ghi. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
--	--	--

TIẾT 3

Viết: Trả bài văn tả người

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
3. Viết (30 phút)		
3.1. Nghe thầy cô nhận xét chung về bài văn (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1. – HS nghe thầy cô nhận xét chung về bài văn tả một người thân trong gia đình em. – HS ghi chép nhanh những ưu điểm, hạn chế,... chung về các bài viết để rút kinh nghiệm.	Lắng nghe, nhận ra được những ưu điểm và hạn chế chung.	
3.2. Đọc lời nhận xét của thầy cô và chỉnh sửa bài viết (05 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS tự đọc lại bài viết của mình, dựa vào nhận xét chung và nhận xét riêng của GV để chỉnh sửa bài viết theo gợi ý: + Cấu tạo bài văn; + Cách chọn lọc chi tiết; + Cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh; + ... – HS chỉnh sửa lại bài viết vào VBT (nếu cần).	Biết lắng nghe những lời nhận xét của thầy cô và chỉnh sửa bài viết cho phù hợp.	
3.3. Trao đổi với bạn về bài viết (05 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 3. – HS chia sẻ bài viết trong nhóm theo kĩ thuật <i>Phòng tranh</i>. – HS trao đổi về bài viết dựa vào các gợi ý: + Những điều học được ở bài viết của bạn: cách mở bài gây ấn tượng; cách quan sát, chọn lọc chi tiết để tả; cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh; trình tự miêu tả hợp lí; cách bày tỏ cảm xúc,...	– Nhận xét được bài viết của mình và của bạn, giúp nhau bổ sung, hoàn thiện. – Phát triển kĩ năng học tập hợp tác, tham gia đóng góp ý kiến.	

+ Những nội dung có thể điều chỉnh để bài viết hay hơn: thay thế từ ngữ, hình ảnh; sử dụng biện pháp so sánh;... + ... – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Chủ động, mạnh dạn, tự tin khi nói trong nhóm.	
3.4. Viết lại một đoạn trong bài đã viết (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 4. – HS trao đổi trong nhóm nhỏ về những điều em có thể viết thêm để đoạn văn hay hơn. – HS chọn một đoạn trong bài viết của mình và viết lại vào VBT theo hướng thay thế một số từ ngữ và thêm vào 1 – 2 hình ảnh so sánh. – 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Phát triển kỹ năng viết, bổ sung, hoàn chỉnh bài viết. – Viết lại được một đoạn trong bài đã viết cho hay hơn bằng cách thay thế một số từ ngữ và thêm vào một vài hình ảnh so sánh. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
C. VẬN DỤNG (05 phút)		
– HS xác định yêu cầu của hoạt động 1: <i>Tìm hiểu thông tin về một ngọn hải đăng ở Việt Nam.</i> – HS nghe GV hướng dẫn thực hiện hoạt động ở nhà: Tìm hiểu thông tin về một ngọn hải đăng ở Việt Nam (có thể tìm kiếm trên internet). – HS xác định yêu cầu của hoạt động 2: <i>Đóng vai, giới thiệu với du khách về một ngọn hải đăng đã tìm hiểu.</i> – HS hoạt động trong nhóm nhỏ, dựa vào những thông tin đã tìm hiểu theo yêu cầu của hoạt động 1, đóng vai hướng dẫn viên để giới thiệu về một ngọn hải đăng. (Lưu ý: GV khuyến khích HS sử dụng tranh ảnh, video clip minh họa.) – 1 – 2 nhóm HS đóng vai, giới thiệu trước lớp. – HS nghe GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.	– Tìm hiểu được thông tin về một ngọn hải đăng ở Việt Nam và giới thiệu được về ngọn hải đăng đó. – Chủ động, mạnh dạn, tự tin khi nói trong nhóm, trước lớp. – Phát triển kỹ năng kiểm soát tốc độ, âm lượng nói và sử dụng hiệu quả các yếu tố phi ngôn ngữ. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

BÀI 3: NGÀN LỜI SỬ XANH

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Khởi động

Chia sẻ được những điều em biết về Thủ đô Hà Nội.

2. Khám phá và luyện tập

2.1. Đọc

– Nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa, đúng mạch cảm xúc của bài thơ; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Phố phường Hà Nội vừa tràn đầy hương sắc, vừa chứa đựng những giá trị lịch sử, văn hoá vô cùng lớn lao. Từ đó, rút ra ý nghĩa: Ngợi ca, tự hào về vẻ đẹp và những giá trị quý báu của phố phường ở Thủ đô Hà Nội.*

– Tìm đọc được bài thơ, bài ca dao, lời bài hát về lịch sử dựng nước và giữ nước, về cảnh đẹp của đất nước và về truyền thống văn hoá của dân tộc; viết được *Nhật kí đọc sách*; thi “Nghệ sĩ nhí”: đọc và chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc về bài thơ, bài ca dao hoặc lời bài hát; ghi chép được những điều tâm đắc về bài thơ, bài ca dao hoặc lời bài hát được chia sẻ.

2.2. Luyện từ và câu

Luyện tập sử dụng câu đơn và câu ghép.

2.3. Viết

Luyện tập viết được đoạn văn cho bài văn tả người.

3. Vận dụng

Tìm hiểu được thêm thông tin và giới thiệu được về một địa danh được nhắc đến trong bài đọc “Ngàn lời sử xanh”.

Từ đó, góp phần hình thành các phẩm chất và năng lực chung.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SGK phóng to.
- Tranh, ảnh, video clip về phố phường Hà Nội; bản đồ Việt Nam (nếu có).
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi bài thơ.
- Danh sách gợi ý truyện đọc thuộc chủ điểm “Đất nước ngàn năm”, hướng dẫn tìm kiếm truyện trên internet.
- Thẻ từ cho HS thực hiện các BT luyện từ và câu.

2. Học sinh

- Bài thơ, bài ca dao, lời bài hát phù hợp với chủ điểm “Đất nước ngàn năm” đã đọc và *Nhật kí đọc sách*.
- Thông tin, tranh, ảnh về một địa danh được nhắc đến trong bài đọc “Ngàn lời sử xanh” (Tháp Bút, Hồ Tây, Quảng trường Ba Đình) (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

Độc: Ngàn lời sử xanh

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (05 phút)		
– GV cho HS quan sát bản đồ Việt Nam, yêu cầu HS xác định vị trí Thủ đô Hà Nội trên bản đồ. – HS xem tranh, ảnh hoặc video clip về Hà Nội, trao đổi trong nhóm nhỏ, chia sẻ những điều em biết về Thủ đô Hà Nội dựa vào gợi ý: + Thủ đô Hà Nội có những danh lam thắng cảnh hay di tích lịch sử nào? + Em tìm hiểu được những thông tin đó từ đâu? + Em thích nhất địa điểm nào ở Hà Nội? + ... – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS đọc tên bài kết hợp quan sát tranh minh họa, liên hệ với nội dung khởi động → phán đoán nội dung bài đọc. → Nghe GV giới thiệu bài học: “Ngàn lời sử xanh”.	– Phối hợp với GV và bạn để thực hiện hoạt động. – Nói thành câu, diễn đạt trọn vẹn ý, nội dung theo yêu cầu của GV. – Có kĩ năng phán đoán nội dung bài đọc dựa vào tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.	
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Đọc (65 phút)		
1.1. Đọc bài thơ (40 phút)		
1.1.1. Luyện đọc (10 phút) – HS nghe GV đọc mẫu. – HS đọc nối tiếp từng khổ thơ hoặc toàn bài thơ, kết hợp nghe GV hướng dẫn trong nhóm hoặc trước lớp: + Cách đọc một số từ ngữ khó: <i>nâng niu; lòng lộng;...</i> + Cách ngắt nghỉ một số dòng thơ thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật: <i>Xuân về/ trên khắp phố mình/ Nắng đơm áo mới,/ đẹp xinh rạng ngời// Bạn bè/ sánh bước dạo chơi/ Cùng nghe phố kể/ ngàn lời sử xanh.//</i> + Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó: <i>Tây Hồ</i> (tên một hồ nước ở Thủ đô Hà Nội); <i>Tháp Bút</i> (ngọn tháp bằng đá cao năm tầng ở gần bên Hồ Gươm; đỉnh tháp là một ngòi bút chỉ lên trời xanh có khắc dòng chữ Hán, nghĩa là “viết lên trời	– Hình thành kĩ năng đọc thầm kết hợp với nghe, xác định chỗ ngắt, nghỉ, nhấn giọng,... – Đọc to, rõ ràng, đúng các từ khó và ngắt nghỉ hơi đúng nhịp thơ. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	

xanh”); <i>sử xanh</i> (nghĩa trong bài: truyền thống lịch sử vẻ vang, rất đáng tự hào của dân tộc – cách nói khái quát);... + Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý: • Đoạn 1: Hai khổ thơ đầu. • Đoạn 2: Khổ thơ thứ ba, thứ tư. • Đoạn 3: Còn lại. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV nhận xét chung về hoạt động luyện đọc.		
1.1.2. Tìm hiểu bài (18 phút) – HS đọc thầm bài thơ, thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả tìm hiểu bài trước lớp: 1. Con phố sau cơn mưa mùa xuân có gì đẹp? (Gợi ý: <i>Con phố sau cơn mưa mùa xuân đẹp như một bức tranh, tràn đầy hương sắc của cỏ cây, hoa lá.</i>) → Rút ra ý đoạn 1: <i>Vẻ đẹp của phố phường Hà Nội sau cơn mưa mùa xuân.</i> 2. “Trang sách yêu thương” nhắc đến những địa danh nào? Mỗi địa danh đó được diễn tả bằng những từ ngữ, hình ảnh nào? (Gợi ý: “<i>Trang sách yêu thương</i>” nhắc đến những địa danh: Tây Hồ, Tháp Bút, chùa Trấn Vũ, phố Hàng Ngang, Ba Đình. Những địa danh này được tả bằng những từ ngữ, hình ảnh: Tây Hồ – biếc, mặt gương; Tháp Bút – đề thơ; chùa Trấn Vũ – chuông chùa còn vang; phố Hàng Ngang – nơi Bác viết bản sử vàng nước ta (Tuyên ngôn Độc lập); Ba Đình – lòng lòng cờ hoa.) 3. Khổ thơ 4 gợi cho em nhớ đến những sự kiện lịch sử nào? (Gợi ý: <i>Khổ thơ 4 gợi nhớ về sự kiện Bác Hồ soạn thảo Tuyên ngôn Độc lập tại căn nhà số 48 phố Hàng Ngang. Bản Tuyên ngôn Độc lập được đọc ở quảng trường Ba Đình vào ngày 02/9/1945 → sự kiện này khẳng định quyền độc lập, tự do của Việt Nam, đưa nước ta lên một vị thế mới, ngang hàng với các quốc gia trên thế giới,...</i>) → Rút ra ý đoạn 2: <i>Những con phố Hà Nội gắn liền với những địa danh, sự kiện lịch sử.</i> 4. Hình ảnh phố phường được tả trong khổ thơ cuối gợi cho em suy nghĩ, cảm xúc gì? (Gợi ý: <i>Hình ảnh phố phường được tả trong khổ thơ cuối giúp em cảm nhận được vẻ đẹp của Thủ đô Hà Nội trong ngày xuân mới tràn ngập niềm vui và niềm tự hào của các bạn nhỏ khi dạo chơi trên những con phố gắn với những sự kiện lịch sử của dân tộc.</i>)	– Hợp tác với GV và bạn để trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài. – Thông qua tìm hiểu bài, hiểu thêm nghĩa một số từ khó và hiểu nội dung, ý nghĩa của bài thơ.	

→ Rút ra ý đoạn 3: <i>Niềm hân hoan pha lẫn sự tự hào của các bạn khi dạo chơi trên những con phố lịch sử lúc xuân sang.</i> → Rút ra nội dung, ý nghĩa của bài đọc. – HS nghe bạn và GV nhận xét, bổ sung. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động tìm hiểu bài.		
1.1.3. Luyện đọc lại (12 phút) – HS trả lời một vài câu hỏi để nhớ lại nội dung chính của bài và xác định giọng đọc: + Bài đọc nói về điều gì? → <i>Toàn bài đọc với giọng trong trẻo, thiết tha, thể hiện sự tự hào, yêu mến.</i> + Cần nhấn giọng ở những từ ngữ nào? (Gợi ý: <i>Nhấn giọng ở những từ ngữ, hình ảnh miêu tả địa danh và thể hiện cảm xúc của tác giả, ...</i>) – HS nghe GV hoặc một bạn đọc lại đoạn từ “Bạn ơi” đến hết: <i>Bạn ơi!!! Phố đã ngàn năm/ Vẫn luôn <u>tươi thắm</u>/ <u>trong ngàn</u> vườn xa// Con đường/ <u>tươi thắm</u> mùa hoa/ <u>Nâng niu</u>/ từng bước chân ta/ <u>đến trường</u>..//</i> <i>Sáng <u>bình</u>/ <u>trang sách</u> yêu thương/ Soi lên/ <u>biếc cả</u> mặt gương Tây Hồ// Trời xanh/ <u>Tháp Bút</u> đề thơ/ Chuông chùa <u>Trần Vũ</u>/ đến giờ còn <u>vang</u>..//</i> <i>Tìm về/ giữa phố <u>Hàng Ngang</u>/ Bác Hồ/ viết bản <u>sử vàng</u> nước ta// <u>Tự do</u>./ <u>độc lập</u>/ muôn nhà/ Mùa thu/ <u>lồng lộng</u> cờ hoa/ <u>Ba Đình</u>..//</i> – HS tự nhẩm thuộc → đọc trong nhóm, trước lớp đoạn từ “Bạn ơi” đến hết và toàn bài thơ (có thể thực hiện sau giờ học). – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động luyện đọc lại.	– Xác định được giọng đọc trên cơ sở hiểu nội dung bài. – Biết nhấn giọng ở một số từ ngữ quan trọng, dựa vào cách hiểu để ngắt nghỉ đúng nhịp thơ. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có). – Biết cách tự nhẩm thuộc từng đoạn và toàn bài thơ.	

Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách
Chủ điểm “Giữ mãi màu xanh”

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
1.2. Đọc mở rộng (25 phút)		
1.2.1. Tìm đọc bài thơ, bài ca dao, hoặc lời bài hát: – HS đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một bài thơ, bài ca dao, lời bài hát phù hợp với chủ điểm “Đất nước ngàn năm” theo hướng dẫn của GV trước buổi học khoảng một tuần. HS có thể đọc sách, báo giấy hoặc tìm kiếm trên internet bài thơ, bài ca dao hoặc lời bài hát: + Về lịch sử dựng nước, giữ nước (Gợi ý: <i>Qua Thập Thình – Nguyễn Bội Vội; Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ – Nguyễn Khoa Điềm; ...</i>). + Về truyền thống văn hoá của dân tộc (Gợi ý: <i>Xuân về Y Tý – Hoài Khánh; Trước cổng trời – Nguyễn Đình Ảnh; ...</i>). + Về cảnh đẹp của đất nước (Gợi ý: <i>Đất nước – Nguyễn Đình Thi; Cao Bằng – Trúc Thông; ...</i>). + ... – HS chuẩn bị bài thơ, bài ca dao hoặc lời bài hát để mang tới lớp chia sẻ.	Hình thành thói quen đọc sách, kỹ năng chọn lọc và chia sẻ thông tin đọc được.	
1.2.2. Viết Nhật kí đọc sách – HS viết vào <i>Nhật kí đọc sách</i> những điều em ghi nhớ sau khi đọc: tên bài thơ, bài ca dao, bài hát; tên tác giả; hình ảnh so sánh hoặc nhân hoá; tình cảm, cảm xúc;.... – HS có thể trang trí <i>Nhật kí đọc sách</i> đơn giản theo nội dung chủ điểm hoặc nội dung bài thơ, bài ca dao, lời bài hát.	Hình thành kỹ năng chọn lọc thông tin đọc được, thói quen và kỹ năng ghi chép <i>Nhật kí đọc sách</i> .	
1.2.3. Chia sẻ về bài thơ, bài ca dao, lời bài hát đã đọc (15 phút) – HS đọc bài thơ, bài ca dao, lời bài hát hoặc trao đổi với bạn trong nhóm để cùng đọc. – HS chia sẻ về <i>Nhật kí đọc sách</i> của mình. – HS nghe góp ý của bạn, chỉnh sửa, hoàn thiện <i>Nhật kí đọc sách</i>. – HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về hình ảnh so sánh hoặc nhân hoá mà em thích; tình cảm, cảm xúc của em về hình ảnh đó;... – Bình chọn một số <i>Nhật kí đọc sách</i> sáng tạo và dán vào <i>Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt</i>.	– Phát triển kỹ năng hợp tác nhóm, kỹ năng chia sẻ thông tin; năng lực cảm thụ văn học thông qua việc chia sẻ về chi tiết yêu thích và giải thích lý do. – Hợp tác với bạn để thực hiện hoạt động.	

④ Trong những khe đá nhỏ, <u>lũ cá suối/ mải mê đuổi theo bóng nắng, lũ cua/ rủ nhau ngo ra khỏi cửa hang.</u> CN1 VN1 CN2 VN2 b. Cách nối các vế câu thành câu ghép: các vế trong câu ghép ② nối với nhau bằng kết từ “và”; các vế trong câu ghép ④ nối với nhau bằng dấu phẩy.) – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.		
2.2. Ghép hai câu đơn thành một câu ghép (08 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS hoạt động nhóm 3 để thực hiện yêu cầu, làm bài vào VBT. (Gợi ý: a. Mưa càng lớn, nước sông càng dâng cao./ Mưa lớn bao nhiêu, nước sông dâng cao bấy nhiêu. b. Gà mẹ tức tức đi đến đâu, đàn gà con lon ton chạy theo đến đấy (đó). c. Tiếng trống vừa vang lên, các bạn học sinh đã xếp hàng ngay ngắn.) – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Hợp tác với bạn để thực hiện các yêu cầu của BT. – Sử dụng được các cặp từ hô ứng thích hợp để ghép hai câu đơn thành câu ghép. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.3. Viết đoạn văn nói về nội dung của bức tranh (20 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 3. – HS quan sát tranh, thảo luận, nói nội dung tranh trong nhóm nhỏ. – HS nghe bạn nhận xét, góp ý để chỉnh sửa và hoàn thiện đoạn văn. – HS làm bài vào VBT. – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Viết được đoạn văn phù hợp với nội dung tranh, trong đoạn văn có câu ghép. – Hợp tác với bạn để nhận xét, đánh giá sản phẩm của mình và của bạn.	

TIẾT 4

Viết: Luyện tập viết đoạn văn cho bài văn tả người

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
3. Viết (30 phút)		
3.1. Tìm hiểu cách viết đoạn văn tả hoạt động, qua đó làm nổi bật đặc điểm ngoại hình (15 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1.		

– HS đọc đoạn văn, thảo luận trong nhóm nhỏ để tìm hiểu đoạn văn. (Gợi ý: a. Ngoại hình và trang phục khi làm việc của bác Tâm: đi một đôi găng tay bằng vải rất dày; tay bác y như tay một người khổng lồ; đội nón khăn trùm gần kín mặt, chỉ để hở mỗi cái mũi và đôi mắt;... b. Hoạt động khi làm việc của bác Tâm: khéo léo xếp những viên đá bọc nhựa đường vào chỗ trống; đập búa đều đều vào những viên đá để chúng ken chắc vào nhau; hai tay đưa lên, hạ xuống nhịp nhàng;... c. Sự vất vả khi làm việc của bác Tâm: mảnh áo ướt đầm mồ hôi ở lưng bác; cứ loang ra mãi;... d. Qua cách miêu tả, người viết thể hiện sự tôn trọng, kính mến của mình đối với bác Tâm và công việc của bác.) – 2 – 3 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Hợp tác với bạn để thực hiện các yêu cầu. – Tìm hiểu được cách viết đoạn văn tả hoạt động của con người. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
3.2. Viết đoạn văn tả hoạt động quen thuộc của một người lao động khi đang làm việc (17 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS trả lời một vài câu hỏi gợi ý của GV trong nhóm hoặc trước lớp để thực hiện hoạt động: + Em chọn tả hoạt động nào của người đó? + Khi thực hiện hoạt động đó, đặc điểm ngoại hình của người được tả có gì đáng chú ý? + Em chọn những từ ngữ nào để thể hiện tình cảm, cảm xúc giữa em và người đó? + ... – HS làm bài vào VBT. – HS đọc lại, điều chỉnh và hoàn thiện đoạn văn của mình.	– Viết được đoạn văn tả hoạt động quen thuộc của một người lao động khi làm việc, – Phát triển kỹ năng viết đoạn, kỹ năng chọn lọc các đặc điểm nổi bật để miêu tả một người lao động khi làm việc. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
3.3. Trao đổi về đoạn văn (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 3. – HS hoạt động nhóm, trưng bày bài viết theo kỹ thuật <i>Phòng tranh</i>. – HS trao đổi những điều em thích ở đoạn văn của bạn và những điều em muốn chỉnh sửa ở đoạn văn đã viết. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	Hợp tác với bạn để nhận xét, đánh giá sản phẩm của mình và của bạn.	

C. VẬN DỤNG (05 phút)		
– HS xác định yêu cầu của hoạt động: <i>Tìm hiểu thêm thông tin và nói 2 – 3 câu giới thiệu về một địa danh được nhắc đến trong bài đọc “Ngàn lời sử xanh”.</i> – HS chuẩn bị trước ở nhà thông tin về một địa danh được nhắc đến trong bài đọc. – HS thực hành nói trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ giới thiệu về một địa danh (có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh đã chuẩn bị từ trước). – HS thực hành đóng vai phóng viên để phỏng vấn các bạn nhỏ về một địa danh. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.	– Nói được câu giới thiệu về một địa danh được nhắc đến trong bài đọc “Ngàn lời sử xanh”. – Hợp tác với bạn để thực hiện hoạt động. – Nhận xét, đánh giá được sản phẩm của mình và của bạn.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

BÀI 4: VỊNH HẠ LONG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Khởi động

Thi kể tên bãi biển, hòn đảo,... trên đất nước ta mà em biết, nói được về một bãi biển, hòn đảo,... vừa kể tên.

2. Khám phá và luyện tập

2.1. Đọc

– Nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Bốn mùa, Hạ Long được bao phủ bởi một màu xanh đậm thắm. Nhưng vào mỗi mùa, Hạ Long vẫn có những nét riêng biệt, hấp dẫn mọi người. Từ đó, rút ra ý nghĩa: Cảnh vật tươi đẹp và khí hậu mát mẻ đã mang lại cho Hạ Long sức hấp dẫn, nét cuốn hút riêng.*

2.2. Luyện từ và câu

Nhận diện được biện pháp điệp từ, điệp ngữ.

2.3. Viết

Luyện tập viết được bài văn tả người.

3. Vận dụng

Sưu tầm được tranh ảnh, thông tin,... về vịnh Hạ Long và sử dụng tranh ảnh sưu tầm được để giới thiệu vịnh Hạ Long với bạn bè, người thân.

Từ đó, góp phần hình thành các phẩm chất và năng lực chung.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SGK phóng to.
- Tranh, ảnh hoặc video clip về bãi biển, hòn đảo,... trên đất nước ta (nếu có).
- Tranh, ảnh, video clip về vịnh Hạ Long (nếu có).
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Tuy bốn mùa là vậy” đến hết.
- Thẻ từ, thẻ câu để tổ chức cho HS chơi trò chơi.

2. Học sinh

Tranh ảnh, thông tin về vịnh Hạ Long.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

Độc: Vịnh Hạ Long

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (05 phút)		
– HS thi kể tên bãi biển, hòn đảo,... trên đất nước ta bằng kỹ thuật <i>Ô bi</i> (có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh hoặc video clip đã được chuẩn bị). (Gợi ý: + <i>Bãi biển: Cát Bà, Đồ Sơn, Sầm Sơn, Cửa Tùng,...</i> + <i>Hòn đảo: Đảo Phú Quốc – Kiên Giang, đảo Cô Tô – Quảng Ninh, Côn Đảo ở Bà Rịa – Vũng Tàu, đảo Lý Sơn – Quảng Ngãi, đảo Nam Du – Kiên Giang, đảo Bình Ba – Khánh Hòa,...</i>) – HS nói 1 – 2 câu về bãi biển, hòn đảo,... vừa kể tên. – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS đọc tên bài kết hợp quan sát tranh minh họa, liên hệ với nội dung khởi động → phán đoán nội dung bài đọc. → Nghe GV giới thiệu bài học: “Vịnh Hạ Long”.	– Phối hợp với GV và bạn để thực hiện hoạt động. – Nói thành câu, diễn đạt trọn vẹn ý, nội dung theo yêu cầu của GV. – Có kỹ năng phán đoán nội dung bài đọc dựa vào tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.	
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Đọc (30 phút)		
1.1. Luyện đọc (08 phút)		
– HS nghe GV đọc mẫu. – HS đọc nối tiếp từng đoạn hoặc toàn bài đọc, kết hợp nghe GV hướng dẫn trong nhóm hoặc trước lớp: + Cách đọc một số từ ngữ khó: <i>phần phật; sáng khoái; ...</i> + Cách ngắt nghỉ một số câu dài:	– Hình thành kỹ năng đọc thầm kết hợp với nghe, xác định chỗ ngắt, nghỉ, nhấn giọng,...	

• <i>Ngon gió/ lúc êm ả như ru,/ lúc phần phật như quạt,/ mang cái trong lành,/ cái tươi mát của đại dương vào đất liền,/ làm sáng khoái tâm hồn ta.//;</i> • <i>Trong tiếng gió thổi,/ ta nghe tiếng thông reo,/ tiếng sóng vỗ,/ tiếng ve ran/ và cả tiếng máy,/ tiếng xe,/ tiếng cần trục từ trên các tầng than,/ bên cảng vọng lại.//;...</i> + Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó: <i>sáng khoái</i> ((tinh thần) tỉnh táo, phần chấn hấn lên); <i>cần trục</i> (cần cẩu);... + Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý: • Đoạn 1: Từ đầu đến “cũng phơi phơi”. • Đoạn 2: Tiếp theo đến “tâm hồn ta”. • Đoạn 3: Còn lại. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV nhận xét chung về hoạt động luyện đọc.	– Đọc to, rõ ràng, đúng các từ khó và ngắt nghỉ hơi đúng ở các câu dài. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	
1.2. Tìm hiểu bài (12 phút) – HS đọc thầm toàn bài, thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả tìm hiểu bài trước lớp: 1. Vì sao nói “bốn mùa Hạ Long phủ trên mình một màu xanh đậm thắm? (Gợi ý: <i>Vì Hạ Long được bao phủ bởi màu xanh biếc của biển, xanh lam của núi, xanh lục của trời. Những màu xanh này như trường cửu, bát ngát, trẻ trung và phơi phơi.</i>) → Rút ra ý đoạn 1: <i>Bốn mùa, Hạ Long được bao phủ bởi một màu xanh đậm thắm.</i> 2. Mỗi mùa, vịnh Hạ Long hấp dẫn lòng người bởi điều gì? (Gợi ý: <i>Mỗi mùa, Hạ Long hấp dẫn lòng người bởi: mùa xuân – mùa sương và cá nục; mùa hè – mùa gió nồm nam và cá ngừ, cá vược; mùa thu – mùa trăng biển và tôm he.</i>) 3. Theo tác giả, Hạ Long quyến rũ hơn cả vào mùa nào? Vì sao? (Gợi ý: <i>Theo tác giả, Hạ Long quyến rũ hơn cả vào mùa hè vì lúc này có những cơn gió thổi từ ngoài biển vào, có cảm giác như đi trước của gió. Ngon gió lúc êm ả như ru, lúc phần phật như quạt, mang cái trong lành, cái tươi mát của đại dương vào đất liền, làm sáng khoái tâm hồn.</i>) → Rút ra ý đoạn 2: <i>Vào mỗi mùa trong năm, Hạ Long có những nét riêng biệt, hấp dẫn mọi người.</i> 4. Theo em, vì sao nói những âm thanh nghe được là “âm thanh của sự sống trăm ngả tụ về”? (Gợi ý: <i>Những âm thanh nghe được là “âm thanh của sự sống trăm ngả tụ về” vì có</i>	– Hợp tác với GV và bạn để trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài. – Thông qua tìm hiểu bài, hiểu thêm nghĩa một số từ khó và hiểu nội dung bài. – Biết liên hệ bản thân: Nói được về những điểm hấp dẫn của vịnh Hạ Long.	

<i>âm thanh của biển (sóng vỗ), của núi (thông reo), hoạt động của con người (tiếng máy, tiếng xe, tiếng cần trục),... như tụ về vịnh Hạ Long rồi theo gió ngân lên vang vọng.)</i> → Rút ra ý đoạn 3: <i>Âm thanh của sự sống từ trăm ngả theo tiếng gió tụ về, ngân lên vang vọng.</i> 5. Đối với em, Hạ Long hấp dẫn bởi điều gì? Vì sao? (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. VD: <i>Hạ Long hấp dẫn bởi có nhiều nét riêng biệt. Vì mỗi mùa Hạ Long khoác lên mình một chiếc áo khác nhau, mang theo những nét đặc trưng riêng nên có thể chiều lòng tất cả các du khách khi có dịp đặt chân đến nơi đây để tham quan, du lịch,...)</i> → Rút ra nội dung, ý nghĩa của bài đọc. – HS nghe bạn và GV nhận xét, bổ sung. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động tìm hiểu bài.		
1.3. Luyện đọc lại (10 phút) – HS trả lời một vài câu hỏi để nhớ lại nội dung chính của bài và xác định giọng đọc: + Bài đọc nói về điều gì? → <i>Toàn bài đọc với giọng nhẹ nhàng, vui tươi.</i> + Cần nhấn giọng ở những từ ngữ nào? (Gợi ý: <i>Nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ đặc điểm, những nét riêng của Hạ Long.</i>) – HS nghe GV hoặc một bạn đọc lại đoạn 2, 3: <i>Tuy bốn mùa là vậy,/ nhưng mỗi mùa Hạ Long lại có <u>những nét riêng biệt</u>,/ <u>hấp dẫn</u> lòng người.// Mùa xuân của Hạ Long là <u>mùa sương</u> và <u>cá nục</u>.// Mùa hè của Hạ Long là <u>mùa gió nồm nam</u> và <u>cá ngừ</u>,/ <u>cá vược</u>.// Mùa thu của Hạ Long là <u>mùa trăng biển</u> và <u>tôm he</u>.// Song <u>quyến rũ hơn cả</u> vẫn là <u>mùa hè của Hạ Long</u>.// Những ngày hè đi bên bờ Hạ Long ta có cảm giác như <u>đi trước cửa gió</u>.// Ngọn gió lúc <u>êm ả</u> như ru,/ lúc <u>phản phất</u> như quạt,/ mang cái <u>trong lành</u>,/ cái <u>tươi mát</u> của đại dương vào đất liền,/ làm <u>sảng khoái</u> tâm hồn ta.//</i> <i>Trong <u>tiếng gió thổi</u>,/ ta nghe <u>tiếng thông reo</u>,/ <u>tiếng sóng vỗ</u>,/ <u>tiếng ve ran</u>/ và cả <u>tiếng máy</u>,/ <u>tiếng xe</u>,/ <u>tiếng cần trục</u> từ trên các <u>tầng than</u>,/ <u>bến cảng vọng lại</u>.// Những <u>âm thanh</u> của sự sống <u>trăm ngả</u> tụ về,/ <u>theo gió</u>/ <u>ngân lên vang vọng</u>.//</i> – HS luyện đọc lại đoạn 2, 3 trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ. – HS thi đọc đoạn 2, 3 trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động luyện đọc lại.	– Xác định được giọng đọc trên cơ sở hiểu nội dung bài. – Biết nhấn giọng ở một số từ ngữ chỉ những nét riêng của Hạ Long. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	

TIẾT 2

Luyện từ và câu: Biện pháp điệp từ, điệp ngữ

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH											
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)													
2. Luyện từ và câu (35 phút)													
2.1. Nhận diện biện pháp điệp từ, điệp ngữ (10 phút)													
– HS xác định yêu cầu của BT 1. – HS hoạt động nhóm nhỏ, làm bài vào VBT, chia sẻ, thống nhất kết quả trong nhóm. – HS thảo luận trong nhóm 4 theo kĩ thuật <i>Mảnh ghép và Khăn trải bàn</i>: + 1/2 số nhóm trong lớp thực hiện BT 1a. + 1/2 số nhóm trong lớp thực hiện BT 1b. Đáp án: <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 10%;"></th><th style="width: 40%; text-align: center;"><i>Các từ ngữ được dùng lặp lại</i></th><th style="width: 50%; text-align: center;"><i>Tác dụng</i></th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td rowspan="2" style="text-align: center;">a.</td><td><i>Hạt gạo làng ta</i></td><td><i>nhấn mạnh</i></td></tr> <tr> <td><i>Có</i></td><td><i>liệt kê</i></td></tr> <tr> <td style="text-align: center;">b.</td><td><i>đây, là của chúng ta</i></td><td><i>khẳng định</i></td></tr> </tbody> </table> – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, rút ra những điều em cần ghi nhớ về biện pháp điệp từ, điệp ngữ. – 1 – 2 HS nhắc lại ghi nhớ.		<i>Các từ ngữ được dùng lặp lại</i>	<i>Tác dụng</i>	a.	<i>Hạt gạo làng ta</i>	<i>nhấn mạnh</i>	<i>Có</i>	<i>liệt kê</i>	b.	<i>đây, là của chúng ta</i>	<i>khẳng định</i>	– Hợp tác với bạn để thực hiện các yêu cầu của BT. – Nhận diện được biện pháp điệp từ, điệp ngữ và tác dụng của các biện pháp này. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
	<i>Các từ ngữ được dùng lặp lại</i>	<i>Tác dụng</i>											
a.	<i>Hạt gạo làng ta</i>	<i>nhấn mạnh</i>											
	<i>Có</i>	<i>liệt kê</i>											
b.	<i>đây, là của chúng ta</i>	<i>khẳng định</i>											
2.2. Tìm và nêu tác dụng của điệp từ, điệp ngữ (08 phút)													
– HS xác định yêu cầu của BT 2 và đọc đoạn thơ, bài ca dao. – HS thảo luận nhóm nhỏ kĩ thuật <i>Khăn trải bàn</i>. Đáp án: <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 10%;"></th><th style="width: 40%; text-align: center;"><i>Điệp từ, điệp ngữ</i></th><th style="width: 50%; text-align: center;"><i>Tác dụng</i></th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="text-align: center;">a.</td><td><i>Tiếng</i></td><td><i>liệt kê</i></td></tr> <tr> <td style="text-align: center;">b.</td><td><i>Lá xanh, bông trắng, nhụy vàng</i></td><td><i>nhấn mạnh</i></td></tr> </tbody> </table> – HS làm bài vào VBT. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.		<i>Điệp từ, điệp ngữ</i>	<i>Tác dụng</i>	a.	<i>Tiếng</i>	<i>liệt kê</i>	b.	<i>Lá xanh, bông trắng, nhụy vàng</i>	<i>nhấn mạnh</i>	– Hợp tác với bạn để thực hiện các yêu cầu của BT. – Tìm và nêu được tác dụng của điệp từ, điệp ngữ có trong đoạn thơ, bài ca dao. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.			
	<i>Điệp từ, điệp ngữ</i>	<i>Tác dụng</i>											
a.	<i>Tiếng</i>	<i>liệt kê</i>											
b.	<i>Lá xanh, bông trắng, nhụy vàng</i>	<i>nhấn mạnh</i>											
2.3. Tìm và nêu tác dụng của điệp từ (17 phút)													
– HS xác định yêu cầu của BT 3, đọc đoạn thơ. – HS hoạt động nhóm đôi, chọn từ phù hợp thay cho mỗi ☼ trong đoạn thơ.	– Chọn được từ phù hợp để thay cho các ☼ trong đoạn thơ.												

(Đáp án: <i>a. long lanh</i> <i>b. long lanh, là; tác dụng: nhấn mạnh và liệt kê</i> – HS làm bài vào VBT. – HS chia sẻ kết quả trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét, chỉnh sửa. – 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Xác định điệp từ sau khi đoạn thơ hoàn thiện, nêu được tác dụng của điệp từ đó. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
---	--	--

TIẾT 3

Viết: Viết bài văn tả người (Bài viết số 2)

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
3. Viết (30 phút)		
3.1. Xác định yêu cầu của đề bài (02 phút) – HS xác định yêu cầu đề bài bằng cách trả lời một số câu hỏi để phân tích đề bài: + Đề bài yêu cầu bài văn thuộc kiểu bài nào? (Đáp án: <i>Tả người.</i>) + Bài văn yêu cầu tả ai? (Đáp án: <i>Một người lao động đang làm việc.</i>) – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	Hiểu và xác định đúng yêu cầu trọng tâm của đề bài.	
3.2. Viết bài văn tả một người lao động đang làm việc (25 phút) – HS xác định yêu cầu BT 1. – HS đọc lại những ghi chép ở tiết trước, kết hợp quan sát sơ đồ gợi ý. – HS trả lời một vài câu hỏi gợi ý của GV trong nhóm hoặc trước lớp để thực hiện hoạt động: + Bài văn tả người thường gồm mấy phần? (Đáp án: <i>Ba phần: mở bài, thân bài, kết bài</i>) + Nhiệm vụ của mỗi phần là gì? (Đáp án: • <i>Mở bài: Giới thiệu người định tả;</i> • <i>Thân bài: Miêu tả người được chọn tả;</i> • <i>Kết bài: Bày tỏ tình cảm, cảm xúc với người được tả.</i>) + Có mấy cách để thực hiện bài văn tả người? Đó là những cách nào?	Viết được bài văn tả một người lao động đang làm việc.	

(Đáp án: • <i>Cách 1: Tả một vài đặc điểm nổi bật về ngoại hình → Tả những điểm nổi bật về hoạt động, tính tình của người đó thể hiện qua công việc.</i> • <i>Cách 2: Tả một vài hoạt động tiêu biểu, qua đó làm nổi bật đặc điểm ngoại hình, tính cách.)</i> + ... – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – HS thực hiện viết bài vào VBT.		
3.3 Đọc lại và hoàn thiện bài đã viết (03 phút) – HS xác định yêu cầu BT 2. – HS đọc lại bài viết, chỉnh sửa và hoàn thiện bài viết bằng cách: + Chỉnh sửa trình tự miêu tả. + Thêm vào bài văn những từ ngữ gợi tả. + Thêm vào bài văn những hình ảnh so sánh. + Thêm vào bài văn những từ ngữ, câu văn thể hiện tình cảm, cảm xúc kính trọng, khâm phục. + ... – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Tự chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
C. VẬN DỤNG (05 phút)		
– HS xác định yêu cầu của hoạt động 1: <i>Sưu tầm tranh ảnh, thông tin về vịnh Hạ Long.</i> – HS nghe GV hướng dẫn cách thực hiện hoạt động ở nhà: + Sưu tầm tranh, ảnh theo đề bài. + Tìm hiểu thêm một vài thông tin về vịnh Hạ Long (có thể tìm kiếm trên internet). – HS xác định yêu cầu của hoạt động 2: <i>Sử dụng tranh ảnh sưu tầm được để giới thiệu với bạn bè, người thân,... về vịnh Hạ Long.</i> – HS sử dụng tranh ảnh, thông tin về vịnh Hạ Long đã sưu tầm ở nhà (theo yêu cầu của GV ở hoạt động 1) hoạt động trong nhóm 4, giới thiệu với bạn trong nhóm về vịnh Hạ Long. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.	– Tìm được tranh, ảnh, thông tin về vịnh Hạ Long; giới thiệu được với bạn bè, người thân về địa điểm này. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

BÀI 5: ÔNG TRẠNG NÔI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Khởi động

Nêu được những việc làm thể hiện sự quan tâm đến hàng xóm láng giềng.

2. Khám phá và luyện tập

2.1. Đọc

– Nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời nhân vật và lời người dẫn chuyện; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Ông Trọng Nôi là người xem trọng tình nghĩa, không quên ơn những người đã giúp mình trong những lúc khó khăn. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: Ca ngợi một nét đẹp trong ứng xử của người Việt Nam: trọng tình, trọng nghĩa.*

2.2. Luyện từ và câu

Luyện tập sử dụng biện pháp điệp từ, điệp ngữ.

2.3. Viết

Viết được đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc trước một sự việc.

3. Vận dụng

Tìm đọc được truyện về một vị trạng nguyên của nước ta và chia sẻ được suy nghĩ về vị trạng nguyên đó.

Từ đó, góp phần hình thành các phẩm chất và năng lực chung.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SGK phóng to.
- Tranh, ảnh, video clip về một số hoạt động góp phần bảo vệ môi trường (nếu có).
- Bảng phụ ghi đoạn từ “Về đến nơi” đến hết.
- Thẻ từ, thẻ câu cho HS thực hiện các BT luyện từ và câu.

2. Học sinh

- Tranh, ảnh, video clip về một số hoạt động góp phần bảo vệ môi trường (nếu có).
- Truyện về một vị trạng nguyên ở nước ta.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

Độc: Ông Trọng Nồi

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (10 phút)		
– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nêu 1 – 2 việc làm thể hiện sự quan tâm đến hàng xóm láng giềng dựa theo gợi ý: + Em thường làm những việc gì để thể hiện sự quan tâm đến hàng xóm láng giềng? (Gợi ý: <i>thăm hỏi, giúp đỡ,...</i>) + Theo em, vì sao cần làm những việc đó? (Gợi ý: <i>Vì họ là những người sống bên cạnh, gần gũi với gia đình mình.</i>) – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS đọc tên bài kết hợp quan sát tranh minh họa, liên hệ với nội dung khởi động → phán đoán nội dung bài đọc. → Nghe GV giới thiệu bài học: “Ông Trọng Nồi”.	– Phối hợp với GV và bạn để thực hiện hoạt động. – Nói thành câu, diễn đạt trọn vẹn ý, nội dung theo yêu cầu của GV. – Có kĩ năng phán đoán nội dung bài đọc dựa vào tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.	
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Đọc (60 phút)		
1.1. Luyện đọc (12 phút)		
– HS nghe GV đọc mẫu. – HS đọc nối tiếp từng đoạn hoặc toàn bài đọc, kết hợp nghe GV hướng dẫn trong nhóm hoặc trước lớp: + Cách đọc một số từ ngữ khó: <i>miệt mài; ban thưởng; ...</i> + Cách ngắt nghỉ một số câu dài: • <i>Hồi đó,/ vì bận ôn thi/ không có thời gian đi kiếm gạo,/ nên tôi đã mượn nồi của nhà ông/ để ăn vét cơm cháy trong mấy tháng trời.//;</i> • <i>Vị trạng nguyên trẻ tuổi ấy/ chính là Tô Tịch,/ một người học giỏi/ nổi tiếng thời trước của nước ta.//;...</i> + Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: <i>miệt mài</i> (tập trung (học) và bị lôi cuốn vào đến mức như không một lúc nào có thể rời ra.); <i>quà mọn</i> (món quà đơn giản, không đáng kể gì – cách nói khiêm tốn);... + Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý: • Đoạn 1: Từ đầu đến “khi đem trả”. • Đoạn 2: Tiếp theo đến “đúc bằng vàng”. • Đoạn 3: Còn lại. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Hình thành kĩ năng đọc thầm kết hợp với nghe, xác định chỗ ngắt, nghỉ, nhấn giọng,... – Đọc to, rõ ràng, đúng các từ khó và ngắt nghỉ hơi đúng ở các câu dài. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	

– 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV nhận xét chung về hoạt động luyện đọc.		
1.2. Tìm hiểu bài (20 phút) – HS đọc thầm bài đọc, thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả tìm hiểu bài trước lớp: 1. Ở đoạn đầu, chàng trai được giới thiệu như thế nào? (Gợi ý: <i>Chàng trai nhà nghèo, sống bằng nghề kiếm củi nhưng rất thông minh, ham học.</i>) → Rút ra ý đoạn 1: <i>Chàng học trò nghèo mãi lo chuyện đèn sách, phải mượn nồi của người hàng xóm để ăn vét cơm cháy.</i> 2. Trong bữa tiệc ban thưởng cho những người thi đỗ, quan trạng đã xin nhà vua đồ vật gì? Vì sao? (Gợi ý: <i>Quan trạng xin nhà vua một cái nồi nhỏ. Vì muốn tặng cái nồi để báo đáp một phần công ơn của người hàng xóm đã cho mình mượn nồi để ăn vét cơm cháy trong suốt mấy tháng ôn thi.</i>) → Rút ra ý đoạn 2: <i>Chàng học trò nghèo đỗ trạng nguyên, xin nhà vua một cái nồi nhỏ làm quà tạ ơn người hàng xóm.</i> 3. Vì sao người hàng xóm và dân làng lại xúc động, cảm phục quan trạng? (Gợi ý: <i>Vì quan trạng vừa thông minh, ham học lại là người có nghĩa, có tình, biết ghi nhớ công ơn của người đã từng giúp đỡ mình.</i>) → Rút ra ý đoạn 3: <i>Người hàng xóm và dân làng xúc động, cảm phục trước nghị lực và tấm lòng của quan trạng.</i> 4. Kể tóm tắt câu chuyện. (Gợi ý: HS kể tóm tắt câu chuyện bằng lời của mình. VD: <i>Ngày xưa, ở một làng nọ có một chàng trai nghèo nhưng rất thông minh, ham học. Nghe tin nhà vua mở khoa thi, chàng miệt mài đèn sách đến nỗi không có thời gian đi kiếm củi, lấy tiền đóng gạo. Đến bữa, chờ người hàng xóm ăn xong, chàng lại sang mượn nồi về, vét chút cơm cháy còn lại để ăn cho đỡ đói. Nhờ thế, khoa thi năm đó, chàng đỗ trạng nguyên. Thi đỗ, quan trạng chỉ xin nhà vua một cái nồi nhỏ làm quà để tạ ơn người hàng xóm. Việc làm của quan trạng khiến ai ai cũng cảm phục và xúc động. Cũng từ đó, nhân dân yêu quý gọi quan trạng là Trạng Nồi.</i>) 5. Câu chuyện gợi cho em nhớ đến câu tục ngữ nào? Vì sao? (Gợi ý: HS có thể nêu những câu tục ngữ khác nhau nhưng đảm bảo giải thích được lí do phù hợp. VD: <i>“Có chí thì nên” vì chàng trai biết vượt qua hoàn cảnh nghèo khó để thi đỗ; “ăn quả nhớ người trồng cây” vì quan trạng dù</i>	– Hợp tác với GV và bạn để trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài. – Thông qua tìm hiểu bài, hiểu thêm nghĩa một số từ khó và hiểu nội dung bài.	

đỗ đạt, thành tài nhưng cũng không quên người đã giúp đỡ mình;...) → Rút ra nội dung, ý nghĩa của bài đọc. – HS nghe bạn và GV nhận xét, bổ sung. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động tìm hiểu bài.		
1.3. Luyện đọc lại (15 phút) – HS trả lời một vài câu hỏi để nhớ lại nội dung chính của bài và xác định giọng đọc: + Bài đọc nói về điều gì? → <i>Toàn bài đọc với giọng chậm rãi, thông thả.</i> + Cần nhấn giọng ở những từ ngữ nào? (Gợi ý: <i>Nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ hành động, bộc lộ suy nghĩ, tình cảm của các nhân vật,...</i>) + Lời của quan trạng và người hàng xóm đọc thế nào? (Gợi ý: <i>Giọng quan trạng: từ tốn, nhã nhặn; giọng người hàng xóm: ngạc nhiên, bất ngờ.</i>) – HS nghe GV hoặc một bạn đọc lại đoạn 3: <i>Về đến nơi,/ quan trạng chào hỏi,/ cảm ơn dân làng,/ rồi cầm chiếc nôi đi đến nhà hàng xóm.// Thấy quan trạng đến,/ chủ nhà vội vàng ra chào,/ đón vào nhà.// Quan trạng nói:/</i> – <i>Thưa ông,/ tôi xin biểu ông chiếc nôi/ nhà vua ban cho/ để tạ ơn.// Nhờ ông có lòng giúp đỡ,/ tôi mới được như ngày nay.//</i> <i>Nghe quan trạng nói,/ người hàng xóm nghĩ thầm:// “Cho mượn nôi thì có gì mà quan trạng phải trả ơn to đến thế!”// Như đoán biết ý nghĩ của ông,/ quan trạng thông thả://</i> – <i>Hồi đó,/ vì bận ôn thi/ không có thời gian đi kiếm gạo,/ nên tôi đã mượn nôi của nhà ông để ăn vét cơm cháy/ trong mấy tháng trời. Nay đã đỗ đạt,/ tôi có chút quà mon/ để trả ơn.//</i> <i>Chủ nhà và dân làng rất xúc động,/ cảm phục gương hiếu học/ và lòng biết ơn của quan trạng.//</i> <i>Vị trạng nguyên trẻ tuổi ấy/ chính là Tô Tịch,/ một người học giỏi/ nổi tiếng thời trước/ của nước ta.// Dân gian yêu mến/ gọi ông là Trang Nôi.//</i> – HS luyện đọc lại đoạn 3 trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ. – 2 – 3 HS thi đọc đoạn 3 trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động luyện đọc lại.	– Xác định được giọng đọc trên cơ sở hiểu nội dung bài. – Biết nhấn giọng ở một số từ ngữ quan trọng, thể hiện giọng đọc phù hợp với từng nhân vật. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	

1.4. Cùng sáng tạo (13 phút) – HS xác định yêu cầu của hoạt động: <i>Viết 4 – 5 câu bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc của em về một nhân vật trong bài đọc “Ông Trạng Nồi”.</i> – HS thảo luận nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc về một nhân vật dựa vào gợi ý: + Em thích nhân vật nào? (Gợi ý: <i>Ông Trạng Nồi, người hàng xóm</i>) + Nhân vật đó có gì làm em ấn tượng? (Gợi ý: <i>Ông Trạng Nồi là một tấm gương hiếu học cho mọi người noi theo. Nhà nghèo, hoàn cảnh thiếu thốn, nhưng ông đã cố gắng vượt qua để đạt được thành tích cao. Khi đỗ trạng nguyên, ông nhớ ơn người hàng xóm đã giúp đỡ mình. Không chỉ là người giỏi giang, ông còn là người sống có tình nghĩa, được dân gian yêu mến, nể phục.</i>) + ... – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá và tổng kết hoạt động đọc.	– Viết được câu bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc của em về một nhân vật trong bài đọc “Ông Trạng Nồi”. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
--	---	--

TIẾT 3

Luyện từ và câu: Luyện tập về biện pháp điệp từ, điệp ngữ

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
2. Luyện từ và câu (35 phút)		
2.1. Xác định và nêu tác dụng của điệp từ, điệp ngữ (06 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1, đọc bài thơ. – HS thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để thực hiện yêu cầu của BT. (Đáp án: + <i>Có. Tác dụng: liệt kê những sự vật, sự việc có xung quanh nhà em.</i> + <i>Chẳng đâu. Tác dụng: nhấn mạnh nhằm khắc sâu tình cảm của bạn nhỏ với nhà của mình.</i>) – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Hợp tác với bạn để thực hiện yêu cầu của BT. – Xác định và nêu tác dụng của điệp từ, điệp ngữ. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

2.2. Chọn một từ phù hợp trong khung thay cho các ☼ (07 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2, đọc bài ca dao. – HS thảo luận theo nhóm đôi, chọn từ phù hợp thay cho ☼ để hoàn chỉnh các câu, làm bài vào VBT. (Đáp án: a. trông; b. Tác dụng: liệt kê, khẳng định những mong mỏi của người nông dân trong lao động, sản xuất.) – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Hợp tác với bạn để thực hiện yêu cầu của BT. – Chọn được từ phù hợp để hoàn chỉnh bài ca dao. – Xác định và nêu được tác dụng của điệp từ, điệp ngữ. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.3. Xác định và nêu tác dụng của điệp từ, điệp ngữ (22 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 3a. – HS làm bài vào VBT (Đáp án: Em yêu: liệt kê, khẳng định tình cảm của bạn nhỏ với nhà của mình.). – 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – HS xác định yêu cầu của BT 3b. – HS làm bài vào VBT. – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Xác định và nêu được tác dụng của điệp từ, điệp ngữ. – Viết được câu hoặc sáng tác được thơ có sử dụng điệp từ, điệp ngữ bày tỏ tình cảm về ngôi nhà em ở. – Chỉnh sửa, mở rộng câu dựa vào nhận xét của bạn và GV.	

TIẾT 4

Viết: Đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc của bản thân trước một sự việc

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
3. Viết (30 phút)		
3.1. Nhận diện đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc của bản thân trước một sự việc (15 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1. – HS đọc đoạn văn, trao đổi trong nhóm nhỏ để thực hiện yêu cầu.	– Nhận diện được đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc của bản thân trước một sự việc.	

(Đáp án: a. Câu văn mở đầu khẳng định cảm xúc của bạn Ngân Anh về việc được tham “Ngày hội trồng cây” ở trường. b. Các câu văn: + Thể hiện cảm xúc của các bạn khi tham gia sự việc: Khuôn mặt các bạn ửng hồng, mồ hôi lấm tấm nhưng không ai thấy mệt. Có lẽ, mỗi bạn đều có những niềm vui riêng. + Nói về niềm vui, ý nghĩa của sự việc đó đối với các bạn: Vui vì thực hiện được một hoạt động có ý nghĩa; vui vì có thêm một kỉ niệm đẹp với cô giáo và bạn bè; vui khi nghĩ đến ngày những cây con được vun trồng hôm nay sẽ lớn, toả bóng ngát xanh; những cây ấy sẽ rì rào kể biết bao điều thân thương của chúng em dưới mái trường mến yêu này. c. Câu cuối đoạn văn nói về ý nghĩa của việc trồng cây trong tương lai: Và những cây ấy sẽ rì rào kể biết bao điều thân thương của chúng em dưới mái trường mến yêu này.) – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, rút ra những điều cần ghi nhớ khi viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc trước một sự việc. – 1 – 2 HS nhắc lại ghi nhớ.	– Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
3.2. Chia sẻ tình cảm, cảm xúc về một việc làm góp phần bảo vệ môi trường (15 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS đọc các gợi ý, kể tên những việc làm góp phần bảo vệ môi trường mà em đã chứng kiến hoặc tham gia trong nhóm nhỏ (có thể kết hợp quan sát tranh ảnh, video clip về một số hoạt động). – HS kể ngắn gọn về một việc làm và bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc của em khi chứng kiến hoặc tham gia. – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Kể được việc làm góp phần bảo vệ môi trường mà em đã chứng kiến hoặc tham gia đồng thời bày tỏ được suy nghĩ, cảm xúc khi chứng kiến hoặc tham gia việc làm đó. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
C. VẬN DỤNG (05 phút)		
– HS xác định yêu cầu của hoạt động 1: <i>Tìm đọc truyện về một vị trạng nguyên ở nước ta.</i> – HS nghe GV hướng dẫn cách thực hiện hoạt động ở nhà: Tìm đọc truyện theo yêu cầu của hoạt động.	– Tìm đọc được truyện về một vị trạng nguyên ở nước ta và chia sẻ được suy nghĩ về vị trạng nguyên đó.	

– HS xác định yêu cầu của hoạt động 2: <i>Chia sẻ suy nghĩ của em về vị trạng nguyên đó.</i> – HS hoạt động trong nhóm nhỏ, chia sẻ truyện về một vị trạng nguyên ở nước ta đã chuẩn bị theo yêu cầu của GV ở hoạt động 1. – HS viết một vài từ ngữ nêu suy nghĩ của em về vị trạng nguyên vào giấy. – HS chia sẻ suy nghĩ về vị trạng nguyên đó trong nhóm nhỏ. – 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.	– Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
--	---	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

BÀI 6: MỘT BẢN HÙNG CA

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Khởi động

Bày tỏ được suy nghĩ của em về câu thơ của nhà thơ Tố Hữu.

2. Khám phá và luyện tập

2.1. Đọc

– Nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Bức tranh toàn cảnh Chiến dịch Điện Biên Phủ đã tái hiện lại không khí hào hùng và chiến thắng vẻ vang của quân và dân ta.*

2.2. Nói và nghe

Giới thiệu được một di tích hoặc danh lam thắng cảnh.

2.3. Viết

Tìm được ý cho đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc trước một sự việc.

3. Vận dụng

Chia sẻ được với bạn bè hoặc người thân cảm xúc của em về bức tranh toàn cảnh Chiến dịch Điện Biên Phủ.

Từ đó, góp phần hình thành các phẩm chất và năng lực chung.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SGK phóng to.
- Tranh, ảnh hoặc video clip về Chiến dịch Điện Biên Phủ (nếu có).

- Hình ảnh hoặc video clip về bức tranh toàn cảnh Chiến dịch Điện Biên Phủ (nếu có).
- Tranh, ảnh hoặc video clip về những việc làm góp phần bảo vệ môi trường (nếu có)
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Thiết kế mái nhà vòm” đến “quân và dân ta”.

2. Học sinh

- Tranh, ảnh hoặc video clip về một di tích hoặc danh lam thắng cảnh (nếu có).
- Tranh, ảnh hoặc video clip về một việc làm góp phần bảo vệ môi trường (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

Độc: Một bản hùng ca

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (05 phút)		
– HS xem tranh, ảnh hoặc video clip về Chiến dịch Điện Biên Phủ. – HS hoạt động nhóm nhỏ, bày tỏ suy nghĩ về câu thơ của nhà thơ Tố Hữu (Gợi ý: <i>Sau những năm tháng chiến đấu đầy gian khổ, chiến thắng Điện Biên Phủ được xem là một mốc son chói lọi, rất đáng tự hào của dân tộc ta.</i>). – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS đọc tên bài kết hợp quan sát tranh minh hoạ, liên hệ với nội dung khởi động → phán đoán nội dung bài đọc. → Nghe GV giới thiệu bài học: “Một bản hùng ca”.	– Phối hợp với GV và bạn để thực hiện hoạt động. – Nói thành câu, diễn đạt trọn vẹn ý, nội dung theo yêu cầu của GV. – Có kĩ năng phán đoán nội dung bài đọc dựa vào tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.	
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Đọc (30 phút)		
1.1. Luyện đọc (08 phút) – HS nghe GV đọc mẫu. – HS đọc nối tiếp từng đoạn hoặc toàn bài đọc, kết hợp nghe GV hướng dẫn trong nhóm hoặc trước lớp: + Cách đọc một số từ ngữ khó, VD: <i>tiền tuyến; khốc liệt; Đờ Ca-xơ-ri;...</i> + Cách ngắt nghỉ một số câu dài: • <i>Bức tranh toàn cảnh Chiến dịch Điện Biên Phủ/ tại Bảo tàng Chiến thắng Điện Biên/ được vẽ bằng chất liệu sơn dầu/ theo một vòng tròn với đường kính 42 mét,/ chiều dài 132 mét,/ chiều cao 20,5 mét.//;</i> • <i>Vòng ngoài/ là bầu trời bom đạn rực lửa,/ tái hiện liên hoàn/ bốn trường đoạn lịch sử của chiến dịch://;...</i> + Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: <i>Him Lam</i>	– Hình thành kĩ năng đọc thầm kết hợp với nghe, xác định chỗ ngắt, nghỉ, nhấn giọng,... – Đọc to, rõ ràng, đúng các từ khó và ngắt nghỉ hơi đúng ở các câu dài. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	

(nơi đặt căn cứ của quân Pháp, nhằm bảo vệ cho cứ điểm Điện Biên Phủ); <i>Đờ Ca-xơ-ri</i> (tên tướng chỉ huy quân đội Pháp ở Điện Biên Phủ);... + Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý: • Đoạn 1: Từ đầu đến “chiều cao 20,5 mét”. • Đoạn 2: Tiếp theo đến “quân và dân ta”. • Đoạn 3: Còn lại. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV nhận xét chung về hoạt động luyện đọc.		
1.2. Tìm hiểu bài (14 phút) – HS đọc thầm toàn bài, thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả tìm hiểu bài trước lớp: 1. Nêu những thông tin chung về bức tranh toàn cảnh Chiến dịch Điện Biên Phủ. (Gợi ý: <i>Chất liệu: sơn dầu; bố cục: vòng tròn; kích thước: chiều dài 132 mét, chiều cao 20,5 mét và đường kính 42 mét; bức tranh được đặt tại Bảo tàng Chiến thắng Điện Biên Phủ.</i>) → Rút ra ý đoạn 1: <i>Chất liệu, bố cục và kích thước của bức tranh.</i> 2. Hình ảnh bầu trời trong xanh ở vòng trong mái nhà vòm của bức tranh thể hiện điều gì? (Gợi ý: <i>Hình ảnh bầu trời trong xanh thể hiện cho khát vọng hoà bình.</i>) 3. Giới thiệu một trường đoạn của bức tranh mà em thích. (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. VD: Trường đoạn “Toàn dân ra trận” ghi lại hình ảnh từng đoàn dân, quân thô hàng cung cấp lương thực cho tiền tuyến; Trường đoạn “Khúc dạo đầu hùng tráng” với điểm nhấn là trận Him Lam mở màn Chiến dịch Điện Biên Phủ; Trường đoạn “Cuộc đối đầu lịch sử” tái hiện lại sự khốc liệt của chiến trường năm xưa,...; Trường đoạn “Chiến thắng Điện Biên” tái hiện hình ảnh bộ đội cắm cờ đỏ sao vàng trên nóc hầm tướng Đờ Ca-xơ-ri,...) → Giải nghĩa từ: <i>khốc liệt</i> (có tác hại lớn và dữ dội đến mức đáng sợ);... → Rút ra ý đoạn 2: <i>Giới thiệu bốn trường đoạn trong bức tranh.</i> 4. Qua bài đọc, em thấy Chiến dịch Điện Biên Phủ có giá trị và ý nghĩa như thế nào đối với dân tộc Việt Nam? (Gợi ý: <i>Chiến dịch Điện Biên Phủ là sự kiện cách mạng có giá trị</i>	– Hợp tác với GV và bạn để trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài. – Thông qua tìm hiểu bài, hiểu thêm nghĩa một số từ khó và hiểu nội dung bài.	

và ý nghĩa rất lớn với dân tộc Việt Nam. <u>Thắng lợi của chiến dịch đã ghi một dấu ấn to lớn vào lịch sử trong nước và ngoài nước, còn được gọi là “chiến thắng lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu”, trở thành biểu tượng của cuộc đấu tranh chống thực dân giải phóng dân tộc và chứng minh sức mạnh của dân tộc Việt Nam.</u>) → Rút ra ý đoạn 3: Ý nghĩa của bức tranh. → Rút ra nội dung của bài đọc. – HS nghe bạn và GV nhận xét, bổ sung. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động tìm hiểu bài.		
1.3. Luyện đọc lại (08 phút) – HS trả lời một vài câu hỏi để nhớ lại nội dung chính của bài và xác định giọng đọc: + Bài đọc nói về điều gì? → <i>Toàn bài đọc với giọng thông thả, rõ ràng, rành mạch.</i> + Cần nhấn giọng ở những từ ngữ nào? (Gợi ý: <i>Nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ nội dung của các trường đoạn.</i>) – HS nghe GV hoặc một bạn đọc lại đoạn 2: <i>Thiết kế mái nhà vòm của bức tranh/ là hai bầu trời.// Vòng trong là bầu trời trong xanh/ thể hiện khát vọng hoà bình.// Vòng ngoài là bầu trời bom đạn rực lửa,/ tái hiện liên hoàn bốn trường đoạn lịch sử của chiến dịch://</i> <i>Trường đoạn “Toàn dân ra trận”/ với hình ảnh từng đoàn dân,/ quân thù hàng,/ trèo non lội suối/ cung cấp lương thực cho tiền tuyến.//</i> <i>Trường đoạn “Khúc dạo đầu hùng tráng”/ với điểm nhấn là trận Him Lam/ mở màn Chiến dịch Điện Biên Phủ.//</i> <i>Trường đoạn “Cuộc đối đầu lịch sử”/ cho thấy sự khốc liệt của chiến trường năm xưa/ với hình ảnh hầm hào,/ dây thép gai/ và hình ảnh quả bộc phá phát nổ trên đồi A1.//</i> <i>Trường đoạn “Chiến thắng Điện Biên”/ tái hiện hình ảnh bộ đội cầm cờ đỏ sao vàng/ trên nóc hầm tướng Đờ Ca-xtơ-ri/ khẳng định chủ quyền/ và chiến thắng vẻ vang/ của quân và dân ta.//</i> – HS luyện đọc lại đoạn 2 trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ. – 2 – 3 HS thi đọc đoạn 2 trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động luyện đọc lại.	– Xác định được giọng đọc trên cơ sở hiểu nội dung bài. – Biết nhấn giọng ở một số từ ngữ quan trọng. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	

TIẾT 2

Nói và nghe: Giới thiệu về một di tích hoặc danh lam thắng cảnh

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
2. Nói và nghe (35 phút)		
2.1. Giới thiệu di tích lịch sử – văn hoá hoặc danh lam thắng cảnh của Việt Nam (25 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1. – HS đọc các gợi ý, hoạt động trong nhóm nhỏ, thực hiện yêu cầu theo gợi ý: + Em biết những di tích lịch sử – văn hoá hoặc danh lam thắng cảnh nào của Việt Nam? + Em sẽ giới thiệu những gì về di tích lịch sử – văn hoá hoặc danh lam thắng cảnh đó? • Tên • Địa chỉ • Cảnh vật • Con người • ... (Lưu ý: HS có thể sử dụng tranh ảnh, video, sơ đồ minh hoạ hỗ trợ; kết hợp ngữ điệu khi nói, cử chỉ, điệu bộ,... phù hợp để bài nói thêm sinh động.) – 1 – 2 HS giới thiệu trước lớp. – HS còn lại lắng nghe, quan sát và nhận xét phần giới thiệu của bạn theo các tiêu chí: + Nội dung giới thiệu. + Trình tự giới thiệu. + Hình thức giới thiệu: giọng nói, cử chỉ, điệu bộ;... + Sử dụng tranh ảnh, sơ đồ,... khi giới thiệu. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Phát triển kỹ năng học tập hợp tác; kỹ năng nói đơn thoại, nói thành bài kết hợp sử dụng phương tiện hỗ trợ. – Chủ động, mạnh dạn, tự tin khi nói trong nhóm, trước lớp. – Nhận xét được bài nói của bạn dựa vào các tiêu chí.	
2.2. Trao đổi những việc cần làm để giữ gìn các di tích lịch sử – văn hoá hoặc danh lam thắng cảnh của Việt Nam (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS hoạt động nhóm nhỏ để thực hiện yêu cầu (Gợi ý: Không giẫm đạp, leo trèo lên các di tích; không viết, vẽ lên các công trình; tìm hiểu, chia sẻ thông tin về các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử để mọi người biết đến;...).	– Hợp tác với bạn để thực hiện hoạt động. – Trao đổi được về những việc cần làm để giữ gìn các di tích lịch sử – văn hoá hoặc danh	

– HS có thể ghi chép nhanh các thông tin bằng sơ đồ tư duy đơn giản. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp bằng kĩ thuật <i>Chúng em biết 3</i>. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	lam thẳng cánh của Việt Nam. – Chủ động, mạnh dạn, tự tin khi nói trong nhóm, trước lớp. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
--	--	--

TIẾT 3

Viết: Tìm ý cho đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc trước một sự việc

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
3. Viết (30 phút)		
3.1. Tìm, sắp xếp và ghi lại những ý chính cho đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc trước một sự việc (22 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1. – HS thảo luận nhóm nhỏ, dựa vào gợi ý của GV để thực hiện hoạt động: + Xác định việc làm góp phần bảo vệ môi trường (Gợi ý: <i>Tắt đèn để hưởng ứng “Giờ Trái Đất”; hưởng ứng cuộc vận động “Sử dụng sản phẩm thân thiện với môi trường”;...</i>) → ghi lại thông tin giới thiệu việc làm đó. + Nhớ lại và ghi tóm tắt các sự việc chính về việc làm đó. + Ghi tóm tắt kết quả, ý nghĩa của việc làm đó. + Bày tỏ tình cảm, cảm xúc của em sau khi thực hiện hoặc chứng kiến việc làm đó. + ... – HS chia sẻ cùng bạn trong nhóm nhỏ. – HS nhận xét, góp ý trong nhóm. – HS làm bài vào VBT hoặc vở nháp. (Lưu ý: HS có thể kết hợp quan sát hình ảnh, video clip về việc làm và ghi chép vắn tắt bằng các từ ngữ dưới dạng sơ đồ tư duy đơn giản, tránh diễn đạt thành câu.) – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Hợp tác với bạn để thực hiện yêu cầu của BT. – Phát triển kĩ năng tìm ý. – Sắp xếp và ghi lại được những ý chính cho đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một việc làm góp phần bảo vệ môi trường. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
3.2. Viết câu giới thiệu việc làm góp phần bảo vệ môi trường (08 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2.		

– HS quan sát tranh minh hoạ, đọc lại nội dung ở BT 1, làm bài vào VBT. – HS chia sẻ bài làm trong nhóm, chỉnh sửa bài làm dựa vào nhận xét của bạn. – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Viết được câu giới thiệu việc làm góp phần bảo vệ môi trường và nêu được cảm nhận về việc làm đó. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
---	--	--

C. VẬN DỤNG (05 phút)

– HS xác định yêu cầu của hoạt động: <i>Chia sẻ với bạn bè hoặc người thân cảm xúc của em về bức tranh toàn cảnh Chiến dịch Điện Biên Phủ.</i> – HS có thể đọc lại bài đọc hoặc quan sát hình ảnh, video clip về bức tranh (nếu có) để thực hiện yêu cầu. – HS ghi nhanh vào giấy từ ngữ thể hiện cảm xúc của bản thân, chia sẻ trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ. (Gợi ý: + <i>Bức tranh tái hiện sống động Chiến dịch Điện Biên Phủ.</i> + <i>Hùng tráng, kì vĩ và đầy cảm xúc tự hào.</i> + <i>Bức tranh như gửi đến cả thế giới thông điệp về khát vọng giành độc lập, tự do. Dù đội quân xâm lược có hùng mạnh đến như thế nào cũng thất bại trước tinh thần đoàn kết của dân tộc ta.</i> + ...) (Lưu ý: GV khuyến khích HS liên hệ, mở rộng dựa vào hiểu biết của cá nhân.) – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.	– Chia sẻ được cảm xúc về bức tranh toàn cảnh Chiến dịch Điện Biên Phủ. – Nội dung nói phù hợp với yêu cầu, ngữ điệu nói phù hợp, thái độ mạnh dạn, tự tin. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
--	---	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

BÀI 7: VIỆT NAM

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Khởi động

Chia sẻ được với bạn những điều mà bản thân tự hào về đất nước Việt Nam.

2. Khám phá và luyện tập

2.1. Đọc

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa, đúng mạch cảm xúc của bài thơ; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Thiên nhiên, cảnh vật và con người ở mọi nơi trên đất nước Việt Nam đều hiện lên với vẻ đẹp tuyệt vời. Từ đó, rút ra ý nghĩa: Ca ngợi vẻ đẹp và khẳng định niềm tự hào của tác giả đối với quê hương, đất nước.* Học thuộc lòng được bài thơ.

– Tìm đọc được bài văn về một làng nghề hoặc một lễ hội, về một khu di tích lịch sử hoặc một nét đẹp truyền thống, ca ngợi cảnh đẹp của đất nước; viết được *Nhật kí đọc sách*; thi “Hướng dẫn viên nhí”: giới thiệu về địa danh, lễ hội,... được nhắc đến trong bài văn; ghi chép tóm tắt nội dung bài văn được chia sẻ bằng sơ đồ.

2.2. Luyện từ và câu

Nhận diện và biết cách sử dụng dấu gạch ngang.

2.3. Viết

Biết rút kinh nghiệm và chỉnh sửa bài văn tả người.

3. Vận dụng

Tìm được từ ngữ tả vẻ đẹp của thiên nhiên hoặc ca ngợi phẩm chất tốt đẹp của con người Việt Nam.

Từ đó, góp phần hình thành các phẩm chất và năng lực chung.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SGK phóng to.
- Tranh, ảnh hoặc video clip về các địa danh được nhắc đến trong bài thơ (nếu có).
- Tranh, ảnh hoặc video clip về cảnh vật, con người,... Việt Nam (nếu có).
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi bài thơ.
- Danh sách gợi ý bài văn thuộc chủ đề “Đất nước ngàn năm”, hướng dẫn tìm kiếm bài văn trên internet.
- Thẻ từ, thẻ câu cho HS thực hiện các BT luyện từ và câu.

2. Học sinh

Bài văn phù hợp với chủ đề “Đất nước ngàn năm” đã đọc và *Nhật kí đọc sách*.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

Độc: Việt Nam

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (05 phút)		
– HS hoạt động nhóm nhỏ theo kỹ thuật <i>Ô bi</i> hoặc <i>Băng chuyền</i>, lần lượt chia sẻ với bạn những điều mà em tự hào về đất nước Việt Nam (kết hợp quan sát tranh ảnh, video clip đã chuẩn bị). – 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS đọc tên bài kết hợp quan sát tranh minh họa, liên hệ với nội dung khởi động → phán đoán nội dung bài đọc. → Nghe GV giới thiệu bài học: “Việt Nam”.	– Phối hợp với GV và bạn để thực hiện hoạt động. – Nói thành câu, diễn đạt trọn vẹn ý, nội dung theo yêu cầu của GV. – Có kỹ năng phán đoán nội dung bài đọc dựa vào tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.	
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Đọc (65 phút)		
1.1. Đọc bài thơ (40 phút)		
1.1.1. Luyện đọc (10 phút) – HS nghe GV đọc mẫu. – HS đọc nối tiếp từng khổ thơ hoặc toàn bài thơ, kết hợp nghe GV hướng dẫn trong nhóm hoặc trước lớp: + Cách đọc một số từ ngữ khó: <i>mỡ màng; sum sê; ...</i> + Cách ngắt nghỉ một số dòng thơ thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật: <i>Có nơi đâu/ đẹp tuyệt vời/ Như sông,/ như núi,/ như người Việt Nam!// Đầu trời/ ngắt đỉnh Hà Giang,/</i> <i>Cà Mau mũi đất/ mỡ màng phù sa.// Trường Sơn:// chí lớn ông cha,/</i> <i>Cửu Long:// lòng mẹ bao la sóng trào.//</i> + Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó: <i>bốn ngàn năm</i> (nghĩa trong bài: chỉ nước ta có bề dày lịch sử, không có ý nói con số cụ thể); <i>cơ đồ</i> (sự nghiệp lớn và vững chắc);... + Bài đọc có thể chia thành hai đoạn để luyện đọc và tìm ý: • Đoạn 1: Hai khổ thơ đầu. • Đoạn 2: Còn lại.	– Hình thành kỹ năng đọc thầm kết hợp với nghe, xác định chỗ ngắt, nghỉ, nhấn giọng,... – Đọc to, rõ ràng, đúng các từ khó và ngắt nghỉ hơi đúng ở các câu dài. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	

– HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV nhận xét chung về hoạt động luyện đọc.		
1.1.2. Tìm hiểu bài (18 phút) – HS đọc thầm bài thơ, thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả tìm hiểu bài trước lớp: 1. Đất nước Việt Nam hiện lên đẹp như thế nào qua khổ thơ đầu? (Gợi ý: <i>Đất nước Việt Nam hiện lên với lời khẳng định “đẹp khắp trăm miền”, “bốn mùa một sắc trời riêng” với những xóm làng, đồng ruộng, rừng cây, với những ngọn núi cao, dòng sông đầy nắng; với những vườn cây hàng hàng, trái cây sum sê, đủ sắc màu: xoài biếc, cam vàng, dứa nghiêng, cau thẳng, ...)</i> 2. Khổ thơ 2 nhắc đến những địa danh nào ở nước ta? Mỗi địa danh đó được tả bằng những hình ảnh nào? (Gợi ý: <i>Khổ thơ 2 nhắc đến và tả những địa danh:</i> + Hà Giang: <i>Đầu trời ngất đỉnh.</i> + Cà Mau: <i>mũi đất mỡ màng phù sa.</i> + Dãy Trường Sơn: <i>chí lớn ông cha.</i> + Sông Cửu Long: <i>lòng mẹ bao la.</i> Lưu ý: GV có thể kết hợp trình chiếu hình ảnh, video clip về các địa danh để cung cấp thêm thông tin cho HS.) → Rút ra ý đoạn 1: <i>Vẻ đẹp của thiên nhiên và cuộc sống trên đất nước Việt Nam.</i> 3. Con người Việt Nam được ca ngợi như thế nào qua khổ thơ cuối? (Gợi ý: <i>Khổ thơ cuối khẳng định niềm tự hào, sự tự do và ca ngợi bề dày truyền thống lịch sử, văn hoá của con người Việt Nam qua hàng ngàn năm xây dựng cơ đồ; khổ thơ cũng là tiếng gọi đất nước đầy tự hào, trù mên nhưng cũng không kém phần mạnh mẽ, hiên ngang của người Việt Nam.</i>) → Rút ra ý đoạn 2: <i>Vẻ đẹp của sự tự do và truyền thống lịch sử, văn hoá lâu đời của người Việt Nam.</i> 4. Bài thơ giúp em cảm nhận được tình cảm gì của tác giả với quê hương, đất nước? (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. VD: <i>Bài thơ thể hiện tình yêu quê hương, đất nước nồng nàn, tha thiết của tác giả, ...)</i> → Rút ra nội dung, ý nghĩa của bài đọc. – HS nghe bạn và GV nhận xét, bổ sung. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động tìm hiểu bài.	– Hợp tác với GV và bạn để trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài. – Thông qua tìm hiểu bài, hiểu thêm nghĩa một số từ khó và hiểu nội dung, ý nghĩa của bài thơ.	

1.1.3. Luyện đọc lại (12 phút) – HS trả lời một vài câu hỏi để nhớ lại nội dung chính của bài và xác định giọng đọc: + Bài đọc nói về điều gì? → <i>Toàn bài đọc với giọng trong sáng, tha thiết.</i> + Cần nhấn giọng ở những từ ngữ nào? (Gợi ý: <i>Nhấn giọng ở những từ ngữ miêu tả con người và bề dày truyền thống dân tộc.</i>) – HS nghe GV hoặc một bạn đọc lại đoạn 2: <i>Mặt người/ sáng ánh tự hào,/</i> <i>Dáng đi/ cũng lấp lánh màu tự do.//</i> <i>Bốn ngàn năm/ dựng cơ đồ/</i> <i>Vạn năm/ từ thuở ấu thơ loài người.//</i> <i>Ơi Việt Nam!!! Việt Nam ơi!!!</i> <i>Việt Nam!!! Ta gọi tên Người thiết tha.//</i> – HS tự nhắm thuộc → đọc trong nhóm, trước lớp đoạn 2 và toàn bài thơ (có thể thực hiện sau giờ học). – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động luyện đọc lại.	– Xác định được giọng đọc trên cơ sở hiểu nội dung bài. – Biết nhấn giọng ở một số từ ngữ quan trọng, dựa vào cách hiểu để ngắt nghỉ đúng nhịp thơ. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có). – Biết cách tự nhắm thuộc từng đoạn và toàn bài thơ.	
---	---	--

Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách
Chủ điểm “Đất nước ngàn năm”

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
1.2. Đọc mở rộng (25 phút)		
1.2.1. Tìm đọc truyện – HS đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một bài văn phù hợp với chủ điểm “Đất nước ngàn năm” theo hướng dẫn của GV trước buổi học khoảng một tuần. HS có thể đọc sách, báo giấy hoặc tìm kiếm trên trang thông tin của trường, trên internet một bài văn: + Về một làng nghề hoặc một lễ hội (Gợi ý: <i>Hội thổi cơm thi ở Đồng Văn – Minh Nương; Làng nghề hoa giấy Thanh Tiên – Cổng thông tin Thừa Thiên Huế;...</i>). + Về một di tích lịch sử hoặc một nét đẹp truyền thống (Gợi ý: <i>Phong cảnh đền Hùng – Đoàn Minh Tuấn; Tà áo dài Việt Nam – Trần Ngọc Thêm;...</i>).	Hình thành thói quen đọc sách, kĩ năng chọn lọc và chia sẻ thông tin đọc được.	

+ Ca ngợi cảnh đẹp của đất nước (Gợi ý: <i>Cửa Tùng – Thuy Chương</i>; <i>Kì diệu rừng xanh – Nguyễn Phan Hách</i>;...). + ... – HS chuẩn bị bài văn để mang tới lớp chia sẻ.		
1.2.2. Viết Nhật kí đọc sách – HS viết vào <i>Nhật kí đọc sách</i> những điều em ghi nhớ sau khi đọc bài văn: tên tác giả; nội dung chính; hình ảnh so sánh hoặc nhân hoá;... – HS có thể trang trí <i>Nhật kí đọc sách</i> đơn giản theo nội dung chủ điểm hoặc nội dung bài văn.	Hình thành kỹ năng chọn lọc thông tin đọc được, thói quen và kỹ năng ghi chép <i>Nhật kí đọc sách</i>.	
1.2.3. Chia sẻ về bài văn đã đọc (15 phút) – HS đọc bài văn hoặc trao đổi bài văn cho bạn trong nhóm để cùng đọc. – HS chia sẻ về <i>Nhật kí đọc sách</i> của mình. – HS nghe góp ý của bạn, chỉnh sửa, hoàn thiện <i>Nhật kí đọc sách</i>. – HS chia sẻ trong nhóm nhỏ về nội dung chính, hình ảnh so sánh hoặc nhân hoá của bài văn. – Bình chọn một số <i>Nhật kí đọc sách</i> sáng tạo và dán vào <i>Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt</i>.	– Phát triển kỹ năng hợp tác nhóm, kỹ năng chia sẻ thông tin; năng lực cảm thụ văn học thông qua việc chia sẻ về chi tiết yêu thích và giải thích lí do. – Hợp tác với bạn để thực hiện hoạt động.	
1.2.4. Thi “Hướng dẫn viên nhí” (05 phút) – HS xác định yêu cầu của BT. – HS thi trong nhóm: Giới thiệu về địa danh, lễ hội,... được nhắc đến trong bài văn đã đọc. – Mỗi nhóm chọn 1 – 2 HS thi trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	Nói thành câu, diễn đạt trọn vẹn ý, nội dung theo yêu cầu của GV.	
1.2.5. Ghi chép tóm tắt nội dung bài văn được chia sẻ bằng sơ đồ (05 phút) – HS nhớ một bài văn đã được bạn chia sẻ mà em thích. – HS ghi chép tóm tắt nội dung bài văn đó bằng sơ đồ phù hợp vào sổ tay. – HS chia sẻ kết quả trước lớp bằng kỹ thuật <i>Phòng tranh</i>. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	Phát triển kỹ năng nghe – ghi, kỹ năng tóm tắt thông tin bằng sơ đồ đơn giản.	

TIẾT 3

Luyện từ và câu: Dấu gạch ngang

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
2. Luyện từ và câu (35 phút)		
2.1. Xác định và nêu tác dụng của dấu gạch ngang (07 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc các câu văn, đoạn văn. – HS thảo luận nhóm nhỏ theo kỹ thuật <i>Khăn trải bàn</i>, xác định dấu gạch ngang và nêu tác dụng của dấu gạch ngang. (Đáp án: <i>a. Nối các từ ngữ trong một liên danh.</i> <i>b. Đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích cho “Ja Aok”.</i> <i>c. Đánh dấu lời nói trực tiếp của các nhân vật.</i> <i>d. Đánh dấu các ý trong một đoạn liệt kê.)</i> – HS chơi <i>Tiếp sức</i> để chữa bài trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Hợp tác với bạn để thực hiện các yêu cầu của BT. – Xác định và nêu được tác dụng của dấu gạch ngang trong các câu văn, đoạn văn. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.2. Xác định vị trí của dấu gạch ngang (08 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS thảo luận trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ và trả lời câu hỏi (Đáp án: <i>Dấu gạch ngang được đặt giữa bộ phận dùng để chú thích, giải thích với bộ phận được chú thích, giải thích.</i>). – 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, rút ra ghi nhớ về dấu gạch ngang. – 1 – 2 HS nhắc lại ghi nhớ.	– Hợp tác với bạn để thực hiện các yêu cầu của BT. – Nhận biết được vị trí của dấu gạch ngang khi dùng để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.3. Đặt dấu gạch ngang vào vị trí thích hợp trong câu (12 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 3. – HS thảo luận trong nhóm nhỏ, thực hiện BT. (Đáp án: <i>a. Quảng Bình – quê hương thứ hai của tôi – đang hằng ngày đổi mới.</i> <i>b. Vỏ cây trẩu – còn gọi là cây dầu sơn – được dùng làm thuốc để chữa đau nhức răng.</i>	– Hợp tác với bạn để thực hiện các yêu cầu của BT. – Đặt được dấu gạch ngang vào vị trí thích hợp trong mỗi câu và giải thích được vì sao.	

c. Mỗi năm, vịnh Hạ Long – một trong những danh lam thắng cảnh nổi tiếng của Việt Nam – đón hàng triệu lượt khách du lịch trong nước và quốc tế. d. Thánh địa Mỹ Sơn – di tích lịch sử nổi tiếng của tỉnh Quảng Nam – được phát hiện vào năm 1885 và được UNESCO công nhận là Di sản văn hoá thế giới vào năm 1999. → Dùng để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích với bộ phận được chú thích, giải thích. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.4. Viết câu giới thiệu một cảnh đẹp, trong đó có sử dụng dấu gạch ngang (08 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 4. – HS làm bài vào VBT. – 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Viết được câu giới thiệu một cảnh đẹp, trong đó có sử dụng dấu gạch ngang để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

TIẾT 4

Viết: Trả bài văn tả người (Bài viết số 2)

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
3. Viết (30 phút)		
3.1. Nghe thầy cô nhận xét chung về bài văn (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1. – HS nghe thầy cô nhận xét chung về bài văn tả một người lao động đang làm việc. – HS ghi chép nhanh những ưu điểm, hạn chế,... chung về các bài viết để rút kinh nghiệm.	Lắng nghe và nhận ra được những ưu điểm và hạn chế chung.	
3.2. Đọc lời nhận xét của thầy cô và chỉnh sửa bài viết (05 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS đọc bài viết của mình, dựa vào nhận xét chung và nhận xét riêng của GV để chỉnh sửa bài viết theo gợi ý:	Biết lắng nghe những lời nhận xét của thầy cô và	

+ Sắp xếp ý. + Cách chọn lọc chi tiết. + Cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh. + ... – HS chỉnh sửa lại bài viết vào VBT (nếu cần).	chỉnh sửa bài viết cho phù hợp.	
3.3. Trao đổi với bạn về bài viết (05 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 3. – HS trao đổi với bạn trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ về bài viết theo kỹ thuật <i>Phòng tranh</i>. – HS viết vào nháp những điều học được từ bài viết của bạn: + Mở bài hấp dẫn. + Từ dùng hay. + Hình ảnh so sánh đẹp. + Hình ảnh nhân hoá sinh động. + Kết bài ấn tượng. + ... – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Nhận xét được bài viết của mình và của bạn, giúp nhau bổ sung, hoàn thiện. – Phát triển kỹ năng học tập hợp tác, tham gia đóng góp ý kiến,...	
3.4. Viết lại một đoạn trong bài đã viết (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 4. – HS quan sát các gợi ý, trao đổi trong nhóm nhỏ về những điều em có thể viết thêm để đoạn văn hay hơn. – HS chọn một đoạn trong bài viết và viết lại vào VBT theo hướng: + Thay thế từ ngữ, hình ảnh đã sử dụng. + Mở rộng ý miêu tả ngoại hình, tính cách. + Sử dụng biện pháp so sánh. + ... – 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Viết lại được một đoạn trong bài đã viết cho hay hơn. – Phát triển kỹ năng viết, bổ sung, hoàn chỉnh bài viết. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
C. VẬN DỤNG (05 phút)		
– HS xác định yêu cầu của hoạt động: <i>Thi tìm từ ngữ tả vẻ đẹp của thiên nhiên hoặc ca ngợi phẩm chất tốt đẹp của con người Việt Nam.</i> – HS hoạt động theo nhóm, viết nhanh các từ ngữ vào bảng nhóm (có thể kết hợp quan sát tranh, ảnh, video clip đã chuẩn bị). (Gợi ý: + Từ ngữ tả vẻ đẹp của thiên nhiên: huy hoàng, tráng lệ, hùng vĩ, kì vĩ, hùng tráng, hoành tráng,...	– Hợp tác với bạn để thực hiện hoạt động. – Tìm được từ ngữ tả vẻ đẹp của thiên nhiên hoặc ca ngợi phẩm chất tốt đẹp của con người Việt Nam.	

+ <i>Từ ngữ ca ngợi phẩm chất tốt đẹp của con người Việt Nam: anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang, chung thủy, sắt son, đoan trang, thủy mị, dịu dàng, ngay thẳng, bộc trực, dũng cảm, khảng khái, ...)</i> (Lưu ý: có thể cho HS đặt câu để giải nghĩa một số từ (nếu cần thiết)) – HS thi tìm nhanh các từ ngữ bằng kỹ thuật <i>Tia chớp</i>. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.	– Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
--	--	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

BÀI 8: TRANH LÀNG HỒ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Khởi động

Trao đổi được với bạn về đề tài của các bức tranh minh họa trong bài đọc.

2. Khám phá và luyện tập

2.1. Đọc

– Nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Tranh làng Hồ* chất chứa tình yêu cuộc sống, sự tài hoa, tinh tế của những người nghệ sĩ dân gian. Từ đó, rút ra ý nghĩa: Yêu quý, trân trọng giữ gìn tranh làng Hồ nói riêng và những di sản văn hoá của dân tộc nói chung.

2.2. Luyện từ và câu

Mở rộng được vốn từ theo chủ đề *Đất nước*.

2.3. Viết

Viết được đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc trước một sự việc.

3. Vận dụng

Giới thiệu được với người thân một bức tranh Đông Hồ mà em thích.

Từ đó, góp phần hình thành các phẩm chất và năng lực chung.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

– Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SGK phóng to.

– Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Kỹ thuật tranh làng Hồ” đến hết.

- Tranh, ảnh, video giới thiệu về tranh làng Hồ.
- Thẻ từ, thẻ câu để tổ chức cho HS chơi trò chơi.

2. Học sinh

Tranh, ảnh về việc làm góp phần bảo vệ môi trường (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

Độc: Tranh làng Hồ

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (05 phút)		
– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, quan sát các bức tranh minh họa trong bài đọc và trao đổi với bạn về đề tài của các bức tranh theo gợi ý: + Các bức tranh vẽ những gì? (Gợi ý: <i>lợn, gà trống, chuột, mèo, con người</i>) + Mỗi người, con vật có những hoạt động gì? (Gợi ý: <i>Người chơi nhạc cụ; chuột tổ chức đám cưới; gà mẹ dẫn gà con đi kiếm ăn; lợn ăn cây ráy; ...</i>) + Màu sắc của các bức tranh có gì ấn tượng? (Gợi ý: <i>Các bức tranh chỉ gồm bốn màu cơ bản: xanh, đen, vàng, đỏ nhưng vẫn tạo nên những bức tranh hết sức sống động, hài hoà và vô cùng độc đáo.</i>) + Chủ đề của các bức tranh là gì? (Gợi ý: <i>Phản ánh sâu sắc đời sống tinh thần, vật chất của con người, xã hội theo quan điểm dân gian của người dân làng Đông Hồ.</i>) – 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp. – HS đọc tên bài kết hợp quan sát tranh minh họa, liên hệ với nội dung khởi động → phán đoán nội dung bài đọc. → Nghe GV giới thiệu bài học: “Tranh làng Hồ”.	– Phối hợp với GV và bạn để thực hiện hoạt động. – Nói thành câu, diễn đạt trọn vẹn ý, nội dung theo yêu cầu của GV. – Có kĩ năng phán đoán nội dung bài đọc dựa vào tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.	
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Đọc (30 phút)		
1.1. Luyện đọc (08 phút) – HS nghe GV đọc mẫu. – HS đọc nối tiếp từng đoạn hoặc toàn bài đọc, kết hợp nghe GV hướng dẫn trong nhóm hoặc trước lớp: + Cách đọc một số từ ngữ khó: <i>thuần phác; khoáy; ...</i> + Cách ngắt nghỉ một số câu dài:	– Hình thành kĩ năng đọc thầm kết hợp với nghe, xác định chỗ ngắt, nghỉ, nhấn giọng,...	

• <i>Mỗi lần Tết đến,/ đứng trước những cái chiếu bày tranh làng Hồ/ giải trên các lễ phố Hà Nội,/ lòng tôi thấm thía một nỗi biết ơn/ đối với những người nghệ sĩ tạo hình của nhân dân.//;</i> • <i>Phải yêu mến cuộc đời trồng trọt,/ chăn nuôi lắm/ mới khắc được những tranh lợn ráy/ có những khoáy âm dương rất có duyên,/ mới vẽ được những đàn gà con tung bừng/ như ca múa bên gà mái mẹ.//;...</i> + Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó: <i>tranh tổ nữ</i> (tranh vẽ người con gái đẹp); <i>tranh lợn ráy</i> (tranh vẽ con lợn bên bụi ráy – loại cây gần giống với cây khoai sọ, dùng làm thức ăn cho lợn); <i>khoáy âm dương</i> (khoáy vẽ trên mình con lợn trong tranh, hình tròn, giữa có nét cong như chữ S chia hình tròn thành hai mảnh – một mảnh màu sáng (dương) và một mảnh màu tối (âm));... + Bài đọc có thể chia thành hai đoạn để luyện đọc và tìm ý: • Đoạn 1: Từ đầu đến “gà mái mẹ”. • Đoạn 2: Còn lại. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV nhận xét chung về hoạt động luyện đọc.	– Đọc to, rõ ràng, đúng các từ khó và ngắt nghỉ hơi đúng ở các câu dài. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	
1.2. Tìm hiểu bài (12 phút) – HS đọc thầm toàn bài, thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả tìm hiểu bài trước lớp: 1. Tác giả có suy nghĩ, cảm xúc gì khi xem những bức tranh làng Hồ? (Gợi ý: <i>Khi xem tranh làng Hồ, tác giả cảm thấy càng ngắm càng thấy đậm đà, lành mạnh, hóm hỉnh, tươi vui và thấm thía một nỗi biết ơn, khâm phục đối với các nghệ nhân.</i>) → Rút ra ý đoạn 1: <i>Tình cảm, cảm xúc và suy nghĩ của tác giả về tranh làng Hồ.</i> 2. Vì sao nói kĩ thuật tranh làng Hồ “đã đạt đến sự trang trí tinh tế”? (Gợi ý: <i>Vì màu sắc trong tranh làng Hồ được tạo ra một cách rất tỉ mỉ, sáng tạo: màu đen rất Việt Nam, đen không pha bằng thuốc mà luyện bằng bột than của những chất liệu gần gũi của đồng quê; màu trắng điệp càng ngắm càng ưa nhìn: những hạt cát của điệp trắng nhấp nháy muôn ngàn hạt phấn;...</i>) 3. Qua những bức tranh làng Hồ, em hiểu thêm điều gì về	– Hợp tác với GV và bạn để trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài. – Thông qua tìm hiểu bài, hiểu thêm nghĩa một số từ khó và hiểu nội dung bài.	

cuộc sống, sinh hoạt của người dân Việt Nam xưa? (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. VD: <i>Cuộc sống thuần phác, mộc mạc, giản dị; đời sống tinh thần phong phú; yêu lao động, yêu mến cuộc đời trồng trọt, chăn nuôi;...</i>) → Rút ra ý đoạn 2: <i>Suy nghĩ của tác giả về kĩ thuật tranh làng Hồ.</i> 4. Theo em, vì sao tác giả “thăm thía một nỗi biết ơn đối với những người nghệ sĩ tạo hình của nhân dân”? (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. VD: <i>Vì những người nghệ sĩ đã mang vào những bức tranh với một cách nhìn về cuộc sống thật thuần phác, càng ngắm càng thấy đậm đà, lành mạnh, hóm hỉnh, tươi vui và đưa nghệ thuật đến gần với đời sống hơn.</i>) → Rút ra nội dung, ý nghĩa của bài đọc. – HS nghe bạn và GV nhận xét, bổ sung. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động tìm hiểu bài.		
1.3. Luyện đọc lại (10 phút) – HS trả lời một vài câu hỏi để nhớ lại nội dung chính của bài và xác định giọng đọc: + Bài đọc nói về điều gì? → <i>Toàn bài đọc với giọng nhẹ nhàng, tha thiết.</i> + Cần nhấn giọng ở những từ ngữ nào? (Gợi ý: <i>Nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ chất liệu, cách tạo màu cho tranh làng Hồ.</i>) – HS nghe GV hoặc một bạn đọc lại đoạn 2: <i>Kĩ thuật tranh làng Hồ/ đã đạt đến sự trang trí <u>tinh tế</u>:// những bộ tranh <u>tổ nữ áo màu</u>,/ <u>quần hoa chanh nền đen lĩnh</u>/ của một thứ <u>màu đen</u> rất Việt Nam.// Màu đen không pha bằng thuốc/ mà luyện bằng <u>bột than</u>/ của những <u>chất liệu</u>/ gợi nhắc <u>thiết tha</u> đến <u>đồng quê đất nước</u>:// <u>chất rom bép</u>,/ <u>than của cối chiếu</u>/ và <u>than của lá tre</u> mùa thu rụng lá.// Cái <u>màu trắng điệp</u> cũng là một <u>sự sáng tạo</u>/ góp phần vào <u>kho tàng màu sắc</u> của dân tộc/ trong hội họa.// Màu trắng ấy/ <u>càng ngắm càng ưa nhìn</u>,/ những hạt cát của điệp trắng/ <u>nhấp nháy</u> muôn ngàn hạt phấn/ làm tăng thêm <u>vẻ thâm thúy</u> cho khuôn mặt,/ tăng thêm <u>sống động</u> cho <u>dáng người</u> trong tranh.//</i> – HS luyện đọc lại đoạn 2 trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ. – HS thi đọc đoạn 2 trước lớp.	– Xác định được giọng đọc trên cơ sở hiểu nội dung bài. – Biết nhấn giọng ở một số từ ngữ quan trọng. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	

– HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động luyện đọc lại.		
--	--	--

TIẾT 2

Luyện từ và câu: Mở rộng vốn từ *Đất nước*

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
2. Luyện từ và câu (35 phút)		
2.1. Tìm từ đồng nghĩa với từ “đất nước” (04 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1. – HS đọc đoạn văn, thảo luận trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để thực hiện yêu cầu (Đáp án: <i>nước nhà, non sông</i>). (Lưu ý: Nếu cần, có thể đặt câu với một số từ để hiểu rõ thêm nghĩa.) – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Hợp tác với bạn để tìm được nghĩa từ đồng nghĩa với từ “đất nước”. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.2. Tìm từ ngữ phù hợp để thay cho từ in đậm (06 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS thực hiện BT trong nhóm nhỏ bằng kỹ thuật <i>Khăn trải bàn</i> (Gợi ý: <i>a. núi sông, non sông; b. Đất nước; c. Nhân dân</i>). – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Hợp tác với bạn để tìm từ ngữ phù hợp để thay cho từ in đậm. Từ đó, phát triển kỹ năng chọn lọc từ phù hợp với ngữ cảnh. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.3. Tìm từ ngữ ca ngợi phẩm chất hoặc truyền thống tốt đẹp của người Việt Nam (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 3. – HS thảo luận trong nhóm nhỏ bằng kỹ thuật <i>Khăn trải bàn</i> để thực hiện yêu cầu. (Gợi ý: + <i>Ca ngợi phẩm chất:</i> thật thà, dũng cảm, kiên cường, ... + <i>Ca ngợi truyền thống:</i> đoàn kết, nhân ái, hiếu học, yêu nước, ...) – HS chia sẻ kết quả trước lớp theo kỹ thuật <i>Chúng em biết 3</i>. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Hợp tác với bạn tìm từ ngữ theo yêu cầu. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.4. Viết đoạn văn nói về một truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam (15 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 4. – HS làm bài vào VBT.	– Viết được đoạn văn nói về một truyền thống	

– HS chia sẻ kết quả trong nhóm, nghe bạn góp ý và chỉnh sửa bài viết (nếu cần). – 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	tốt đẹp của dân tộc Việt Nam. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
--	--	--

TIẾT 3

Viết: Viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc trước một sự việc

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
3. Viết (30 phút)		
3.1. Viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc của em về một việc làm góp phần bảo vệ môi trường (20 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1. – HS đọc lại những ghi chép ở tiết trước, kết hợp quan sát, đọc sơ đồ gợi ý. – HS thực hiện viết bài vào VBT. – HS xác định yêu cầu BT 2. – HS đọc lại bài viết, chỉnh sửa bài viết dựa vào gợi ý: sắp xếp ý, dùng từ, viết câu, chính tả,...	– Viết được đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc của em về một việc làm góp phần bảo vệ môi trường. – Phát triển kĩ năng viết đoạn, kĩ năng lựa chọn từ ngữ, sắp xếp ý,...	
3.2. Chia sẻ trong nhóm, nhận xét bài làm của bạn và hoàn chỉnh đoạn văn (15 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 3. – HS chia sẻ bài làm trong nhóm đôi, nhận xét bài làm của bạn dựa vào các gợi ý. – HS nghe bạn nhận xét và chỉnh sửa bài làm dựa vào nhận xét của bạn (nếu cần). – 1 – 2 HS trình bày bài làm trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	Hợp tác với bạn để nhận xét, đánh giá sản phẩm của mình và của bạn.	
3.3. Bình chọn trong nhóm (05 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 4. – HS chia sẻ bài viết trước lớp theo kĩ thuật <i>Phòng tranh</i>. – HS quan sát bài viết của bạn, tiến hành bình chọn đoạn văn dựa vào các tiêu chí: + Đoạn văn chọn được việc làm có ý nghĩa. + Đoạn văn giàu cảm xúc. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	Hợp tác với bạn để bình chọn đoạn văn dựa theo các tiêu chí.	
C. VẬN DỤNG (05 phút)		
– HS xác định yêu cầu của hoạt động: <i>Tìm hiểu và giới thiệu với người thân về một bức tranh Đông Hồ mà em thích.</i>	Giới thiệu được với người thân một bức	

– HS nghe GV hướng dẫn thực hiện hoạt động ở nhà: Tìm hiểu và giới thiệu với người thân một bức tranh Đông Hồ mà em thích. – Một nhóm HS làm mẫu trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động, tổng kết bài học và chủ điểm.	tranh Đông Hồ mà em thích.	
---	----------------------------	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II

Tuần *Ôn tập giữa học kì II* tiếp tục hướng đến việc bồi dưỡng phẩm chất *yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm*; rèn luyện và phát triển năng lực *tự chủ và tự học; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo* thông qua việc ôn luyện kiến thức tiếng Việt và các kĩ năng đọc, viết, nói nghe đã hình thành qua các chủ điểm *Giữ mãi màu xanh và Đất nước ngàn năm* kết hợp với kiểm tra, đánh giá giữa học kì II.

TIẾT 1

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Ôn luyện đọc thành tiếng và đọc hiểu văn bản.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Phiếu cho HS bắt thăm đoạn đọc và câu hỏi.
- Tranh ảnh SGK phóng to, video clip ngắn về cảnh hoa phượng nở rộ, cảnh đồng ruộng bước vào mùa gặt, cảnh bầu trời tháng Năm,... (nếu có).

2. Học sinh

SGK.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (03 phút)		
– HS xem video clip ngắn về cảnh hoa phượng nở rộ, cảnh đồng ruộng bước vào mùa gặt, cảnh bầu trời tháng Năm,... → chia sẻ cảm xúc của em. – HS nghe GV kết nối để giới thiệu bài ôn tập.	Cảm nhận và chia sẻ cảm xúc, liên tưởng gợi ra khi xem video clip.	

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Ôn luyện đọc thành tiếng và đọc hiểu (15 phút)		
– HS xác định yêu cầu của BT 1. – HS bắt thăm, đọc và trả lời câu hỏi trên phiếu đọc trong nhóm 4. – HS nghe bạn nhận xét phần đọc và trả lời câu hỏi trong nhóm nhỏ: + Đọc đoạn từ đầu đến “ấp nắng xoè ra” và trả lời câu hỏi: • Tháng Năm có những gì đẹp? (Đáp án: <i>Tháng Năm đẹp vì cảnh sắc thiên nhiên: cánh diều no gió vút cao; ve kêu râm ran; hoa phượng rực hồng; mùa gặt rom phơi lấp cả đường làng; chim kêu; cá bơi rợp mặt sông; hạt ngô vừa gieo đã xanh mầm;... và hài hoà với hoạt động của con người: mồ hôi ướt vai áo; ướt cả thóc vàng; dấu chân thênh thang; bàn tay đầy ắp nắng xoè ra;...</i>) • Cảnh vật và con người trong đoạn thơ được tả bằng những từ ngữ, hình ảnh nào? (Đáp án: <i>Cảnh vật và con người trong đoạn thơ được tả bằng các từ ngữ, hình ảnh: cánh diều no gió; ve kêu râm ran; hoa phượng rực hồng; cá bơi rợp mặt sông; dấu chân thênh thang; bàn tay đầy ắp nắng;...</i>) + Đọc đoạn từ “Tháng Năm chim kêu ngoài bãi” đến hết và trả lời câu hỏi: • Hình ảnh bàn tay xoè ra có những gì đáng yêu? Vì sao? (Gợi ý: <i>Vẻ đáng yêu của hình ảnh “bàn tay xoè ra”: gợi hình ảnh bàn tay xinh xắn của những bạn nhỏ vào những ngày hè. Các bạn xoè tay ra đón nắng, trông như đầy ắp ánh nắng trong tay, khi bàn tay “xoè ra” sẽ trông như những nụ, những bông hoa xinh xinh. Những bàn tay còn “xoè ra” cào cào, muôm muôm, “chú để cánh mềm” – những người bạn nhỏ thân thương của tuổi thơ,...</i>) • Khổ thơ cuối bài nói lên điều gì? (Gợi ý: <i>Khổ thơ nói lên sự gắn bó của tháng Năm với tuổi thơ. Tháng Năm như người bạn, làm ô che nắng cho các bạn, cùng các bạn chuẩn bị hành trang cho những bài học bổ ích, thú vị trong ngày hè sôi động.</i>) → Xác định giọng đọc toàn bài, nhịp thơ, từ ngữ cần nhấn giọng. – HS có thể đổi phiếu đọc cho bạn để tiếp tục ôn luyện (nếu còn thời gian). – 2 – 3 nhóm HS đọc và trả lời câu hỏi trước lớp. → Rút ra nội dung bài đọc: <i>Vẻ đẹp của cảnh vật, con người vào tháng Năm và những niềm vui mà tháng Năm mang lại cho các bạn nhỏ.</i> – HS nghe GV và bạn nhận xét phần đọc và trả lời câu hỏi.	– Ôn luyện kĩ năng đọc thành tiếng kết hợp với đọc hiểu. – Đọc to, rõ ràng, đúng nhịp thơ; giọng trong sáng, vui tươi; nhấn giọng các từ ngữ gợi tả. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có). – Hiểu nội dung bài đọc trên cơ sở trả lời câu hỏi đọc hiểu.	

2. Trao đổi về hình ảnh em thích và tác dụng của điệp từ, điệp ngữ (12 phút)		
– HS xác định yêu cầu của BT 2a. – HS chia sẻ trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét, góp ý. – HS gấp máy bay giấy, ghi một hình ảnh trong bài thơ mà em thích vào thân máy bay, phi máy bay để chia sẻ chung cả lớp. – HS đọc yêu cầu BT 2b. – HS trao đổi trong nhóm nhỏ, chia sẻ tác dụng của việc sử dụng điệp từ, điệp ngữ trong bài thơ “Tháng Năm”. <i>(Gợi ý: Điệp ngữ “Tháng Năm” có tác dụng liệt kê những vẻ đẹp đặc biệt của con người và cảnh vật trong tháng Năm; điệp ngữ “xoè ra” có tác dụng nhấn mạnh vẻ đẹp, niềm vui của những trò chơi mà các bạn nhỏ tham gia.)</i> – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Trao đổi được với bạn về những hình ảnh mà em thích trong bài và tác dụng của việc sử dụng điệp từ, điệp ngữ trong bài thơ. – Tích cực tham gia trò chơi phi máy bay để tìm hiểu ý kiến của bạn.	
C. VẬN DỤNG (05 phút)		
– HS thi đọc thuộc lòng một khổ thơ em thích trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả. – HS nghe GV nhận xét tiết ôn tập.	Củng cố kỹ năng tự đánh giá và đánh giá bạn.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

TIẾT 2

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Ôn luyện về câu đơn và câu ghép.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Tranh, ảnh, video clip về cuộc sống thanh bình (nếu có).
- Thẻ từ, thẻ câu.

2. Học sinh

- SGK, VBT.
- Tranh, ảnh về cuộc sống thanh bình ở quê hương em (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (03 phút)		
– Mỗi HS đặt một câu đơn và một câu ghép liên quan đến chủ điểm “Giữ mãi màu xanh” hoặc “Đất nước ngàn năm”. – HS nghe GV kết nối để giới thiệu bài ôn tập.	Đặt được câu đơn và câu ghép phù hợp với yêu cầu.	
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Ôn luyện về câu đơn và câu ghép (08 phút)		
– HS xác định yêu cầu của BT 1a. – HS thảo luận nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để thực hiện yêu cầu, làm bài vào VBT. (Đáp án: ① <u>Đêm nay, <i>sư đoàn</i>/ <i>vượt sông Đà Rằng để tiến về giải</i></u> CN VN <u>phóng vùng đồng bằng ven biển Phú Yên.</u> ② <u>Trăng/ <i>đang lên</i>, <i>mặt sông/ lấp loá ánh vàng.</i></u> CN 1 VN 1 CN 2 VN 2 ③ <u>Núi Trùm Cát/ <i>dung sừng sững bên bờ sông thành một</i></u> CN VN <u>khói tím thăm uy nghiêm, trầm mặc.</u> ④ <u>Dưới ánh trăng, <i>dòng sông/ sáng rực lên và những con</i></u> CN 1 VN 1 CN 2 <u>sóng nhỏ/ <i>lăn tăn, gợn đều, mạn man vỗ nhẹ vào hai bên</i></u> VN 2 <u>bờ cát.</u> ⑤ <u>Sau một ngày ồn ào náo động, <i>đêm/ <i>đang lắng dần,</i></i></u> CN 1 VN 1 <u>không gian/ <i>như loảng ra, thấm đượm hơi sương, thoảng</i></u> CN 2 VN 2 <u>chút ngọt ngào của hương cây, hương cỏ.)</u> – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – HS xác định yêu cầu của BT 1b và 1c. – HS thực hiện BT theo nhóm nhỏ. (Đáp án: + <i>Câu đơn</i>: ①, ③ + <i>Câu ghép</i>: • ②, ⑤ – <i>cách nối các vế câu ghép: dấu phẩy.</i>	– Hợp tác với bạn để thực hiện các yêu cầu của BT. – Xác định được câu đơn, câu ghép và cách nối các vế trong câu ghép. – Cùng cố kĩ năng tự đánh giá và đánh giá bạn.	

• ④ – cách nối các vế câu ghép: kết từ “và”.) – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.		
2. Ôn luyện đặt câu ghép theo yêu cầu (07 phút)		
– HS xác định yêu cầu BT 2. – HS thảo luận nhóm đôi để thực hiện yêu cầu, làm bài vào VBT. (Gợi ý: a. + Nói về sự thay đổi của cảnh vật vào tháng Năm: Vào tháng Năm, ve mới bắt đầu kêu râm ran, những chùm hoa phượng đã vội rực hồng. + Nói về ý nghĩa của tháng Năm đối với bạn nhỏ: Mây tháng Năm toả ra như những chiếc ô, mây che nắng cho các bạn học bài. b. + Ở câu ghép thứ nhất các vế trong câu được nối với nhau bằng cặp từ hô ứng ... mới ... đã ... + Ở câu ghép thứ hai các vế trong câu được nối với nhau bằng dấu phẩy.) – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Hợp tác với bạn để thực hiện các yêu cầu của BT. – Đặt được câu ghép theo yêu cầu và xác định được cách nối các vế trong câu. – Cùng cố kĩ năng tự đánh giá và đánh giá bạn.	
3. Ôn luyện viết đoạn văn có sử dụng câu ghép (15 phút)		
– HS xác định yêu cầu của BT 3. – HS có thể kết hợp quan sát tranh, ảnh đã chuẩn bị, làm bài vào VBT. – HS đổi vở trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét để chỉnh sửa, hoàn thiện đoạn văn. – 1 – 2 HS chia sẻ đoạn văn trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Viết được đoạn văn đúng yêu cầu. – Cùng cố kĩ năng tự đánh giá và đánh giá bạn.	
C. VẬN DỤNG (02 phút)		
– HS nói trong nhóm nhỏ hoặc viết 1 – 2 câu ghép về mùa hè, chỉ ra cách nối các vế trong câu. – HS chơi <i>Truyền điện</i> để thi nói câu ghép trước lớp. – HS nghe GV nhận xét tiết ôn tập.	– Nói, viết được câu theo yêu cầu. – Cùng cố kĩ năng tự đánh giá và đánh giá bạn.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

TIẾT 3

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Ôn luyện về điệp từ, điệp ngữ.
2. Ôn luyện về dấu gạch ngang.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- SGK, SGV.
- Thẻ từ, thẻ câu, thăm giấy.

2. Học sinh

SGK.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (05 phút)		
– HS chơi trò chơi <i>Nhà thơ nhí</i>: + Chuẩn bị: Mỗi nhóm HS chuẩn bị 1 – 2 đoạn thơ, trong đoạn thơ có sử dụng điệp từ, điệp ngữ. + Chơi theo hình thức bốc thăm (hoặc sử dụng vòng quay) để xác định nhóm HS tham gia. HS đại diện nhóm đọc đoạn thơ trước lớp, chỉ ra điệp từ, điệp ngữ và nêu tác dụng. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – HS nghe GV kết nối để giới thiệu bài ôn tập.	– Chuẩn bị được đoạn thơ theo yêu cầu. – Xác định được điệp từ, điệp ngữ có trong đoạn thơ. – Hợp tác với bạn để tham gia chơi.	
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Ôn luyện về điệp từ, điệp ngữ (10 phút)		
– HS xác định yêu cầu của BT 1. – HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để thực hiện yêu cầu, làm bài vào VBT. (Đáp án: a. <i>Việt Nam – khẳng định tình yêu quê hương đất nước;</i> b. <i>Thoắt cái – liệt kê, nhấn mạnh sự thay đổi nhanh chóng của cảnh vật.</i>) – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Xác định và nêu được tác dụng của điệp từ, điệp ngữ trong mỗi đoạn thơ, đoạn văn. – Củng cố kỹ năng tự đánh giá và đánh giá bạn.	
2. Ôn luyện về tác dụng của dấu gạch ngang (10 phút)		
– HS xác định yêu cầu BT 2. – HS thảo luận nhóm nhỏ để thực hiện yêu cầu. (Đáp án: a. <i>Đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật.</i> b. <i>Đánh dấu các ý trong một đoạn liệt kê.</i>) – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.	– Hợp tác với bạn để thực hiện yêu cầu của BT. – Nêu được tác dụng của các dấu gạch ngang trong mỗi đoạn văn.	

– HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Cùng cố kỹ năng tự đánh giá và đánh giá bạn.	
3. Ôn luyện về viết đoạn văn có sử dụng điệp từ, điệp ngữ hoặc dấu gạch ngang (07 phút)		
– HS xác định yêu cầu BT 3. – HS làm bài vào VBT. – 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Viết được đoạn văn theo yêu cầu. – Cùng cố kỹ năng tự đánh giá và đánh giá bạn.	
C. VẬN DỤNG (03 phút)		
– HS nói trong nhóm nhỏ hoặc viết câu về một lễ hội truyền thống của Việt Nam, trong câu có sử dụng dấu gạch ngang hoặc điệp từ, điệp ngữ. – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe GV nhận xét tiết ôn tập.	– Nói, viết được câu theo yêu cầu. – Cùng cố kỹ năng tự đánh giá và đánh giá bạn.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

TIẾT 4

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Ôn luyện viết đoạn văn bày tỏ tình cảm, cảm xúc về một ngày hội được tổ chức ở trường em.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- SGK, SGV, VBT.
- Hình ảnh, video clip về một ngày hội được tổ chức ở trường (nếu có).

2. Học sinh

- Tranh, ảnh về một ngày hội được tổ chức ở trường em (nếu có).
- Giấy dán hình tim.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (02 phút)		
– HS chơi trò chơi <i>Đuổi hình, bắt chữ</i> : Xem hình ảnh, video clip,... về một số ngày hội được tổ chức ở trường do GV chuẩn bị → nói tên ngày hội. – HS nghe GV kết nối để giới thiệu bài ôn tập.	Nhớ lại một số ngày hội được tổ chức ở trường.	

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Ôn luyện viết đoạn văn bày tỏ tình cảm, cảm xúc (25 phút)		
– HS đọc đề bài và các gợi ý. – HS trả lời một vài câu hỏi gợi ý trong nhóm hoặc trước lớp để tìm ý (có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh về một ngày hội của những năm trước): + Em chọn những chi tiết nào để giới thiệu về ngày hội?	– Viết được đoạn văn bày tỏ tình cảm, cảm xúc về một ngày hội được tổ chức ở trường em. – Tự đánh giá và đánh giá bài viết của bạn theo các theo chí của GV.	
(Gợi ý: <i>tên, địa điểm, thời gian tổ chức,...</i>) + Có những hoạt động nào diễn ra trong ngày hội? + Em có cảm xúc như thế nào khi tham gia ngày hội? + Em có ấn tượng gì về ngày hội? + Mong muốn, suy nghĩ của em sau khi tham gia ngày hội là gì? + ... – HS làm bài vào VBT. – HS chia sẻ bài làm trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét để chỉnh sửa bài viết. – 1 – 2 HS chia sẻ bài làm trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.		
2. Chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết (05 phút)		
HS chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết dựa vào nhận xét.	Củng cố kỹ năng tự đánh giá.	
C. VẬN DỤNG (03 phút)		
– HS trưng bày bài viết ở <i>Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt</i>. – HS dán giấy dán hình trái tim vào bài viết mình yêu thích. – HS nghe GV nhận xét tiết ôn tập.	Chọn được hình thức phù hợp để động viên, khuyến khích HS viết tốt.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

TIẾT 5

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Ôn luyện viết bài văn tả người.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

Hình ảnh, video clip về một thầy giáo hoặc cô giáo (nếu có).

2. Học sinh

- Tranh, ảnh về thầy giáo hoặc cô giáo mà em chọn tả (nếu có).
- Giấy dán hình ngôi sao.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (02 phút)		
– HS xem tranh, ảnh hoặc video clip về một thầy giáo hoặc cô giáo → nêu một vài thông tin cơ bản giới thiệu về thầy giáo hoặc cô giáo đó (Gợi ý: <i>Tên, tuổi, môn phụ trách, ...</i>). – HS nghe GV kết nối để giới thiệu bài ôn tập.	Nhớ lại một vài thông tin về thầy giáo hoặc cô giáo mà em chọn tả.	
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Ôn luyện viết bài văn tả người (25 phút)		
– HS xác định yêu cầu đề bài và quan sát các gợi ý. – HS trả lời một vài câu hỏi gợi ý trong nhóm hoặc trước lớp để nhớ lại thầy giáo hoặc cô giáo mà em chọn tả: + Em chọn tả thầy giáo hoặc cô giáo nào? + Thầy giáo hoặc cô giáo dạy môn nào hay chủ nhiệm lớp nào? + Ngoại hình của thầy giáo hoặc cô giáo đó có gì nổi bật? + Hoạt động, tính cách của thầy giáo hoặc cô giáo có gì đáng chú ý? + Thầy giáo hoặc cô giáo đã gắn bó với em như thế nào (học tập, vui chơi,...)? + Em có tình cảm, cảm xúc gì với thầy giáo hoặc cô giáo? + Em mong ước điều gì cho thầy giáo hoặc cô giáo? + ... (Lưu ý: GV khuyến khích HS chọn lựa từ ngữ gợi tả, hình ảnh so sánh phù hợp và trình tự quan sát phù hợp để mở rộng, phát triển ý.) – HS làm bài vào VBT. – HS chia sẻ bài làm trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét để chỉnh sửa, hoàn thành bài viết. – 1 – 2 HS chia sẻ bài làm trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Viết được chương trình hoạt động do lớp em dự kiến tổ chức nhân ngày Nhà giáo Việt Nam. – Tự đánh giá và đánh giá bài viết của bạn theo các theo chỉ của GV.	
2. Chỉnh sửa, hoàn thiện bài văn (05 phút)		
HS chỉnh sửa, hoàn thiện bài văn dựa vào nhận xét.	Củng cố kỹ năng tự đánh giá.	
C. VẬN DỤNG (03 phút)		
– HS trưng bày bài văn đã viết ở <i>Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt</i> .	Chọn được hình thức phù hợp để động viên, khuyến khích HS viết tốt.	

– HS dán giấy dán hình ngôi sao vào bài văn mình yêu thích. – HS nghe GV nhận xét tiết ôn tập.		
---	--	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

CHỦ ĐIỂM 7: KHÚC CA HOÀ BÌNH

Chủ điểm “Khúc ca hoà bình” hướng đến việc hình thành ở HS các phẩm chất *yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm*: cảm nhận được niềm hạnh phúc khi được sống trong một thế giới hoà bình, có ý thức gìn giữ hoà bình và kêu gọi mọi người chung tay bảo vệ hoà bình cho thế giới. Từ đó, các em ý thức hơn trong học tập và rèn luyện: *biết yêu thương, chia sẻ; biết trân trọng, giữ gìn những giá trị cuộc sống; biết sống đoàn kết, thân thiện với mọi người và thiên nhiên; ý thức hơn về trách nhiệm của bản thân với bản thân, gia đình và cộng đồng, xã hội;...*

BÀI 1: VÌ ĐẠI DƯƠNG TRONG XANH

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Khởi động

Chia sẻ được suy nghĩ khi quan sát các bức tranh minh hoạ bài đọc.

2. Khám phá và luyện tập

2.1. Đọc

– Nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời nhân vật và lời người dẫn chuyện; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Cuộc trò chuyện giữa hai nàng tiên cá và thuyền trưởng Sáng Suốt sau trận đấu với phù thuỷ U Mê*. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Ca ngợi tình yêu hoà bình giữa muôn loài, cần chung sống đoàn kết, yêu thương, giúp đỡ lẫn nhau*.

2.2. Luyện từ và câu

Luyện tập sử dụng dấu gạch ngang.

2.3. Viết

Nhận diện được đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện.

3. Vận dụng

Tưởng tượng, viết được câu tả vẻ đẹp của đại dương trong đoạn kịch “Vì đại dương trong xanh” sau khi cuộc chiến giữa hai dòng họ tiên cá kết thúc.

Từ đó, góp phần hình thành các phẩm chất và năng lực chung.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SGK phóng to.
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Tiên Cá Trắng và Tiên Cá Đen: – Thuyền trưởng” đến hết.
- Thẻ từ, thẻ câu, phiếu học tập để tổ chức cho HS chơi trò chơi.

2. Học sinh:

- Sổ tay Tiếng Việt.
- Truyện về quê hương, đất nước đã nghe, đã đọc (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

Đọc: Vì đại dương trong xanh

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (10 phút)		
* Giới thiệu chủ điểm – GV tổ chức cho HS trò chơi <i>Ai nhanh, ai đúng?</i>: Sắp xếp các tiếng cho trước thành tên chủ điểm: <i>hoà, khúc, ca, bình</i> và chia sẻ cách hiểu hoặc suy nghĩ về tên chủ điểm “Khúc ca hoà bình” (Gợi ý: <i>Thông điệp về tình yêu thương, tình hữu nghị và ước mơ về một cuộc sống hoà bình,...</i>). – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. → Giới thiệu chủ điểm: “Khúc ca hoà bình”. * Giới thiệu bài – HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, chia sẻ với bạn suy nghĩ của em khi quan sát các hình ảnh (Gợi ý: <i>Tranh vẽ hai nàng tiên cá, những người thủy thủ và các sinh vật biển; hai nàng tiên cá cứu bác thủy thủ; hai nàng tiên cá vẫy tay chào tạm biệt đoàn thuyền;...</i>). – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS đọc tên bài kết hợp quan sát tranh minh họa, liên hệ với nội dung khởi động → phán đoán nội dung bài đọc. → Nghe GV giới thiệu bài học: “Vì đại dương trong xanh”.	– Phối hợp với GV và bạn để thực hiện hoạt động. – Nói thành câu, diễn đạt trọn vẹn ý, nội dung theo yêu cầu của GV. – Có kỹ năng phán đoán nội dung bài đọc dựa vào tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.	

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Đọc (60 phút)		
1.1. Luyện đọc (12 phút) – HS nghe GV đọc mẫu. – HS đọc nối tiếp từng đoạn hoặc toàn bài đọc, kết hợp nghe GV hướng dẫn trong nhóm hoặc trước lớp: + Cách đọc một số từ ngữ khó (nếu có). + Cách ngắt nghỉ một số câu dài thuật lại nội dung câu chuyện: • <i>Xưa kia,/ giữa Tiên Cá Đen và Tiên Cá Trắng/ thường xảy ra những trận chiến/ để tranh giành quyền thống trị đại dương.//;</i> • <i>Đoạn trích dưới đây/ thuật lại cuộc trò chuyện/ giữa hai nàng tiên cá với thuyền trưởng Sáng Suốt.//;...</i> + Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó, VD: <i>hải trình</i> (hành trình theo đường biển,...);... + Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý: • Đoạn 1: Từ đầu đến “sinh vật biển”. • Đoạn 2: Tiếp theo đến “vào lòng đại dương”. • Đoạn 3: Còn lại. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV nhận xét chung về hoạt động luyện đọc.	– Hình thành kĩ năng đọc thầm kết hợp với nghe, xác định chỗ ngắt, nghỉ, nhấn giọng,... – Đọc to, rõ ràng, đúng các từ khó và ngắt nghỉ hơi đúng ở các câu dài. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	
1.2. Tìm hiểu bài (20 phút) – HS đọc thầm bài đọc, thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả tìm hiểu bài trước lớp: 1. Vì sao xưa kia, giữa Tiên Cá Đen và Tiên Cá Trắng có những trận chiến? (Gợi ý: <i>Vì để tranh giành quyền thống trị đại dương.</i>) → Rút ra ý đoạn 1: <i>Giới thiệu về hoàn cảnh của hai nàng tiên cá và phù thủy U Mê, thuyền trưởng Sáng Suốt.</i> 2. Tiên Cá Trắng đã cầu nguyện điều gì khi thuyền trưởng Sáng Suốt ngắt đi? Vì sao? (Gợi ý: <i>Tiên Cá Trắng đã cầu nguyện tổ tiên để cứu lấy thuyền trưởng Sáng Suốt vì thuyền trưởng đã dũng cảm bảo vệ họ trước phù thủy U Mê.</i>)	– Hợp tác với GV và bạn để trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài. – Thông qua tìm hiểu bài, hiểu thêm nghĩa một số từ khó và hiểu nội dung bài.	

→ Rút ra ý đoạn 2: <i>Nàng tiên cá cầu nguyện tổ tiên cứu lấy thuyền trưởng Sáng Suốt.</i> 3. Thuyền trưởng Sáng Suốt nói gì khi nhận được lời cảm ơn của hai nàng tiên cá? Lời nói đó thể hiện ước mong gì? (Gợi ý: <i>Thuyền trưởng nói với hai nàng tiên cá hãy cùng nhau chăm lo cho những sinh vật biển đáng yêu và mong muốn được nhìn thấy hai nàng tiên cá nắm tay nhau hát vang khúc ca hoà bình. Lời nói đó thể hiện ước mong về một cuộc sống hoà bình, không có chiến tranh.</i>) 4. Bày tỏ suy nghĩ của em về hình ảnh “Tiên Cá Trắng và Tiên Cá Đen nắm tay nhau cùng hát vang khúc ca hoà bình”. (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: <i>Em cảm động khi thấy Tiên Cá Trắng và Tiên Cá Đen nắm tay nhau cùng hát vang khúc ca hoà bình, nhờ thuyền trưởng Sáng Suốt đã dừng cảm chiến đấu để giúp hai nàng tiên cá hiểu ra: hoà bình vốn rất đáng quý...</i>) → Rút ra ý đoạn 3: <i>Điều mong muốn của thuyền trưởng Sáng Suốt.</i> 5. Theo em, sau khi chia tay thuyền trưởng Sáng Suốt, hai nàng tiên cá sẽ làm gì để gìn giữ đại dương? (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: <i>Hai nàng tiên cá sẽ cùng nhau chăm sóc các sinh vật biển, cùng nhau bảo vệ đại dương được bình yên,...</i>) → Rút ra nội dung, ý nghĩa của bài đọc. – HS nghe bạn và GV nhận xét, bổ sung. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động tìm hiểu bài.		
1.3. Luyện đọc lại (15 phút) – HS trả lời một vài câu hỏi để nhớ lại nội dung chính của bài và xác định giọng đọc: + Bài đọc nói về điều gì? → <i>Toàn bài đọc với giọng thông thả, từ tốn, thể hiện tình cảm chân thành.</i> + Cần nhấn giọng ở những từ ngữ nào? (Gợi ý: <i>Nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ hoạt động, trạng thái của các nhân vật.</i>) + Lời của các nhân vật đọc giọng thế nào? (Gợi ý: <i>Giọng thuyền trưởng: trầm ổn, hiền hoà, bộc lộ sự quan tâm; giọng hai nàng tiên cá: nhỏ nhẹ, tình cảm, tràn đầy sự biết ơn.</i>)	– Xác định được giọng đọc trên cơ sở hiểu nội dung bài. – Biết nhấn giọng ở một số từ ngữ quan trọng, thể hiện giọng đọc phù hợp với từng nhân vật. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	

– HS nghe GV hoặc một bạn đọc lại đoạn 3: <i>Tiên Cá Trắng và Tiên Cá Đen://</i> <i>Thuyền trưởng Sáng Suốt://</i> <i>Tiên Cá Trắng và Tiên Cá Đen://</i> <i>Thuyền trưởng Sáng Suốt://</i> – HS luyện đọc lại đoạn 3 trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ. – 2 – 3 HS thi đọc đoạn 3 trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động luyện đọc lại.	– <i>Thuyền trưởng đã cùng những người anh em/ <u>tiêu diệt</u> phù thủy để <u>cứu</u> hai dòng họ tiên cá.// Chúng tôi <u>cảm ơn</u> nhiều lắm!//</i> – <i>Không cần <u>cảm ơn</u> ta.// Hãy cùng nhau <u>chăm lo</u> cho những sinh vật biển <u>đáng yêu</u> này!//</i> – <i>(<u>Nắm tay nhau</u>) Từ nay,/ chúng tôi sẽ luôn <u>đoàn kết</u> để <u>giữ gìn</u> đại dương trong xanh.//</i> – <i>Ngay bây giờ,/ chúng ta phải <u>tiếp tục</u> hải trình của mình.// Chúng ta <u>mong muốn</u> sẽ mang theo một kỉ niệm đẹp:// đó là đã <u>tận mắt thấy</u> Tiên Cá Trắng và Tiên Cá Đen/ <u>nắm tay nhau</u> hát vang khúc ca hoà bình!//</i>	
1.4. Cùng sáng tạo (13 phút) – HS xác định yêu cầu của hoạt động: <i>Phân vai đọc hoặc diễn lại đoạn kịch “Vi đại dương trong xanh”.</i> – HS nghe GV gợi ý thực hiện hoạt động theo nhóm (GV có thể tổ chức cho HS diễn lại đoạn kịch theo nhóm. HS phân vai, tập diễn và trình diễn vào các khoảng thời gian trống.). – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá và tổng kết hoạt động đọc.	– Hợp tác với bạn để phân vai đọc hoặc diễn lại đoạn kịch “Vi đại dương trong xanh”. – Thể hiện giọng và cảm xúc phù hợp với từng nhân vật. – Nhận xét được nội dung đóng vai của nhóm mình và nhóm bạn.	

TIẾT 3

Luyện từ và câu: Luyện tập về dấu gạch ngang

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
2. Luyện từ và câu (35 phút)		
2.1. Thêm dấu gạch ngang vào vị trí phù hợp (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1. – HS thảo luận theo nhóm bốn theo kỹ thuật <i>Khăn trải bàn</i> để thực hiện các yêu cầu. (Đáp án: a. <i>Động Phong Nha nằm trong Vườn Quốc gia Phong Nha – Kẻ Bàng.</i> → <i>Nối các từ ngữ trong một liên danh.</i> b. <i>Với quần thể 80 ngọn núi lớn nhỏ có độ cao trung bình vào khoảng 800 đến 1 000 mét so với mực nước biển, Mẫu Sơn – vùng núi nằm ở phía đông bắc tỉnh Lạng Sơn – được mệnh danh là vùng đất của gió và sương mù.</i> → <i>Đánh dấu bộ phận chủ thích, giải thích trong câu.</i> c. <i>Mặc dù đã trải qua nhiều thăng trầm nhưng năm cửa ô của Hà Nội – xưa là kinh thành Thăng Long – vẫn gắn bó với mỗi người dân Thủ đô. Đó là:</i> – Ô Quan Chưởng; – Ô Cầu Giấy; – Ô Cầu Dền; – Ô Đống Mác; – Ô Chợ Dừa. → <i>Đánh dấu bộ phận chủ thích, giải thích trong câu và đánh dấu các ý trong một đoạn liệt kê.</i> d. <i>Mặt trời vừa thức dậy, trong nhà đã rộn ràng tiếng gọi của Quân:</i> – <i>Anh Kiên ơi! Dậy thôi nào!</i> <i>Ông nội mỉm cười:</i> – <i>Hôm nay là Chủ nhật, để anh Kiên ngủ thêm một chút nữa, cháu ạ.</i> <i>Quân nhanh nhẩu đáp lời ông:</i> – <i>Hôm nay là “Chủ nhật xanh”. Anh em cháu đã hẹn sẽ tham gia dọn vệ sinh khu phố, ông ạ.</i> → <i>Đánh dấu lượt lời các nhân vật.)</i> – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Hợp tác với bạn để thực hiện các yêu cầu của BT theo nhóm. – Xác định được vị trí của dấu gạch ngang trong mỗi câu văn, đoạn văn. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

2.2. Viết câu theo yêu cầu (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS thảo luận nhóm đôi để thực hiện yêu cầu. – HS chia sẻ kết quả trong nhóm, nghe bạn góp ý và chỉnh sửa câu (nếu cần). – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Viết câu có sử dụng dấu gạch ngang theo yêu cầu. – Chủ động, mạnh dạn, tự tin khi chia sẻ trong nhóm, trước lớp. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.3. Viết lại cuộc trò chuyện giữa Tiên Cá Trắng và Tiên Cá Đen (15 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 3. – HS nói cho nhau nghe nội dung tưởng tượng trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ. – HS làm vào VBT. – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Hợp tác với bạn để thực hiện yêu cầu của BT. – Tưởng tượng và viết lại được cuộc trò chuyện giữa hai nàng tiên cá. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

TIẾT 4

Viết: Đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
3. Viết (30 phút)		
3.1. Nhận diện đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện (12 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1 và đọc bài văn. – HS trao đổi trong nhóm 4 để thực hiện yêu cầu (có thể ghi lại kết quả bằng sơ đồ vào <i>Phiếu học tập</i>). – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. (Gợi ý: a. Thể hiện tình cảm, cảm xúc về câu chuyện. b. Bạn Nguyễn Minh giới thiệu về câu chuyện “Bài học ở rừng” của nhà văn Lê Trâm và khẳng định tác giả dẫn dắt người đọc vào câu chuyện bằng một cách rất đặc biệt. c. Các từ ngữ, câu văn thể hiện tình cảm, cảm xúc của bạn	– Hợp tác với bạn để thực hiện các yêu cầu của BT. – Nhận diện được cấu tạo của đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện; rút ra ghi nhớ về cấu tạo của của đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện.	

với câu chuyện: trải qua nhiều cung bậc cảm xúc; ngỡ ngàng; náo nức; hồi hộp lắng nghe;... d. Ở câu cuối, bạn đưa ra những suy nghĩ, trăn trở về ý thức, trách nhiệm của con người đối với việc bảo vệ rừng.) – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét → rút ra nội dung ghi nhớ về đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc của bản thân về một câu chuyện. – 1 – 2 HS nhắc lại ghi nhớ.	– Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
3.2. Chia sẻ câu chuyện đã nghe, đã đọc về quê hương, đất nước (18 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS quan sát sơ đồ gợi ý, trả lời một số câu hỏi của GV: + Em thích câu chuyện nào về quê hương, đất nước? + Em có suy nghĩ, cảm xúc gì khi đọc câu chuyện đó? – HS thực hiện chia sẻ trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ (có thể ghi chép nhanh một số thông tin vào sơ đồ tư duy đơn giản). – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS bình chọn phần chia sẻ ấn tượng nhất. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Hợp tác để chia sẻ với bạn một câu chuyện đã nghe, đã đọc về quê hương, đất nước mà em thích và bày tỏ tình cảm, cảm xúc của em với câu chuyện đó. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
C. VẬN DỤNG (05 phút)		
– HS xác định yêu cầu của hoạt động: <i>Tưởng tượng, viết 2 – 3 câu tả vẻ đẹp của đại dương trong đoạn kịch “Vĩ đại dương trong xanh” sau khi cuộc chiến giữa hai dòng họ tiên cá kết thúc.</i> – HS làm bài cá nhân, viết câu vào sổ tay Tiếng Việt. – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.	– Viết được câu tả vẻ đẹp của đại dương trong đoạn kịch “Vĩ đại dương trong xanh” sau khi cuộc chiến giữa hai dòng họ tiên cá kết thúc. – Biết chia sẻ, nhận xét nội dung ghi chép của bạn.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

BÀI 2: THÀNH PHỐ VÌ HOÀ BÌNH

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Khởi động

Cùng bạn hỏi đáp được về ý nghĩa tên gọi khác của mỗi địa danh đã cho.

2. Khám phá và luyện tập

2.1. Đọc

– Nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Thủ đô Hà Nội tự hào được UNESCO trao tặng giải thưởng “Thành phố Vì hoà bình” và được tham gia “Mạng lưới các thành phố sáng tạo”. Đây là sự ghi nhận của cộng đồng quốc tế về những thành tựu của Hà Nội trong thời gian qua.*

2.2. Nói và nghe

Nói được về cuộc sống thanh bình.

2.3. Viết

Tim được ý cho đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện.

3. Vận dụng

Tim hiểu và giới thiệu về một vài thành tựu hoặc công trình tiêu biểu của Thủ đô Hà Nội mà em biết.

Từ đó, góp phần hình thành các phẩm chất và năng lực chung.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SGK phóng to.
- Tranh, ảnh hoặc video giới thiệu về thủ đô Hà Nội (cảnh đẹp về thiên nhiên, con người; sự phát triển của Thủ đô; các trung tâm văn hoá, kinh tế, giáo dục;...).
- Tranh, ảnh hoặc video clip về quang cảnh, cuộc sống thanh bình (nếu có).
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Đây là sự ghi nhận” đến “giao dịch quốc tế”.

2. Học sinh

- Tranh, ảnh về quang cảnh, cuộc sống thanh bình (nếu có).
- Thông tin, tranh, ảnh về một vài thành tựu hoặc công trình tiêu biểu của Thủ đô Hà Nội mà em biết.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

Độc: Thành phố Vì hoà bình

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (05 phút)		
– HS chơi trò chơi <i>Đố bạn</i> theo nhóm nhỏ, cùng bạn hỏi đáp về ý nghĩa tên gọi khác của mỗi địa danh. (Gợi ý: + <i>Hải Phòng được gọi là Thành phố Hoa phượng đỏ vì nơi đây trồng rất nhiều cây phượng. Mỗi mùa hè, phượng nở đỏ rực khắp các con đường.</i> + <i>Đà Lạt còn gọi là Thành phố ngàn hoa vì nơi đây khi hậu mát mẻ, trăm hoa đua nở.</i> + <i>Bến Tre được biết đến là Xứ dừa vì nơi đây trồng rất nhiều dừa.</i>) – HS đọc tên bài kết hợp quan sát tranh minh hoạ, liên hệ với nội dung khởi động → phán đoán nội dung bài đọc. → Nghe GV giới thiệu bài học: “Thành phố Vì hoà bình”.	– Phối hợp với GV và bạn để thực hiện hoạt động. – Nói thành câu, diễn đạt trọn vẹn ý, nội dung theo yêu cầu của GV. – Có kĩ năng phán đoán nội dung bài đọc dựa vào tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.	
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Đọc (30 phút)		
1.1. Luyện đọc (08 phút) – HS nghe GV đọc mẫu. – HS đọc nối tiếp từng đoạn hoặc toàn bài đọc, kết hợp nghe GV hướng dẫn trong nhóm hoặc trước lớp: + Cách đọc một số từ ngữ khó (nếu có). + Cách ngắt nghỉ một số câu dài: • <i>Đây là sự ghi nhận của cộng đồng quốc tế/ về những đóng góp tích cực của Thủ đô/ trong công cuộc đấu tranh vì hoà bình/ cũng như trong sự nghiệp phát triển,/ xây dựng một thành phố hoà bình,/ năng động.//;</i> • <i>Nhờ sự nỗ lực không ngừng,/ ngày 31 tháng 10 năm 2019,/ Hà Nội chính thức được UNESCO chấp thuận đưa vào “Mạng lưới các thành phố sáng tạo”/ vì sự phát triển dựa trên những sáng tạo về lĩnh vực thiết kế.//;</i> • <i>Tham gia mạng lưới,/ Hà Nội sẽ trở thành một trong những trung tâm hội tụ/ và lan toả của tri thức và sáng tạo.//;...</i>	– Hình thành kĩ năng đọc thầm kết hợp với nghe, xác định chỗ ngắt, nghỉ, nhấn giọng,... – Đọc to, rõ ràng, đúng các từ khó và ngắt nghỉ hơi đúng ở các câu dài. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	

+ Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (nếu có). + Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý: • Đoạn 1: Từ đầu đến “Thành phố Vì hoà bình”. • Đoạn 2: Tiếp theo đến “giao dịch quốc tế”. • Đoạn 3: Còn lại. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV nhận xét chung về hoạt động luyện đọc.		
1.2. Tìm hiểu bài (14 phút) – HS đọc thầm toàn bài, thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi, có thể trình bày kết quả bằng sơ đồ đơn giản. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả tìm hiểu bài trước lớp: 1. Mỗi mốc thời gian sau gắn với thành tựu gì của Thủ đô Hà Nội? Mỗi thành tựu đó nói lên điều gì? + Ngày 16 tháng 7 năm 1999 (Gợi ý: <i>Thủ đô Hà Nội được UNESCO chọn là thành phố tiêu biểu của châu Á – Thái Bình Dương và là một trong năm thành phố trên thế giới nhận giải thưởng “Thành phố Vì hoà bình”. Đây là sự ghi nhận của cộng đồng quốc tế về những đóng góp tích cực của Thủ đô trong công cuộc đấu tranh vì hoà bình cũng như trong sự nghiệp phát triển, xây dựng một thành phố hoà bình, năng động.</i>) + Ngày 31 tháng 10 năm 2019 (Gợi ý: <i>Hà Nội chính thức được UNESCO chấp thuận đưa vào “Mạng lưới các thành phố sáng tạo”. Đây là kết quả của sự nỗ lực không ngừng của nhân dân Hà Nội trong quyết tâm xây dựng, phát triển một Thủ đô năng động, đổi mới, sáng tạo, vì hoà bình.</i>) → Rút ra ý đoạn 1: <i>Những thành tựu tiêu biểu mà Thủ đô Hà Nội đã đạt được.</i> 2. Nhân dân Hà Nội có mong muốn và quyết tâm gì? (Gợi ý: <i>Nhân dân Hà Nội luôn mong muốn và quyết tâm xây dựng, phát triển một Thủ đô năng động, đổi mới, sáng tạo, vì hoà bình.</i>) → Rút ra ý đoạn 2: <i>Những đóng góp tích cực của Thủ đô trong công cuộc xây dựng Thành phố Vì hoà bình.</i> 3. Việc tham gia “Mạng lưới các thành phố sáng tạo” mở ra cơ hội gì cho Hà Nội? (Gợi ý: <i>Thủ đô Hà Nội sẽ trở thành một trong những trung tâm hội tụ và lan toả của tri thức và sáng tạo.</i>)	– Hợp tác với GV và bạn để trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài. – Thông qua tìm hiểu bài, hiểu thêm nghĩa một số từ khó và hiểu nội dung bài.	

→ Rút ra ý đoạn 3: <i>Mong muốn, quyết tâm xây dựng, phát triển Thủ đô của nhân dân Hà Nội và những cơ hội mới đang được mở ra cho Thủ đô.</i> 4. Tóm tắt nội dung bài đọc bằng 3 – 4 câu (Gợi ý: HS tự tóm tắt bài đọc theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. VD: <i>Thủ đô Hà Nội tự hào được UNESCO trao tặng giải thưởng “Thành phố Vì hoà bình” và được tham gia “Mạng lưới các thành phố sáng tạo”. Đây là sự ghi nhận của cộng đồng quốc tế về những thành tựu của Hà Nội trong thời gian qua. Các thành tựu đạt được sẽ là bước đệm để Thủ đô tiếp tục phát triển hơn trong tương lai.</i>) → Rút ra nội dung của bài đọc. – HS nghe bạn và GV nhận xét, bổ sung. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động tìm hiểu bài.		
1.3. Luyện đọc lại (08 phút) – HS trả lời một vài câu hỏi để nhớ lại nội dung chính của bài và xác định giọng đọc: + Bài đọc nói về điều gì? → <i>Toàn bài đọc với giọng tự hào, phấn khởi.</i> + Cần nhấn giọng ở những từ ngữ nào? (Gợi ý: <i>Nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ thông tin về các đóng góp, thành tựu của Thủ đô Hà Nội.</i>) – HS nghe GV hoặc một bạn đọc lại đoạn 2: <i>Đây là <u>sự ghi nhận</u> của cộng đồng quốc tế/ về những <u>đóng góp tích cực</u> của Thủ đô/ trong công cuộc <u>đấu tranh vì hoà bình</u>/ cũng như trong <u>sự nghiệp phát triển</u>,/ xây dựng một thành phố <u>hoà bình</u>,/ <u>năng động</u>.// Trải qua hơn <u>1 000 năm</u> hình thành và phát triển,/ Hà Nội luôn <u>giữ được những nét truyền thống</u> của Việt Nam,/ vươn lên với <u>sức bất mạnh mẽ</u>,/ <u>xứng đáng</u> là trung tâm chính trị – hành chính quốc gia,/ trở thành <u>trung tâm lớn về văn hoá</u>,/ <u>khoa học</u>,/ <u>giáo dục</u>,/ <u>kinh tế</u>/ và <u>giao dịch quốc tế</u>.//</i> – HS luyện đọc lại đoạn 2 trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ. – 2 – 3 HS thi đọc đoạn 2 trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động luyện đọc lại.	– Xác định được giọng đọc trên cơ sở hiểu nội dung bài. – Biết nhấn giọng ở một số từ ngữ quan trọng. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	

TIẾT 2

Nói và nghe: Nói về cuộc sống thanh bình

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
2. Nói và nghe (35 phút)		
2.1. Bày tỏ suy nghĩ về cảnh được tả trong đoạn thơ (06 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1. – HS nghe GV giới thiệu tóm tắt về đoạn thơ (Gợi ý: <i>Đoạn thơ trích trong bài thơ “Bên sông Kinh Thầy” do nhà thơ Trần Đăng Khoa sáng tác tháng 2 năm 1966. Bài thơ nói về khung cảnh thanh bình của quê hương nhà thơ.</i>). – HS đọc đoạn thơ và chia sẻ trong nhóm đôi về suy nghĩ sau khi đọc đoạn thơ (Gợi ý: <i>Khung cảnh làng quê gợi lên cảm giác thật yên bình với hàng chuối xanh mượt, phi lao trập trùng và ngôi nhà ngói đỏ in bóng xuống dòng sông quê êm đềm.</i>). – HS chơi <i>Chuyền hoa</i> để chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Phát triển kỹ năng học tập hợp tác; kỹ năng nói đơn thoại, nói thành bài kết hợp sử dụng phương tiện hỗ trợ. – Chủ động, mạnh dạn, tự tin khi nói trong nhóm, trước lớp. – Phát triển kỹ năng kiểm soát tốc độ, âm lượng nói và sử dụng hiệu quả các yếu tố phi ngôn ngữ. – Nhận xét được nội dung nói của bạn.	
2.2. Nói về cảnh thanh bình ở quê hương em (22 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS thực hiện yêu cầu dựa vào các gợi ý: + Giới thiệu chung về cảnh (địa điểm, thời gian,...). + Nói về cảnh đẹp thiên nhiên (bầu trời, sông nước, cây cỏ,...). + Nói về cuộc sống của con người. + Bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc của em. – GV có thể hướng dẫn thêm cho HS về các nội dung trình bày. – HS ghi nhanh các nội dung bằng từ khoá dưới dạng sơ đồ tư duy. – HS thực hành nói trong nhóm nhỏ (HS có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh hoặc video clip đã chuẩn bị). – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Phát triển kỹ năng học tập hợp tác; kỹ năng nhận xét, đánh giá; kỹ năng tóm tắt thông tin bằng sơ đồ đơn giản. – Phát triển kỹ năng sắp xếp ý, nói thành đoạn, bài theo chủ đề; kiểm soát tốc độ, âm lượng nói và sử dụng hiệu quả các yếu tố phi ngôn ngữ. – Chủ động, mạnh dạn, tự tin khi nói trong nhóm, trước lớp.	

2.3. Bình chọn bài nói (07 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 3. – HS thảo luận nhóm để bình chọn bài nói yêu thích dựa vào các tiêu chí gợi ý: + Nội dung phong phú. + Hình thức sinh động. + Giọng nói truyền cảm. + Tác phong tự tin. + ... – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Phát triển kỹ năng học tập hợp tác; kỹ năng nhận xét, đánh giá. – Nhận xét được nội dung nói của mình và của bạn dựa trên các tiêu chí đã đưa ra.	
---	--	--

TIẾT 3

Viết: Tìm ý cho đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
3. Viết (30 phút)		
3.1. Tìm, sắp xếp và ghi lại những ý chính cho đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về câu chuyện (15 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1. – HS quan sát các gợi ý, trả lời một vài câu hỏi gợi ý trong nhóm hoặc trước lớp để thực hiện hoạt động: + Em chọn giới thiệu câu chuyện nào về quê hương, đất nước? + Em có tình cảm, cảm xúc gì về câu chuyện (mở đầu, nội dung, lời kết, ...)? + Em dùng từ ngữ nào để thể hiện tình cảm, cảm xúc ấy? + Câu chuyện gợi ra những suy nghĩ gì? + ... – HS chia sẻ cùng bạn trong nhóm 4, nhận xét, góp ý trong nhóm. – HS làm bài vào VBT hoặc vở nháp. (Lưu ý: HS có thể kết hợp quan sát tranh, ảnh, video clip về câu chuyện và ghi chép vắn tắt bằng các từ ngữ dưới dạng sơ đồ tư duy đơn giản, tránh diễn đạt thành câu.) – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Sử dụng phối hợp các kỹ năng trên cơ sở tái hiện lại những nội dung, cảm nhận đã có kết hợp với tranh ảnh,... để tìm ý cho đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về câu chuyện. – Phát triển kỹ năng học tập hợp tác; kỹ năng sắp xếp ý thành đoạn theo chủ đề; kỹ năng nhận xét, đánh giá.	
3.2. Viết câu giới thiệu câu chuyện và câu nói về những điều gợi ra sau khi đọc câu chuyện (15 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS nhớ lại nội dung đã thực hiện ở BT 1, làm bài vào VBT. – HS chia sẻ bài làm trong nhóm, chỉnh sửa bài làm dựa vào nhận xét của bạn.	– Viết được câu giới thiệu câu chuyện và câu nói về những điều gợi ra sau khi đọc câu chuyện.	

– 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Phát triển kỹ năng học tập hợp tác; kỹ năng nhận xét, đánh giá.	
C. VẬN DỤNG (05 phút)		
– HS xác định yêu cầu của hoạt động: <i>Tìm hiểu và giới thiệu về một vài thành tựu hoặc công trình tiêu biểu của Thủ đô Hà Nội mà em biết.</i> – HS nghe GV hướng dẫn thực hiện hoạt động ở nhà: Tìm hiểu về một vài thành tựu hoặc công trình tiêu biểu của Thủ đô Hà Nội mà em biết. HS có thể kết hợp tìm hình ảnh và thông tin trên internet. – 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.	– Giới thiệu được một vài thành tựu hoặc công trình tiêu biểu của Thủ đô Hà Nội. – Nội dung nói phù hợp với yêu cầu, ngữ điệu nói phù hợp, thái độ mạnh dạn, tự tin.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

BÀI 3: BÀI CA TRÁI ĐẤT

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Khởi động

Chia sẻ được suy nghĩ, cảm xúc khi quan sát tranh minh họa.

2. Khám phá và luyện tập

2.1. Đọc

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa, đúng mạch cảm xúc của bài thơ; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Trái Đất này là của trẻ con. Dù khác nhau về màu da nhưng tất cả trẻ con đều cần nhận được tình yêu thương, sự chăm sóc và bảo vệ.* Từ đó, rút ra ý nghĩa: *Kêu gọi tất cả mọi người cùng sống hoà bình, yêu thương, bình đẳng; thể hiện niềm mơ ước về một thế giới không có chiến tranh, chỉ tràn ngập tiếng cười và tình yêu.* Học thuộc lòng được bài thơ.

– Tìm đọc được truyện hoặc đoạn kịch viết về một sự kiện lịch sử, về một anh hùng dân tộc hoặc về cuộc sống thanh bình, tình yêu hoà bình; viết *Nhật kí đọc sách*; thi “Nghệ sĩ nhí”: kể và trao đổi về ý nghĩa hoặc bài học rút ra từ câu chuyện hoặc đoạn kịch; ghi chép tóm tắt về một truyện hoặc đoạn kịch được nghe kể.

2.2. Luyện từ và câu

Nhận diện được cách lập từ ngữ để liên kết các câu trong đoạn văn.

2.3. Viết

Luyện tập viết được đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện.

3. Vận dụng

Giới thiệu được bài thơ “Bài ca Trái Đất” với người thân.

Từ đó, góp phần hình thành các phẩm chất và năng lực chung.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SGK phóng to.
- Audio bài hát “Trái Đất này là của chúng mình” (nhạc: Trương Quang Lục, lời: thơ Định Hải) (nếu có).
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi bài thơ.
- Danh sách gợi ý truyện đọc hoặc đoạn kịch thuộc chủ điểm “Khúc ca hoà bình”, hướng dẫn tìm kiếm truyện và đoạn kịch trên internet.
- Thẻ từ, thẻ câu cho HS thực hiện các BT luyện từ và câu.

2. Học sinh

Truyện hoặc đoạn kịch phù hợp với chủ điểm “Khúc ca hoà bình” đã đọc và *Nhật kí đọc sách*.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

Độc: Bài ca Trái Đất

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (05 phút)		
– HS hoạt động nhóm nhỏ theo kĩ thuật <i>Ố bi</i> hoặc <i>Băng chuyền</i>, lần lượt chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc khi quan sát tranh minh hoạ (Gợi ý: <i>Tuy các bạn có màu da, màu tóc khác nhau nhưng đều tươi cười, ca hát vui vẻ với nhau. Bức tranh thể hiện sự đoàn kết, gắn bó, không phân biệt sắc tộc giữa thiếu nhi trên toàn thế giới.</i>). – HS đọc tên bài kết hợp quan sát tranh minh hoạ, liên hệ với nội dung khởi động → phán đoán nội dung bài đọc. → Nghe GV giới thiệu bài học: “Bài ca Trái Đất”.	– Phối hợp với GV và bạn để thực hiện hoạt động. – Nói thành câu, diễn đạt trọn vẹn ý, nội dung theo yêu cầu của GV. – Có kĩ năng phán đoán nội dung bài đọc dựa vào tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.	

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Đọc (65 phút)		
1.1. Đọc bài thơ (40 phút)		
1.1.1. Luyện đọc (10 phút) – HS nghe GV đọc mẫu. – HS đọc nối tiếp từng khổ thơ hoặc toàn bài thơ, kết hợp nghe GV hướng dẫn trong nhóm hoặc trước lớp: + Cách đọc một số từ ngữ khó (nếu có). + Cách ngắt nghỉ một số dòng thơ: <i>Trái Đất này/ là của chúng mình/ Quả bóng xanh/ bay giữa trời xanh/ Bồ câu ơi,/ tiếng chim gù thương mến/ Hải âu ơi,/ cánh chim vờn sóng biển/ Cùng bay nào,/ cho Trái Đất quay!// Cùng bay nào,/ cho Trái Đất quay!//</i> + Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (nếu có). + Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý: • Đoạn 1: Khổ thơ đầu. • Đoạn 2: Khổ thơ thứ hai. • Đoạn 3: Khổ thơ cuối. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV nhận xét chung về hoạt động luyện đọc.	– Hình thành kĩ năng đọc thầm kết hợp với nghe, xác định chỗ ngắt, nghỉ, nhấn giọng,... – Đọc to, rõ ràng, đúng các từ khó và ngắt nghỉ đúng nhịp thơ. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	
1.1.2. Tìm hiểu bài (18 phút) – HS đọc thầm bài thơ, thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi, có thể ghi lại câu trả lời bằng sơ đồ đơn giản. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả tìm hiểu bài trước lớp: 1. Bức tranh Trái Đất được tả trong khổ thơ đầu có gì đẹp? (Gợi ý: <i>Trái Đất được so sánh với quả bóng xanh bay giữa trời xanh. Cách so sánh đó khiến Trái Đất trở nên rất gần gũi, thân thương, hồn nhiên và tươi trẻ.</i>) → Rút ra ý đoạn 1: <i>Niềm vui của các bạn nhỏ được sống trong một thế giới đầy tươi đẹp.</i> 2. Khổ thơ 2 khẳng định điều gì? (Gợi ý: <i>Khổ thơ 2 khẳng định Trái Đất là của các bạn nhỏ, không phân biệt màu da, chủng tộc. Trẻ em là món quà đẹp nhất, là “nụ”, là “hoa” của đất nên trẻ em dù là màu da nào cũng đều đáng quý, cũng đáng nhận được sự tôn trọng, yêu thương, cũng góp phần tô màu tươi thắm cho cuộc đời.</i>)	– Hợp tác với GV và bạn để trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài. – Thông qua tìm hiểu bài, hiểu thêm nghĩa một số từ khó và hiểu nội dung, ý nghĩa của bài thơ.	

→ Rút ra ý đoạn 2: <i>Trẻ em là nụ, là hoa của Trái Đất, dù màu da nào thì ai cũng đáng quý, đáng yêu.</i> 3. Hai câu thơ sau gợi cho em những suy nghĩ, cảm xúc gì? Tiếng hát vui giữ bình yên Trái Đất Tiếng cười ran cho Trái Đất không già. (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: <i>Sự hoà đồng, thân thiện, không khí vui vẻ giữa con người với con người sẽ giúp Trái Đất – ngôi nhà chung của toàn nhân loại mãi tươi trẻ.</i>) → Rút ra ý đoạn 3: <i>Khẳng định Trái Đất là của tất cả chúng ta, vì vậy hãy giữ bình yên cho Trái Đất.</i> 4. Việc lặp lại hai câu thơ ở cuối mỗi khổ thơ nhằm nhấn mạnh điều gì? (Gợi ý: <i>Hai câu cuối ở khổ thơ đầu nhấn mạnh niềm vui, sự hồn nhiên của trẻ em hoà cùng bài hát với tiếng chim bồ câu, với cánh chim hải âu. Hai câu cuối ở khổ thơ thứ hai khẳng định mọi trẻ em trên thế giới, dù khác màu da đều bình đẳng như nhau, đều đáng quý, đáng yêu. Hai câu cuối ở khổ thơ cuối khẳng định Trái Đất chính là của chúng ta.</i>) → Rút ra nội dung, ý nghĩa của bài đọc. – HS nghe bạn và GV nhận xét, bổ sung. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động tìm hiểu bài.		
1.1.3. Luyện đọc lại (12 phút) – HS trả lời một vài câu hỏi để nhớ lại nội dung chính của bài và xác định giọng đọc: + Bài đọc nói về điều gì? → <i>Toàn bài đọc với giọng trong sáng, vui tươi, hồn nhiên.</i> + Cần nhấn giọng ở những từ ngữ nào? (Gợi ý: <i>Nhấn giọng ở những từ ngữ miêu tả đặc điểm của các sự vật, ca ngợi hoà bình, phản đối chiến tranh; nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện tình cảm, cảm xúc và hoạt động của nhân vật, ...</i>) – HS nghe GV hoặc một bạn đọc lại đoạn 2: <i>Trái Đất <u>trẻ</u>/ của bạn trẻ năm châu/ Vàng./ trắng./ đen.../ dù da <u>khác màu</u>/ Ta là nụ,/ là hoa của đất/ Gió <u>đắm</u> hương thơm,/ nắng <u>tô</u> <u>thắm sắc</u>/ Màu hoa nào <u>cũng quý</u>,/ <u>cũng thơm</u>!// Màu hoa nào <u>cũng quý</u>,/ <u>cũng thơm</u>!//</i> – HS tự nhắm thuộc → đọc trong nhóm, trước lớp đoạn 2 và toàn bài thơ (có thể thực hiện sau giờ học). – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động luyện đọc lại.	– Xác định được giọng đọc trên cơ sở hiểu nội dung bài. – Biết nhấn giọng ở một số từ ngữ quan trọng, dựa vào cách hiểu để ngắt nghỉ đúng nhịp thơ. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có). – Biết cách tự nhắm thuộc từng đoạn và toàn bài thơ.	

Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách
Chủ điểm “Khúc ca hoà bình”

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
1.2. Đọc mở rộng (25 phút)		
1.2.1. Tìm đọc truyện hoặc đoạn kịch – HS đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một truyện hoặc đoạn kịch phù hợp với chủ điểm “Khúc ca hoà bình” theo hướng dẫn của GV trước buổi học khoảng một tuần. HS có thể đọc sách, báo giấy hoặc tìm kiếm trên internet truyện hoặc đoạn kịch phù hợp dựa vào gợi ý về chủ đề: + Về một chiến dịch hoặc một trận đánh trong lịch sử (Gợi ý: <i>Ngô Quyền đại phá quân Nam Hán – Nguyễn Khắc Thuần; Cuộc khởi nghĩa của Bà Triệu – Truyện danh nhân Việt Nam;...</i>). + Về một anh hùng dân tộc (Gợi ý: <i>Lá cờ thêu sáu chữ vàng – Nguyễn Huy Tưởng; Người công dân số Một – Hà Văn Cầu, Vũ Đình Phòng;...</i>). + Về cuộc sống thanh bình, tình yêu hoà bình (Gợi ý: <i>Một chuyên gia máy xúc – Hồng Thủy; Những câu chuyện về tình yêu tự do và hoà bình – Lương Hùng biên dịch;...</i>). + ... – HS chuẩn bị truyện hoặc đoạn kịch để mang tới lớp chia sẻ.	Hình thành thói quen đọc sách, kĩ năng chọn lọc và chia sẻ thông tin đọc được.	
1.2.2. Viết Nhật kí đọc sách – HS viết vào <i>Nhật kí đọc sách</i> những điều em ghi nhớ sau khi đọc truyện hoặc đoạn kịch: tên truyện hoặc đoạn kịch; tên tác giả; tên nhân vật; các sự việc chính; ý nghĩa của truyện; chi tiết mà em thích nhất khi đọc truyện hoặc đoạn kịch; lí do em thích;... – HS có thể trang trí <i>Nhật kí đọc sách</i> đơn giản theo nội dung chủ điểm hoặc nội dung truyện hoặc đoạn kịch.	Hình thành kĩ năng chọn lọc thông tin đọc được, thói quen và kĩ năng ghi chép <i>Nhật kí đọc sách</i> .	
1.2.3. Chia sẻ về truyện hoặc đoạn kịch đã đọc (12 phút) – HS đọc truyện hoặc đoạn kịch, trao đổi truyện hoặc đoạn kịch cho bạn trong nhóm để cùng đọc. – HS chia sẻ về <i>Nhật kí đọc sách</i> của mình. – HS nghe góp ý của bạn, chỉnh sửa, hoàn thiện <i>Nhật kí đọc sách</i>.	– Phát triển kĩ năng hợp tác nhóm, kĩ năng chia sẻ thông tin; năng lực cảm thụ văn học thông qua việc chia sẻ về chi	

– HS chia sẻ trong nhóm nhỏ về chi tiết mà em thích nhất khi đọc truyện hoặc đoạn kịch, lí do em thích. Ngoài ra, HS cũng có thể chia sẻ thêm về nhân vật, tình tiết em thích,... – HS bình chọn một số <i>Nhật kí đọc sách</i> sáng tạo và dán vào <i>Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt</i>.	- tiết yêu thích và giải thích lí do. – Hợp tác với bạn để thực hiện hoạt động.	
1.2.4. Thi “Nhà sử học nhí” (08 phút) – HS kể và trao đổi về ý nghĩa hoặc bài học rút ra từ câu chuyện hoặc đoạn kịch trong nhóm nhỏ. – Mỗi nhóm đại diện một HS tham gia thi “Nhà sử học nhí”. – HS nhận xét và bình chọn dựa trên các tiêu chí: + Truyện hoặc đoạn kịch đúng chủ đề. + Nội dung kể rõ ràng. + Có rút ra ý nghĩa hoặc bài học giáo dục. + Kết hợp điệu bộ, cử chỉ, giọng nói. + ... – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Kể và trao đổi được với bạn về ý nghĩa hoặc bài học rút ra từ câu chuyện hoặc đoạn kịch. – Chủ động, mạnh dạn, tự tin khi nói trong nhóm, trước lớp. – Nhận xét được nội dung nói của mình và của bạn dựa trên các tiêu chí đã đưa ra.	
1.2.5. Ghi chép tóm tắt về một truyện được nghe chia sẻ (05 phút) – HS có thể ghi chép một vài thông tin chính về một truyện hoặc đoạn kịch được bạn chia sẻ mà em thích: tên truyện hoặc đoạn kịch; tên tác giả; tên nhân vật; diễn biến; ý nghĩa của truyện hoặc đoạn kịch;... (Lưu ý: Việc ghi chép có thể thực hiện song song hoặc sau khi nghe bạn chia sẻ.) – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	Phát triển kĩ năng nghe – ghi, kĩ năng tóm tắt thông tin bằng sơ đồ đơn giản.	

TIẾT 3

Luyện từ và câu: Liên kết các câu trong đoạn văn bằng cách lặp từ ngữ

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
2. Luyện từ và câu (35 phút)		
2.1. Nhận diện cách liên kết các câu trong đoạn văn bằng cách lặp từ ngữ (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1. – HS đọc đoạn văn, hoạt động nhóm đôi để thực hiện yêu cầu, làm bài vào VBT (Gợi ý: a. <i>dâu</i>; b. <i>Tác dụng: liên kết nội dung của các câu đứng sau với câu đứng trước đó</i>). – HS chơi <i>Chuyển hoa</i> để chia sẻ kết quả trước lớp.	– Hợp tác với bạn để thực hiện các yêu cầu của BT. – Nhận diện được cách cách lặp từ ngữ để liên	

– HS nghe bạn và GV nhận xét, rút ra nội dung em cần ghi nhớ về liên kết các câu trong đoạn văn bằng cách lặp từ ngữ. – 1 – 2 HS nhắc lại ghi nhớ.	- kết các câu trong đoạn văn. – Rút ra được ghi nhớ về liên kết các câu trong đoạn văn bằng cách lặp từ ngữ. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.2. Xác định từ ngữ được dùng lặp lại để liên kết các câu trong đoạn văn (07 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS thảo luận nhóm nhỏ theo kỹ thuật <i>Khăn trải bàn</i>, làm bài vào VBT (Đáp án: a. sáu, hoa; b. năm; Tác dụng: liên kết các câu trong đoạn văn, giúp cho việc truyền tải nội dung được mạch lạc hơn.). – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Hợp tác với bạn để tìm từ ngữ được dùng lặp lại để liên kết các câu trong đoạn văn và chia sẻ, thống nhất kết quả. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.3. Tìm từ ngữ thay cho ⊗ để liên kết các câu trong đoạn văn (06 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 3. – HS đọc đoạn văn và thảo luận nhóm đôi và làm bài cá nhân vào VBT (Đáp án: đất; đất; Đước; đước; đước). – 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Hợp tác với bạn để thực hiện yêu cầu của BT. – Tìm được từ ngữ để liên kết câu trong đoạn văn. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.4. Viết câu giới thiệu một cây bóng mát có sử dụng cách lặp từ ngữ để liên kết câu (12 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 4. – HS làm bài vào VBT, gạch chân các cặp câu được liên kết bằng cách lặp từ ngữ. – HS chia sẻ kết quả trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét, góp ý để chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết. – 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Viết được câu giới thiệu một cây bóng mát mà em thích, trong đó có sử dụng cách lặp từ ngữ. – Hợp tác với bạn để nhận xét, đánh giá sản phẩm của mình và của bạn.	

TIẾT 4

Viết: Viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
3. Viết (30 phút)		
3.1. Thực hành viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện (22 phút) – HS đọc đề bài và xác định yêu cầu của BT 1. – HS quan sát các gợi ý, nhớ lại các nội dung ở tiết trước (có thể kết hợp xem tranh ảnh, video clip về câu chuyện). – HS hoạt động cá nhân, viết đoạn văn vào VBT. – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS đọc lại đoạn văn, chỉnh sửa và hoàn thiện đoạn văn đã viết (nếu có) theo hướng: + Sắp xếp các ý trong đoạn. + Chỉnh sửa cách dùng từ. + Điều chỉnh diễn đạt ở một số câu trong đoạn. + Sửa các lỗi về chính tả. + ...	– Phát triển kỹ năng phân tích yêu cầu của đề bài. – Hiểu và xác định đúng yêu cầu trọng tâm của đề bài. – Viết được đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện đã nghe, đã đọc về quê hương, đất nước. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
3.2. Chia sẻ trong nhóm, nghe bạn nhận xét và hoàn chỉnh đoạn văn (08 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 3. – HS chia sẻ bài làm trong nhóm 3 theo kỹ thuật <i>Phòng tranh nhỏ</i>, nghe bạn nhận xét để hoàn chỉnh dàn ý theo một số gợi ý: + Câu mở đoạn hấp dẫn. + Chọn được từ ngữ phù hợp để thể hiện tình cảm, cảm xúc. + Liên hệ được về ý thức, trách nhiệm của bản thân sau khi đọc câu chuyện. + ... – 1 – 2 HS chia sẻ bài làm trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	Hợp tác với bạn để nhận xét, đánh giá sản phẩm của mình và của bạn.	
C. VẬN DỤNG (05 phút)		
– HS xác định yêu cầu của hoạt động: <i>Nói 2 – 3 câu để giới thiệu bài thơ “Bài ca Trái Đất” với người thân.</i> – HS nghe GV hướng dẫn thực hiện hoạt động ở nhà: giới thiệu bài thơ “Bài ca Trái Đất” với người thân.	– Nói được câu để giới thiệu bài thơ “Bài ca Trái Đất” với người thân.	

– Một nhóm HS làm mẫu trước lớp. – HS nghe GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.	– Hợp tác với bạn để thực hiện hoạt động.	
--	---	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

BÀI 4: MIỀN ĐẤT XANH

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Khởi động

Trao đổi được với bạn về những điều gợi ra từ tên bài đọc “Miền đất xanh”.

2. Khám phá và luyện tập

2.1. Đọc

– Nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Sự nỗ lực của những người lính và người dân Khe Sanh để giúp vùng đất này xanh trở lại sau những năm tháng chiến tranh.* Từ đó, rút ra ý nghĩa: *Khát vọng, ước mơ của tác giả, của những người lính và người dân về một Khe Sanh hoà bình, bình yên và phát triển.*

2.2. Luyện từ và câu

Nhận diện được cách thay thế từ ngữ để liên kết các câu trong đoạn văn.

2.3. Viết

Nhận diện được đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ.

3. Vận dụng

Đóng vai người dân Khe Sanh, nói hoặc viết được lời cảm ơn gửi tới những người lính đã chiến đấu để trả lại sự bình yên cho quê hương mình.

Từ đó, góp phần hình thành các phẩm chất và năng lực chung.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SGK phóng to.
- Tranh, ảnh, video clip thực tế về Khe Sanh (nếu có).
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ đầu đến “đang xanh trở lại”.
- Thẻ từ, thẻ câu để tổ chức cho HS chơi trò chơi.

2. Học sinh

- Một bài thơ mà em thích.
- Sổ tay Tiếng Việt.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

Độc: Miền đất xanh

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (05 phút)		
– HS hoạt động nhóm nhỏ theo kỹ thuật <i>Ố bi</i> hoặc <i>Băng chuyền</i>, lần lượt trao đổi với bạn về những điều em tưởng tượng ra từ tên bài đọc “Miền đất xanh” (Gợi ý: <i>Vùng đất xanh tốt, phát triển, có nhiều đổi thay; vùng đất chứa đựng nhiều ước mơ, khát vọng;...</i>) – HS đọc tên bài kết hợp quan sát tranh minh họa, liên hệ với nội dung khởi động → phán đoán nội dung bài đọc. → Nghe GV giới thiệu bài học: “Miền đất xanh”.	– Phối hợp với GV và bạn để thực hiện hoạt động. – Nói thành câu, diễn đạt trọn vẹn ý, nội dung theo yêu cầu của GV. – Có kỹ năng phán đoán nội dung bài đọc dựa vào tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.	
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Đọc (30 phút)		
1.1. Luyện đọc (08 phút)		
– HS nghe GV đọc mẫu. – HS đọc nối tiếp từng đoạn hoặc toàn bài đọc, kết hợp nghe GV hướng dẫn trong nhóm hoặc trước lớp: + Cách đọc một số từ ngữ khó: <i>lãng đãng; trầu hạt;...</i> + Cách ngắt nghỉ một số câu dài, thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật: • <i>Khi ấy,/ chúng tôi đã ước ao/ về một đô thị sẽ mọc lên/ trên mảnh đất đầy thương tích chiến tranh,/ nơi đồng đội của tôi hằng ngày dò dẫm gờ mìn,/ huỷ bom để trả lại sự bình yên cho đất.//;</i> • <i>Giống như những người lính đã đi qua chiến tranh/ luôn mang ước vọng hoà bình,/ mỗi người dân Khe Sanh đều thường trực ước vọng được đổi đời/ trên mảnh đất quê hương,/ từ giọt mồ hôi mặn chát của mình.//;...</i> + Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (nếu có). + Bài đọc có thể chia thành hai đoạn để luyện đọc và tìm ý: • Đoạn 1: Từ đầu đến “đang xanh trở lại”. • Đoạn 2: Còn lại. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV nhận xét chung về hoạt động luyện đọc.	– Hình thành kỹ năng đọc thầm kết hợp với nghe, xác định chỗ ngắt, nghỉ, nhấn giọng,... – Đọc to, rõ ràng, đúng các từ khó và ngắt nghỉ hơi đúng ở các câu dài. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	

1.2. Tìm hiểu bài (12 phút) – HS đọc thầm toàn bài, thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả tìm hiểu bài trước lớp: 1. Trong đoạn văn đầu, vẻ đẹp của Khe Sanh được tả bằng những từ ngữ, hình ảnh nào? (Gợi ý: <i>Vẻ đẹp tự nhiên: Có nhiều hồ, đầm tự nhiên, nước trong xanh, đồi thông reo vi vút; Buổi sáng, sương mù bay lững lờ quanh những vườn cà phê, những núi đồi trùng điệp; Buổi trưa nắng chói chang. Vẻ đẹp do con người mang lại: Những vườn cà phê trĩu hạt, rừng chuối xanh bạt ngàn, mọi người vui vẻ trò chuyện.</i>) → Rút ra ý đoạn 1: <i>Khe Sanh đang dần xanh trở lại.</i> 2. Những người lính đã làm gì để trả lại sự bình yên cho Khe Sanh? (Gợi ý: <i>Trong chiến tranh, họ chiến đấu quên mình để bảo vệ sự bình yên cho Khe Sanh. Khi tiếng súng lặng yên, họ hằng ngày dò dẫm gỡ mìn, huỷ bom, trả lại sự bình yên cho đất.</i>) 3. Câu văn cuối bài muốn nói về điều gì? (Gợi ý: <i>Ca ngợi nỗ lực, sự bền bỉ và lòng quyết tâm của những người lính, những người dân để giúp Khe Sanh xanh trở lại và ngày càng phát triển với ước vọng một đô thị sẽ mọc lên.</i>) → Rút ra ý đoạn 2: <i>Công cuộc trả lại bình yên cho Khe Sanh và ước vọng của người dân nơi đây.</i> 4. Những chi tiết, hình ảnh nào trong bài gây ấn tượng đối với em? Vì sao? (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng, VD: <i>Tiếng súng vừa lặng yên trên vùng đất này, những người lính đã dò dẫm gỡ mìn, huỷ bom. Vì chi tiết đó nói lên sự ác liệt của chiến tranh và tôn vinh vẻ đẹp của người bộ đội, dù trong thời bình vẫn kiên nhẫn dò dẫm gỡ mìn, huỷ bom để trả lại màu xanh thuở ban đầu cho Khe Sanh.</i>) → Rút ra nội dung, ý nghĩa của bài đọc. – HS nghe bạn và GV nhận xét, bổ sung. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động tìm hiểu bài.	– Hợp tác với GV và bạn để trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài. – Thông qua tìm hiểu bài, hiểu thêm nghĩa một số từ khó và hiểu nội dung bài.	
1.3. Luyện đọc lại (10 phút) – HS trả lời một vài câu hỏi để nhớ lại nội dung chính của bài và xác định giọng đọc: + Bài đọc nói về điều gì? → <i>Toàn bài đọc với giọng nhẹ nhàng, tha thiết, rành mạch.</i> + Cần nhấn giọng ở những từ ngữ nào? (Gợi ý: <i>Nhấn giọng</i>	– Xác định được giọng đọc trên cơ sở hiểu nội dung bài. – Biết nhấn giọng ở một số từ ngữ quan trọng.	

ở những từ ngữ nói về cảnh thiên nhiên ở Khe Sanh, về hoạt động, suy nghĩ, cảm xúc của người dân nơi đây và tác giả, ...) – HS nghe GV hoặc một bạn đọc lại đoạn 1: <i>Khe Sanh có nhiều hồ,/ đầm <u>tự nhiên</u>,/ nước <u>trong xanh</u>,/ đôi thông reo <u>vì vút</u>.// Buổi sáng,/ sương mù bay <u>lăng đăng</u>/ quán quanh những vườn cà phê <u>trầu hat</u>,/ những núi đồi <u>trùng điệp</u>.// Buổi trưa nắng <u>chói chang</u>,/ hai chàng thanh niên dân tộc Vân Kiều/ <u>vui vẻ trò chuyện</u> cùng chúng tôi.// Hai anh/ là những chủ nhân của rừng chuối xanh <u>bát ngàn</u>/ xung quanh cứ điểm Làng Vây.// Kể từ khi/ tiếng súng <u>lăng yện</u> trên vùng đất này,/ Khe Sanh/ đang xanh trở lại.//</i> – HS luyện đọc lại đoạn 1 trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ. – HS thi đọc đoạn 1 trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động luyện đọc lại.	– Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	
---	---	--

TIẾT 2

Luyện từ và câu: Liên kết các câu trong đoạn văn bằng cách thay thế từ ngữ

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
2. Luyện từ và câu (35 phút)		
2.1. Nhận diện cách liên kết các câu trong đoạn văn bằng cách thay thế từ ngữ (17 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1. – HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để thực hiện yêu cầu, làm bài vào VBT. (Đáp án: a. Từ “nó” thay cho cụm từ “cây đa ản Độ” ở câu văn đứng trước. Tác dụng: liên kết câu văn đứng sau với câu đứng trước và tránh được việc lặp lại từ. b. “Loài chim báo hiệu mùa xuân” thay cho cụm từ “những đàn én” ở câu văn đứng trước. Tác dụng: liên kết câu văn đứng sau với câu đứng trước giúp cho việc diễn đạt uyển chuyển, tránh lặp lại từ.) – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp.	– Hợp tác với bạn để thực hiện yêu cầu. – Nhận diện được cách thay thế từ ngữ để liên kết các câu trong đoạn văn. – Rút ra được ghi nhớ về cách thay thế từ ngữ để liên kết câu trong đoạn văn. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

– HS nghe bạn và GV nhận xét, rút ra những điều em cần ghi nhớ về liên kết câu trong đoạn văn bằng cách thay thế từ ngữ. – 1 – 2 HS nhắc lại ghi nhớ. – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS làm bài vào VBT, sau đó chia sẻ và thống nhất kết quả trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ. (Đáp án: <i>a. Từ “Gà trống” được thay thế bằng cụm từ “Sứ giả của bình minh” ở câu (2) và bằng cụm từ “anh chàng” ở câu (3).</i> <i>b. Tác dụng: Liên kết ba câu với nhau, tránh lặp từ, giúp cho việc miêu tả chú gà trống trở nên sinh động hơn.)</i> – 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.		
2.2. Luyện tập về cách liên kết câu trong đoạn văn bằng cách thay thế từ ngữ (07 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 3. – HS đọc đoạn văn và thảo luận nhóm nhỏ để thực hiện yêu cầu, làm bài vào VBT (Đáp án: <i>Những thảm sao nhỏ xinh ấy; Cô bé; những người bạn dễ thương; Những vạt hoa biêng biếc; người gieo hạt.</i>) – HS chơi <i>Chuyền hoa</i> để chữa bài trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Hợp tác với bạn để tìm từ phù hợp thay thế cho mỗi 🌸. Từ đó, phát triển kĩ năng chọn lọc từ phù hợp với nội dung. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.3. Viết câu nói về việc trồng cây có sử dụng biện pháp thay thế từ ngữ để liên kết câu (11 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 4. – HS làm bài vào VBT, gạch dưới các cặp câu được liên kết bằng cách thay thế từ ngữ. – HS chia sẻ bài làm trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ; nghe bạn nhận xét, góp ý để chỉnh sửa, hoàn thiện bài làm. – 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Viết được câu nói về việc trồng cây có sử dụng biện pháp thay thế từ ngữ để liên kết câu. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

TIẾT 3

Viết: Đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
3. Viết (30 phút)		
3.1. Nhận diện đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ (15 phút) – HS xác định yêu cầu BT 1. – HS đọc đoạn văn, thảo luận trong nhóm nhỏ để trả lời các câu hỏi. (Gợi ý: a. Thể hiện tình cảm, cảm xúc của bạn Hạnh Dương với bài thơ “Bài ca Trái Đất”. b. Nói về cảm nhận chung của bạn khi đọc bài thơ. c. Ở các câu văn tiếp theo, bạn thể hiện cảm xúc: + Về hình ảnh đẹp: quả bóng xanh bay giữa trời xanh; hải âu vờn sóng; bờ cát; các bạn nhỏ nằm châu hồn nhiên, nắm tay ca múa → gợi cảm giác trong trẻo, tươi đẹp, thanh bình. + Về lời thơ, nhịp thơ: ngân vang, giàu nhạc điệu. + Về ý nghĩa của bài thơ: bài ca của niềm tin và hi vọng về hoà bình, lan toả thông điệp hoà bình. + ...) – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, rút ra những điều em cần ghi nhớ về đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc của bản thân về một bài thơ. – 1 – 2 HS nhắc lại ghi nhớ.	– Hợp tác với bạn để thực hiện yêu cầu BT. – Nhận diện được đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ. – Rút ra được những điều cần ghi nhớ về đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc của bản thân về một bài thơ.	
3.2. Chia sẻ với bạn tình cảm, cảm xúc của em về một bài thơ mà em thích (15 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS quan sát các gợi ý, trả lời một vài câu hỏi gợi ý trong nhóm hoặc trước lớp để thực hiện hoạt động: + Em chọn bài thơ đã học nào để giới thiệu? + Bài thơ có nội dung, ý nghĩa gì? + Những hình ảnh, từ ngữ,... nào làm em ấn tượng? + Em có suy nghĩ, cảm xúc gì về ý nghĩa của bài thơ? + ... – HS viết nhanh vào vở nháp dưới dạng sơ đồ tư duy đơn giản hoặc bằng các từ ngữ đơn giản, tránh diễn đạt thành câu.	– Chia sẻ được với bạn tình cảm, cảm xúc của em về một bài thơ mà em thích. – Sử dụng phối hợp các kỹ năng để ghi lại các ý chính. – Phát triển kỹ năng học tập hợp tác; kỹ năng nhận xét, đánh giá.	

– HS chia sẻ kết quả với bạn trong nhóm nhỏ. – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
C. VẬN DỤNG (05 phút)		
– HS xác định yêu cầu của hoạt động: <i>Đóng vai người dân Khe Sanh, nói hoặc viết lời cảm ơn gửi tới những người lính đã chiến đấu để trả lại sự bình yên cho quê hương mình.</i> – HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, thực hiện đóng vai và nói lời cảm ơn trong nhóm. – HS viết lời cảm ơn vào sổ tay Tiếng Việt. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.	– Hợp tác với bạn để thực hiện yêu cầu của hoạt động. – Đóng vai người dân Khe Sanh, viết lời cảm ơn gửi tới những người lính đã chiến đấu để trả lại sự bình yên cho quê hương mình. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

BÀI 5: NHỮNG CON HẠC GIẤY

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Khởi động

Nói được câu giới thiệu về một nhân vật có ý chí, nghị lực mà em biết.

2. Khám phá và luyện tập

2.1. Đọc

– Nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời nhân vật và lời người dẫn chuyện; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Câu chuyện về ước mơ và khát vọng sống của cô bé Xa-đa-kô. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: Lên án chiến tranh, thể hiện khát vọng về một thế giới hoà bình của trẻ em trên toàn thế giới.*

2.2. Luyện từ và câu

Nhận diện được cách dùng từ ngữ nối để liên kết các câu trong đoạn văn.

2.3. Viết

Tìm được ý cho đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ.

3. Vận dụng

Kể lại được câu chuyện “Những con hạc giấy” cho người thân.

Từ đó, góp phần hình thành các phẩm chất và năng lực chung.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SGK phóng to.
- Tranh, ảnh hoặc video clip về đài tưởng niệm Sen-ba-zu-ru (nếu có).
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Xúc động trước” đến hết.
- Thẻ từ, thẻ câu, phiếu học tập để tổ chức cho HS chơi trò chơi.

2. Học sinh:

- Giấy màu để thực hiện hoạt động gấp hạc giấy.
- Tranh, ảnh về một nhân vật có ý chí, nghị lực mà em biết.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

Độc: Những con hạc giấy

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (10 phút)		
– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nói 2 – 3 câu giới thiệu về một nhân vật có ý chí, nghị lực mà em biết (có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh đã chuẩn bị) (Gợi ý: <i>Mạc Đình Chi tuy sinh ra trong nghèo khó nhưng lại vô cùng hiếu học, nhờ tài năng, lòng yêu nước, thương dân Mạc Đình Chi đã làm được nhiều việc có ích cho đất nước,...</i>). – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS đọc tên bài kết hợp quan sát tranh minh họa, liên hệ với nội dung khởi động → phán đoán nội dung bài đọc. → Nghe GV giới thiệu bài học: “Những con hạc giấy”.	– Phối hợp với GV và bạn để thực hiện hoạt động. – Nói thành câu, diễn đạt trọn vẹn ý, nội dung theo yêu cầu của GV. – Có kĩ năng phán đoán nội dung bài đọc dựa vào tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.	
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Đọc (60 phút)		
1.1. Luyện đọc (12 phút) – HS nghe GV đọc mẫu. – HS đọc nối tiếp từng đoạn hoặc toàn bài đọc, kết hợp nghe GV hướng dẫn trong nhóm hoặc trước lớp: + Cách đọc một số từ ngữ khó (nếu có). + Cách ngắt nghỉ một số câu dài:	– Hình thành kĩ năng đọc thầm kết hợp với nghe, xác định chỗ ngắt, nghỉ, nhấn giọng,...	

• <i>Nằm trong bệnh viện/ nhắm đếm từng ngày còn lại của đời mình,/ cô bé ngây thơ tin vào một truyền thuyết nói rằng/ nếu gấp đủ một nghìn con hạc bằng giấy treo quanh phòng,/ em sẽ khỏi bệnh.//;</i> • <i>Trên đỉnh đài tưởng niệm cao chín mét/ là tượng một bé gái/ – mô phỏng hình ảnh Xa-đa-kô/ – giơ cao hai tay nâng một con hạc lớn/ đang dang cánh bay.//;...</i> + Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (nếu có). + Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý: • Đoạn 1: Từ đầu đến “bệnh máu trắng”. • Đoạn 2: Tiếp theo đến “một nghìn con hạc giấy”. • Đoạn 3: Còn lại. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV nhận xét chung về hoạt động luyện đọc.	– Đọc to, rõ ràng, đúng các từ khó và ngắt nghỉ hơi đúng ở các câu dài. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	
1.2. Tìm hiểu bài (20 phút) – HS đọc thầm bài đọc, thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả tìm hiểu bài trước lớp: Câu hỏi phụ: Sự kiện gì đã xảy ra vào ngày 16 tháng 7 năm 1945? Hậu quả của sự việc đó là gì? (Gợi ý: Ngày 16 tháng 7 năm 1945, nước Mỹ chế tạo được bom nguyên tử và quyết định ném cả hai quả bom mới chế tạo xuống thành phố Hi-rô-si-ma và Na-ga-sa-ki của Nhật Bản. Hậu quả: Tính đến cuối năm 1945, tổng số người chết vì hai quả bom và bị nhiễm phóng xạ nguyên tử đã lên đến nửa triệu.) 1. Giới thiệu về cô bé Xa-xa-ki Xa-đa-kô. (Gợi ý: Trước khi bị nhiễm phóng xạ: Xa-xa-ki Xa-đa-kô là một cô bé khoẻ mạnh, nhanh nhẹn; Sau 10 năm nhiễm phóng xạ: sức khoẻ của em bị giảm sút nhanh chóng, phải nằm viện để chữa trị bệnh máu trắng.) → Rút ra ý đoạn 1: Hoàn cảnh của Xa-đa-kô. 2. Tìm những từ ngữ và hình ảnh cho thấy Xa-đa-kô bình tĩnh và hi vọng mình sẽ khỏi bệnh. (Gợi ý: Cô bé ngây thơ tin vào một truyền thuyết nói rằng nếu gấp đủ một nghìn con hạc bằng giấy treo quanh phòng, em sẽ khỏi bệnh; em đã nén đau, miệt mài gấp hạc.) → Rút ra ý đoạn 2: Ý nghĩa của những con hạc giấy và khát vọng sống của Xa-đa-kô. 3. Trẻ em Nhật Bản và học sinh thành phố Hi-rô-si-ma đã làm những việc gì khi biết chuyện về Xa-đa-kô? Em có nhận	– Hợp tác với GV và bạn để trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài. – Thông qua tìm hiểu bài, hiểu thêm nghĩa một số từ khó và hiểu nội dung bài.	

xét gì về những việc làm đó? (Gợi ý: + Khi Xa-đa-kô nằm viện: trẻ em toàn nước Nhật đã tới tập gửi hàng nghìn con hạc giấy đến cho Xa-đa-kô; Sau khi Xa-đa-kô mất đi: học sinh thành phố Hi-rô-si-ma đã quyên góp tiền xây một đài tưởng niệm những nạn nhân bị bom nguyên tử sát hại. + Ý thứ hai của câu hỏi, HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. VD: Việc làm thể hiện tình cảm yêu mến, sự thông cảm, sẻ chia của các bạn nhỏ đồng thời cũng nói lên khát khao cuộc sống hoà bình cho cả thế giới, lên án chiến tranh.) → Rút ra ý đoạn 3: Khát vọng về thế giới hoà bình của trẻ em. 4. Tóm tắt câu chuyện bằng 4 – 5 câu (Gợi ý: HS tóm tắt câu chuyện theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. VD: Sau khi nhiễm phóng xạ nguyên tử, từ một cô bé khoẻ mạnh, nhanh nhẹn, Xa-xa-ki Xa-đa-kô đã bị bệnh máu trắng và phải nằm viện để điều trị. Cô bé tin vào một truyền thuyết cho rằng nếu gấp đủ một nghìn con hạc giấy treo quanh phòng thì em sẽ khỏi bệnh. Mặc dù đã miệt mài gấp được hơn một nghìn con hạc giấy nhưng Xa-đa-kô vẫn không qua khỏi. Xúc động trước cái chết của Xa-đa-kô, học sinh thành phố Hi-rô-si-ma đã quyên góp tiền xây một đài tưởng niệm những nạn nhân bị bom nguyên tử sát hại.) 5. Bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc của em khi đọc dòng chữ khắc dưới chân tượng đài. (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. VD: Những dòng chữ khắc dưới chân tượng đài thể hiện khát khao cuộc sống hoà bình và là lời lên án chiến tranh mạnh mẽ của các bạn nhỏ.) → Rút ra nội dung, ý nghĩa của bài đọc. – HS nghe bạn và GV nhận xét, bổ sung. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động tìm hiểu bài.		
1.3. Luyện đọc lại (15 phút) – HS trả lời một vài câu hỏi để nhớ lại nội dung chính của bài và xác định giọng đọc: + Bài đọc nói về điều gì? → Toàn bài đọc giọng nhẹ nhàng, chậm rãi, tình cảm, trầm lắng. + Cần nhấn giọng ở những từ ngữ nào? (Gợi ý: Nhấn giọng ở những từ ngữ bộc lộ cảm xúc). – HS nghe GV hoặc một bạn đọc lại đoạn 3:	– Xác định được giọng đọc trên cơ sở hiểu nội dung bài. – Biết nhấn giọng ở một số từ ngữ quan trọng. – Nhận xét được cách đọc của mình và của	

<u>Xúc động trước cái chết của Xa-đa-kô</u>,/ học sinh thành phố <u>Hi-rô-si-ma</u> đã <u>quyên góp tiền</u>/ xây một đài <u>tượng niệm</u> những nạn nhân bị bom nguyên tử <u>sát hại</u>./ Năm 1958,/ <u>Tượng đài Hoà bình cho trẻ em</u>,/ còn được gọi là <u>tháp Sen-ba-zu-ru</u>/ (“Ngàn cánh hạc”),/ được dựng lên ở <u>Công viên Hoà bình của thành phố</u>./ Trên đỉnh <u>đài tượng niệm</u> cao <u>chín mét</u>/ là <u>tượng một bé gái</u>/ – mô phỏng hình ảnh <u>Xa-đa-kô</u>/ – <u>giơ cao hai tay nâng một con hạc lớn</u>/ đang <u>đang cánh bay</u>./ Dưới <u>tượng đài</u> <u>khắc</u> những lời <u>thơ thiết</u>:/ <u>Chúng em kêu gọi</u>/ <u>Chúng em nguyện cầu</u>:/ <u>Hoà bình cho thế giới</u>!// – HS luyện đọc lại đoạn 3 trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ. – 2 – 3 HS thi đọc đoạn 3 trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động luyện đọc lại.	bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	
1.4. Cùng sáng tạo (13 phút) – HS xác định yêu cầu của hoạt động: <i>Gấp hạc giấy và viết lên hạc giấy một điều ước hoặc thông điệp về thế giới hoà bình, hạnh phúc.</i> – HS hoạt động cá nhân, gấp hạc giấy theo hướng dẫn của GV, viết lên hạc giấy một điều ước hoặc thông điệp về thế giới hoà bình, hạnh phúc. – HS xác định yêu cầu của hoạt động 2: <i>Chia sẻ với bạn về thông điệp đã viết.</i> – HS chia sẻ kết quả trong nhóm dưới dạng <i>Phòng tranh nhỏ</i>. – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Hợp tác với bạn và GV để thực hiện hoạt động. – Gấp được hạc giấy và viết được điều ước hoặc thông điệp về thế giới hoà bình, hạnh phúc. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

TIẾT 3

Luyện từ và câu: Liên kết các câu trong đoạn văn bằng cách dùng từ ngữ nối

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
2. Luyện từ và câu (35 phút)		
2.1. Nhận diện cách liên kết các câu trong đoạn văn bằng cách dùng từ ngữ nối (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1.		

– HS thảo luận nhóm 4 để thực hiện yêu cầu. (Đáp án: + <i>Mỗi từ ngữ in đậm có tác dụng nối các câu trong từng đoạn văn. (Lưu ý: “Đến khi chị gió gọi nhắc” cũng có tác dụng nối các câu nhưng không phải là “từ ngữ nối”).</i> + <i>Một số từ ngữ có tác dụng nối: hơn nữa, mặt khác, đồng thời, thêm vào đó, ...)</i> – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, rút ra nội dung ghi nhớ về liên kết các câu trong đoạn văn bằng cách dùng từ ngữ nối. – 1 – 2 HS đọc lại ghi nhớ.	– Hợp tác với bạn để thực hiện các yêu cầu của BT. – Rút ra được cách dùng từ ngữ nối để liên kết các câu trong đoạn văn. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.2. Xác định từ ngữ nối đã được dùng để liên kết các câu trong đoạn văn (05 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS thảo luận nhóm đôi, làm bài vào VBT (Đáp án: <i>Còn, Nhưng, Không những thế</i>). – HS chơi <i>Chuyên hoa</i> để chữa bài trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Hợp tác với bạn để thực hiện yêu cầu BT. – Xác định được từ ngữ nối đã được dùng để liên kết các câu trong đoạn văn. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.3. Tìm một từ ngữ nối thay cho ☼ để liên kết các câu trong đoạn văn (08 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 3. – HS hoạt động nhóm nhỏ để thực hiện yêu cầu bằng kỹ thuật <i>Khăn trải bàn</i>. (Gợi ý: <i>a. Bỗng nhiên (Bỗng); Và (Thế là/ Rồi)</i> <i>b. Nhưng (Thế nhưng); Và (Rồi)</i> – 2 – 3 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Hợp tác với bạn để thực hiện yêu cầu BT. – Tìm được từ ngữ nối để liên kết các câu trong đoạn văn. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.3. Viết câu về sự thay đổi của bầu trời, cây cối,... khi mùa xuân đến, có sử dụng từ ngữ có tác dụng nối để liên kết các câu (12 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 4. – HS làm bài vào VBT, gạch dưới các từ ngữ nối để liên kết câu. – 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Viết được câu về sự thay đổi của bầu trời, cây cối,... khi mùa xuân đến, trong đó có sử dụng từ ngữ có tác dụng nối để liên kết các câu.	

	– Chỉnh sửa, mở rộng câu dựa vào nhận xét của bạn và GV. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
--	---	--

TIẾT 4

Viết: Tìm ý cho đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc trước một bài thơ

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
3. Viết (30 phút)		
3.1. Tìm, sắp xếp và ghi lại những ý chính cho đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc trước một bài thơ (18 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1. – HS đọc đề bài và các gợi ý, nhớ lại các nội dung ở tiết trước (có thể kết hợp đọc lại bài thơ). – HS trả lời một vài câu hỏi gợi ý trong nhóm hoặc trước lớp để thực hiện hoạt động: + Em chọn thể hiện tình cảm, cảm xúc với bài thơ nào? Của tác giả nào? + Em có ấn tượng gì về bài thơ? + Bài thơ có nội dung hoặc những từ ngữ, hình ảnh,... nào khiến em thích thú? + Em dùng những từ ngữ nào để chỉ tình cảm, cảm xúc về nội dung hoặc những từ ngữ, hình ảnh,... đó? + Em có suy nghĩ gì sau khi đọc bài thơ? + ... – HS chia sẻ kết quả trong nhóm nhỏ, nghe bạn nhận xét, góp ý để chỉnh sửa từ ngữ, mở rộng, phát triển ý, hoàn thiện phần ghi chép. – HS làm bài vào VBT hoặc <i>Phiếu học tập</i>. (Lưu ý: HS có thể kết hợp quan sát hình ảnh, video clip về câu chuyện và ghi chép vắn tắt bằng các từ ngữ dưới dạng sơ đồ tư duy đơn giản, tránh diễn đạt thành câu.) – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Tìm, sắp xếp và ghi lại những ý chính cho đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc trước một bài thơ theo gợi ý. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
3.2. Viết câu giới thiệu bài thơ (12 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2.		

– HS nhớ lại nội dung đã thực hiện ở BT 1, làm bài vào VBT. – HS chia sẻ kết quả trong nhóm 3, nghe bạn nhận xét, góp ý để chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết. – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Viết được câu giới thiệu bài thơ mà em thích. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
C. VẬN DỤNG (05 phút)		
– HS xác định yêu cầu của hoạt động: <i>Kể lại câu chuyện “Những con hạc giấy” cho người thân.</i> – GV hướng dẫn HS thực hiện hoạt động kể chuyện ở nhà. – Một nhóm HS làm mẫu trước lớp. – HS nghe GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.	– Hợp tác với GV để thực hiện yêu cầu. – Nhớ lại nội dung chính của câu chuyện và kể lại được cho người thân. – Kể chuyện kết hợp, ngữ điệu phù hợp, thái độ mạnh dạn, tự tin.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

BÀI 6: LỄ HỘI ĐÈN LÒNG NỔI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Khởi động

Trao đổi được với bạn về những điều quan sát từ ảnh minh hoạ bài đọc.

2. Khám phá và luyện tập

2.1. Đọc

– Nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Lễ hội đèn lồng nổi ở Ha-oai là một lễ hội ý nghĩa, thể hiện hi vọng về một thế giới hoà bình, hạnh phúc.*

2.2. Nói và nghe

Thảo luận được theo chủ đề *Bạn bè mến thương*.

2.3. Viết

Viết được đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ.

3. Vận dụng

Tìm hiểu và giới thiệu được về một hoạt động vì hoà bình.

Từ đó, góp phần hình thành các phẩm chất và năng lực chung.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SGK phóng to.
- Một số hình ảnh, video clip về các hoạt động ở lễ hội đèn lồng nổi ở Ha-oai (nếu có).
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Sau đó, đèn lồng” đến hết.

2. Học sinh:

- Tranh, ảnh về những việc cần làm để chung sống yêu thương (nếu có).
- Ảnh chụp, video clip, thông tin về một hoạt động vì hoà bình (nếu có).
- Sổ tay Tiếng Việt.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

Đọc: Lễ hội đèn lồng nổi

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (05 phút)		
– HS hoạt động nhóm nhỏ, quan sát ảnh minh hoạ bài đọc và cùng bạn trao đổi về những điều quan sát được dựa vào gợi ý: + Những điều quan sát được gợi cho em nghĩ đến hoạt động gì? + Theo em, hoạt động đó có gì thú vị? + ... – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS đọc tên bài kết hợp quan sát tranh minh hoạ, liên hệ với nội dung khởi động → phán đoán nội dung bài đọc. → Nghe GV giới thiệu bài học: “Lễ hội đèn lồng nổi”.	– Phối hợp với GV và bạn để thực hiện hoạt động. – Nói thành câu, diễn đạt trọn vẹn ý, nội dung theo yêu cầu của GV. – Có kĩ năng phán đoán nội dung bài đọc dựa vào tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.	
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Đọc (30 phút)		
1.1. Luyện đọc (08 phút) – HS nghe GV đọc mẫu. – HS đọc nối tiếp từng đoạn hoặc toàn bài đọc, kết hợp nghe GV hướng dẫn trong nhóm hoặc trước lớp: + Cách đọc một số từ ngữ khó (nếu có). + Cách ngắt nghỉ một số câu dài:	– Hình thành kĩ năng đọc thầm kết hợp với nghe, xác định chỗ ngắt, nghỉ, nhấn giọng,...	

• Những chiếc đèn lồng toả sáng trên mặt nước/ cũng mang theo hi vọng sức khoẻ/ và bình an cho mọi người.//; • Với thông điệp hướng tới thế giới hoà bình,/ ấm áp,/ mỗi năm,/ lễ hội thu hút hơn 50 000 người tham gia/ với hơn 6 000 chiếc đèn lồng được thắp sáng.//;... + Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (nếu có). + Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý: • Đoạn 1: Từ đầu đến “tươi sáng hơn”. • Đoạn 2: Tiếp theo đến “lời chúc”. • Đoạn 3: Còn lại. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV nhận xét chung về hoạt động luyện đọc.	– Đọc to, rõ ràng, đúng các từ khó và ngắt nghỉ hơi đúng ở các câu dài. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	
1.2. Tìm hiểu bài (14 phút) – HS đọc thầm toàn bài, thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi, có thể trình bày kết quả bằng sơ đồ đơn giản. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả tìm hiểu bài trước lớp: 1. Đoạn đầu giới thiệu những thông tin gì về lễ hội đèn lồng nổi tại Ha-oai? (Gợi ý: <i>Lễ hội đèn lồng nổi tại Ha-oai được tổ chức lần đầu tiên vào năm 1999, do bà Sin-xô i-tô khởi xướng. Hành động thả đèn lồng lên dòng nước thể hiện niềm hi vọng một thế giới tươi sáng hơn.</i>) → Rút ra ý đoạn 1: <i>Giới thiệu về lễ hội đèn lồng nổi tại Ha-oai.</i> 2. Nói về mỗi hoạt động trong lễ hội bằng 1 – 2 câu. (Gợi ý: HS nói về mỗi hoạt động trong lễ hội theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. VD: <i>Hoạt động bắt đầu lễ hội rất thú vị với tiếng thổi pũ. Nghi thức thả sáu chiếc đèn lồng là lời cầu nguyện đến những nạn nhân của chiến tranh, những người gặp thiên tai, nạn đói hay bệnh tật và những loài động, thực vật có nguy cơ tuyệt chủng. Hoạt động kết thúc lễ hội thật ấn tượng với hình ảnh hàng nghìn chiếc đèn lồng sáng lung linh, thả trôi trên biển cùng với những lời nguyện cầu, lời chúc;...</i>) → Rút ra ý đoạn 2: <i>Chương trình hoạt động của lễ hội.</i> 3. Hoạt động sau khi lễ hội khép lại nói lên điều gì? (Gợi ý: <i>Hoạt động sau khi lễ hội kết thúc nói lên tinh thần trách nhiệm, ý thức bảo vệ môi trường của người dân.</i>) → Rút ra ý đoạn 3: <i>Ý nghĩa lễ hội đèn lồng nổi tại Ha-oai.</i>	– Hợp tác với GV và bạn để trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài. – Thông qua tìm hiểu bài, hiểu thêm nghĩa một số từ khó và hiểu nội dung bài.	

4. Theo em, vì sao lễ hội thu hút nhiều người tham gia? (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. VD: <i>Vì thông điệp và ý nghĩa nhân văn của lễ hội hướng tới;...</i>) → Rút ra nội dung của bài đọc. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động tìm hiểu bài.		
1.3. Luyện đọc lại (08 phút) – HS trả lời một vài câu hỏi để nhớ lại nội dung chính của bài và xác định giọng đọc: + Bài đọc nói về điều gì? → <i>Toàn bài đọc với giọng thông thả, rõ ràng, rành mạch.</i> + Cần nhấn giọng ở những từ ngữ nào? (Gợi ý: <i>Nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ hoạt động và ý nghĩa của hoạt động được tổ chức,....</i>) – HS nghe GV hoặc một bạn đọc lại đoạn 3: <i>Sau đó,/ đèn lồng sẽ được <u>thu gom</u>,/ <u>làm sạch</u> và <u>cất giữ</u>/ để dùng cho những năm sau.//</i> <i>Với thông điệp hướng tới thế giới <u>hoà bình</u>,/ <u>ấm áp</u>,/ mỗi năm,/ lễ hội <u>thu hút</u> hơn 50 000 người <u>tham gia</u>/ với hơn 6 000 chiếc đèn lồng được <u>thắp sáng</u>.// Đây là dịp để người thân,/ bạn bè/ và cả những người không quen biết/ <u>gắn bó</u> với nhau trong sự <u>chia sẻ</u>,/ cùng <u>mở lòng</u> để <u>đùm bọc</u> và <u>yêu thương</u>.//</i> – HS luyện đọc lại đoạn 3 trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ. – HS thi đọc đoạn 3 trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động luyện đọc lại.	– Xác định được giọng đọc trên cơ sở hiểu nội dung bài. – Biết nhấn giọng ở một số từ ngữ quan trọng. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	

TIẾT 2

Nói và nghe: Thảo luận theo chủ đề *Bạn bè mến thương*

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
2. Nói và nghe (35 phút)		
2.1. Bày tỏ suy nghĩ sau khi đọc bài thơ (07 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1. – HS đọc bài thơ và thực hiện yêu cầu trong nhóm bằng kỹ thuật <i>Ô bi</i> hoặc <i>Băng chuyền</i> theo gợi ý: + Nội dung của bài thơ là gì?	– Nêu được suy nghĩ cá nhân sau khi đọc bài thơ.	

+ Em có suy nghĩ gì sau khi đọc bài thơ? + ... – 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Chủ động, mạnh dạn, tự tin khi nói trong nhóm, trước lớp. – Nhận xét được nội dung nói của bạn.	
2.2. Thảo luận về những việc cần làm để chung sống yêu thương (20 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS thực hành thảo luận về những việc em và các bạn cần làm để cùng chung sống yêu thương trong nhóm nhỏ dựa vào các gợi ý (có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh đã chuẩn bị): + Trong học tập; + Lúc vui chơi; + Khi bạn có niềm vui; + Lúc bạn gặp khó khăn, hoạn nạn; + ... – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Phát triển kỹ năng học tập hợp tác; kỹ năng nhận xét, đánh giá. – Phát triển kỹ năng sắp xếp ý, nói thành đoạn, bài theo chủ đề; kiểm soát tốc độ, âm lượng nói và sử dụng hiệu quả các yếu tố phi ngôn ngữ. – Chủ động, mạnh dạn, tự tin khi nói trong nhóm, trước lớp.	
2.3. Ghi lại một vài việc làm mà em và các bạn đã thảo luận ở bài tập 2 (08 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 3. – HS thực hành thảo luận trong nhóm nhỏ dựa vào các gợi ý, ghi lại một vài việc làm đã thảo luận vào sổ tay Tiếng Việt. (Lưu ý: GV có thể kết hợp kỹ năng nghe – ghi ở BT 2 dưới dạng sơ đồ tư duy đơn giản. HS chỉ ghi từ, không ghi thành câu). – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Phát triển kỹ năng học tập hợp tác; kỹ năng nhận xét, đánh giá; kỹ năng tóm tắt thông tin bằng sơ đồ đơn giản. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

TIẾT 3

Viết: Viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
3. Viết (30 phút)		
3.1. Thực hành viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một bài thơ đã học (15 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1. – HS đọc đề bài và đọc các gợi ý, nhớ lại nội dung ở tiết	– Sử dụng phối hợp các kỹ năng trên cơ sở tái	

trước (có thể kết hợp đọc lại bài thơ). – HS hoạt động cá nhân, viết đoạn văn vào VBT. – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS đọc lại đoạn văn, chỉnh sửa và hoàn thiện đoạn văn đã viết (nếu có) dựa trên các gợi ý: + Các câu văn đã được sắp xếp theo trình tự phù hợp hay chưa? + Em đã dùng những từ ngữ, câu văn nào để thể hiện cảm xúc? + ... – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	hiện lại những nội dung, cảm nhận đã có kết hợp với tranh ảnh,... để tìm ý cho đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về bài thơ. – Phát triển kỹ năng học tập hợp tác; kỹ năng sắp xếp ý thành đoạn theo chủ đề; kỹ năng nhận xét, đánh giá.	
3.2. Chia sẻ trong nhóm, nghe bạn nhận xét và hoàn chỉnh đoạn văn (15 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 3. – HS chia sẻ bài viết bằng kỹ thuật <i>Phòng tranh</i>. – HS nhận xét bài của bạn dựa trên các gợi ý: sắp xếp ý, dùng từ, viết câu, chính tả,... (có thể viết nhanh vào nháp những điều cần điều chỉnh ở bài làm của bạn). – HS đọc các nhận xét, hoàn thiện bài làm dựa vào nhận xét của bạn (nếu cần). – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Phát triển kỹ năng học tập hợp tác; kỹ năng nhận xét, đánh giá. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
C. VẬN DỤNG (05 phút)		
– HS xác định yêu cầu của hoạt động: <i>Tìm hiểu và giới thiệu về một hoạt động vì hoà bình.</i> – HS nghe GV hướng dẫn cách thực hiện hoạt động ở nhà: + Suru tầm tranh, ảnh về một hoạt động vì hoà bình. + Tìm hiểu thông tin và ý nghĩa của hoạt động đó. + Ghi chép các thông tin chính vào sổ tay Tiếng Việt. + ... – Trang trí sổ tay và dán ở <i>Góc Sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt.</i> – 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp về một hoạt động (có thể kết hợp sử dụng ảnh chụp hoặc video clip đã chuẩn bị). – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.	– Giới thiệu được một hoạt động vì hoà bình. – Phát triển kỹ năng chọn lọc thông tin. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

BÀI 7: THEO CHÂN BÁC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Khởi động

Nói được về sự kiện lịch sử gắn với các thông tin đã cho.

2. Khám phá và luyện tập

2.1. Đọc

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng nhịp thơ, đúng logic ngữ nghĩa, đúng mạch cảm xúc của bài thơ; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Tái hiện quang cảnh ngày Bác Hồ đọc bản Tuyên ngôn Độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ở quảng trường Ba Đình. Từ đó, rút ra ý nghĩa: Ca ngợi niềm vui độc lập, lòng tự hào dân tộc và tình cảm thiêng liêng mà người dân dành cho vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc cũng như tình cảm của Bác dành cho nhân dân cả nước.* Học thuộc lòng được bài thơ.

– Tìm đọc được một bản tin hoặc bài viết về một hoạt động giao lưu giữa thiếu nhi các nước hoặc về một hành động vì hoà bình; viết được *Nhật kí đọc sách*; thi “Bình luận viên nhí”: đọc và bình luận về bản tin hoặc bài viết; ghi chép tóm tắt về một bản tin hoặc bài viết được bạn chia sẻ.

2.2. Luyện từ và câu

Luyện tập được về liên kết câu trong đoạn văn.

2.3. Viết

Nhận diện được đoạn văn giới thiệu về nhân vật trong một cuốn sách đã đọc.

3. Vận dụng

Sưu tầm được bài thơ, bài hát nói về hoà bình; chia sẻ được với bạn cảm xúc của em về bài thơ, bài hát đó.

Từ đó, góp phần hình thành các phẩm chất và năng lực chung.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SGK phóng to.
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi bài thơ.
- Danh sách gợi ý bản tin hoặc bài viết thuộc chủ đề “Khúc ca hoà bình”, hướng dẫn tìm kiếm bản tin hoặc bài viết trên internet.
- Thẻ từ, thẻ câu cho HS thực hiện các BT luyện từ và câu.

2. Học sinh

- Bản tin hoặc bài viết phù hợp với chủ đề “Khúc ca hoà bình” đã đọc và *Nhật kí đọc sách*.
- Bài thơ, bài hát,... nói về hoà bình.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

Độc: Theo chân Bác

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (05 phút)		
– HS chơi <i>Đố vui</i> trong nhóm nhỏ: hỏi đáp với bạn những điều mà em biết về sự kiện lịch sử gắn với các thông tin đã cho (Gợi ý: <i>Các thông tin đã cho gợi nhắc về ngày 02/9/1945 – ngày Bác Hồ đọc bản Tuyên ngôn Độc lập tại quảng trường Ba Đình lịch sử – khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.</i>). – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS đọc tên bài kết hợp quan sát tranh minh hoạ, liên hệ với nội dung khởi động → phán đoán nội dung bài đọc. → Nghe GV giới thiệu bài học: “Theo chân Bác”.	– Phối hợp với GV và bạn để thực hiện hoạt động. – Nói thành câu, diễn đạt trọn vẹn ý, nội dung theo yêu cầu của GV. – Có kĩ năng phán đoán nội dung bài đọc dựa vào tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.	
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Đọc (65 phút)		
1.1. Đọc bài thơ (40 phút)		
1.1.1. Luyện đọc (10 phút) – HS nghe GV đọc mẫu. – HS đọc nối tiếp từng khổ thơ hoặc toàn bài thơ, kết hợp nghe GV hướng dẫn trong nhóm hoặc trước lớp: + Cách đọc một số từ ngữ khó (nếu có). + Cách ngắt nghỉ một số dòng thơ: <i>Người đọc Tuyên ngôn...// Rồi chợt hỏi://</i> <i>“Đồng bào/ nghe tôi nói rõ không?”//</i> <i>Ôi câu hỏi,/ hơn một lời kêu gọi/</i> <i>Rất đơn sơ/ mà ấm bao lòng!//</i> <i>Cả muôn triệu/ một lời đáp:// “Có!”//</i> <i>Như Trường Sơn/ say gió biển Đông/</i> <i>Vâng,/ Bác nói,/ chúng con nghe rõ,/</i> <i>Mỗi tiếng/ Người/ mang nặng núi sông.//</i> + Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (nếu có). + Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý: • Đoạn 1: Khổ thơ đầu. • Đoạn 2: Khổ thơ thứ hai, thứ ba, thứ tư.	– Hình thành kĩ năng đọc thầm kết hợp với nghe, xác định chỗ ngắt, nghỉ, nhấn giọng,... – Đọc to, rõ ràng, đúng các từ khó và ngắt nghỉ hơi đúng nhịp thơ. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	

• Đoạn 3: Còn lại. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV nhận xét chung về hoạt động luyện đọc.		
1.1.2. Tìm hiểu bài (18 phút) – HS đọc thầm bài thơ, thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi, có thể ghi lại câu trả lời bằng sơ đồ đơn giản. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả tìm hiểu bài trước lớp: 1. Khung cảnh quảng trường Ba Đình vào buổi sáng mờng hai tháng Chín được miêu tả như thế nào? (Gợi ý: <i>Cảnh vật: khắp Thủ đô tràn ngập những bông hoa rực rỡ cùng với ánh nắng vàng ấm áp; Con người: người dân Thủ đô im lặng chờ Bác cất giọng nói và đồng loạt khắp mọi nơi cùng hô vang tên Bác: “Hồ Chí Minh! Hồ Chí Minh!”</i>.) → Rút ra ý đoạn 1: <i>Khung cảnh tung bừng vào sáng mờng hai tháng Chín.</i> 2. Lời nói và việc làm của Bác Hồ ở khổ thơ 2 và 3 gợi cho em những suy nghĩ, cảm xúc gì? (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. VD: <i>Lời nói và việc làm của Bác Hồ ở khổ thơ 2 và 3 gợi ra hình ảnh thân thuộc, bình dị của Bác, thể hiện lòng thương dân, yêu nước của Bác.</i>) 3. Tình cảm của Nhân dân dành cho Bác Hồ được thể hiện qua những dòng thơ nào? (Gợi ý: <i>Tình cảm của Nhân dân dành cho Bác Hồ được thể hiện qua những dòng thơ: Bỗng vang lên tiếng hát ân tình/ Hồ Chí Minh! Hồ Chí Minh!; Cả muôn triệu một lời đáp: “Có!”/ Như Trường Sơn say gió biển Đông/ Vâng, Bác nói, chúng con nghe rõ,/ Mỗi tiếng Người mang nặng núi sông.</i>) → Rút ra ý đoạn 2: <i>Miêu tả cảnh Bác Hồ đọc Tuyên ngôn Độc lập và tình cảm của người dân dành cho Bác.</i> 4. Nêu ý nghĩa bài thơ. (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. VD: <i>Bài thơ ca ngợi độc lập, niềm tự hào dân tộc và tình cảm thiêng liêng mà người dân dành cho vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc cũng như tình cảm của Bác dành cho nhân dân cả nước.</i>) → Rút ra ý đoạn 3: <i>Khẳng định nước Việt Nam là một nước độc lập, có chủ quyền.</i> → Rút ra nội dung, ý nghĩa của bài đọc. – HS nghe bạn và GV nhận xét, bổ sung. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động tìm hiểu bài.	– Hợp tác với GV và bạn để trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài. – Thông qua tìm hiểu bài, hiểu thêm nghĩa một số từ khó và hiểu nội dung, ý nghĩa của bài thơ.	

1.1.3. Luyện đọc lại (12 phút) – HS trả lời một vài câu hỏi để nhớ lại nội dung chính của bài và xác định giọng đọc: + Bài đọc nói về điều gì? → <i>Toàn bài đọc với giọng trong sáng, vui tươi, phấn khởi.</i> + Cần nhấn giọng ở những từ ngữ nào? (Gợi ý: <i>Nhấn giọng ở những từ ngữ miêu tả hình ảnh, dáng vẻ, hoạt động, tình cảm của Bác Hồ và người dân, ...</i>) – HS nghe GV hoặc một bạn đọc lại ba khổ thơ cuối: <i>Người đọc Tuyên ngôn...// Rồi chợt hỏi://</i> <i>“Đồng bào/ nghe tôi nói rõ không?”//</i> <i>Ôi câu hỏi,/ hơn một lời kêu gọi/</i> <i>Rất đơn sơ/ mà ám bao lòng!//</i> <i>Cả muôn triệu/ một lời đáp:// “Có!”//</i> <i>Như Trường Sơn/ say gió biển Đông/</i> <i>Vâng/, Bác nói,/ chúng con nghe rõ,/</i> <i>Mỗi tiếng/ Người/ mang nắng núi sông.//</i> <i>Trời bỗng xanh hơn,/ nắng chói lòà/</i> <i>Ta nhìn lên Bác/, Bác nhìn ta/</i> <i>Bốn phương/ chắc cũng nhìn ta đó/</i> <i>Nước Việt Nam/ Dân chủ/ Cộng hoà!//</i> – HS tự nhẩm thuộc → đọc trong nhóm, trước lớp ba khổ thơ cuối và toàn bài thơ (có thể thực hiện sau giờ học). – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động luyện đọc lại.	– Xác định được giọng đọc trên cơ sở hiểu nội dung bài. – Biết nhấn giọng ở một số từ ngữ quan trọng, dựa vào cách hiểu để ngắt nghỉ đúng nhịp thơ. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có). – Biết cách tự nhẩm thuộc từng đoạn và toàn bài thơ.	
--	---	--

Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách
Chủ điểm “Khúc ca hoà bình”

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
1.2. Đọc mở rộng (25 phút)		
1.2.1. Tìm đọc bản tin hoặc bài viết – HS đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một bản tin hoặc bài viết phù hợp với chủ điểm “Khúc ca hoà bình” theo hướng dẫn của GV trước buổi học khoảng một tuần. HS có thể đọc sách, báo giấy hoặc tìm kiếm trên internet bản tin hoặc bài viết phù hợp dựa vào gợi ý về chủ đề:	Hình thành thói quen đọc sách, kĩ năng chọn lọc và chia sẻ thông tin đọc được.	

+ Về một hoạt động giao lưu giữa thiếu nhi các nước (Gợi ý: <i>Trại hè thiếu nhi; Cuộc thi dành cho thiếu nhi;...</i>). + Về một hành động vì hoà bình (Gợi ý: <i>Chuyến thăm hữu nghị giữa các nước; Thành lập các tổ chức vì hoà bình;...</i>). + ... – HS chuẩn bị bản tin hoặc bài viết để mang tới lớp chia sẻ.		
1.2.2. Viết Nhật kí đọc sách – HS viết vào <i>Nhật kí đọc sách</i> những điều em ghi nhớ sau khi đọc bản tin/ bài viết: tên bản tin/ bài viết, tên tác giả, câu chủ đề, thông tin chính,... – HS có thể trang trí <i>Nhật kí đọc sách</i> đơn giản theo nội dung chủ điểm hoặc nội dung bản tin/ bài viết.	Hình thành kĩ năng chọn lọc thông tin đọc được, thói quen và kĩ năng ghi chép <i>Nhật kí đọc sách</i>.	
1.2.3. Chia sẻ về bản tin, bài viết đã đọc (12 phút) – HS trao đổi bản tin hoặc bài viết cho bạn trong nhóm để cùng đọc. – HS chia sẻ về <i>Nhật kí đọc sách</i> của mình. – HS nghe góp ý của bạn, chỉnh sửa, hoàn thiện <i>Nhật kí đọc sách</i>. – HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về hình thức (cách trình bày, sắp xếp thông tin,...) của bản tin hoặc bài viết đã đọc,... – Bình chọn một số <i>Nhật kí đọc sách</i> sáng tạo và dán vào <i>Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt</i>.	– Phát triển kĩ năng hợp tác nhóm, kĩ năng chia sẻ thông tin; năng lực cảm thụ văn học thông qua việc chia sẻ về chi tiết yêu thích và giải thích lí do. – Hợp tác với bạn để thực hiện hoạt động.	
1.2.4. Thi “Bình luận viên nhí” (08 phút) – HS xác định yêu cầu BT. – Mỗi nhóm đại diện một HS tham gia thi “Bình luận viên nhí”: Đọc và bình luận 2 – 3 câu về bản tin hoặc bài viết. – HS nhận xét và bình chọn dựa trên các tiêu chí: + Bản tin hoặc bài viết đúng chủ đề. + Giọng đọc rõ ràng. + Có rút ra ý nghĩa hoặc bài học giáo dục. + Kết hợp điệu bộ, cử chỉ, giọng nói. + ... – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Đọc và trao đổi được với bạn về thông tin chính của bản tin hoặc bài viết. – Chủ động, mạnh dạn, tự tin khi nói trong nhóm, trước lớp. – Nhận xét được nội dung nói của mình và của bạn dựa trên các tiêu chí đã đưa ra.	
1.2.5. Ghi chép tóm tắt về một truyện được nghe chia sẻ (05 phút) – HS có thể ghi chép một vài thông tin chính về từ bản tin hoặc bài viết được bạn chia sẻ mà em thích: tên bản tin/ bài viết, tên tác giả, câu chủ đề, thông tin chính,...	Phát triển kĩ năng nghe – ghi, kĩ năng tóm	

(Lưu ý: Việc ghi chép có thể thực hiện song song hoặc sau khi nghe bạn chia sẻ.) – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	tất thông tin bằng sơ đồ đơn giản.	
---	------------------------------------	--

TIẾT 3

Luyện từ và câu: Luyện tập về liên kết câu trong đoạn văn

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
2. Luyện từ và câu (35 phút)		
2.1. Xác định từ ngữ dùng để liên kết câu (06 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1. – HS hoạt động nhóm đôi để thực hiện yêu cầu, làm bài vào VBT. (Gợi ý: “mùa hạ” ở câu ① được lặp lại ở câu ② → liên kết câu ① và câu ②; “Nhưng” liên kết câu ③ và câu ④; “mùa của nắng vàng rực rỡ” ở câu ④ thay cho “mùa hạ” ở câu ① và câu ② → liên kết câu ④ với câu ① và câu ②.) – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Hợp tác với bạn để thực hiện các yêu cầu của BT. – Xác định được từ ngữ dùng để liên kết các câu trong đoạn văn. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.2. Chọn một từ phù hợp trong khung thay cho mỗi (07 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS hoạt động nhóm nhỏ theo kĩ thuật <i>Khăn trải bàn</i> để thực hiện yêu cầu (Đáp án: chào mào (chúng); Chúng; Rồi.). – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Hợp tác với bạn để thực hiện yêu cầu BT. – Tìm được từ ngữ phù hợp để liên kết các câu trong đoạn văn. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.3. Phát hiện lỗi liên kết câu và chữa lỗi (08 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 3. – HS thảo luận nhóm 4 để thực hiện yêu cầu, làm bài vào VBT. (Đáp án: a. Dùng sai từ ngữ có tác dụng nối → thay “Sau đó” bằng “Ngoài ra”. b. Dùng sai từ ngữ có tác dụng nối → thay “Đây” ở câu thứ 2 và câu thứ 3 bằng “Đó”.) – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Hợp tác với bạn để thực hiện yêu cầu của BT. – Phát hiện và chữa được lỗi sai khi liên kết câu. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

2.4. Viết đoạn văn giới thiệu lễ hội đèn lồng nổi tại Ha-oai (15 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 4. – HS nhớ lại nội dung bài đọc “Lễ hội đèn lồng nổi”, làm bài vào VBT. – HS chia sẻ kết quả trong nhóm 3, chỉ ra được biện pháp liên kết câu đã sử dụng, nghe bạn nhận xét, góp ý để chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết. – 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Viết được đoạn văn giới thiệu lễ hội đèn lồng nổi tại Ha-oai, trong đó có ít nhất hai câu được liên kết với nhau bằng cách lặp hoặc thay thế từ ngữ. – Hợp tác với bạn để nhận xét, đánh giá sản phẩm của mình và của bạn.	
--	---	--

TIẾT 4

Viết: Đoạn văn giới thiệu về nhân vật trong một cuốn sách đã đọc

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
3. Viết (30 phút)		
3.1. Nhận diện đoạn văn giới thiệu về nhân vật trong một cuốn sách (15 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1. – HS đọc đoạn văn, thảo luận trong nhóm nhỏ để trả lời các câu hỏi. (Gợi ý: a. Đoạn văn viết về cô bé người Nhật Xa-đa-kô – nhân vật trong bài đọc “Những con hạc giấy” và cũng là nhân vật trong truyện “Ngàn hạc giấy của Xa-đa-kô” do chính anh trai của em – Xa-xa-ki Ma-xa-hi-rô viết. b. Bạn Minh Sơn giới thiệu tên nhân vật và tên tác phẩm. c. Ở các câu văn tiếp theo, bạn giới thiệu về: + Hoàn cảnh: bị nhiễm chất phóng xạ của bom nguyên tử; quá trình chữa trị của em và cả gia đình. + Việc làm: kiên cường chống lại bệnh tật; tử mĩ xếp những con hạc giấy; ấm áp, hiếu thảo khi dành cho bố mẹ những nguyện ước tốt đẹp. + ...	– Phát triển kĩ năng phân tích yêu cầu của đề bài. – Hiểu và xác định đúng yêu cầu trọng tâm của đề bài. – Rút ra được ghi nhớ về cấu tạo đoạn văn giới thiệu về nhân vật trong một cuốn sách đã đọc. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

<i>d. Bạn khẳng định câu chuyện của Xa-đa-kô đã trở thành biểu tượng tinh thần chống chiến tranh và vũ khí hạt nhân ở Nhật Bản và trên toàn thế giới. → Nhận xét, đánh giá về nhân vật.)</i> – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe GV nhận xét, rút ra những điều em cần ghi nhớ về đoạn văn giới thiệu về nhân vật trong một cuốn sách đã đọc. – 1 – 2 HS nhắc lại ghi nhớ.		
3.2. Giới thiệu về nhân vật em thích trong một cuốn sách đã đọc (15 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS đọc các gợi ý và trả lời thêm các câu hỏi của GV trong nhóm đôi: + Em thích nhân vật nào? + Nhân vật ấy có ở cuốn sách nào? + Em thích những điều gì về nhân vật đó? + ... – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Bày tỏ được suy nghĩ, cảm nhận về một nhân vật yêu thích dựa trên các gợi ý. – Hợp tác với bạn để nhận xét, đánh giá sản phẩm của mình và của bạn.	
C. VẬN DỤNG (05 phút)		
– HS xác định yêu cầu của hoạt động 1: <i>Sưu tầm bài thơ, bài hát,... nói về hoà bình.</i> – HS nghe GV hướng dẫn cách thực hiện hoạt động ở nhà: Sưu tầm bài thơ, bài hát theo yêu cầu của hoạt động. – HS chia sẻ sản phẩm sưu tầm được trong nhóm bằng kĩ thuật <i>Phòng tranh nhỏ</i>. – HS xác định yêu cầu của hoạt động 2: <i>Chia sẻ với bạn cảm xúc của em về bài thơ, bài hát,... đã sưu tầm.</i> – 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.	– Sưu tầm và chia sẻ được với bạn bài thơ, bài hát,... nói về hoà bình. – Hợp tác với bạn để thực hiện hoạt động. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

BÀI 8: SỰ SỤP ĐỔ CỦA CHẾ ĐỘ A-PÁC-THAI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Khởi động

Nói được về một quốc gia ở châu Phi mà em biết.

2. Khám phá và luyện tập

2.1. Đọc

– Nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Phản đối chế độ phân biệt chủng tộc và ca ngợi cuộc đấu tranh của người da đen ở Nam Phi.*

2.2. Luyện từ và câu

Mở rộng được vốn từ theo chủ đề *Hoà bình*.

2.3. Viết

Tìm được ý cho đoạn văn giới thiệu về nhân vật trong một cuốn sách đã đọc.

3. Vận dụng

Ghi lại được một số thông tin quan trọng về cuộc đấu tranh chống chế độ a-pác-thai trong bài đọc “Sự sụp đổ của chế độ a-pác-thai”.

Từ đó, góp phần hình thành các phẩm chất và năng lực chung.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SGK phóng to.
- Tranh, ảnh, video clip về Nen-xon Man-đê-la và một số quốc gia ở châu Phi (nếu có).
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Bất bình” đến hết.
- Thẻ từ, thẻ câu để tổ chức cho HS chơi trò chơi.

2. Học sinh:

- Tranh, ảnh hoặc video clip về một quốc gia ở châu Phi mà em biết (nếu có).
- Sổ tay Tiếng Việt.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

Đọc: Sự sụp đổ của chế độ a-pác-thai

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (05 phút)		
– HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ theo kỹ thuật <i>Băng chuyền</i> , nói về một quốc gia ở châu Phi mà em biết (Gợi ý: <i>Ai Cập nổi tiếng với nền văn minh cổ đại rực rỡ và có nhiều cảnh đẹp. Đây là nước đông dân thứ hai ở Châu Phi;...</i>).	– Phối hợp với GV và bạn để thực hiện hoạt động.	

– 1 – 2 HS chia sẻ trước lớp. – HS đọc tên bài kết hợp quan sát tranh minh hoạ, liên hệ với nội dung khởi động → phán đoán nội dung bài đọc. → Nghe GV giới thiệu bài học: “Sự sụp đổ của chế độ a-pác-thai”.	– Nói thành câu, diễn đạt trọn vẹn ý, nội dung theo yêu cầu của GV. – Có kĩ năng phán đoán nội dung bài đọc dựa vào tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.	
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Đọc (30 phút)		
1.1. Luyện đọc (08 phút) – HS nghe GV đọc mẫu. – HS đọc nối tiếp từng đoạn hoặc toàn bài đọc, kết hợp nghe GV hướng dẫn trong nhóm hoặc trước lớp: + Cách đọc một số từ ngữ khó: <i>a-pác-thai; Nen-xon Man-đê-la; ...</i> + Cách ngắt nghỉ một số câu dài: • <i>Ở nước này,/ người da trắng chỉ chiếm 1/5 dân số,/ nhưng lại nắm gần 9/10 đất trồng trọt,/ 3/4 tổng thu nhập/ và toàn bộ hầm mỏ,/ xí nghiệp,/ ngân hàng, ...//;</i> • <i>Họ phải sống,/ chữa bệnh,/ đi học ở những khu riêng/ và không được hưởng tự do,/ dân chủ.//;</i> • <i>Cuộc đấu tranh dũng cảm/ và bền bỉ của họ/ được sự ủng hộ của những người yêu chuộng tự do/ và công lí trên toàn thế giới,/ cuối cùng đã giành được thắng lợi.//;...</i> + Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (nếu có). + Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý: • Đoạn 1: Từ đầu đến “tên gọi a-pác-thai”. • Đoạn 2: Tiếp theo đến “dân chủ”. • Đoạn 3: Còn lại. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV nhận xét chung về hoạt động luyện đọc.	– Hình thành kĩ năng đọc thầm kết hợp với nghe, xác định chỗ ngắt, nghỉ, nhấn giọng,.. – Đọc to, rõ ràng, đúng các từ khó và ngắt nghỉ hơi đúng ở các câu dài. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	
1.2. Tìm hiểu bài (12 phút) – HS đọc thầm bài đọc, thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả tìm hiểu bài trước lớp: 1. Dưới chế độ a-pác-thai, cuộc sống của người da trắng và người da đen có gì khác nhau? (Gợi ý: <i>Người da trắng: chỉ chiếm 1/5 dân số, nhưng lại nắm gần 9/10 đất trồng trọt, 3/4 tổng thu nhập và toàn bộ hầm mỏ, xí nghiệp, ngân hàng,...; Người da đen: phải làm những công việc nặng nhọc nhưng</i>	– Hợp tác với GV và bạn để trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài. – Thông qua tìm hiểu bài, hiểu thêm nghĩa một số từ khó và hiểu nội dung bài.	

<i>lương chỉ bằng 1/7 hay 1/10 lương của công nhân da trắng. Họ phải sống, chữa bệnh, đi học ở những khu riêng và không được hưởng tự do, dân chủ.)</i> → Rút ra ý đoạn 1 và 2: <i>Sự bất công mà người da đen ở Nam Phi phải chịu khi sống dưới chế độ phân biệt chủng tộc a-pác-thai.</i> 2. Người da đen đã làm gì để chính quyền Nam Phi huỷ bỏ sắc lệnh phân biệt chủng tộc? (Gợi ý: <i>Để xoá bỏ chế độ phân biệt chủng tộc, người da đen đã dũng cảm đứng lên và bền bỉ đấu tranh để đòi lại quyền bình đẳng.</i>) → Rút ra ý đoạn 3: <i>Công cuộc đấu tranh đòi bình đẳng của người da đen ở Nam Phi.</i> 3. Vì sao những người yêu chuộng tự do và công lí trên toàn thế giới ủng hộ cuộc đấu tranh của người da đen? (Gợi ý: <i>HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. VD: Vì a-pác-thai là chế độ phân biệt chủng tộc xấu xa, tạo nên sự bất bình trong xã hội. Cần phải xoá bỏ chế độ này để mọi người không phân biệt màu da và đều được hưởng quyền bình đẳng.</i>) 4. Giới thiệu 2 – 3 câu về vị Tổng thống được bầu trong cuộc tổng tuyển cử ngày 27 tháng 4 năm 1994. (Gợi ý: <i>HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. VD: Nen-xon Man-đê-la là một luật sư da đen. Ông từng bị giam cầm suốt 27 năm vì đấu tranh chống chế độ a-pác-thai. Ông được tin tưởng bầu làm Tổng thống;...</i>) → Rút ra nội dung của bài đọc. – HS nghe bạn và GV nhận xét, bổ sung. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động tìm hiểu bài.		
1.3. Luyện đọc lại (10 phút) – HS trả lời một vài câu hỏi để nhớ lại nội dung chính của bài và xác định giọng đọc: + Bài đọc nói về điều gì? → <i>Toàn bài đọc với giọng rõ ràng, rành mạch.</i> + Cần nhấn giọng ở những từ ngữ nào? (Gợi ý: <i>Nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ thông tin quan trọng,...</i>) – HS nghe GV hoặc một bạn đọc lại đoạn 3: <i><u>Bất bình với chế độ a-pác-thai</u>,/ người da đen đã <u>đứng lên</u> đòi bình đẳng.// Cuộc đấu tranh <u>dũng cảm</u> và <u>bền bỉ</u> của họ/ được sự <u>ủng hộ</u> của những người <u>yêu chuộng tự do</u>/ và công lí trên <u>toàn thế giới</u>,/ cuối cùng đã <u>giành</u> được thắng lợi.// Ngày 17 tháng 6 năm 1991,/ chính quyền Nam Phi/</i>	– Xác định được giọng đọc trên cơ sở hiểu nội dung bài. – Biết nhấn giọng ở một số từ ngữ quan trọng. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	

<i>buộc phải <u>hủy bỏ</u> sắc lệnh phân biệt chủng tộc.// Ngày 27 tháng 4 năm 1994,/ cuộc <u>tổng tuyển cử đa sắc tộc</u> đầu tiên được tổ chức.// Luật sư da đen <u>Nen-xơn Man-đê-la</u>,/ người từng bị <u>giam cầm</u> suốt 27 năm/ vì <u>đấu tranh</u> chống chế độ a-pác-thai,/ được <u>bầu</u> làm Tổng thống.// Chế độ phân biệt chủng tộc <u>xấu xa</u> nhất hành tinh đã <u>chấm dứt</u>.//</i> – HS luyện đọc lại đoạn 3 trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ. – HS thi đọc đoạn 3 trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động luyện đọc lại.		
--	--	--

TIẾT 2

Luyện từ và câu: Mở rộng vốn từ *Hoà bình*

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
2. Luyện từ và câu (35 phút)		
2.1. Chọn lời giải nghĩa ở cột B phù hợp với mỗi từ ở cột A (08 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1. – HS đọc các thẻ ở mỗi cột và thảo luận nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để thực hiện yêu cầu, thống nhất kết quả trong nhóm (Đáp án: A1 – B2, A2 – B1, A3 – B4, A4 – B3). – HS chơi <i>Truyền điện</i> để chữa bài trước lớp. – HS có thể đặt câu với mỗi từ ở nhóm A để hiểu rõ nghĩa (nếu cần). – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Hợp tác với bạn để thực hiện yêu cầu của BT. – Hiểu được nghĩa của các từ. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.2. Xếp các từ vào hai nhóm và đặt câu với một từ thuộc mỗi nhóm (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2a. – HS hoạt động nhóm 4 để thực hiện yêu cầu bằng kỹ thuật <i>Khăn trải bàn</i>. (Đáp án: + Nhóm các từ chứa tiếng “bình” có nghĩa là không có chiến tranh: yên bình, thanh bình, bình lặng. + Nhóm các từ chứa tiếng “bình” có nghĩa là đánh giá: bình xét, bình bầu, bình phẩm, bình giá, bình luận.) – HS chơi <i>Tiếp sức</i> để chữa bài trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Hợp tác với bạn để thực hiện các yêu cầu của BT. – Xếp được từ vào nhóm cho phù hợp và đặt được câu với từ thuộc mỗi nhóm. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

– HS xác định yêu cầu của BT 2b. – HS làm bài vào VBT, chia sẻ kết quả trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, nghe bạn nhận xét, góp ý. – 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.		
2.3. Chọn một từ phù hợp trong khung thay cho mỗi (05 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 3. – HS đọc đoạn văn và thảo luận nhóm đôi để thực hiện yêu cầu (Đáp án: <i>mong ước; hạnh phúc; gìn giữ; thanh bình</i>). – 2 – 3 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Hợp tác với bạn để thực hiện yêu cầu của BT. – Tìm được từ phù hợp với yêu cầu của BT. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.4. Viết câu bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc khi đọc một bài thơ hoặc một truyện thuộc chủ đề “Khúc ca hoà bình” (12 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 4. – HS thảo luận nhóm đôi, làm bài vào VBT. – 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Viết được câu bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc khi đọc một bài thơ hoặc một truyện thuộc chủ đề “Khúc ca hoà bình”. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

TIẾT 3

Viết: Tìm ý cho đoạn văn giới thiệu về nhân vật trong một cuốn sách đã đọc

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
3. Viết (30 phút)		
3.1. Tìm, sắp xếp và ghi lại những ý chính cho đoạn văn giới thiệu về nhân vật trong một cuốn sách (15 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1. – HS đọc các gợi ý, trả lời một vài câu hỏi trong nhóm hoặc trước lớp để thực hiện hoạt động: + Em thích nhân vật nào? + Nhân vật em thích xuất hiện trong cuốn sách nào?	– Hợp tác với bạn để thực hiện yêu cầu của BT. – Phát triển kĩ năng tìm ý.	

+ Nhân vật đó có hoàn cảnh/ xuất thân như thế nào? + Nhân vật đó có những hành động hoặc tính cách gì đặc biệt? + Nhân vật đó đã giải quyết những khó khăn gặp phải như thế nào? + Nhân vật đó đã gọi ra cho em những suy nghĩ gì? + ... – HS chia sẻ cùng bạn trong nhóm nhỏ, nhận xét, góp ý trong nhóm. – HS làm bài vào VBT hoặc vở nháp. (Lưu ý: HS có thể kết hợp quan sát hình ảnh, video clip về câu chuyện và ghi chép vắn tắt bằng các từ ngữ dưới dạng sơ đồ tư duy đơn giản, tránh diễn đạt thành câu.) – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Sắp xếp và ghi lại được những ý chính cho đoạn văn giới thiệu về nhân vật trong một cuốn sách đã đọc. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
3.2. Viết câu giới thiệu về nhân vật (15 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS dựa vào nội dung đã thực hiện ở BT 1, làm bài vào VBT. – HS chia sẻ bài làm trong nhóm, chỉnh sửa bài làm dựa vào nhận xét của bạn. – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Viết được câu giới thiệu chung về nhân vật. – Phát triển kĩ năng học tập hợp tác; kĩ năng nhận xét, đánh giá.	
C. VẬN DỤNG (05 phút)		
– HS xác định yêu cầu của hoạt động: <i>Ghi lại một số thông tin quan trọng về cuộc đấu tranh chống chế độ a-pác-thai trong bài đọc “Sự sụp đổ của chế độ a-pác-thai”.</i> – HS nhớ lại nội dung bài đọc “Sự sụp đổ của chế độ a-pác-thai”, ghi lại một số thông tin quan trọng về cuộc đấu tranh chống chế độ a-pác-thai vào sổ tay Tiếng Việt. – HS chơi <i>Chuyền hoa</i> để chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe GV nhận xét, đánh giá hoạt động, tổng kết bài học và chủ điểm.	– Ghi lại được một số thông tin quan trọng về cuộc đấu tranh chống chế độ a-pác-thai trong bài đọc “Sự sụp đổ của chế độ a-pác-thai”. – Phát triển kĩ năng ghi chép, chọn lọc thông tin. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

CHỦ ĐIỂM 8: CHÂN TRỜI RỘNG MỎ

Chủ điểm “Chân trời rộng mở” hướng đến việc hình thành ở HS các phẩm chất *yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm*: biết nuôi dưỡng ước mơ, cảm nhận được niềm vui, niềm hạnh phúc trong học tập, sáng tạo, biết trân trọng thành quả sáng tạo và hướng đến những giá trị tốt đẹp của cuộc sống. Từ đó, các em ý thức hơn trong học tập và rèn luyện: *biết trân trọng, giữ gìn những kỉ niệm đẹp; biết yêu thiên nhiên, vạn vật, con người; biết tìm tòi, khám phá, sáng tạo và chinh phục để đi tới những “chân trời mới”*;...

BÀI 1: LỜI HỨA

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Khởi động

Chia sẻ được về một lời hứa của em với bạn bè hoặc người thân và việc em thực hiện lời hứa đó.

2. Khám phá và luyện tập

2.1. Đọc

– Nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời nhân vật và lời người dẫn chuyện; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Kể về cuộc trò chuyện giữa Tôt-tô-chan với thầy hiệu trưởng và ước mơ trở thành cô giáo của Tôt-tô-chan*. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Tình yêu, sự quan tâm, tin tưởng vào học sinh của thầy hiệu trưởng đã nuôi dưỡng nên những ước mơ tươi đẹp*.

2.2. Luyện từ và câu

Nhận diện được cách viết tên người, tên địa lí nước ngoài.

2.3. Viết

Viết được đoạn văn giới thiệu về nhân vật trong một cuốn sách đã đọc.

3. Vận dụng

Tìm đọc được truyện “Totto-chan bên cửa sổ” của nhà văn Ku-rô-y-a-na-gi Tét-su-kô.

Từ đó, góp phần hình thành các phẩm chất và năng lực chung.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SGK phóng to.
- Tranh, ảnh về một số nhân vật trong truyện là người nước ngoài hoặc địa danh nước ngoài (nếu có).
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Tôt-tô-chan giơ ngón út” đến hết.
- Thẻ từ, thẻ câu cho HS thực hiện các BT luyện từ và câu.

2. Học sinh

- Tranh, ảnh về một thầy giáo hoặc cô giáo có sức ảnh hưởng đối với em (nếu có).
- Tranh, ảnh về một sản phẩm thể hiện sự sáng tạo của học sinh (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

Độc: Lời hứa

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (10 phút)		
* Giới thiệu chủ điểm – HS làm việc nhóm theo kĩ thuật <i>Chúng em biết 3</i>, nêu cách hiểu hoặc suy nghĩ về tên chủ điểm “Chân trời rộng mở” (Gợi ý: <i>Không ngừng tìm tòi, khám phá, sáng tạo để chinh phục thế giới. Từ đó, đưa ta đến những chân trời mới với bao ước mơ, hi vọng,...</i>). – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. → Giới thiệu chủ điểm: “Chân trời rộng mở”. * Giới thiệu bài – HS hoạt động nhóm đôi, chia sẻ trong nhóm về một lời hứa của em và việc em thực hiện lời hứa đó. – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS đọc tên bài kết hợp quan sát tranh minh họa, liên hệ với nội dung khởi động → phán đoán nội dung bài đọc. → Nghe GV giới thiệu bài học: “Lời hứa”.	– Phối hợp với GV và bạn để thực hiện hoạt động. – Nói thành câu, diễn đạt trọn vẹn ý, nội dung theo yêu cầu của GV. – Có kĩ năng phán đoán nội dung bài đọc dựa vào tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.	
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Đọc (60 phút)		
1.1. Luyện đọc (12 phút) – HS nghe GV đọc mẫu. – HS đọc nối tiếp từng đoạn hoặc toàn bài đọc, kết hợp nghe GV hướng dẫn trong nhóm hoặc trước lớp: + Cách đọc một số từ ngữ khó (nếu có). + Cách ngắt nghỉ một số câu thể hiện suy nghĩ, cảm xúc của các nhân vật: • <i>Tương chừng như lâu lắm rồi,/ cái hồi lớp Một ấy,/ lần đầu tiên Tốt-tô-chan gặp thầy hiệu trưởng.//;</i> • <i>Giọng nói ảm áp của thầy khi bảo:/ “Từ hôm nay/ em là học sinh của trường.”.//;</i> • <i>Tuy hơi khó để tưởng tượng ra Tốt-tô-chan lúc lớn/ nhưng thầy biết em có thể trở thành cô giáo ở Tô-mô-e.//;...</i>	– Hình thành kĩ năng đọc thầm kết hợp với nghe, xác định chỗ ngắt, nghỉ, nhấn giọng,... – Đọc to, rõ ràng, đúng các từ khó và ngắt nghỉ hơi đúng ở các câu thể hiện suy nghĩ, cảm xúc của các nhân vật. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	

+ Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (nếu có). + Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý: • Đoạn 1: Từ đầu đến “trở thành cô giáo”. • Đoạn 2: Tiếp theo đến “thầy Kô-ba-y-a-si mỉm cười”. • Đoạn 3: Còn lại. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV nhận xét chung về hoạt động luyện đọc.		
1.2. Tìm hiểu bài (20 phút) – HS đọc thầm bài đọc, thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả tìm hiểu bài trước lớp: 1. Tốt-tô-chan nói với thầy hiệu trưởng điều gì? Thầy trả lời em ra sao? (Gợi ý: <i>Tốt-tô-chan nói với thầy hiệu trưởng ước mơ khi lớn lên sẽ trở thành cô giáo ở trường Tô-mô-e. Thầy hiệu trưởng hỏi: “Em hứa chứ?”.</i>) 2. Tìm những chi tiết thể hiện thái độ nghiêm túc của hai thầy trò khi Tốt-tô-chan trình bày quyết tâm của mình? (Gợi ý: <i>Những chi tiết thể hiện thái độ nghiêm túc của hai thầy trò khi Tốt-tô-chan trình bày quyết tâm của mình:</i> + <i>Thầy hiệu trưởng: Thầy ngồi xuống, xếp chân vòng tròn, cười hỏi Tốt-tô-chan. Thái độ của thầy rất nghiêm túc, có vẻ như thầy thực sự muốn Tốt-tô-chan trở thành cô giáo. Khi Tốt-tô-chan nói xong thầy mỉm cười. Thầy giờ ngón út để ngoắc tay với cô bé.</i> + <i>Tốt-tô-chan: Khi thầy hiệu trưởng còn chưa ra, Tốt-tô-chan đã đứng giữa hội trường. Khi nói chuyện, Tốt-tô-chan quỳ gối ngay ngắn trước mặt thầy, nói một cách chậm rãi, dịu dàng. Khi thầy hỏi “Em hứa chứ?”, Tốt-tô-chan gật đầu thật mạnh và trả lời thầy: “Em hứa!” và tự nhủ rằng nhất định mình sẽ trở thành cô giáo.)</i> → Rút ra ý đoạn 1: <i>Cuộc trò chuyện giữa thầy Kô-ba-y-a-si và Tốt-tô-chan.</i> 3. Buổi nói chuyện với thầy hiệu trưởng gợi cho Tốt-tô-chan nhớ lại những gì? Những điều đó có ảnh hưởng gì đến quyết tâm của Tốt-tô-chan? (Gợi ý: <i>Buổi nói chuyện gợi cho Tốt-tô-chan nhớ lại ngày đầu tiên em tới trường Tô-mô-e: Thầy hiệu trưởng đã ngồi nghe em kể chuyện tận bốn tiếng đồng hồ. Giọng nói ấm áp của thầy khi bảo: “Từ hôm nay em là học sinh ở đây.” Chính sự quan tâm, tình cảm của thầy Kô-ba-y-a-si đã nuôi dưỡng ước mơ trở thành cô giáo của Tốt-tô-chan.</i>)	– Hợp tác với GV và bạn để trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài. – Thông qua tìm hiểu bài, hiểu thêm nghĩa một số từ khó và hiểu nội dung bài.	

→ Rút ra ý đoạn 2: <i>Hồi ức về ngày đầu tiên đến trường và quyết tâm trở thành cô giáo của Tốt-tô-chan.</i> 4. Hình ảnh hai thầy trò ngoắc tay giao hẹn gọi cho em suy nghĩ, cảm xúc gì? (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. VD: <i>Hình ảnh hai thầy trò ngoắc tay giao hẹn gọi cho em thấy lòng quyết tâm của Tốt-tô-chan và sự tin tưởng vào cô học trò nhỏ của thầy hiệu trưởng, ...</i>) → Rút ra ý đoạn 3: <i>Lời hứa của hai thầy trò.</i> 5. Câu chuyện muốn nói về điều gì? (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. VD: <i>Tình yêu, sự quan tâm, tin tưởng vào học sinh của thầy hiệu trưởng đã nuôi dưỡng trong các bạn học sinh những ước mơ đẹp đẽ.</i>) → Rút ra nội dung, ý nghĩa của bài đọc. – HS nghe bạn và GV nhận xét, bổ sung. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động tìm hiểu bài.		
1.3. Luyện đọc lại (15 phút) – HS trả lời một vài câu hỏi để nhớ lại nội dung chính của bài và xác định giọng đọc: + Bài đọc nói về điều gì? → <i>Toàn bài đọc với giọng tràn đầy yêu thương, thông thả, rõ ràng, rành mạch.</i> + Cần nhấn giọng ở những từ ngữ nào? (Gợi ý: <i>Nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ hành động, cảm xúc của nhân vật.</i>) – HS nghe GV hoặc một bạn đọc lại đoạn 3: <i>Tốt-tô-chan <u>giơ ngón út</u> ra trước mặt thầy://</i> <i>– Em <u>hứa</u>!//</i> <i>Thầy cũng <u>giơ ngón út</u> ra.// Hai thầy trò <u>ngoắc tay</u> giao hẹn.// Thầy hiệu trưởng <u>cười</u>.// Nhìn thấy thầy <u>vui</u>,/ <i>Tốt-tô-chan cảm thấy <u>yên tâm</u> và cười theo://</i> <i><u>Trở thành</u> cô giáo của Tô-mô-e!//</i> <i>Thật <u>tuyệt vời</u> làm sao.//</i> <i>Nếu mình là <u>cô giáo</u>...//</i> <i>Tốt-tô-chan <u>tưởng tượng</u> ra rất nhiều thứ.//</i> <i>Thầy Kô-ba-y-a-si <u>vui lắm</u>.// Tuy hơi <u>khó</u> để <u>tưởng tượng</u> ra Tốt-tô-chan lúc lớn/ nhưng thầy biết em có thể <u>trở thành</u> cô giáo ở Tô-mô-e.// Bất cứ bạn nào <u>học</u> ở Tô-mô-e/ sau này đều có thể <u>trở thành</u> thầy cô giáo ở đây.//</i></i> – HS luyện đọc lại đoạn 3 trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ. – 2 – 3 HS thi đọc đoạn 3 trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động luyện đọc lại.	– Xác định được giọng đọc trên cơ sở hiểu nội dung bài. – Biết nhấn giọng ở một số từ ngữ quan trọng, thể hiện giọng đọc phù hợp với từng nhân vật. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	

1.4. Cùng sáng tạo (13 phút) – HS xác định yêu cầu của hoạt động: <i>Kể về một thầy giáo hoặc cô giáo có sức ảnh hưởng đối với em.</i> – HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để thực hiện yêu cầu (có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh đã chuẩn bị). – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá và tổng kết hoạt động đọc.	– Kể được về một thầy giáo hoặc cô giáo có sức ảnh hưởng đối với em. – Thể hiện giọng và cảm xúc phù hợp. – Nhận xét được nội dung kể của mình và bạn.	
---	--	--

TIẾT 3

Luyện từ và câu: Viết tên người, tên địa lí nước ngoài

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
2. Luyện từ và câu (35 phút)		
2.1. Tìm và nhận xét cách viết tên người, tên địa lí nước ngoài (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1. – HS thảo luận theo nhóm theo kĩ thuật <i>Khăn trải bàn</i> để thực hiện các yêu cầu của BT. (Đáp án: <i>a. Ma-chu Pi-chu, U-ru-bam-ba, Pê-ru, Hi-ram Bing-ham.</i> <i>b. Ma-thê-son, Niu Di-lân, Mao-thơ Cúc, Tát-ma.</i> → <i>Gồm một hoặc hai bộ phận; viết hoa chữ đầu mỗi bộ phận tạo thành tên đó. Nếu bộ phận gồm nhiều tiếng thì giữa các tiếng có dấu gạch nối.</i>) – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Hợp tác với bạn để thực hiện các yêu cầu của BT. – Rút ra được nhận xét về cách viết tên người, tên địa lí nước ngoài. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.2. Nhận xét cách viết tên người, tên địa lí trong các câu văn (08 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS thảo luận nhóm đôi để thực hiện yêu cầu. (Gợi ý: <i>a. Phú Sĩ, Nhật Bản; b. Lý Hiễn Long</i> → <i>Viết hoa như viết tên người, tên địa lí Việt Nam.</i>) – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, rút ra ghi nhớ về cách viết tên người, tên địa lí nước ngoài. – 1 – 2 HS nhắc lại ghi nhớ.	– Hợp tác với bạn để thực hiện yêu cầu của BT. – Nhận xét được cách viết tên người, tên địa lí được phiên theo âm Hán Việt. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

2.3. Viết tên người, tên địa lí nước ngoài (07 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 3. – HS thảo luận nhóm theo kĩ thuật <i>Khăn trải bàn</i> để thực hiện yêu cầu. (Đáp án: a. Sông Von-ga b. Đảo Bô-ra Bô-ra c. Dãy núi Grăng Ti-ton d. Đất nước Phi-líp-pin.) – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Hợp tác với bạn để thực hiện yêu cầu của BT. – Viết lại được đúng tên người, tên địa lí nước ngoài. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.4. Viết câu giới thiệu một người hoặc một địa danh (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 4. – HS trao đổi với bạn trong nhóm đôi (có thể kết hợp quan sát tranh ảnh hoặc video clip đã chuẩn bị). – HS làm bài vào VBT. – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Viết được câu theo đúng yêu cầu. – Chỉnh sửa, mở rộng câu dựa vào nhận xét của bạn và GV. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

TIẾT 4

Viết: Viết đoạn văn giới thiệu về nhân vật trong một cuốn sách đã đọc

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
3. Viết (30 phút)		
3.1. Thực hành viết đoạn văn giới thiệu về nhân vật trong một cuốn sách (20 phút) – HS đọc đề bài, xác định yêu cầu của BT 1. – HS đọc các gợi ý, nhớ lại các nội dung ở tiết trước (có thể kết hợp quan sát hình ảnh, video clip về nhân vật). – HS viết đoạn văn vào VBT. – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS đọc lại đoạn văn, chỉnh sửa và hoàn thiện đoạn văn đã viết (nếu có) dựa trên các gợi ý: + Nội dung giới thiệu có giúp người đọc hình dung về nhân vật hay không? + Các nội dung giới thiệu về nhân vật đã được sắp xếp theo trình tự phù hợp hay chưa? + ...	Viết và tự chỉnh sửa được bài viết đoạn văn giới thiệu về nhân vật trong một cuốn sách đã đọc.	

3.2. Chia sẻ trong nhóm và hoàn chỉnh đoạn văn đã viết (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 3. – HS chia sẻ bài làm trong nhóm theo kỹ thuật <i>Phòng tranh nhỏ</i>. – HS hoàn thiện bài làm dựa vào nhận xét của bạn (nếu cần). – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Hợp tác với bạn để hoàn chỉnh đoạn văn đã viết. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
C. VẬN DỤNG (05 phút)		
– HS xác định yêu cầu của hoạt động: <i>Tìm đọc truyện “Totto-chan bên cửa sổ” của nhà văn Ku-rô-y-a-na-gi Tét-su-kô.</i> – GV hướng dẫn HS thực hiện hoạt động ở nhà. – HS nghe GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.	Tìm đọc được truyện “Totto-chan bên cửa sổ”.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

BÀI 2: CHIẾN CHIÊN BAY LÊN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Khởi động

Trao đổi được với bạn những điều quan sát từ tranh minh hoạ của bài đọc.

2. Khám phá và luyện tập

2.1. Đọc

– Nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Sự gắn bó, hoà quyện của những con chim chiến chiến với thiên nhiên và với những người dân lao động bình dị. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: Tình cảm yêu mến thiết tha của tác giả với loài chim chiến chiến và quê hương.*

2.2. Nói và nghe

Giới thiệu được về một địa điểm vui chơi.

2.3. Viết

Nhận diện được đoạn văn nêu lí do tán thành hoặc phản đối một hiện tượng, sự việc.

3. Vận dụng

Ghi lại được những từ ngữ gọi tả tiếng hót của chim chiến chiến trong bài đọc “Chiến chiến bay lên” mà em thích và giải thích lí do.

Từ đó, góp phần hình thành các phẩm chất và năng lực chung.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SGK phóng to.
- Tranh, ảnh hoặc video clip về cảnh buổi chiều ở đồng quê (nếu có).
- Tranh, ảnh hoặc video clip về một địa điểm vui chơi (nếu có).
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Theo với tiếng chim” đến “tâm hồn họ”.

2. Học sinh

- Tranh, ảnh về cảnh buổi chiều ở đồng quê (nếu có).
- Tranh, ảnh về một địa điểm vui chơi (nếu có).
- Sổ tay Tiếng Việt.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

Đọc: Chiến chiến bay lên

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (05 phút)		
– HS chơi trò chơi <i>Phóng viên nhí</i> theo nhóm nhỏ: một HS đóng vai phóng viên phỏng vấn về bạn những điều quan sát được trong tranh minh hoạ của bài đọc dựa vào các gợi ý: + Tranh vẽ cảnh ở đâu? + Tranh vẽ vào thời điểm nào? + Cảnh vật trong tranh gợi cho bạn suy nghĩ, cảm xúc gì? + ... – 1– 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS đọc tên bài kết hợp quan sát tranh minh hoạ, liên hệ với nội dung khởi động → phán đoán nội dung bài đọc. → Nghe GV giới thiệu bài học: “Chiến chiến bay lên”.	– Phối hợp với GV và bạn để thực hiện hoạt động. – Nói thành câu, diễn đạt trọn vẹn ý, nội dung theo yêu cầu của GV. – Có kĩ năng phán đoán nội dung bài đọc dựa vào tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.	
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Đọc (30 phút)		
1.1. Luyện đọc (08 phút) – HS nghe GV đọc mẫu. – HS đọc nối tiếp từng đoạn hoặc toàn bài đọc, kết hợp nghe GV hướng dẫn trong nhóm hoặc trước lớp: + Cách đọc một số từ ngữ khó (nếu có).	– Hình thành kĩ năng đọc thầm kết hợp với nghe, xác định chỗ ngắt, nghỉ, nhấn giọng,...	

+ Cách ngắt nghỉ một số câu dài: • <i>Nhưng viên đá ấy/ như có một sức thần không rơi xuống,/ nó cứ lao vút,/ lao vút mãi lên chín tầng mây...//;</i> • <i>Theo với tiếng chim bay lên,/ từ không trung vọng xuống một tiếng hót trong sáng/ điệu kì,/ giọng riu ran đở hời,/ âm điệu hài hoà đến tinh tế...//;</i> • <i>Đến như tôi,/ một cậu bé chăn trâu/ cũng mê đi trong tiếng hót chiến chiến giữa chiều/ mà bầu trời,/ mặt đất,/ hồn người đều trong sáng...//;...</i> + Giải nghĩa một số từ ngữ khó, VD: <i>riu ran</i> (từ mô phỏng những âm thanh rộn rã như tiếng chim hót); <i>hồn hậu</i> (hiền từ, luôn muốn đem đến những điều tốt lành cho người khác);... + Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý: • Đoạn 1: Từ đầu đến “bay lên đây!”. • Đoạn 2: Tiếp theo đến “tâm hồn họ”. • Đoạn 3: Còn lại. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV nhận xét chung về hoạt động luyện đọc.	– Đọc to, rõ ràng, đúng các từ khó và ngắt nghỉ hơi đúng ở các câu dài. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	
1.2. Tìm hiểu bài (14 phút) – HS đọc thầm toàn bài, thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả tìm hiểu bài trước lớp: 1. Ở đoạn đầu, sự xuất hiện của con chim chiến chiến được tả có gì đặc biệt? (Gợi ý: <i>Sự xuất hiện của con chim chiến chiến trong đoạn đầu được tả bằng hình ảnh: một cánh chiến chiến bay lên. Thoạt đầu như một viên đá ném vút lên trời. Nhưng viên đá ấy như có một sức thần không rơi xuống, nó cứ lao vút, lao vút mãi lên chín tầng mây.</i>) → Rút ra ý đoạn 1: <i>Sự xuất hiện của con chim chiến chiến.</i> 2. Tìm và nhận xét cách sử dụng từ ngữ gợi tả tiếng hót của con chim chiến chiến ở đoạn 2. (Gợi ý: <i>Những từ ngữ gợi tả tiếng hót của con chim chiến chiến ở đoạn 2: trong sáng điệu kì, riu ran đở hời, âm điệu hài hoà đến tinh tế, vừa đượm vẻ hồn nhiên, vừa thơ thới, thanh thản,... cách sử dụng từ ngữ đa dạng, phong phú, vừa đặc tả được tiếng chim, vừa thể hiện được sức truyền cảm của tiếng hót chim chiến chiến.</i>) 3. Theo em, tiếng chim có ý nghĩa như thế nào đối với mọi người? (Gợi ý: <i>Chim gieo niềm yêu đời vô tư cho những người đang lam lũ trên mặt đất vì tiếng hót của nó trong</i>	– Hợp tác với GV và bạn để trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài. – Thông qua tìm hiểu bài, hiểu thêm nghĩa một số từ khó và hiểu nội dung bài.	

sáng diệu kì, giọng riu ran đồ hồi, âm điệu hài hoà đến tinh tế. Giọng hót vừa đượm vẻ hồn nhiên, vừa thơ thới, thanh thản...) → Rút ra ý đoạn 2: <i>Điều kì diệu của tiếng chim chiến chiến.</i> 4. Những từ ngữ nào dưới đây: <i>xôn xao, thanh bình, náo nức, thanh thản, tươi sáng, yên vui</i> phù hợp để nói về khung cảnh được tả trong bài đọc? Vì sao? (Gợi ý: Các từ “<i>thanh bình</i>”, “<i>tươi sáng</i>”, “<i>yên vui</i>” phù hợp để nhận xét về khung cảnh được tả trong bài đọc. HS trả lời lí do chọn từ theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. VD: <i>Vì con người hiền hoà, chăm chỉ lao động, người nào việc ấy; còn thiên nhiên thì trong trẻo, tươi mới. Con người và thiên nhiên dường như có sự gắn bó, hoà quyện.</i>) → Rút ra ý đoạn 3: <i>Sự hoà quyện giữa con người với thiên nhiên</i> 5. Em thích từ ngữ gợi tả âm thanh nào trong bài? Vì sao? (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. VD: <i>Riu ran đồ hồi – thể hiện được sự lạnh lốt, vang vọng của tiếng chim giữa trời đất bao la,...</i>) → Rút ra nội dung và ý nghĩa của bài đọc. – HS nghe bạn và GV nhận xét, bổ sung. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động tìm hiểu bài.		
1.3. Luyện đọc lại (08 phút) – HS trả lời một vài câu hỏi để nhớ lại nội dung chính của bài và xác định giọng đọc: + Bài đọc nói về điều gì? → <i>Toàn bài đọc với giọng thông thả, rõ ràng, rành mạch.</i> + Cần nhấn giọng ở những từ ngữ nào? (Gợi ý: <i>Nhấn giọng ở những từ ngữ tả vẻ đẹp của tự nhiên,...</i>). – HS nghe GV hoặc một bạn đọc lại đoạn 2: <i>Theo với tiếng chim bay lên,/ từ không trung vọng xuống một tiếng hót trong sáng diệu kì,/ giọng riu ran đồ hồi,/ âm điệu hài hoà đến tinh tế.// Giọng hót vừa đượm vẻ hồn nhiên,/ vừa thơ thới,/ thanh thản...// Chim gieo niềm yêu đời vô tư/ cho những người lam lũ trên mặt đất.// Lúc ấy,/ trên cánh đồng,/ vẫn người nào việc ấy.// Người làm cỏ vẫn làm cỏ,/ người xới xáo vẫn xới xáo,/ người cày cuốc vẫn cày cuốc...// Nhưng tiếng chim hồn hậu/ đang nhập lắng lẽ vào tâm hồn họ.//</i> – HS luyện đọc lại đoạn 2 trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ. – HS thi đọc đoạn 2 trước lớp.	– Xác định được giọng đọc trên cơ sở hiểu nội dung bài. – Biết nhấn giọng ở một số từ ngữ quan trọng. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	

– HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động luyện đọc lại.		
--	--	--

TIẾT 2

Nói và nghe: Giới thiệu một địa điểm vui chơi

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
2. Nói và nghe (35 phút)		
2.1. Giới thiệu về một địa điểm vui chơi (25 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1. – HS trao đổi trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, giới thiệu một địa điểm vui chơi mà em biết dựa vào gợi ý (có thể kết hợp tranh, ảnh hoặc video clip... về địa điểm vui chơi đã chuẩn bị): a. Em biết địa điểm vui chơi nào? (Gợi ý: Công viên nước, sở thú,...) b. Giới thiệu về địa điểm vui chơi đó: + Tên + Địa chỉ + Cảnh quan + Các khu vực vui chơi + Cảm xúc + ... – 1 – 2 nhóm HS chơi trò chơi <i>Hướng dẫn viên nhí</i>: Một HS đóng vai hướng dẫn viên, các HS còn lại đóng vai khách du lịch, chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Phát triển kỹ năng học tập hợp tác; kỹ năng nói đơn thoại, nói thành bài kết hợp sử dụng phương tiện hỗ trợ. – Chủ động, mạnh dạn, tự tin khi nói trong nhóm, trước lớp. – Phát triển kỹ năng kiểm soát tốc độ, âm lượng nói và sử dụng hiệu quả các yếu tố phi ngôn ngữ. – Nhận xét được nội dung trình bày của bạn theo tiêu chí đã có.	
2.2. Ghi lại những thông tin chính về một địa điểm vui chơi được giới thiệu (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS trao đổi trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, ghi lại các thông tin vào sổ tay Tiếng Việt. – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động	– Phát triển kỹ năng nghe – ghi; kỹ năng nhận xét, đánh giá. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

TIẾT 3

Viết: Đoạn văn nêu lí do tán thành hoặc phản đối một hiện tượng, sự việc

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
3. Viết (30 phút)		
3.1. Nhận diện đoạn văn nêu lí do tán thành hoặc phản đối một hiện tượng, sự việc (15 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1. – HS đọc đoạn văn, thảo luận trong nhóm nhỏ để thực hiện các yêu cầu. (Gợi ý: <i>a. Câu văn mở đầu nêu hiện tượng, sự việc: đội mũ bảo hiểm không bắt buộc đối với người đi xe đạp.</i> <i>b.</i> + <i>Câu văn thể hiện ý kiến của bạn: Tuy nhiên, em cho rằng đội mũ bảo hiểm khi đi xe đạp là một việc làm rất cần thiết.</i> + <i>Câu văn nói về những lí do bạn đưa ra để bảo vệ ý kiến của mình: Hiện nay, hầu hết đường giao thông ở nước ta chưa có làn dành riêng cho người đi xe đạp. Hơn nữa, đa số người đi xe đạp là người lớn tuổi và học sinh. Vì vậy, việc di chuyển bằng xe đạp có những rủi ro. Nếu không may có tai nạn xảy ra, mũ bảo hiểm giúp người đi xe đạp tránh hoặc hạn chế những chấn thương ở đầu.</i> <i>c. Câu cuối đoạn khẳng định một lần nữa về mong muốn của người viết: mong mọi người hãy đội mũ bảo hiểm khi đi xe đạp vì an toàn cho chính mình.)</i> – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, rút ra những điều em cần ghi nhớ về đoạn văn nêu lí do tán thành hoặc phản đối một hiện tượng, sự việc. – 1 – 2 HS nhắc lại ghi nhớ.	– Hợp tác với bạn để thực hiện các yêu cầu của BT. – Nhận diện được đoạn văn nêu lí do tán thành hoặc phản đối một hiện tượng, sự việc. – Rút ra những điều cần ghi nhớ về đoạn văn nêu lí do vì sao tán thành hoặc phản đối một hiện tượng, sự việc. – Phát triển kĩ năng học tập hợp tác; kĩ năng nhận xét, đánh giá.	
3.2. Thực hành bày tỏ ý kiến về một hiện tượng, sự việc (15 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS đọc các gợi ý, trả lời một vài câu hỏi trong nhóm hoặc trước lớp để thực hiện hoạt động: + Em tán thành hay không tán thành với việc học sinh tiểu học tự đi bộ đi học?	– Bày tỏ được ý kiến về một hiện tượng, sự việc, nêu lí do tán thành hoặc phản đối sự việc đó.	

+ Em tán thành hay không tán thành với việc học sinh tiểu học tự đi xe đạp đi học? + Em sẽ dùng những lí do gì để bảo vệ ý kiến đó? + ... – HS chọn một ý kiến, viết nhanh một vài lí do dưới dạng sơ đồ tư duy đơn giản vào nháp. – HS chia sẻ với bạn trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ. – HS trò chơi <i>Đổi đầu</i>: HS chia thành hai nhóm lớn, mỗi nhóm trình bày các lí do để bảo vệ ý kiến của mình. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Phát triển kĩ năng học tập hợp tác; kĩ năng nhận xét, đánh giá.	
C. VẬN DỤNG (05 phút)		
– HS xác định yêu cầu của hoạt động 1: <i>Ghi lại 3 – 4 từ ngữ gợi tả tiếng hót của chim chiến chiến trong bài đọc “Chiến chiến bay lên” mà em thích.</i> – HS nhớ lại nội dung bài đọc “Chiến chiến bay lên”, ghi những từ ngữ, hình ảnh em thích trong bài đọc vào sổ tay Tiếng Việt. – HS xác định yêu cầu của hoạt động 2: <i>Viết 2 – 3 câu giải thích lí do em thích những từ ngữ đó.</i> – HS thực hiện hoạt động cá nhân, viết câu giải thích lí do vào sổ tay Tiếng Việt. – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.	Ghi lại được những từ ngữ, hình ảnh em thích trong bài đọc “Chiến chiến bay lên” và giải thích được lí do em thích những từ ngữ đó.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

BÀI 3: THƠ VIẾT CHO NGÀY MAI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Khởi động

Chia sẻ với bạn điều động lại trong em sau những năm học tiểu học và mong ước của em sau khi kết thúc năm học lớp Năm.

2. Khám phá và luyện tập

2.1. Đọc

– Nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.

- Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa, đúng mạch cảm xúc của bài thơ; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Cảm xúc băng khuâng, lưu luyến với trường lớp và ước mong của các bạn học sinh cho ngày mai. Từ đó, rút ra ý nghĩa: Tuổi thơ với những kỉ niệm đẹp đẽ, trong trẻo và sự tin yêu, kì vọng của thầy cô sẽ viết nên một tương lai tốt đẹp cho các bạn.* Học thuộc lòng được bài thơ.
- Tìm đọc được một bài thơ hoặc lời bài hát viết về ước mơ hoặc sự sáng tạo của thiếu nhi; viết được *Nhật kí đọc sách*; thi “Nghệ sĩ nhí”: đọc hoặc hát và chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của em về bài thơ hoặc lời bài hát; ghi lại được những điều học được hoặc điều tâm đắc về một bài thơ hoặc lời bài hát được nghe bạn chia sẻ.

2.2. Luyện từ và câu

Luyện tập viết tên người, tên địa lí nước ngoài.

2.3. Viết

Tìm được ý cho đoạn văn nêu lí do tán thành hoặc phản đối một hiện tượng, sự việc.

3. Vận dụng

Viết được lưu bút gửi thầy cô hoặc bạn bè của em trước khi chia tay mái trường tiểu học.
Từ đó, góp phần hình thành các phẩm chất và năng lực chung.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SGK phóng to.
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi bài thơ.
- Danh sách gợi ý truyện đọc thuộc chủ điểm “Chân trời rộng mở”, hướng dẫn tìm kiếm truyện trên internet.
- Thẻ từ cho HS thực hiện các BT luyện từ và câu.

2. Học sinh

- Tranh, ảnh về những kỉ niệm đẹp ở trường tiểu học (nếu có).
- Tranh, ảnh về một nhân vật là người nước ngoài trong một truyện đã đọc (nếu có).
- Bài thơ hoặc lời bài hát phù hợp với chủ điểm “Chân trời rộng mở” đã đọc và *Nhật kí đọc sách*.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

Độc: Thơ viết cho ngày mai

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (05 phút)		
– HS hoạt động nhóm nhỏ theo kĩ thuật <i>Ô bi</i> hoặc <i>Băng chuyền</i> , lần lượt chia sẻ với bạn điều đọng lại trong em sau những năm học tiểu học và mong ước của em sau khi kết	– Phối hợp với GV và bạn để thực hiện hoạt động.	

thức năm học lớp Năm. – 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS đọc tên bài kết hợp quan sát tranh minh hoạ, liên hệ với nội dung khởi động → phán đoán nội dung bài đọc. → Nghe GV giới thiệu bài học: “Thơ viết cho ngày mai”.	– Nói thành câu, diễn đạt trọn vẹn ý, nội dung theo yêu cầu của GV. – Có kĩ năng phán đoán nội dung bài đọc dựa vào tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.	
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Đọc (65 phút)		
1.1. Đọc bài thơ (40 phút)		
1.1.1. Luyện đọc (10 phút) – HS nghe GV đọc mẫu. – HS đọc nối tiếp từng khổ thơ hoặc toàn bài thơ, kết hợp nghe GV hướng dẫn trong nhóm hoặc trước lớp: + Cách đọc một số từ ngữ khó (nếu có). + Cách ngắt nghỉ một số dòng thơ thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật: <i>Đã nghe/ khúc ca vào hạ/ Đã nghe/ phượng thắm trên cành/ Ngày mai,/ chân trời rộng mở/ Giục bàn chân bước/ nhanh nhanh...//</i> <i>Ngày mai,/ muôn điều mới lạ/ Viết từ/ thơ ấu ngọt ngào/ Viết từ/ lời thầy nhắn nhủ/ Với bao kì vọng,/ tin yêu.//</i> + Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (nếu có). + Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý: • Đoạn 1: Khổ thơ đầu. • Đoạn 2: Khổ thơ thứ hai, thứ ba. • Đoạn 3: Còn lại. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV nhận xét chung về hoạt động luyện đọc.	– Hình thành kĩ năng đọc thầm kết hợp với nghe, xác định chỗ ngắt, nghỉ, nhấn giọng,... – Đọc to, rõ ràng, đúng các từ khó và ngắt nghỉ hơi đúng nhịp thơ. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	
1.1.2. Tìm hiểu bài (18 phút) – HS đọc thầm bài thơ, thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi, có thể ghi lại câu trả lời bằng sơ đồ đơn giản. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả tìm hiểu bài trước lớp: 1. Ở khổ thơ đầu, cơn mưa và tiếng ve được tả bằng những	– Hợp tác với GV và bạn để trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài.	

hình ảnh và âm thanh nào? (Gợi ý: Ở khổ thơ đầu, cơn mưa và tiếng ve được tả bằng hình ảnh: cơn mưa “lao xao, chạm lên hiên nhà”, ve “thêu sọc âm thanh mỏng, dịu dàng trên mấy nhành hoa”.) → Rút ra ý đoạn 1: Cơn mưa và tiếng ve báo hiệu một mùa hè sắp bắt đầu. 2. Theo em, vì sao bạn nhỏ cảm thấy băng khuâng khi nhớ về mái trường? (Gợi ý: Bạn nhỏ cảm thấy băng khuâng khi nhớ về mái trường vì nơi đó bạn nhỏ đã gắn bó suốt những năm tháng tiểu học, là nơi bạn cảm nhận được tình yêu thương của thầy cô, bè bạn; Nơi đây cũng lưu giữ lại bao kỉ niệm đẹp: hình ảnh bạn bè chuyển nhau lưu bút qua ô cửa sổ xanh ngời, những dòng lưu bút dễ thương của bạn bè gợi cho bạn nhỏ những cảm xúc đẹp đẽ trước giờ chia tay.) → Rút ra ý đoạn 2: Những kỉ niệm thân thương và cảm xúc của bạn nhỏ với bạn bè, trường lớp. 3. Tác giả muốn nhắn nhủ điều gì với bạn nhỏ qua khổ thơ cuối? (Gợi ý: Điều tác giả muốn nhắn nhủ đến các bạn nhỏ: Ngày mai của bạn nhỏ được viết từ những điều ngọt ngào thời thơ ấu và từ những lời nhắn nhủ đầy kì vọng, tin yêu của thầy cô, những điều đó sẽ nâng bước, đưa các bạn đến với tương lai tươi sáng.) 4. Bày tỏ tình cảm, cảm xúc của em khi đọc bài thơ. (Gợi ý: HS trả lời lí do theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. VD: Tuy mùa hè sắp đến, chúng em sắp phải chia tay trường học và thầy cô, bạn bè, nhưng qua mùa hè là một năm học mới với những điều mới mẻ. Ở đó sẽ có trường mới, lớp mới, thầy cô đang chờ chúng em khám phá, giúp chúng em mau mau bước đến ngày mai tươi sáng, phía trước có chân trời rộng mở và muôn điều mới lạ,...) → Rút ra ý đoạn 3: Âm thanh mở đầu mùa hè và sự kì vọng, tin yêu của thầy cô đối với các bạn HS. → Rút ra nội dung, ý nghĩa của bài đọc. – HS nghe bạn và GV nhận xét, bổ sung. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động tìm hiểu bài.	– Thông qua tìm hiểu bài, hiểu thêm nghĩa một số từ khó và hiểu nội dung, ý nghĩa của bài.	
1.1.3. Luyện đọc lại (12 phút) – HS trả lời một vài câu hỏi để nhớ lại nội dung chính của bài và xác định giọng đọc: + Bài đọc nói về điều gì? → Toàn bài đọc với giọng trong trẻo, tươi vui. + Cần nhấn giọng ở những từ ngữ nào? (Gợi ý: Nhấn giọng	– Xác định được giọng đọc trên cơ sở hiểu nội dung bài. – Biết nhấn giọng ở một số từ ngữ quan trọng,	

ở những từ ngữ thể hiện tình cảm, cảm xúc và hoạt động của sự vật, nhân vật, ...) – HS nghe GV hoặc một bạn đọc lại đoạn 1, 2: <u>Có/ một cơn mưa mùa hạ/</u> <u>Lao xao/ chạm</u> lên hiên nhà/ <u>Ve/ thêu</u> sợi âm thanh <u>mỏng/</u> <u>Dịu dàng/ trên</u> mấy nhành hoa.// <u>Em/ đọc</u> một câu chuyện <u>nhỏ/</u> <u>Bâng khuâng/ nhớ</u> góc sân trường/ <u>Nơi/ muôn nụ cười</u> <u>lấp lánh/</u> <u>Kết đọng/ thành</u> bao yêu thương.// <u>Bạn bè/ chuyển tay</u> lưu bút/ <u>Qua ô cửa sổ/ xanh</u> ngời...// “Lớp Sáu/ ước chung một lớp/ <u>Rộn ràng/ giờ học,/ giờ chơi...</u>”// – HS tự nhẩm thuộc → đọc trong nhóm, trước lớp đoạn 1, 2 và toàn bài thơ (có thể thực hiện sau giờ học). – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động luyện đọc lại.	dựa vào cách hiểu để ngắt nghỉ đúng nhịp thơ. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có). – Biết cách tự nhẩm thuộc từng đoạn và toàn bài thơ.	
---	--	--

Sinh hoạt câu lạc bộ đọc sách
Chủ điểm “Chân trời rộng mở”

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
1.2. Đọc mở rộng (25 phút)		
1.2.1. Tìm đọc thơ, lời bài hát – HS đọc ở nhà (hoặc ở thư viện lớp, thư viện trường,...) một bài thơ hoặc lời bài hát phù hợp với chủ điểm “Chân trời rộng mở” theo hướng dẫn của GV trước buổi học khoảng một tuần. HS có thể đọc sách, báo giấy hoặc tìm kiếm trên internet một bài thơ hoặc lời bài hát: + Về ước mơ của thiếu nhi (Gợi ý: <i>Câu chuyện về tranh – Võ Quảng; Em là hoa hồng nhỏ – Trịnh Công Sơn;...</i>). + Về sự sáng tạo của thiếu nhi (Gợi ý: <i>Tiếng sáo – Hoàng Trung Thông; Ai dắt biển lên trời? – Minh Huệ;...</i>). + ... – HS chuẩn bị bài thơ hoặc lời bài hát để mang tới lớp chia sẻ.	Hình thành thói quen đọc sách, kỹ năng chọn lọc và chia sẻ thông tin đọc được.	

1.2.2. Viết Nhật kí đọc sách – HS viết vào <i>Nhật kí đọc sách</i> những điều em ghi nhớ sau khi đọc bài thơ hoặc lời bài hát: tên bài thơ hoặc lời bài hát; tên tác giả; từ ngữ hay; hình ảnh đẹp; tình cảm, cảm xúc của em;... – HS có thể trang trí <i>Nhật kí đọc sách</i> đơn giản theo nội dung chủ điểm hoặc nội dung bài thơ hay nội dung lời bài hát.	Hình thành kĩ năng chọn lọc thông tin đọc được, thói quen và kĩ năng ghi chép <i>Nhật kí đọc sách</i>.	
1.2.3. Chia sẻ về bài thơ hoặc lời bài hát đã đọc (10 phút) – HS đọc bài thơ hoặc lời bài hát hoặc trao đổi bài thơ hoặc lời bài hát cho bạn trong nhóm để cùng đọc. – HS chia sẻ về <i>Nhật kí đọc sách</i> của mình. – HS nghe góp ý của bạn, chỉnh sửa, hoàn thiện <i>Nhật kí đọc sách</i>. – HS chia sẻ với bạn trong nhóm nhỏ về từ ngữ hay, hình ảnh đẹp; tình cảm, cảm xúc của em khi đọc; ngoài ra, HS cũng có thể chia sẻ thêm về vần nhịp, hình ảnh gây ấn tượng;... – HS bình chọn một số <i>Nhật kí đọc sách</i> sáng tạo và dán vào <i>Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt</i>.	– Phát triển kĩ năng hợp tác nhóm, kĩ năng chia sẻ thông tin; năng lực cảm thụ văn học thông qua việc chia sẻ về từ ngữ, hình ảnh đẹp. – Hợp tác với bạn để thực hiện hoạt động. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
1.2.4. Thi “Nghệ sĩ nhí” (12 phút) – HS xác định yêu cầu của BT. – HS thi trong nhóm: Đọc hoặc hát và chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của em về bài thơ hoặc bài hát. – Mỗi nhóm chọn 1 – 2 HS thi trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Hợp tác với bạn và giáo viên thực hiện hoạt động, phát triển kĩ năng trình bày trước đám đông. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
1.2.5. Ghi chép những điều học được hoặc điều tâm đắc (03 phút) – HS nhớ lại những điều học được hoặc điều tâm đắc về một bài thơ hoặc lời bài hát được chia sẻ mà em thích. – HS ghi chép lại những điều tâm đắc vào sổ tay Tiếng Việt: + Nội dung + Hình thức + Ý nghĩa + ... – 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động	– Phát triển kĩ năng ghi chép. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

TIẾT 3

Luyện từ và câu: Luyện tập viết tên người, tên địa lí nước ngoài

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
2. Luyện từ và câu (35 phút)		
2.1. Tìm và viết lại cho đúng tên người, tên địa lí nước ngoài có trong các câu văn (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1. – HS thảo luận nhóm theo kĩ thuật <i>Khăn trải bàn</i> để thực hiện yêu cầu. (Đáp án: <i>a. Tô-Ki-Ô → Tô-ki-ô; Nhật bản → Nhật Bản</i> <i>b. Lu-i pa-xtơ → Lu-i Pa-xtơ</i> <i>c. Sin-xô i-tô → Sin-xô I-tô; Ha-Oai → Ha-oai</i> <i>d. Giét-Thơn → Giét-thơn; Ô-vơ-Rít-sen → Ô-vơ-rít-sen; Am-Xtéc-Đam → Am-xtéc-đam).</i> – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Tìm và viết lại được đúng tên người, tên địa lí nước ngoài có trong các câu văn. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.2. Viết câu có tên địa lí nước ngoài (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS nói câu trong nhóm nhỏ, nghe bạn góp ý, chỉnh sửa. – HS làm bài vào VBT. – HS chơi <i>Chuyển hoa</i> để chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Hợp tác với bạn để thực hiện yêu cầu BT. – Viết được câu có tên địa lí nước ngoài. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.3. Viết câu bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc về việc một nhân vật là người nước ngoài có trong truyện đã học (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 3. – HS làm bài vào VBT. – HS chia sẻ kết quả trong nhóm, nghe bạn nhận xét, góp ý để chỉnh sửa, hoàn thiện câu. – 3 – 4 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Viết được câu bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc về việc một nhân vật là người nước ngoài có trong truyện đã học. – Hợp tác với bạn để chia sẻ, thống nhất kết quả. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

TIẾT 4

Viết: Tìm ý cho đoạn văn nêu lí do tán thành hoặc phản đối một hiện tượng, sự việc

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
3. Viết (30 phút)		
3.1. Tìm, sắp xếp và ghi lại những ý chính cho đoạn văn nêu lí do tán thành hoặc phản đối một hiện tượng, sự việc (18 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1. – HS đọc và trả lời một vài câu hỏi gợi ý trong nhóm hoặc trước lớp để thực hiện hoạt động: + Em tán thành hay không tán thành việc học sinh tiểu học đi bộ hoặc đi xe đạp tới trường? + Em sẽ dùng những lí do gì để bảo vệ ý kiến của mình? • Tán thành: Những lợi ích gì mang lại khi học sinh tiểu học học đi bộ hoặc đi xe đạp tới trường? • Không tán thành: Những mối nguy hiểm nào có thể mang lại khi học sinh tiểu học đi bộ hoặc đi xe đạp tới trường? + ... – HS sắp xếp và ghi lại những ý chính cho đoạn văn vào VBT hoặc vở nháp bằng các từ ngữ dưới dạng sơ đồ tư duy đơn giản.	– Hợp tác với bạn để thực hiện yêu cầu của BT. – Phát triển kĩ năng tìm ý. – Sắp xếp và ghi lại được những ý chính cho đoạn văn nêu lí do tán thành hoặc phản đối một hiện tượng, sự việc.	
3.2. Chia sẻ trong nhóm và hoàn chỉnh những ý chính cho đoạn văn (12 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS chia sẻ bài làm trong nhóm theo kĩ thuật <i>Phòng tranh nhỏ</i>. – HS hoàn thiện bài làm dựa vào nhận xét của bạn (nếu cần). – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	Hợp tác với bạn để nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
C. VẬN DỤNG (05 phút)		
– HS xác định yêu cầu của hoạt động: <i>Viết 2 – 3 dòng lưu bút gửi thầy cô hoặc bạn bè của em trước khi chia tay mái trường tiểu học.</i> – HS hoạt động cá nhân, viết và trang trí lưu bút gửi đến thầy cô hoặc bạn bè. – HS chơi trò chơi <i>Lời muốn nói</i>: gửi lưu bút đã viết cho bạn bè hoặc thầy cô. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.	Viết được lưu bút theo yêu cầu và chia sẻ được với bạn bè, thầy cô.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

BÀI 4: BÀI CA VỀ MẶT TRỜI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Khởi động

Cùng bạn đoán và giải được câu đố về mặt trời, mặt trăng và các vì sao.

2. Khám phá và luyện tập

2.1. Đọc

– Nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh hoạ.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Những quan sát và cảm nhận tinh tế của tác giả về cảnh đàn chim sẻ đón chào ngày mới và cảnh mặt trời mọc. Từ đó, rút ra ý nghĩa: Tình yêu cuộc sống của tác giả đã cất lên thành bài ca hoà cùng bài ca của thiên nhiên.*

2.2. Luyện từ và câu

Luyện tập sử dụng được từ ngữ.

2.3. Viết

Viết được đoạn văn nêu lí do tán thành hoặc phản đối một hiện tượng, sự việc.

3. Vận dụng

Viết được vào sổ tay những từ ngữ, hình ảnh đẹp trong bài đọc “Bài ca về mặt trời”.

Từ đó, góp phần hình thành các phẩm chất và năng lực chung.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SGK phóng to.
- Hình ảnh, video clip về cảnh bình minh ở vùng nông thôn (nếu có).
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Vàng mặt trời đã lên từ bao giờ” đến hết.
- Thẻ từ, thẻ câu để tổ chức cho HS chơi trò chơi.

2. Học sinh

- Câu đố về mặt trời, mặt trăng và các vì sao.
- Sổ tay Tiếng Việt.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

Độc: Bài ca về mặt trời

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (05 phút)		
– HS chia thành hai nhóm lớn, thi giải các câu đố về mặt trời, mặt trăng và các vì sao (HS có thể sử dụng các câu đố dân gian), gợi ý: <i>Không sơn mà đỏ, Không lửa mà nóng, Nắng thì có mặt, Mưa lặn mất tăm</i> Là gì? (Đáp án: Mặt trời) <i>Khi tròn, khi khuyết Lúc tỏ, lúc mờ Có cây đa, chú Cuội Ngồi chơi cùng trời mây.</i> Là gì? (Đáp án: Mặt trăng) <i>Nhấp nha nhấp nháy Trên bầu trời đêm Buổi sáng em tìm Trốn đâu hết cả.</i> Là gì? (Đáp án: Ngôi sao) – HS đọc tên bài kết hợp quan sát tranh minh họa, liên hệ với nội dung khởi động → phán đoán nội dung bài đọc. → Nghe GV giới thiệu bài học: “Bài ca về mặt trời”.	– Phối hợp với GV và bạn để thực hiện hoạt động. – Nói thành câu, diễn đạt trọn vẹn ý, nội dung theo yêu cầu của GV. – Có kỹ năng phán đoán nội dung bài đọc dựa vào tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.	
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Đọc (30 phút)		
1.1. Luyện đọc (08 phút) – HS nghe GV đọc mẫu. – HS đọc nối tiếp từng đoạn hoặc toàn bài đọc, kết hợp nghe GV hướng dẫn trong nhóm hoặc trước lớp: + Cách đọc một số từ ngữ khó (nếu có). + Cách ngắt nghỉ một số câu dài: • <i>Dàn đồng ca chim sẻ khi bổng khi trầm,/ khi nhanh khi chậm,/ xôn xao vòm không gian.//;</i> • <i>Trái tim tôi/ bổng vang lên một bài ca/ hoà với bài ca của những con chim sẻ trên trời cao.//;...</i> + Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (nếu có).	– Hình thành kỹ năng đọc thầm kết hợp với nghe, xác định chỗ ngắt, nghỉ, nhấn giọng,.. – Đọc to, rõ ràng, đúng các từ khó và ngắt nghỉ hơi đúng ở các câu dài. – Nhận xét được cách đọc của mình và của	

+ Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý: • Đoạn 1: Từ đầu đến “cùng trông thấy được”. • Đoạn 2: Tiếp theo đến “càng nhích dần lên”. • Đoạn 3: Còn lại. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV nhận xét chung về hoạt động luyện đọc.	bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	
1.2. Tìm hiểu bài (12 phút) – HS đọc thầm toàn bài, thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả tìm hiểu bài trước lớp: 1. Cảnh thiên nhiên được tả ở đoạn đầu có gì đặc sắc? (Gợi ý: <i>Sương mù như tấm khăn voan mỏng màu sữa bay la đà trên những khóm cây quanh vườn, trùm lấp một khoảng sân; chim sẻ thi nhau cất tiếng hót của hội hè, dàn đồng ca, khi bổng khi trầm, khi nhanh khi chậm, gây xôn xao cả một vòm không gian,...</i>) → Rút ra ý đoạn 1: <i>Đàn chim sẻ cất tiếng hót vui vẻ khiến tác giả chú ý tìm hiểu.</i> 2. Ở đoạn 2, sự thay đổi của vầng mặt trời được tả bằng những từ ngữ, hình ảnh nào? Cách tả đó có gì thú vị? (Gợi ý: <i>Sự thay đổi của vầng mặt trời: sau vòm cây xanh thẫm bỗng nhô lên nửa vành mũ đỏ → nhô dần lên → bay lên khỏi vòm cây → giống một chiếc mâm đồng đỏ bay từ từ chiếm lĩnh nền trời xa, rộng... → Cách tả đó làm cho vầng mặt trời trở nên rõ nét, sinh động hơn.</i>) → Rút ra ý đoạn 2: <i>Tiếng hót rộn ràng của đàn chim sẻ như cùng đua theo mặt trời buổi bình minh.</i> 3. Theo em, bài ca về mặt trời vang lên trong trái tim nhân vật tôi được gợi ra từ điều gì? (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. VD: <i>Bài ca về mặt trời vang lên trong trái tim nhân vật tôi được gợi ra từ tình yêu thiên nhiên, tình yêu cuộc sống của nhân vật tôi và vẻ đẹp trong trẻo, đáng yêu, thanh bình của vạn vật vào thời khắc bình minh.</i>) → Rút ra ý đoạn 3: <i>“Bài ca về mặt trời” ngân lên từ trái tim của tác giả hoà nhịp cùng bài ca của đàn chim sẻ.</i> 4. Đặt một tên khác cho bài đọc và giải thích lí do em chọn tên đó. (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. VD: <i>Bài ca về chiếc mâm đồng đỏ, Dàn đồng ca mùa hạ,...</i>) → Rút ra nội dung, ý nghĩa của bài đọc.	– Hợp tác với GV và bạn để trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài. – Thông qua tìm hiểu bài, hiểu thêm nghĩa một số từ khó và hiểu nội dung bài.	

– HS nghe bạn và GV nhận xét, bổ sung. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động tìm hiểu bài.		
1.3. Luyện đọc lại (10 phút) – HS trả lời một vài câu hỏi để nhớ lại nội dung chính của bài và xác định giọng đọc: + Bài đọc nói về điều gì? → <i>Toàn bài đọc với giọng thông thả, chậm rãi.</i> + Cần nhấn giọng ở những từ ngữ nào? (Gợi ý: <i>Nhấn giọng ở những từ ngữ tả đặc điểm, hoạt động, trạng thái của người, vật; cảm xúc suy nghĩ của nhân vật, ...</i>) – HS nghe GV hoặc một bạn đọc lại đoạn 3: <i>Vàng mặt trời/ đã <u>lên</u> từ bao giờ?// Chắc là nó đã <u>nhô lên</u> khỏi mặt biển/ trước khi <u>nhô lên</u> khỏi vòm cây.// Trái tim tôi/ bỗng <u>vang lên</u> một <u>bài ca</u>/ <u>hoà</u> với bài ca của những con chim sẻ trên trời cao.// Bài ca về <u>mặt trời</u>.//</i> <i>Mâm đồng <u>đỏ</u>.//</i> <i>Mâm đồng <u>đỏ</u>.//</i> <i>Suốt đêm/ <u>tắm biển</u>/</i> <i>Làm/ nước biển <u>sôi</u>/</i> <i>Ngày/ <u>trở về</u> trời/</i> <i>Mâm đồng/ <u>không nguôi</u>/</i> <i>Mâm đồng/ <u>đỏ chói</u>.//</i> <i>Mặt trời.// Mặt trời...//</i> – HS luyện đọc lại đoạn 3 trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ. – HS thi đọc đoạn 3 trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động luyện đọc lại.	– Xác định được giọng đọc trên cơ sở hiểu nội dung bài. – Biết nhấn giọng ở một số từ ngữ quan trọng. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	

TIẾT 2

Luyện từ và câu: Luyện tập sử dụng từ ngữ

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
2. Luyện từ và câu (35 phút)		
2.1. Chọn một từ phù hợp trong ngoặc đơn thay cho mỗi (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1.	– Hợp tác với bạn để thực hiện yêu cầu của BT.	

– HS thảo luận nhóm theo kỹ thuật <i>Khăn trải bàn</i> để thực hiện yêu cầu (Đáp án: <i>vô ngân, óng ánh, phản chiếu, dịu dịu, lạnh lót</i>). – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Chọn được từ phù hợp thay thế cho mỗi ☼. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.2. Tìm từ gọi tả màu sắc của mặt trời (07 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS đọc đoạn văn và thảo luận nhóm theo kỹ thuật <i>Khăn trải bàn</i> để thực hiện yêu cầu, làm bài vào VBT (Gợi ý: <i>đỏ rực, đỏ lừ, đỏ ối, đỏ ửng, ...</i>). – HS chơi <i>Tiếp sức</i> để chữa bài trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Tìm được từ gọi tả màu sắc của mặt trời. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.3. Viết câu tả vẻ đẹp của mặt trời vào lúc bình minh hoặc hoàng hôn (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 3. – HS làm bài vào VBT. – 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét	– Viết được câu tả vẻ đẹp mặt trời lúc bình minh hoặc hoàng hôn. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.4. Đặt câu để phân biệt nghĩa của các từ (12 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 4a. – HS hoạt động nhóm nhỏ để thực hiện yêu cầu. – HS làm bài vào VBT. (Gợi ý: <i>Đựng: Nước mưa đầu mùa mát lạnh được bà đựng trong lu.; Giữ: Nhiều cây cổ thụ cần được đóng trụ giữ cho cây cố định, không bị đổ ngã khi có mưa bão.; Mang: Những cơn gió đầu mùa mang theo hơi lạnh xua tan đi cái nóng bức của những ngày hè oi ả.</i>) – 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – HS xác định yêu cầu của BT 4b. – HS hoạt động nhóm đôi để thực hiện yêu cầu, làm bài vào VBT (Gợi ý: <i>Từ phù hợp để thay vào các ☼: “đựng”</i>). – 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Hợp tác với bạn để thực hiện các yêu cầu của BT. – Đặt được câu để phân biệt nghĩa của các từ. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

TIẾT 3

**Viết: Viết đoạn văn nêu lí do tán thành hoặc phản đối một hiện tượng, sự việc
(Bài viết số 1)**

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
3. Viết (30 phút)		
3.1. Thực hành viết đoạn văn nêu lí do tán thành hoặc phản đối một hiện tượng, sự việc (20 phút) – HS đọc đề bài, xác định yêu cầu của BT 1. – HS đọc các gợi ý, nhớ lại nội dung ở tiết trước, trả lời một vài câu hỏi để thực hiện hoạt động (có thể kết hợp quan sát hình ảnh, video clip): + Đoạn văn nêu lí do tán thành hoặc phản đối một hiện tượng, sự việc thường gồm mấy phần? + Em giới thiệu hiện tượng, sự việc nào ở câu mở đầu? + Ở các câu tiếp theo, em sử dụng lí do gì để bảo vệ ý kiến của mình? + Khi đưa ra lí do, em cần lưu ý những điều gì? + ... – HS trao đổi trong nhóm đôi, làm bài vào VBT. – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS đọc lại đoạn văn, chỉnh sửa và hoàn thiện đoạn văn đã viết dựa vào các gợi ý (nếu cần)	– Viết được đoạn văn nêu lí do tán thành hoặc phản đối một hiện tượng, sự việc. – Phát triển kĩ năng viết đoạn, kĩ năng lựa chọn từ ngữ, sắp xếp ý,...	
3.2. Chia sẻ trong nhóm và hoàn chỉnh đoạn văn đã viết (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 3. – HS chia sẻ bài làm trong nhóm đôi, nhận xét bài của bạn. – HS hoàn thiện bài làm dựa vào nhận xét của bạn (nếu cần). – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn. – Tự chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết.	
C. VẬN DỤNG (05 phút)		
– HS xác định yêu cầu của hoạt động: <i>Viết vào sổ tay những từ ngữ, hình ảnh đẹp trong bài đọc “Bài ca về mặt trời”.</i> – HS đọc lại bài đọc “Bài ca về mặt trời”, trao đổi trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để thực hiện yêu cầu. – HS viết từ ngữ, hình ảnh đẹp vào sổ tay Tiếng Việt, trang trí đơn giản và trưng bày ở <i>Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt.</i>	Viết được vào sổ tay những từ ngữ, hình ảnh đẹp trong bài đọc “Bài ca về mặt trời”.	

– HS tham quan bằng kỹ thuật <i>Phòng tranh</i> , bình chọn “Sổ tay ấn tượng”. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.		
---	--	--

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

BÀI 5: BÊN NGOÀI TRÁI ĐẤT

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Khởi động

Trao đổi được với bạn về những điều em quan sát trong hai bức ảnh.

2. Khám phá và luyện tập

2.1. Đọc

– Nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; phân biệt được lời nhân vật và lời người dẫn chuyện; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Những hình ảnh cậu bé quan sát được về vũ trụ qua chuyến du hành kì thú trong giấc mơ. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: Ước mơ được khám phá, chinh phục vũ trụ để phục vụ cuộc sống con người và bảo vệ Trái Đất – ngôi nhà chung của nhân loại.*

2.2. Luyện từ và câu

Mở rộng được vốn từ theo chủ đề *Khám phá*.

2.3. Viết

Luyện tập viết đoạn văn nêu lí do tán thành hoặc phản đối một hiện tượng, sự việc.

3. Vận dụng

Cùng bạn trao đổi được về những chi tiết thú vị trong bài đọc “Bên ngoài Trái Đất”.
Từ đó, góp phần hình thành các phẩm chất và năng lực chung.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SGK phóng to.
- Tranh, ảnh phi thuyền, phi hành gia, video clip về những chuyến du hành vào vũ trụ; hình ảnh Trái Đất, Mặt Trời và các hành tinh nhìn từ vũ trụ; hình ảnh sao chổi (nếu có).
- Bảng phụ ghi đoạn từ “Tờ nhìn xuống Trái Đất” đến “giật nảy mình”.
- Thẻ từ, thẻ câu để tổ chức cho HS chơi trò chơi.

2. Học sinh

Tranh, ảnh phi thuyền, phi hành gia; hình ảnh Trái Đất, Mặt Trời và các hành tinh nhìn từ vũ trụ (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1 + 2

Độc: Bên ngoài Trái Đất

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (10 phút)		
– HS hoạt động nhóm đôi, trao đổi về những điều quan sát được qua hai bức ảnh (Gợi ý: <i>tàu vũ trụ, nhà du hành, không gian rộng lớn, mây trắng,...</i>). – HS chơi <i>Truyền điện</i> để chia sẻ kết quả trước lớp. – HS đọc tên bài kết hợp quan sát tranh minh họa, liên hệ với nội dung khởi động → phán đoán nội dung bài đọc. → Nghe GV giới thiệu bài học: “Bên ngoài trái đất”.	– Phối hợp với GV và bạn để thực hiện hoạt động. – Nói thành câu, diễn đạt trọn vẹn ý, nội dung theo yêu cầu của GV. – Có kĩ năng phán đoán nội dung bài đọc dựa vào tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.	
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Đọc (60 phút)		
1.1. Luyện đọc (12 phút) – HS nghe GV đọc mẫu. – HS đọc nối tiếp từng đoạn hoặc toàn bài đọc, kết hợp nghe GV hướng dẫn trong nhóm hoặc trước lớp: + Cách đọc một số từ ngữ khó (nếu có). + Cách ngắt nghỉ một số câu dài: • <i>Ngôi nhà của chúng ta/ trông giống như một tuyệt phẩm điêu khắc/ với cây cối xanh tươi,/ núi đồi trùng điệp.//;</i> • <i>Trái Đất quả là đẹp tuyệt trần/ với màu lam biếc của nước biển/ và sắc xanh non của cây lá/ hoà quyện cùng màu trắng sữa của những dải mây.//;</i> • <i>Hoà ra/ đọc một lúc/ tớ đã ngủ thiếp đi lúc nào không hay/ và chuyến hành trình kì thú bay vào vũ trụ/ chỉ là một chuyến hành trình trong mơ mà thôi.//;...</i> + Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó (nếu có).	– Hình thành kĩ năng đọc thầm kết hợp với nghe, xác định chỗ ngắt, nghỉ, nhấn giọng,... – Đọc to, rõ ràng, đúng các từ khó và ngắt nghỉ hơi đúng ở các câu dài. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	

+ Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý: • Đoạn 1: Từ đầu đến “bay vào vũ trụ”. • Đoạn 2: Tiếp theo đến “giật nảy mình”. • Đoạn 3: Còn lại. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV nhận xét chung về hoạt động luyện đọc.		
1.2. Tìm hiểu bài (20 phút) – HS đọc thầm bài đọc, thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi. – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả tìm hiểu bài trước lớp: 1. Giới thiệu về sự xuất hiện của chiếc phi thuyền. (Gợi ý: <i>Phi thuyền xuất hiện với tiếng “è è”, một chiếc phi thuyền đáp xuống, cánh cửa bật mở cùng lời mời gọi vang lên: “Xin mời quý khách!”</i>) 2. Theo em, vì sao dù có chút sợ hãi nhưng bạn nhỏ vẫn quyết định bước lên phi thuyền? (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ và cảm nhận riêng. VD: <i>Vì bạn nhỏ được mời lên phi thuyền, bạn cũng mong muốn được trải nghiệm và khám phá vũ trụ.</i>) → Rút ra ý đoạn 1: <i>Bạn nhỏ nhận lời mời lên phi thuyền và bay vào vũ trụ.</i> 3. Từ trên phi thuyền, bạn nhỏ đã thấy gì khi nhìn xuống Trái Đất? (Gợi ý: <i>Từ trên phi thuyền, bạn nhỏ đã thấy: Trái Đất lóng lánh như một viên kim cương, cây cối xanh tươi, núi đồi trùng điệp, màu lam biếc của nước biển và sắc xanh non của cây lá, màu trắng sữa của những dải mây.</i>) 4. Tìm những từ ngữ, hình ảnh tả vẻ đẹp của Mặt Trời, các vì sao nhìn từ con tàu. (Gợi ý: <i>Mặt Trời rực rỡ, bùng sáng như có hàng triệu ngọn nến đang được thắp lên, những ngôi sao đua nhau toả sáng, những ngôi sao là những thiên thạch to đùng, có những ngôi sao tinh nghịch chạy chơi trong không trung, trên dải Ngân Hà có vô số ngọc trai, ngôi sao chổi bay vụt qua như một vệt pháo hoa, ...</i>) → Rút ra ý đoạn 2: <i>Vẻ đẹp của Trái Đất, Mặt Trời và những ngôi sao nhìn từ tàu vũ trụ.</i> 5. Em thích nhất chi tiết nào trong bài đọc? Vì sao? (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. VD: <i>Chi tiết “Dù có chút sợ hãi nhưng tớ cũng quyết định bước lên phi thuyền.”. Vì chi tiết này thể hiện lòng dũng cảm, ham thích khám phá, trải nghiệm của cậu bé. Tuy chỉ là trong mơ, nhưng nhờ vào quyết định bước lên phi thuyền mà cậu được</i>	– Hợp tác với GV và bạn để trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài. – Thông qua tìm hiểu bài, hiểu thêm nghĩa một số từ khó và hiểu nội dung bài.	

<i>trải nghiệm một hành trình thú vị trong vũ trụ bao la.)</i> → Rút ra ý đoạn 3: <i>Bạn nhỏ nhận ra mình có một chuyến hành trình kì thú, bay vào vũ trụ trong giấc mơ.</i> → Rút ra nội dung, ý nghĩa của bài đọc. – HS nghe bạn và GV nhận xét, bổ sung. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động tìm hiểu bài.		
1.3. Luyện đọc lại (15 phút) – HS trả lời một vài câu hỏi để nhớ lại nội dung chính của bài và xác định giọng đọc: + Bài đọc nói về điều gì? → <i>Toàn bài đọc với giọng thông thả, vui tươi, có pha chút ngạc nhiên thích thú.</i> + Cần nhấn giọng ở những từ ngữ nào? (Gợi ý: <i>Nhấn giọng ở những từ ngữ miêu tả hoạt động, trạng thái, đặc điểm của người và cảnh vật; từ ngữ bộc lộ suy nghĩ, tình cảm của nhân vật,...</i>) – HS nghe GV hoặc một bạn đọc lại đoạn 2: <i>Tớ nhìn xuống Trái Đất.// Ánh sáng của Mặt Trời chiếu rọi/ làm Trái Đất <u>lóng lánh</u> như một viên kim cương giữa vũ trụ tối tăm.// Ngôi nhà của chúng ta/ trông giống như một <u>tuyệt phẩm</u> điêu khắc/ với cây cối <u>xanh tươi</u>,/ núi đồi <u>trùng điệp</u>.// Trái Đất quả là <u>đẹp tuyệt trần</u>/ với màu <u>lam biếc</u> của nước biển/ và sắc <u>xanh non</u> của cây lá/ <u>hoà quyện</u> cùng màu <u>trắng sữa</u>/ của những dải mây.//</i> <i>Tớ phóng tầm mắt ra xa,/ về phía Mặt Trời <u>rực rỡ</u>.// Mặt Trời <u>bừng sáng</u>/ như thể có <u>hàng triệu</u> ngọn nến đang được <u>thắp lên</u>.// Xung quanh tớ là những ngôi sao/ đua nhau <u>toả sáng</u>.// Khi đứng dưới mặt đất,/ tớ <u>thấy</u> mấy ngôi sao chỉ là những <u>chấm nhỏ lấp lánh</u>.// Nhưng giờ đây,/ chúng đều là những <u>thiên thạch to đùng</u>./ Có những ngôi sao <u>tinh nghịch</u>/ còn <u>chạy chơi</u> trong không trung.// Còn trên dải Ngân Hà/ <u>lớn nhỏ</u> vô số <u>ngọc trai quý giá</u>,/ <u>nằm gọn</u> trong bàn tay của <u>vũ trụ giàu có</u>.// Bỗng một ngôi sao <u>chổi bay vút qua</u>/ như một <u>vệt pháo hoa</u>,/ khiến tớ <u>giật nảy mình</u>.//</i> – HS luyện đọc lại đoạn 2 trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ. – 2 – 3 HS thi đọc đoạn 2 trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động luyện đọc lại.	– Xác định được giọng đọc trên cơ sở hiểu nội dung bài. – Biết nhấn giọng ở một số từ ngữ quan trọng, thể hiện giọng đọc phù hợp với nhân vật. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	
1.4. Cùng sáng tạo (13 phút) – HS xác định yêu cầu của hoạt động: <i>Tưởng tượng mình được cùng nhân vật “tớ” tham gia chuyến hành trình bay</i>		

vào vũ trụ và kể lại chuyến đi. – HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, trao đổi với bạn những điều tưởng tượng được khi cùng nhân vật “tớ” tham gia chuyến hành trình bay vào vũ trụ. – 1 – 2 nhóm HS đóng vai và kể lại chuyến đi trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Hợp tác với bạn để đóng vai, kể lại chuyến bay vào vũ trụ. – Thể hiện giọng và cảm xúc phù hợp với từng nhân vật. – Nhận xét được nội dung kể của nhóm mình và nhóm bạn.	
--	--	--

TIẾT 3

Luyện từ và câu: Mở rộng vốn từ *Khám phá*

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
2. Luyện từ và câu (35 phút)		
2.1. Chọn lời giải nghĩa ở cột B phù hợp với mỗi từ ở cột A và chọn từ phù hợp thay cho mỗi ☼ (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1a. – HS thảo luận nhóm theo kĩ thuật <i>Khăn trải bàn</i> để thực hiện yêu cầu (Đáp án: A1 – B2, A2 – B3, A3 – B4, A4 – B1). – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp, kết hợp giải nghĩa một số từ ngữ. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – HS xác định yêu cầu của BT 1b. – HS thảo luận nhóm theo kĩ thuật <i>Khăn trải bàn</i> để thực hiện yêu cầu, làm bài vào VBT (Đáp án: sáng tạo, khám phá, tìm tòi, nghiên cứu.). – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét	– Hợp tác với bạn để thực hiện các yêu cầu của BT. – Chọn được lời giải nghĩa ở cột B phù hợp với mỗi từ ở cột A và chọn được từ phù hợp thay cho mỗi ☼. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
2.2. Tìm từ ngữ thể hiện cảm xúc khi tham gia trải nghiệm, khám phá (08 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS thảo luận nhóm nhỏ để thực hiện yêu cầu (Gợi ý: <i>sửng sốt, kinh ngạc, vui sướng, vui mừng, mừng rỡ,...</i>). – HS chơi <i>Chuyền hoa</i> để chữa bài trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Tìm được từ ngữ thể hiện cảm xúc khi tham gia trải nghiệm, khám phá. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

2.3. Viết câu bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc về chuyến hành trình của bạn nhỏ trong bài “Bên ngoài Trái Đất” (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 3. – HS đọc lại các từ vừa tìm được ở BT 2, làm bài vào VBT. – HS trao đổi bài làm trong nhóm nhỏ, nghe bạn nhận xét để chỉnh sửa, hoàn thiện bài làm. – 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Viết được câu bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc về chuyến hành trình của bạn nhỏ trong bài “Bên ngoài Trái Đất”. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn. – Chỉnh sửa, mở rộng câu dựa vào nhận xét của bạn và GV.	
2.4. Nói về ý nghĩa của câu tục ngữ (07 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 4. – HS làm bài vào VBT (Gợi ý: <i>Đi một ngày đường sẽ học được nhiều điều bổ ích, càng đi nhiều sẽ càng học hỏi, hiểu biết được nhiều điều hay lẽ phải → khuyên chúng ta cần không ngừng học tập, trải nghiệm để mở rộng kiến thức.</i>). – 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Nói được về ý nghĩa của câu tục ngữ. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

TIẾT 4

**Viết: Luyện tập tìm ý cho đoạn văn
nêu lí do tán thành hoặc phản đối một hiện tượng, sự việc**

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
3. Viết (30 phút)		
3.1. Tìm, sắp xếp và ghi lại những ý chính cho đoạn văn nêu lí do tán thành hoặc phản đối một hiện tượng, sự việc (20 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1. – HS quan sát các gợi ý, trả lời một vài câu hỏi gợi ý trong nhóm hoặc trước lớp để thực hiện hoạt động: + Em chọn tán thành hay không tán thành việc học sinh tiểu học mang điện thoại thông minh đến trường? + Em sẽ dùng những lí do gì để bảo vệ ý kiến của mình?	– Hợp tác với bạn để thực hiện yêu cầu của BT. – Phát triển kĩ năng tìm ý. – Sắp xếp và ghi lại được những ý chính cho	

• Tán thành: Những lợi ích gì mang lại khi học sinh tiểu học mang điện thoại thông minh đến trường? Vì sao? • Không tán thành: Những vấn đề gì có thể mang lại khi học sinh tiểu học mang điện thoại thông minh đến trường? Vì sao? + ... (Lưu ý: HS có thể kết hợp quan sát hình ảnh, video clip và ghi chép vào vở vào VBT hoặc vở nháp bằng các từ ngữ dưới dạng sơ đồ tư duy đơn giản.) – HS chia thành hai nhóm lớn, mỗi nhóm trình bày các lí do để bảo vệ ý kiến của mình. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	đoạn văn nêu lí do tán thành hoặc phản đối một hiện tượng, sự việc.	
3.2. Chia sẻ trong nhóm và hoàn chỉnh những ý chính cho đoạn văn (10 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS chia sẻ bài làm trong nhóm đôi, nhận xét bài làm của bạn. – HS hoàn thiện bài làm dựa vào nhận xét của bạn (nếu cần). – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	Hợp tác với bạn để nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
C. VẬN DỤNG (05 phút)		
– HS xác định yêu cầu của hoạt động: <i>Cùng bạn trao đổi về những chi tiết thú vị trong bài đọc “Bên ngoài Trái Đất”.</i> – HS nhớ lại nội dung bài đọc “Bên ngoài Trái Đất”. – HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, trao đổi về những chi tiết thú vị trong bài đọc. – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe GV nhận xét, đánh giá hoạt động và tổng kết bài học.	– Hợp tác với bạn, trao đổi được về những chi tiết thú vị trong bài đọc “Bên ngoài Trái Đất” – Biết chia sẻ, nhận xét nội dung trao đổi.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

BÀI 6: VÀO HẠ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Khởi động

Chia sẻ được cảm xúc của em về buổi học cuối cùng.

2. Khám phá và luyện tập

2.1. Đọc

– Nêu được phỏng đoán về nội dung bài đọc qua tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.

– Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa; trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung của bài đọc: *Khung cảnh núi rừng khi vào hạ và những thanh âm trong trẻo của đám trẻ trong buổi học cuối cùng*. Từ đó, rút ra được ý nghĩa: *Những kỉ niệm đẹp của một thời tiểu học vẫn được lưu lại và gửi gắm những mong mỏi cho tương lai tốt đẹp ở phía trước*.

2.2. Nói và nghe

Chia sẻ được theo chủ đề *Điều em muốn nói*.

2.3. Viết

Luyện tập viết đoạn văn nêu lí do tán thành hoặc phản đối một hiện tượng, sự việc.

3. Vận dụng

Viết được lời chia tay gửi tới thầy cô, bạn bè hoặc một người làm việc ở trường.

Từ đó, góp phần hình thành các phẩm chất và năng lực chung.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Ti vi/ máy chiếu/ bảng tương tác; tranh ảnh SGK phóng to.
- Tranh, ảnh hoặc video clip về buổi học cuối cùng hoặc về cảnh học sinh chia tay nhau (nếu có).
- Bảng phụ/ máy chiếu ghi đoạn từ “Đã vào hạ” đến hết.

2. Học sinh

Tranh, ảnh về buổi học cuối cùng hoặc về cảnh học sinh chia tay (nếu có).

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

TIẾT 1

Đọc: Vào hạ

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (05 phút)		
– HS hoạt động nhóm nhỏ, chia sẻ cảm xúc của em về buổi học cuối cùng (có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh hoặc video clip đã chuẩn bị).	– Phối hợp với GV và bạn để thực hiện hoạt động.	

– HS chơi <i>Chuyền hoa</i> để chia sẻ kết quả trước lớp. – HS đọc tên bài kết hợp quan sát tranh minh họa, liên hệ với nội dung khởi động → phán đoán nội dung bài đọc. → Nghe GV giới thiệu bài học: “Vào hạ”.	– Nói thành câu, diễn đạt trọn vẹn ý, nội dung theo yêu cầu của GV. – Có kỹ năng phán đoán nội dung bài đọc dựa vào tên bài, hoạt động khởi động và tranh minh họa.	
---	--	--

B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP

1. Đọc (30 phút)

1.1. Luyện đọc (08 phút)

- HS nghe GV đọc mẫu.
- HS đọc nối tiếp từng đoạn hoặc toàn bài đọc, kết hợp nghe GV hướng dẫn trong nhóm hoặc trước lớp:
 - + Cách đọc một số từ ngữ khó (nếu có).
 - + Cách ngắt nghỉ một số câu dài:
 - *Thanh âm riu ra riu rít của trẻ thơ/ làm người ta liên tưởng đến/ đàn chim non sắp sửa ra ràng,/ bay tới những chân trời rộng mở.//;*
 - *Đám trẻ đã đi rất xa,/ nhưng tiếng nói cười của chúng như vẫn ở lại,/ rộn rã cả khung trời mùa hạ.//;...*
 - + Giải thích nghĩa của một số từ ngữ khó: *ra ràng* (chim non vừa mới đủ lông, đủ cánh, bắt đầu có thể bay ra khỏi tổ);...
 - + Bài đọc có thể chia thành ba đoạn để luyện đọc và tìm ý:
 - Đoạn 1: Từ đầu đến “những tán lá”.
 - Đoạn 2: Tiếp theo đến “vẫn chưa ngớt”.
 - Đoạn 3: Còn lại.
- HS nghe bạn và GV nhận xét.
- 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp.
- HS nghe GV nhận xét chung về hoạt động luyện đọc.

- Hình thành kỹ năng đọc thầm kết hợp với nghe, xác định chỗ ngắt, nghỉ, nhấn giọng,...
- Đọc to, rõ ràng, đúng các từ khó và ngắt nghỉ hơi đúng ở các câu dài.
- Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).

1.2. Tìm hiểu bài (14 phút)

- HS đọc thầm toàn bài, thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi, có thể trình bày kết quả bằng sơ đồ đơn giản.
- 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả tìm hiểu bài trước lớp:
 1. Trong đoạn văn đầu, cảnh núi rừng vào sáng sớm được tả đẹp như thế nào? (Gợi ý: *Vẻ đẹp của cảnh núi rừng vào sáng sớm: tiếng chim tô lốm tưng cánh của của màn đêm; ánh sáng xiên lên những sườn núi thành hình dải quạt; nắng rắt vàng lên những tán cây rải hoang; những chiếc mỏ nhỏ*

- Hợp tác với GV và bạn để trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài.
- Thông qua tìm hiểu bài, hiểu thêm nghĩa một số từ khó và hiểu nội dung bài.

và những cặp mắt tinh nhanh của loài sẻ rừng ẩn sau vòm lá; mỗi chú sẻ choàng lên vai và cổ một chiếc khăn màu đỏ bé xíu đang nhảy nhót, lấp loá trên những tán lá.) → Rút ra ý đoạn 1: <i>Vẻ đẹp của cảnh núi rừng vào buổi sáng sớm mùa hạ.</i> 2. Cách tả những chú ve và tiếng ve có gì thú vị? (Gợi ý: <i>Điểm thú vị trong cách tả những chú ve và tiếng ve: Một chú ve bắt đầu dạo đàn. Rồi chú thứ hai, thứ ba, thứ tư,... cùng hoà vào khúc tấu. Cứ như thế, những chú ve đắm mình trong bản giao hưởng mùa hè. → Đàn hợp xướng ve át cả tiếng chim, kéo dài đến trưa và trở lại vào cuối chiều. → Vì những chú ve như một giàn hợp xướng, mỗi chú ve cất cao tiếng hát, hoà điệu thành một bản giao hưởng mùa hè.</i>) → Rút ra ý đoạn 2: <i>Giàn nhạc giao hưởng mùa hạ của những chú ve.</i> 3. Thanh âm của trẻ thơ gợi cho tác giả liên tưởng tới điều gì? Vì sao? (Gợi ý: <i>Thanh âm của trẻ thơ gợi cho tác giả liên tưởng tới đàn chim non sắp sửa ra ràng, bay tới những chân trời mới. Vì sau mùa hè, những bạn nhỏ sẽ lên lớp Sáu, sẽ đến với những chân trời mới, nơi đó có những người thầy, người cô, những người bạn và những bài học thú vị đang chờ đợi các bạn.</i>) → Rút ra ý đoạn 3: <i>Những thanh âm của bọn trẻ khi buổi học cuối cùng khép lại.</i> 4. Theo em, tác giả muốn gửi gắm tình cảm, cảm xúc gì qua câu văn cuối bài? (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. VD: <i>Sau năm năm tiểu học, các bạn nhỏ đã có những tình cảm thân thiết, gắn bó với thầy cô, trường lớp,... dù mùa hè đã đến nhưng những thanh âm, tiếng nói cười vẫn rộn rã, vẫn ở lại như để lưu dấu những kỉ niệm tươi đẹp của một thời thơ ngây cắp sách đến trường.</i>) → Rút ra nội dung, ý nghĩa của bài đọc. – HS nghe bạn và GV nhận xét, bổ sung. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động tìm hiểu bài.		
1.3. Luyện đọc lại (08 phút) – HS trả lời một vài câu hỏi để nhớ lại nội dung chính của bài và xác định giọng đọc: + Bài đọc nói về điều gì? → <i>Toàn bài đọc với giọng thông thả, tha thiết.</i> + Cần nhấn giọng ở những từ ngữ nào? (Gợi ý: <i>Nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ đặc điểm, trạng thái và hoạt động của nhân vật.</i>)	– Xác định được giọng đọc trên cơ sở hiểu nội dung bài. – Biết nhấn giọng ở một số từ ngữ quan trọng.	

– HS nghe GV hoặc một bạn đọc lại đoạn từ “Đã vào hạ” đến hết: <i>Đã vào hạ.// Trời xanh <u>trong vắt</u>/ khiến ta có cảm tưởng/ có thể nhìn <u>tít tắp</u> vào vũ trụ không cùng.// Tiếng ve vẫn <u>chưa ngớt</u>.//</i> <i>Bên dốc núi,/ đám trẻ <u>trở về</u> bản sau buổi học cuối cùng.// Năm học đã <u>khép lại</u>.// Thanh âm riu ra riu rít của trẻ thơ/ làm người ta <u>liền tưởng</u> đến/ đàn chim non sắp sửa <u>ra ràng</u>,/ <u>bay tới</u> những chân trời rộng mở.// Đám trẻ đã đi rất xa,/ nhưng tiếng nói cười của chúng như vẫn <u>ở lại</u>,/ <u>rôn rã</u> cả khung trời mùa hạ.//</i> – HS luyện đọc lại đoạn từ “Đã vào hạ” đến hết trong nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ. – HS thi đọc đoạn đoạn từ “Đã vào hạ” đến hết trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – 1 – 2 HS khá, giỏi đọc lại toàn bài trước lớp. – HS nghe GV đánh giá chung về hoạt động luyện đọc lại.	– Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	
--	---	--

TIẾT 2

Nói và nghe: Chia sẻ theo chủ đề *Điều em muốn nói*

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
2. Nói và nghe (35 phút)		
2.1. Xác định chủ đề và đối tượng nói (05 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 1. – HS thảo luận nhóm đôi, trả lời các câu hỏi gợi ý: a. Mỗi bạn nói với ai? Nói điều gì? (Gợi ý: <i>Bạn Tùng nói lời cảm ơn đối với thầy cô, bạn Hoa nói sẽ nhớ Thu và những kỉ niệm của hai bạn.</i>) b. Theo em, người nghe sẽ có suy nghĩ, cảm xúc gì? (Gợi ý: <i>xúc động, bồi hồi,...</i>) – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét	Xác định đúng đối tượng nói, đối tượng nghe, yếu tố cảm xúc trong lời nói.	
2.2. Chia sẻ tình cảm, cảm xúc với trường lớp, thầy cô, bạn bè,... trước khi kết thúc năm học lớp Năm (25 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS hoạt động nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ, chia sẻ trong nhóm tình cảm, cảm xúc dựa vào gợi ý (có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh đã chuẩn bị):	– Phát triển kĩ năng học tập hợp tác; kĩ năng nói đơn thoại, nói thành bài	

a. Nhớ lại những kỉ niệm ở trường. b. Lựa chọn từ ngữ chỉ tình cảm, cảm xúc phù hợp: kính trọng, yêu mến, gắn bó, thân thiết, quen thuộc,... c. Nói về tình cảm, cảm xúc của em với trường lớp, thầy cô, bạn bè,...: kỉ niệm, tình cảm, cảm xúc, lời cảm ơn, lời chúc, lời hứa,... – HS chơi <i>Chuyển hoa</i> để chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	kết hợp sử dụng phương tiện hỗ trợ. – Chủ động, mạnh dạn, tự tin khi nói trong nhóm, trước lớp. – Phát triển kĩ năng kiểm soát tốc độ, âm lượng nói và sử dụng hiệu quả các yếu tố phi ngôn ngữ, cảm xúc phù hợp.	
2.2. Bình chọn bài nói giàu cảm xúc (05 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 3. – HS thảo luận nhóm nhỏ để bình chọn bài nói có nội dung giàu cảm xúc. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động	Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

TIẾT 3

Viết: Luyện tập viết đoạn văn nêu lí do tán thành hoặc phản đối một hiện tượng, sự việc (Bài viết số 2)

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP (tiếp theo)		
3. Viết (30 phút)		
3.1. Thực hành viết đoạn văn nêu lí do tán thành hoặc phản đối một hiện tượng, sự việc (15 phút) – HS đọc đề bài, xác định yêu cầu của BT 1. – HS đọc các gợi ý, nhớ lại các nội dung ở tiết trước, trả lời một vài câu hỏi để thực hiện hoạt động (có thể kết hợp quan sát hình ảnh, video clip): + Đoạn văn nêu lí do tán thành hoặc phản đối một hiện tượng, sự việc gồm mấy phần? + Em thể hiện ý kiến về hiện tượng, sự việc như thế nào ở câu mở đầu? + Ở các câu tiếp theo, em sử dụng lí do gì để bảo vệ ý kiến của mình? + Khi đưa ra lí do, em cần chọn lựa minh chứng thế nào cho thuyết phục? + Em có những suy nghĩ hoặc mong muốn gì trước sự việc? + ...	Viết được đoạn văn nêu lí do tán thành hoặc phản đối một hiện tượng, sự việc.	

– HS trao đổi trong nhóm đôi, làm bài vào VBT. – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS đọc lại đoạn văn, chỉnh sửa và hoàn thiện đoạn văn đã viết (nếu cần) dựa vào gợi ý: + Các lí do em đưa ra đã đủ sức thuyết phục hay chưa? + Các lí do đã được sắp xếp theo trình tự phù hợp hay chưa? + Đoạn văn có mắc lỗi dùng từ, viết câu, chính tả,... không? + ...		
3.2. Trưng bày bài viết (15 phút) – HS xác định yêu cầu của BT 3. – HS trưng bày bài làm theo kĩ thuật <i>Phòng tranh</i> vào <i>Góc học tập/ Góc sáng tạo/ Góc Tiếng Việt</i>. – HS tham quan, vẽ gương mặt cảm xúc vào thẻ màu và dán vào đoạn văn em thích. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	
C. VẬN DỤNG (05 phút)		
– HS xác định yêu cầu của hoạt động: <i>Viết lời chia tay gửi tới thầy cô, bạn bè hoặc một người làm việc ở trường.</i> – HS trao đổi trong nhóm nhỏ, có thể trả lời một số câu hỏi của GV: + Lời chia tay em sẽ gửi cho ai? + Kỷ niệm đáng nhớ của em với người đó là gì? + Em sẽ đáp lại lời dặn dò, mong đợi của người đó ra sao? + Lời hứa của em dành cho người đó là gì? + ... – HS viết lời chia tay, trang trí đơn giản dựa vào nội dung hoặc hình ảnh em thích (HS có thể thực hiện hoạt động ở nhà). – HS trưng bày bài làm bằng kĩ thuật <i>Phòng tranh</i>. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động, tổng kết bài học và chủ điểm.	– Viết được lời chia tay gửi tới thầy cô, bạn bè hoặc một người làm việc ở trường. – Nhận xét được sản phẩm của mình và của bạn.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

ÔN TẬP CUỐI NĂM HỌC

Tuần *Ôn tập cuối năm học* tiếp tục hướng đến việc bồi dưỡng phẩm chất *yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm*; rèn luyện và phát triển năng lực *tự chủ và tự học; giao tiếp và hợp tác; giải quyết vấn đề và sáng tạo* thông qua việc ôn luyện kiến thức tiếng Việt và các kĩ năng đọc, viết, nói nghe đã hình thành qua các chủ điểm “Khúc ca hoà bình” và “Chân trời rộng mở” kết hợp với kiểm tra, đánh giá cuối năm học.

TIẾT 1

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Ôn luyện đọc thành tiếng và đọc hiểu văn bản.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Phiếu cho HS bắt thăm đoạn đọc và câu hỏi.
- Tranh ảnh SGK phóng to, video clip ngắn về cảnh ngày bế giảng, cảnh các HS chia tay nhau (nếu có).

2. Học sinh

SGK.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (03 phút)		
– HS xem video clip ngắn cảnh ngày bế giảng, cảnh các HS chia tay nhau → chia sẻ cảm xúc của em. – HS nghe GV kết nối để giới thiệu bài ôn tập.	Cảm nhận và chia sẻ cảm xúc, liên tưởng gợi ra khi xem video clip.	
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Ôn luyện đọc thành tiếng và đọc hiểu (15 phút)		
– HS xác định yêu cầu của BT 1. – HS bắt thăm, đọc và trả lời câu hỏi trên phiếu đọc trong nhóm 4. – HS nghe bạn nhận xét phần đọc và trả lời câu hỏi trong nhóm nhỏ: + Đọc đoạn từ đầu đến “đã thành anh hết rồi” và trả lời câu hỏi: • Cảnh vật vào tháng Năm được tả bằng những từ ngữ, hình ảnh nào? (Đáp án: <i>Cảnh vật tháng Năm được tả bằng các từ ngữ, hình ảnh: nắng tháng Năm;</i>	– Ôn luyện kĩ năng đọc thành tiếng kết hợp với đọc hiểu. – Đọc to, rõ ràng, đúng nhịp thơ; giọng trong sáng, vui tươi; nhấn giọng các từ ngữ gợi tả. – Nhận xét được cách đọc của mình và của bạn, giúp nhau điều chỉnh sai sót (nếu có).	

<i>hoa phượng đỏ; sân trường nắng vàng; tiếng ve râm ran, rộn ràng; muôn vàn lá xanh xao động,...)</i> • Bạn nhỏ nhớ lại những gì trong ngày đầu vào lớp Một? Vì sao? (Đáp án: <i>Bạn nhỏ nhớ lại những hình ảnh, việc làm và cảm xúc trong ngày đầu vào lớp Một: mắt long lanh; theo chân mẹ; bước dọc hành lang vui; rất nhiều ngỡ ngàng. Vì đây là lần đầu tiên đi học, các bạn còn nhỏ, chưa quen với ngôi trường tiểu học; tuy nhiên, các bạn vẫn háo hức, cảm nhận được không khí tươi vui vì có nhiều niềm vui, nhiều điều mới mẻ,...)</i> + Đọc đoạn từ “Mới ngày nào” đến hết và trả lời câu hỏi: • Theo em, vì sao bạn nhỏ nói: “Năm năm, xa đã hoá gần/ Đã thành chị, đã thành anh hết rồi.”? (Gợi ý: HS trả lời theo suy nghĩ, cảm nhận riêng. VD: <i>Hai câu thơ diễn tả cảm xúc của bạn nhỏ – một học sinh lớp Năm khi nhớ về những kỉ niệm ngày đầu đi học với một chút băng khuâng khi chia tay ngôi trường tiểu học để bước vào một giai đoạn mới, một bậc học mới – trung học cơ sở.</i>) • Khi vào lớp Sáu, bạn nhỏ sẽ nhớ những gì ở trường tiểu học? Vì sao? (Gợi ý: <i>Khi vào lớp Sáu, bạn nhỏ sẽ nhớ bảng đen, nụ cười hồn nhiên của các bạn, nụ cười tươi của thầy cô giáo, nhớ khoảng trời xanh biếc và nhớ những vòng tay ấm nồng của bạn bè tại mái trường tiểu học. Vì bạn nhỏ rất yêu quý mái trường tiểu học, yêu quý thầy cô bạn bè ở trường tiểu học; vì trường tiểu học là “ngôi nhà thứ hai” – ở đây thầy cô, bạn bè gần gũi với bạn nhỏ thật gần gũi, thân thương như những người thân trong gia đình,...)</i> → Xác định giọng đọc toàn bài, nhịp thơ, từ ngữ cần nhấn giọng. – HS có thể đổi phiếu đọc cho bạn để tiếp tục ôn luyện (nếu còn thời gian). – 2 – 3 nhóm HS đọc và trả lời câu hỏi trước lớp.	– Hiểu nội dung bài đọc trên cơ sở trả lời câu hỏi đọc hiểu.	
--	---	--

→ Rút ra nội dung bài đọc: <i>Nỗi niềm băng khuâng, luyến tiếc của bạn nhỏ trong ngày bế giảng khi sắp phải chia tay thầy cô, bạn bè ở mái trường tiểu học thân thương để vào lớp Sáu.</i> – HS nghe GV và bạn nhận xét phần đọc và trả lời câu hỏi.		
2. Âm thanh, hình ảnh quen thuộc gọi ra từ bài thơ (12 phút)		
– HS xác định yêu cầu của BT 2a. – HS chia sẻ trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét, góp ý. – HS gấp máy bay giấy, ghi một hình ảnh và một âm thanh mà em thấy quen thuộc vào thân máy bay, phi máy bay để chia sẻ chung cả lớp. – HS xác định yêu cầu của BT 2b. – HS chia sẻ trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét, góp ý. (Gợi ý: <i>Sự thay đổi cảm xúc của bạn nhỏ: Từ bờ ngỡ, háo hức trong ngày đầu vào lớp Một – lớp đầu tiên của trường tiểu học đến tự tin và pha chút băng khuâng của học sinh lớp Năm – lớp cuối ở trường tiểu học trước khi chuẩn bị chia tay thầy cô, bạn bè...</i>) – 2 – 3 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả.	– Trao đổi được với bạn về những âm thanh, hình ảnh quen thuộc gọi ra từ bài thơ. – Tích cực tham gia trò chơi phi máy bay để tìm hiểu ý kiến của bạn.	
C. VẬN DỤNG (05 phút)		
– HS thi đọc thuộc lòng một khổ thơ em thích trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét kết quả. – HS nghe GV nhận xét tiết ôn tập.	Củng cố kỹ năng tự đánh giá và đánh giá bạn.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

TIẾT 2

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Ôn luyện về từ vựng.
2. Ôn luyện về điệp từ, điệp ngữ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Thẻ từ, thẻ câu để HS thực hiện các BT luyện từ và câu.
- Tranh, ảnh về đàn gà con, cánh đồng hoa cải, kén tằm, đồng lúa chín (nếu có)

2. Học sinh

Từ điển Tiếng Việt.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (05 phút)		
– GV cho HS quan sát tranh, ảnh về đàn gà con, cánh đồng hoa cải, kén tằm, đồng lúa chín. – HS chơi trò chơi <i>Đuổi hình bắt chữ</i> để tìm từ ngữ tả màu sắc phù hợp với từng hình. – HS nghe GV kết nối để giới thiệu bài ôn tập.	Tìm được từ ngữ phù hợp với hình gợi ý.	
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Ôn luyện về từ vựng (15 phút)		
– HS xác định yêu cầu của BT 1. – HS thảo luận nhóm theo kĩ thuật <i>Khăn trải bàn</i> để thực hiện yêu cầu, làm bài vào VBT (Gợi ý: <i>vàng mượt, vàng rực, vàng óng, vàng thơm</i>). – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS thảo luận nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để thực hiện yêu cầu, làm bài vào VBT (HS có thể sử dụng từ điển Tiếng Việt để tra nghĩa của từ). (Gợi ý: <i>a. Từ “xuân” trong câu “Mùa xuân là Tết trồng cây” mang nghĩa gốc: chỉ một mùa trong năm, chuyển tiếp từ đông sang, thời tiết lúc này sẽ ấm dần lên và là mùa đầu tiên của một năm; Từ “xuân” trong câu “Làm cho đất nước càng ngày càng xuân.” Mang nghĩa chuyển: chỉ sự tươi đẹp, giàu có, tươi mới của đất nước.</i> <i>b. Từ “xuân” mang nghĩa thuộc về tuổi trẻ, được xem là thời điểm tươi đẹp, tràn đầy sức sống: thanh xuân.</i> <i>c. Từ “xuân” mang nghĩa gốc: Mùa xuân đến, trăm hoa đua nở; từ “xuân” mang nghĩa chuyển: Cô ấy năm nay chỉ mới hai mươi xuân.)</i>	– Hiểu được nghĩa của từ ngữ, đặt được câu để phân biệt nghĩa của từ. – Củng cố kĩ năng tự đánh giá và đánh giá bạn.	

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.		
2. Ôn luyện về điệp từ, điệp ngữ (10 phút)		
– HS xác định yêu cầu của BT 3. – HS làm bài vào VBT. (Đáp án: <i>a. “Viết từ”: liệt kê và nhấn mạnh.</i> <i>b. “thơm”: nhấn mạnh.</i>) – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.	– Tìm và nêu được tác dụng của điệp từ, điệp ngữ trong mỗi đoạn thơ, đoạn văn. – Cùng cố kĩ năng tự đánh giá và đánh giá bạn.	
C. VẬN DỤNG (05 phút)		
– HS hoạt động trong nhóm nhỏ, kể tên những đồ vật trong tên có nghĩa chuyển của những từ sau: lưỡi, cổ, lưng. (Gợi ý: <i>Lưỡi: lưỡi cây, lưỡi cưa, lưỡi rìu, ...; Cổ: cổ chai, cổ tay áo, cổ bình, ...; Lưng: lưng áo, lưng ghế, ...</i>) – HS chơi <i>Truyền điện</i> để thi kể tên đồ vật trước lớp. – HS nghe GV nhận xét tiết ôn tập.	– Kể được tên đồ vật theo yêu cầu. – Cùng cố kĩ năng tự đánh giá và đánh giá bạn.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

TIẾT 3

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Ôn luyện về liên kết câu trong đoạn văn.
2. Ôn luyện về câu đơn, câu ghép.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

- Thẻ từ, thẻ câu để HS thực hiện các BT luyện từ và câu.
- Hình ảnh về một lễ hội truyền thống của nước ta.

2. Học sinh

SGK.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH												
A. KHỞI ĐỘNG (05 phút)														
– GV cho HS quan sát hình ảnh về một lễ hội truyền thống của nước ta. – HS đặt câu ghép nói về nội dung của hình ảnh đã quan sát, trong câu có dùng kết từ hoặc cặp kết từ để liên kết các câu trong đoạn văn. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – HS nghe GV kết nối để giới thiệu bài ôn tập.	Đặt được câu ghép theo yêu cầu.													
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP														
1. Ôn luyện về liên kết câu trong đoạn văn (10 phút)														
– HS xác định yêu cầu của BT 1. – HS thảo luận nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để thực hiện yêu cầu, làm bài vào VBT. (Gợi ý: a. Thay bằng các từ ngữ: khi – Bữa tiệc – Đây – khi – Ngoài ra. b. Các cách liên kết câu đã sử dụng: lập từ ngữ “khi, Bữa tiệc”, thay thế từ ngữ “Đây” (thay cho “Lễ hội búp-phê cho khi”), dùng từ ngữ nối “ngoài ra”.) – 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét.	– Chọn được từ ngữ phù hợp để liên kết các câu trong đoạn văn. – Củng cố kĩ năng tự đánh giá và đánh giá bạn.													
2. Ôn luyện về câu đơn và câu ghép (15 phút)														
– HS xác định yêu cầu của BT 2. – HS thảo luận nhóm đôi hoặc nhóm nhỏ để thực hiện yêu cầu, làm bài vào VBT. Gợi ý: <table><tr><th></th><th>Dùng dấu phẩy</th><th>Dùng kết từ</th><th>Dùng cặp kết từ</th></tr><tr><td>Trời nắng. Hoa giấy nở rực rỡ.</td><td>Trời nắng, hoa giấy nở rực rỡ.</td><td>Trời nắng nên hoa giấy nở rực rỡ.</td><td>Do trời nắng nên hoa giấy nở rực rỡ.</td></tr><tr><td>Gió thổi mạnh. Lá cây rụng nhiều.</td><td>Gió thổi mạnh, lá cây rụng nhiều.</td><td>Gió thổi mạnh nên lá cây rụng nhiều.</td><td>Vì gió thổi mạnh nên lá cây rụng nhiều.</td></tr></table>		Dùng dấu phẩy	Dùng kết từ	Dùng cặp kết từ	Trời nắng. Hoa giấy nở rực rỡ.	Trời nắng, hoa giấy nở rực rỡ.	Trời nắng nên hoa giấy nở rực rỡ.	Do trời nắng nên hoa giấy nở rực rỡ.	Gió thổi mạnh. Lá cây rụng nhiều.	Gió thổi mạnh, lá cây rụng nhiều.	Gió thổi mạnh nên lá cây rụng nhiều.	Vì gió thổi mạnh nên lá cây rụng nhiều.	– Ghép được hai câu đơn thành câu ghép theo yêu cầu. – Củng cố kĩ năng tự đánh giá và đánh giá bạn.	
	Dùng dấu phẩy	Dùng kết từ	Dùng cặp kết từ											
Trời nắng. Hoa giấy nở rực rỡ.	Trời nắng, hoa giấy nở rực rỡ.	Trời nắng nên hoa giấy nở rực rỡ.	Do trời nắng nên hoa giấy nở rực rỡ.											
Gió thổi mạnh. Lá cây rụng nhiều.	Gió thổi mạnh, lá cây rụng nhiều.	Gió thổi mạnh nên lá cây rụng nhiều.	Vì gió thổi mạnh nên lá cây rụng nhiều.											

– 1 – 2 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét. – HS xác định yêu cầu của BT 3. – HS hoạt động nhóm theo kĩ thuật <i>Mảnh ghép</i> để thực hiện yêu cầu, làm bài vào VBT. (Gợi ý: <i>Nam và bố cùng nhau đạp xe đi dạo; Các bạn nam chơi đá cầu còn các bạn nữ thì chơi nhảy dây; ánh nắng càng chói chang, hoa hướng dương càng nở rực rỡ.</i>) – 2 – 3 nhóm HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe bạn và GV nhận xét, đánh giá hoạt động.		
C. VẬN DỤNG (05 phút)		
– HS hoạt động nhóm nhỏ, viết đoạn văn 3 – 4 câu về một kỉ niệm đẹp của em trong năm học lớp Năm, có sử dụng từ ngữ để liên kết các câu trong đoạn văn. – 1 – 2 HS chia sẻ kết quả trước lớp. – HS nghe GV nhận xét tiết ôn tập.	– Viết được đoạn văn theo yêu cầu. – Cùng cố kĩ năng tự đánh giá và đánh giá bạn.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

TIẾT 4

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Ôn luyện viết đoạn văn bày tỏ tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện mà em đã học ở lớp Năm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

Tranh, ảnh về một câu chuyện đã học ở lớp Năm (nếu có).

2. Học sinh

- Tranh, ảnh về một câu chuyện đã học ở lớp Năm (nếu có).
- Giấy dán hình trái tim.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (02 phút)		
– HS chia thành hai nhóm lớn, thi kể tên các câu chuyện đã học ở lớp Năm.	Kể được tên các câu chuyện đã học ở lớp	

– HS nghe GV kết nối để giới thiệu bài ôn tập.	Năm để kết nối với nội dung bài.	
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Ôn luyện viết đoạn văn bày tỏ tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện (25 phút)		
– HS đọc đề bài và các gợi ý. – HS trả lời một vài câu hỏi gợi ý trong nhóm hoặc trước lớp để tìm ý (có thể kết hợp sử dụng tranh, ảnh đã chuẩn bị): + Giới thiệu và nêu cảm nhận chung về câu chuyện em chọn: tên câu chuyện, tên tác giả,... + Em chọn người, vật, việc,... nào để dẫn vào câu chuyện? + Câu chuyện có những tình tiết nào tạo được sự bất ngờ? + Câu chuyện có những từ ngữ miêu tả hoặc lời thoại nào khiến em ấn tượng? + Em có suy nghĩ, cảm xúc gì về câu chuyện? + ... – HS làm bài vào VBT. – HS chia sẻ bài làm trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét để chỉnh sửa bài viết.	– Viết được đoạn văn bày tỏ tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện mà em đã học ở lớp Năm. – Tự đánh giá và đánh giá bài viết của bạn theo các theo chỉ của GV.	
2. Chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết (05 phút)		
HS chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết dựa vào nhận xét.	Củng cố kỹ năng tự đánh giá.	
C. VẬN DỤNG (03 phút)		
– HS trưng bày bài viết ở <i>Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt</i>. – HS dán giấy dán hình trái tim vào bài viết mình yêu thích. – HS nghe GV nhận xét tiết ôn tập.	Chọn được hình thức phù hợp để động viên, khuyến khích HS viết tốt.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

TIẾT 5

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Ôn luyện viết bài văn tả người.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

1. Giáo viên

Tranh, ảnh hoặc video clip về một người làm việc ở trường (nếu có).

2. Học sinh

- Tranh, ảnh về một người làm việc ở trường mà em quý mến (nếu có).
- Giấy dán hình ngôi sao.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC	YÊU CẦU CẦN ĐẠT	ĐIỀU CHỈNH
A. KHỞI ĐỘNG (02 phút)		
– HS quan sát tranh, ảnh hoặc video clip về một người làm việc ở trường mà em quý mến, chia sẻ về một kỉ niệm đẹp giữa em với người đó. – HS nghe GV kết nối để giới thiệu bài ôn tập.	Nhớ lại và chia sẻ được về một kỉ niệm của em với một người làm việc ở trường để kết nối với bài học.	
B. KHÁM PHÁ VÀ LUYỆN TẬP		
1. Ôn luyện viết bài văn tả người (25 phút)		
– HS xác định yêu cầu đề bài và quan sát các gợi ý. – HS trả lời một vài câu hỏi gợi ý trong nhóm hoặc trước lớp để nhớ lại về người làm việc ở trường mà em quý mến: + Em chọn tả người nào? + Người đó có những đặc điểm gì nổi bật về ngoại hình? + Hoạt động, tính cách của người đó có gì đáng chú ý? + Tình cảm, cảm xúc của em với người đó như thế nào? + ... (Lưu ý: GV khuyến khích HS chọn lựa từ ngữ gợi tả, hình ảnh so sánh phù hợp và trình tự, thời điểm quan sát phù hợp để mở rộng, phát triển ý.) – HS làm bài vào VBT. – HS chia sẻ bài làm trong nhóm đôi, nghe bạn nhận xét để chỉnh sửa, hoàn thành bài viết.	– Viết được bài văn tả một người làm việc ở trường mà em quý mến. – Tự đánh giá và đánh giá bài viết của bạn theo các theo chỉ của GV.	

2. Chỉnh sửa, hoàn thiện chương trình (05 phút)		
HS chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết dựa vào nhận xét.	Củng cố kỹ năng tự đánh giá.	
C. VẬN DỤNG (03 phút)		
– HS trưng bày chương trình đã viết ở <i>Góc sáng tạo/ Góc sản phẩm/ Góc Tiếng Việt</i>. – HS dán giấy dán hình ngôi sao vào bài viết mình yêu thích. – HS nghe GV nhận xét tiết ôn tập.	Chọn được hình thức phù hợp để động viên, khuyến khích HS viết tốt.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY

.....

.....

.....

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc NGUYỄN TIẾN THANH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Tổ chức và chịu trách nhiệm bản thảo:

Phó Tổng biên tập NGUYỄN VĂN TÙNG

Giám đốc Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định TRẦN THỊ KIM NHUNG

Biên tập nội dung: NGUYỄN TÔ TƯỜNG VY

Trình bày bìa: NGUYỄN MẠNH HÙNG

Sửa bản in: NGUYỄN TÔ TƯỜNG VY

Chế bản: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

**Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
và Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định.**

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định.

KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 5, TẬP HAI

(Hỗ trợ giáo viên thiết kế kế hoạch bài dạy theo sách giáo khoa Tiếng Việt 5 – Bộ sách Chân trời sáng tạo)

Mã số:

In bản, (QĐ in số) khổ 19 x 26,5 cm

Đơn vị in:

Địa chỉ:

Số ĐKXB:

Số QĐXB:, ngày tháng năm 20...

In xong và nộp lưu chiểu tháng năm 20...

Mã số ISBN: Tập 1:

Tập 2: